

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

Vũ Văn Thuận

**ĐỔI MỚI KINH TẾ HỢP TÁC XÃ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT
TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỪ 1986 ĐẾN 2015**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH LỊCH SỬ

Đà Lạt, năm 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

Vũ Văn Thuận

**ĐỔI MỚI KINH TẾ HỢP TÁC XÃ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT
TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỪ 1986 ĐẾN 2015**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH LỊCH SỬ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9.22.90.13

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

- 1. PGS.TS. Hà Minh Hồng**
- 2. TS. Ngô Xuân Trường**

Đà Lạt, năm 2021

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	v
LỜI CẢM ƠN	vi
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU TRONG LUẬN ÁN.....	vii
DANH MỤC CÁC BIỂU TRONG LUẬN ÁN.....	viii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	ix
TÓM TẮT	x
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	5
4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu	6
5. Đóng góp khoa học của luận án.....	9
6. Bố cục của luận án	10
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI.....	11
1.1. Một số khái niệm có liên quan đến kinh tế hợp tác xã.....	11
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài.....	14
<i>1.2.1. Nhóm nghiên cứu về kinh tế thị trường và quá trình đổi mới kinh tế hợp</i> <i>tác xã ở Việt Nam</i>	<i>14</i>
<i>1.2.2. Nhóm nghiên cứu về kinh tế và đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố</i> <i>Hồ Chí Minh</i>	<i>27</i>
<i>1.2.3. Nhóm nghiên cứu của tác giả nước ngoài về kinh tế thị trường, đổi</i> <i>mới, hợp tác xã có liên quan đến đề tài</i>	<i>34</i>
<i>1.2.4. Nhận xét đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu</i>	<i>40</i>
CHƯƠNG 2. GIAI ĐOẠN ĐẦU ĐỔI MỚI KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG (1986-2002)	44
2.1. Thực trạng sự phát triển hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1986.....	44

2.1.1. Hợp tác xã nông nghiệp	44
2.1.2. Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp	49
2.1.3. Hợp tác xã mua bán, tín dụng, vận tải	51
2.2. Chủ trương của Thành phố Hồ Chí Minh về đổi mới kinh tế hợp tác xã.....	53
2.3. Bước đầu đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh (1986-2002).....	60
2.3.1. Bước đầu hình thành những hợp tác xã kiểu mới	60
2.3.2. Đổi mới hoạt động của hợp tác xã	66
2.3.2.1. Hợp tác xã hoạt động đa dạng trong các lĩnh vực kinh tế nhưng còn nhiều khó khăn.....	68
2.3.2.2. Các hợp tác xã đang dần mở rộng hoạt động theo hướng đa dạng các ngành nghề kinh doanh	73
2.3.2.3. Hoạt động của hợp tác xã đã bước đầu hướng đến lợi ích thành viên hợp tác xã	77
2.4. Hiệu quả đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh đoạn 1986-2002	81
2.4.1. Hiệu quả kinh tế	81
2.4.2. Hiệu quả về xã hội.....	85
CHƯƠNG 3. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN 2002-2015	88
3.1. Những yếu tố tác động đến quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm đầu thế kỷ XXI	88
3.1.1. Sự gia tăng dân số và lao động	88
3.1.2. Sự gia tăng kết nối giao thương của Thành phố Hồ Chí Minh với các vùng kinh tế thị trường trong và ngoài nước	89
3.1.3. Tăng trưởng kinh tế ngày càng lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh	89

3.1.4. <i>Chủ trương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể</i>	90
3.1.5. <i>Ban hành Luật Hợp tác xã (sửa đổi) năm 2003</i>	91
3.1.6. <i>Kết quả quá trình đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác xã đến năm 2002</i>	92
3.2. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thiện về chủ trương, đường lối phát triển kinh tế hợp tác xã	93
3.3. Tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	100
3.3.1. <i>Các hợp tác xã kiểu mới ra đời và phát triển nhanh về số lượng</i>	100
3.3.2. <i>Cơ cấu tổ chức mới của hợp tác xã đã hình thành</i>	107
3.3.3. <i>Hoạt động của hợp tác xã</i>	111
3.3.3.1. <i>Hợp tác xã tiếp tục hoạt động đa dạng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội</i>	111
3.3.3.2. <i>Hợp tác xã tiếp tục phát triển đa ngành và tham gia vào chuỗi giá trị</i>	118
3.3.3.3. <i>Mở rộng quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế là hướng hoạt động mới</i>	122
3.3.3.4. <i>Hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã ngày càng tăng</i> ...	125
3.4. Hiệu quả của quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã giai đoạn 2002-2015	128
3.4.1. <i>Hiệu quả kinh tế rộng mở</i>	128
3.4.2. <i>Tác động to lớn về xã hội</i>	133
CHƯƠNG 4. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ 1986 ĐẾN 2015	136
4.1. Đặc điểm và vai trò của quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã	136
4.1.1. <i>Tính tất yếu đổi mới của kinh tế hợp tác xã</i>	136
4.1.2. <i>Sự phát triển của hợp tác xã ngày càng phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>	139

4.1.3. Những đổi mới căn bản của kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	143
4.1.4. Vai trò của hợp tác xã	149
4.1.5. Xu hướng phát triển của các hợp tác xã ở Thành phố.....	152
4.2. Những tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế hợp tác xã.....	153
4.2.1. Số hợp tác xã thành lập mới chưa nhiều, hiệu quả hoạt động còn hạn chế.....	153
4.2.2. Hợp tác xã phát triển chưa đồng đều ở các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế	156
4.2.3. Lực lượng lao động chưa lớn, thu nhập thường xuyên của người lao động trong hợp tác xã còn thấp.....	156
4.2.4. Trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế	158
4.2.5. Hợp tác xã còn khó khăn trong việc huy động vốn	158
4.2.6. Nhận thức của xã viên về hợp tác xã chưa đầy đủ.....	161
4.3. Bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế hợp tác xã	164
KẾT LUẬN	169
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	177
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	178
PHỤ LỤC	

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu sưu tầm, thống kê của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Một số luận điểm của luận án được kế thừa và có trích nguồn đúng quy định.

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2021

Tác giả luận án

Vũ Văn Thuận

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện và hoàn thành chương trình đào tạo nghiên cứu sinh cũng như luận án này, tôi đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ cũng như sự quan tâm, động viên từ nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân. Tôi biết ơn tất cả những tập thể và cá nhân đã luôn giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và thực hiện Luận án.

Trước hết, Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn vô cùng sâu sắc đến các thầy hướng dẫn, PGS.TS. Hà Minh Hồng và TS. Ngô Xuân Trường đã luôn theo sát và tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện Luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn toàn thể quý thầy cô trường Đại học Đà Lạt, đặc biệt Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, Khoa Lịch sử đã hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện Luận án.

Tôi xin trân thành cảm ơn quý thầy cô trong trường Đại học Đồng Nai, đặc biệt Tiến sĩ Phạm Văn Thanh - Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng đã tạo điều kiện và động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện Luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các cơ quan, đoàn thể tại Thành phố Hồ Chí Minh như: Cục thống kê, Liên minh hợp tác xã, Thành ủy, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cùng tập thể lãnh đạo các hợp tác xã trên địa bàn Thành phố đã tạo điều kiện cung cấp tài liệu để tôi hoàn thành Luận án.

Cuối cùng, tôi xin dành tất cả sự yêu thương và lời cảm ơn tới gia đình, bố mẹ, các anh chị em, người thân, bạn bè, đồng nghiệp luôn đồng hành và động viên tôi vượt qua khó khăn để hoàn thành Chương trình đào tạo và Luận án.

Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU TRONG LUẬN ÁN

Bảng 2.1: Số lượng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp qua các năm.....	44
Bảng 2.2: Diện tích đất nông nghiệp được tập thể hóa qua các năm.....	45
Bảng 2.3: Tổng số lao động nông nghiệp hợp tác hóa trong tổng lao động tập thể và cá thể.....	46
Bảng 2.4: Giá trị tổng sản lượng ngành trồng trọt phân theo thành phần kinh tế (Theo tỷ giá cố định năm 1970).....	47
Bảng 2.5: Cơ sở và lao động trong các tổ chức lao động tập thể (HTX và Tổ sản xuất) đối với ngành kinh tế tiểu thủ công nghiệp.....	49
Bảng 2.6: Năng xuất lao động tiểu thủ công nghiệp trong kinh tế tập thể	50
Bảng 2.7: Giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (theo giá cố định 1970).....	51
Bảng 2.8: Những thành quả về kinh tế xã hội của HTX liên phường 1 và 3.....	62
Bảng 2.9: Số lượng HTX chia theo lĩnh vực kinh tế trong các năm 1987, 1996 và 2002	65
Bảng 2.10: Tình hình chia lãi trên vốn góp của xã viên ở HTX thương mại Quận 5 từ năm 1999-2002.	80
Bảng 3.1: Số lượng HTX, liên hiệp HTX qua các năm	101
Bảng 3.2: Số lượng hợp tác xã chia theo ngành nghề (loại hình) qua các năm.....	102
Bảng 3.3: Tổng thu và chi lương của HTX vệ sinh môi trường Liên minh.....	106
Bảng 3.4: Khối lượng hàng hóa được vận chuyển của hợp tác xã so với các thành phần kinh tế khác qua các năm từ 2012 đến 2015	116
Bảng 4.1: Số lượng HTX so với các loại hình doanh nghiệp qua một số năm.....	154
Bảng 4.2: Phân bố số lượng HTX trong các ngành kinh tế đến năm 2015	156

DANH MỤC CÁC BIỂU TRONG LUẬN ÁN

Biểu 3.1: Số lượng HTX, liên hiệp HTX qua các năm.....	128
Biểu 3.2: Quy mô vốn hoạt động và tổng giá trị tài sản của các HTX qua các năm	129
Biểu 4.1: Lao động trong HTX so với các loại hình doanh nghiệp	157
Biểu 4.2: Vốn của HTX so với các loại hình doanh nghiệp qua các năm.....	160

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CP	- Chính phủ
CT	- Chỉ thị
QĐ	- Quyết định
HTX	- Hợp tác xã
NQ	- Nghị quyết
KTTT	- kinh tế tập thể
NCUI	- Liên đoàn HTX quốc gia Ấn Độ
NXB	- Nhà xuất bản
TT	- Thông tri
TW	- Trung ương
UBND	- Ủy ban Nhân dân
BC	- Báo cáo
TU	- Thành ủy
KH	- Kế hoạch
XHCN	- Xã hội chủ nghĩa

TÓM TẮT

Hợp tác xã là một hình thức chủ yếu của kinh tế tập thể - một thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Phát triển kinh tế tập thể đã trở thành chủ trương xuyên suốt, nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ năm 1986, xác định rõ vai trò và tầm quan trọng đó, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động có những chính sách hỗ trợ ban đầu về cơ sở vật chất, pháp lý và chuyển đổi phương hướng sản xuất kinh doanh. Mười năm đầu sau đổi mới, việc phát triển hợp tác xã gặp nhiều khó khăn do chuyển đổi cơ chế chính sách từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1996, khi Luật Hợp tác xã ra đời, đã tạo cơ sở pháp lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các hợp tác xã trên nhiều lĩnh vực kinh tế. Trên cơ sở đó, Thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm hơn đến sự phát triển của các hợp tác xã. Các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề về hợp tác xã được xây dựng, các chính sách cụ thể về hợp tác xã được hình thành. Nhờ đó, hơn 30 năm qua, các hợp tác xã đã từng bước phục hồi và phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh tế, trở thành một thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế của Thành phố. Hàng loạt hợp tác xã kiểu mới đã hình thành. Cơ cấu tổ chức hợp tác xã từng bước đổi mới và hoàn thiện. Hoạt động của hợp tác xã ngày càng đa dạng, hướng đến lợi ích của thành viên. Hiệu quả kinh tế - xã hội của kinh tế hợp tác xã ngày càng tăng. Số lượng hợp tác xã khôi phục và tăng dần qua các năm. Kinh tế hợp tác xã có đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố. Ngoài ra, các hợp tác xã còn góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân Thành phố. Sự phát triển của hợp tác xã đang ngày càng phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới.

SUMMARY

Cooperatives are a major form of collective economy - an important economic component in the market economy. Collective economic development has become a consistent and consistent policy of the Party and State of Vietnam in the period of transition to socialism. Since 1986, clearly defining that role and importance, the Party Committee of Ho Chi Minh City has proactively had initial support policies in terms of material facilities, legal status and the change of production and business direction. In the first ten years after the renovation, the development of the cooperative met many difficulties due to the transformation of the policy mechanism from a centrally planned, subsidized economy to a market economy and socialist orientation. Since 1996, when the Law on Cooperatives was enacted, it created a legal basis, contributing to promoting the development of cooperatives in many economic fields. On that basis, Ho Chi Minh City paid more attention to the development of cooperatives. Thematic directives and resolutions on cooperatives are formulated, and specific policies on cooperatives are formed. As a result, over the past 30 years, the cooperatives have gradually recovered and developed in many economic fields, becoming an economic component in the economic structure of the City. A series of new-style cooperatives has been formed. The organizational structure of the cooperative is step by step reformed and completed. Activities of cooperatives are increasingly diversified, towards the interests of members. As a result, the socio-economic efficiency of the cooperative economy is increasing. The number of cooperatives has been restored and gradually increased over the years. Cooperative economy has contributed increasingly to the economic growth of the City. In addition, the cooperatives also make an important contribution in creating jobs, increasing income, and improving the lives of people in the city. The development of the cooperative is increasingly consistent with the general development trend of the country and the world.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hợp tác xã (HTX) là một hình thức chủ yếu của kinh tế tập thể - một thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Kinh tế HTX góp phần tạo thu nhập ổn định cho người lao động, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội vươn lên trong cuộc sống, góp phần cùng với nhà nước thực hiện các chính sách xã hội... Do đó, phát triển kinh tế HTX ở Việt Nam nói chung, Thành phố Hồ Chí Minh luôn được coi là nhiệm vụ xuyên suốt, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, đáp ứng được yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước đề ra theo Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011): *“Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”*.

Có vai trò quan trọng nhưng sự phát triển của HTX ở Việt Nam nói chung, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trước năm 1986 chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Suốt 10 năm đầu sau thống nhất đất nước, kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX đã hình thành phòng trào lớn mạnh với số lượng hợp tác xã lớn, thu hút đại bộ phận nông dân tham gia nhưng hiệu quả kinh tế-xã hội không cao, đời sống xã viên rất khó khăn. Xã viên ít gắn bó với HTX. Từ thực trạng đó, vấn đề đổi mới trong xây dựng và phát triển HTX là cần thiết.

Đổi mới và phát triển kinh tế HTX nằm trong đường lối đổi mới chung của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước tình hình đất nước ngày càng khó khăn, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam. Đường lối đổi mới đó là kết quả của sự khảo nghiệm thực tiễn và đổi mới tư duy lý luận, là bước phát triển có ý nghĩa cách mạng trong nhận thức và hành động của Đảng với những chủ trương, đường lối mang tính đột phá.

Sau hơn 30 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam đã đổi mới thành công từ nền kinh tế kế hoạch tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành tựu to lớn. Việt Nam dần thoát khỏi tình trạng kém phát triển, hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quá trình đổi mới và phát triển của kinh tế HTX trong thời gian qua là một trong những thành tựu quan trọng.

Cùng cả nước bước vào công cuộc đổi mới, Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong công cuộc đổi mới nói chung và trong lĩnh vực kinh tế HTX nói riêng. Những năm đầu sau chiến tranh, thống nhất đất nước, Thành phố Hồ Chí Minh phải đối mặt với nhiều khó khăn như: thiếu nguyên liệu, thiếu hàng hóa, sản xuất lạc hậu, đời sống khó khăn. Cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sớm bộc lộ những hạn chế, đẩy nền kinh tế của Thành phố được mệnh danh là “hòn ngọc Viễn Đông” vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Khủng hoảng kinh tế kéo theo nguy cơ khủng hoảng niềm tin của nhân dân vào chế độ xã hội. Những biến động xã hội cũng ngày càng phức tạp nhất là tình trạng vượt biên, vấn đề người Hoa và các thế lực thù địch trong và ngoài nước ra sức quấy phá. Ngoài ra, những khó khăn về thiên tai, cấm vận, thất nghiệp... cũng là những mối lo ngại lớn cho Thành phố. Tuy nhiên, sự năng động của Thành phố Hồ Chí Minh đã hình thành nên khí thế phát triển mới, nhiều cuộc “xé rào” đã diễn ra. Hàng loạt mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến xuất hiện góp phần rất lớn vào công cuộc đổi mới sau này như: Công ty bột giặt miền Nam Viso, Xí nghiệp thuốc lá Vĩnh Hội, Nhà máy bia Sài

Gòn, dệt Thành Công, dệt Thăng Lợi, dệt Phong Phú... Những dệt phá về kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần vào việc đặt những cơ sở thực tiễn và lý luận quan trọng, góp phần hình thành đường lối đổi mới toàn diện đất nước sau này.

Một trong những thành tựu quan trọng trong quá trình đổi mới kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh là phát huy được vai trò của kinh tế tập thể mà trọng tâm là kinh tế HTX. Những HTX từ chỗ bị động, phụ thuộc vào kế hoạch của Nhà nước, không có động lực phát triển đã trở thành những HTX hoàn toàn chủ động về vốn, cách thức đầu tư và phân phối sản phẩm, đặc biệt đã bước đầu xem lợi ích của thành viên là thước đo cho sự phát triển. Các nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX cơ bản đã được nhìn nhận và tôn trọng. HTX mới xuất hiện, đã thực sự trở thành một thành phần kinh tế quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố. HTX ngày càng thể hiện vai trò tích cực hơn đối với sự phát triển kinh tế của thành viên. Nghiên cứu quá trình đổi mới kinh tế HTX từ 1986 đến 2015 góp phần chỉ ra những bài học kinh nghiệm cho Thành phố và các địa phương có điều kiện tương đồng tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa kinh tế HTX.

Có thể nói, nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1986 đến 2015, là góp phần hệ thống lại lý luận và thực tiễn sự phát triển kinh tế HTX. Những bài học về sự thành công, thiếu sót của Thành phố trong quá trình xây dựng, phát triển và đổi mới kinh tế HTX là rất quan trọng. Nó không những ảnh hưởng đến sự phát triển của Thành phố mà còn tác động cộng hưởng không nhỏ đến các địa phương và ngược lại. Từ những lý do trên, tôi chọn đề tài “Đổi mới kinh tế hợp tác xã trong quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2015” làm luận án nghiên cứu sinh ngành Lịch sử.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu quá trình đổi mới, phát triển của kinh tế HTX trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh để góp phần khẳng định một số nội dung sau:

- Kinh tế hợp tác là tất yếu, là thành phần kinh tế cơ bản, truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, Việt Nam nói chung.

- Kinh tế hợp tác ở một thành phố lớn – thành phố công nghiệp, dịch vụ nhưng HTX vẫn luôn có vị trí, vai trò quan trọng.

- Góp phần làm cơ sở khoa học để bổ sung, hoàn chỉnh chính sách về kinh tế, nhất là chính sách đối với sự phát triển của kinh tế tập thể, trọng tâm là hợp tác xã.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, đề tài có những nhiệm vụ cơ bản như sau: 1/ Nghiên cứu quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 1986-2002. Đây là giai đoạn mà kinh tế HTX ở Thành phố cơ bản có nhiều biến động, suy giảm cả về số lượng, chất lượng, người dân mất niềm tin vào kinh tế HTX; 2/ Nghiên cứu quá trình tiếp tục đổi mới của kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2002-2015. Đây là giai đoạn kinh tế HTX có sự phục hồi và phát triển. Cơ quan Nhà nước các cấp dành nhiều sự quan tâm hơn đến kinh tế HTX, đặc biệt sự ra đời của Nghị quyết 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “*Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*”, đã tạo động lực cho kinh tế HTX phát triển trên cả nước, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh; 3/ Nhận xét, đánh giá quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 2002 đến 2015 và rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho sự

phát triển của kinh tế HTX trong thời gian tới trên địa bàn Thành phố và một số địa phương có điều kiện tương đồng.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là đổi mới kinh tế HTX trong quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2015, trong đó tập trung vào một số nội dung chính là: Quá trình triển khai thực hiện về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước các cấp ở Thành phố về phát triển kinh tế HTX cho phù hợp với điều kiện thực tiễn; Các HTX kiểu mới ra đời và phát triển; Cơ cấu tổ chức của HTX kiểu mới và một số nội dung trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Về thời gian: từ khi thực hiện công cuộc đổi mới năm 1986 đến năm 2015 và được chia thành 2 giai đoạn nghiên cứu:

- Giai đoạn 1986-2002, là quá trình điều chỉnh và bước đầu hình thành HTX kiểu mới. Trong đó mốc năm 1986 được chọn là mốc thời gian mở đầu cho cả quá trình đổi mới kinh tế HTX đến 2015 cũng như giai đoạn thứ nhất vì đây là thời điểm đánh dấu cho sự mở đầu trong công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh cũng không ngoại lệ. Trong công cuộc đổi mới toàn diện đó, HTX là một trong những nội dung đổi mới quan trọng và đến năm 2002, lần đầu tiên kể từ khi tiến hành đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nghị quyết chuyên đề về kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX. Cùng thời gian này, Thành phố Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng thành chương trình hành động nhằm củng cố, đổi mới và phát triển kinh tế HTX. Do vậy, năm 2002 được chọn là năm kết thúc cho giai đoạn thứ nhất.

- Giai đoạn 2002-2015, là quá trình tiếp tục phát triển kinh tế HTX trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó năm 2002 là năm ban hành và bắt đầu triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Chương trình hành động của Thành ủy về phát triển kinh tế HTX; năm 2015 là thời điểm tổng kết, đánh giá 30 đổi mới của Đảng đồng thời cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, trong đó có Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung: Nghiên cứu quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1986 đến năm 2015 trong giới hạn một số nội dung cơ bản như: 1/ Quá trình triển khai chủ trương, đường lối của Đảng trong bối cảnh kinh tế HTX đang có những thay đổi tích cực theo hướng tăng dần sự đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và Thành phố Hồ Chí Minh triển khai đường lối của Đảng thành những nhiệm vụ cụ thể cho quá trình đổi mới kinh tế HTX trên địa bàn Thành phố; 2/ Quá trình hình thành và phát triển HTX kiểu mới; 3/ Quá trình hình thành tổ chức bộ máy quản lý HTX kiểu mới; 4/ Quá trình đổi mới một số hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận: Đề tài được nghiên cứu dựa trên lý luận duy vật biện chứng lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách pháp luật của Nhà nước làm cơ sở lý luận.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được những mục đích và nhiệm vụ đề ra, đề tài cơ bản sử dụng hai phương pháp chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

Phương pháp lịch sử: Thông qua phương pháp này, có thể thấy được quá trình đổi mới và phát triển của kinh tế HTX từ năm 1986 đến năm 2015 với những nội dung khác nhau dưới sự tác động của những yếu tố chủ quan và khách quan như: chủ trương, chính sách, hội nhập kinh tế, kinh tế thị trường....

Phương pháp lịch sử cũng giúp chia quá trình đổi mới từ năm 1986 đến năm 2015 thành những giai đoạn phát triển khác nhau của kinh tế HTX. Trong đó, giai đoạn 1986-2002 kinh tế HTX gặp nhiều khó khăn, biến động với số lượng và chất lượng HTX đều suy giảm, người dân mất niềm tin... Tuy nhiên, từ năm 1996, khi Luật Hợp tác xã ra đời, kinh tế HTX có dấu hiệu khởi sắc, một số hợp tác xã mới xuất hiện tạo động lực cho sự phát triển mạnh mẽ ở những năm sau. Giai đoạn 2002-2015 đánh dấu sự đổi mới căn bản của kinh tế HTX về mọi mặt. Đặc biệt năm 2002, với sự ra đời của Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “*tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*”, tạo động lực cho kinh tế HTX phát triển mạnh mẽ. HTX từ chỗ được xem là những cơ quan nhà nước đã trở thành những đơn vị kinh tế độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Giai đoạn này cũng xuất hiện nhiều HTX có phương thức sản xuất kinh doanh tốt, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế xã hội của Thành phố. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các thành viên. Một hình ảnh mới về HTX đã hình thành.

Phương pháp logic: Phương pháp này nhằm hệ thống hóa các nội dung nghiên cứu, tìm ra khuynh hướng phát triển của kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh trong cùng một khoảng thời gian từ năm 1986 đến năm 2015. Trong đó, giai đoạn 1986-2002, kinh tế HTX có dấu hiệu khủng hoảng về số lượng, chất lượng và niềm tin của người dân. Giai đoạn 2002-2015, kinh tế HTX có khuynh hướng phục hồi, phát triển và hình thành những HTX kiểu mới. Việc thành lập và hoạt động của HTX đã tuân thủ quy luật của kinh tế thị trường. Từ quá trình đổi mới của kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh thấy được sự phát triển, những hạn chế và rút ra những kinh nghiệm để ứng dụng trong thời gian tới.

Ngoài ra luận án cũng sử dụng một số phương pháp khác như:

- Phương pháp chuyên gia: Gặp gỡ và trao đổi với một số nhà nghiên cứu, quản lý về lĩnh vực kinh tế hợp tác xã và lãnh đạo một số HTX ở Thành phố để có thêm ý kiến về sự đổi mới, phát triển cũng như có thêm những đánh giá về thuận lợi, khó khăn trong quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố, từ đó có cách nhìn nhận sâu sắc, toàn diện hơn về vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp thực địa: Nghiên cứu sinh đã tiếp cận quá trình sản xuất, kinh doanh của một số HTX, cụ thể như: Hợp tác xã môi trường Liên Minh, Hợp tác xã vận tải 19/5, Hợp tác xã làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông, Hợp tác xã nông nghiệp Phú Lộc... để thu thập thêm nguồn tài liệu thực tiễn cho Luận án

- Phương pháp thống kê: các số liệu, bảng, biểu được thống kê trong luận án nhằm lượng hóa và minh chứng cho quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2015.

- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp cũng được sử dụng nhằm đánh giá quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh trong những giai đoạn khác nhau, đồng thời cũng so sánh với một số địa phương trong vùng Đông Nam bộ để thấy điểm tích cực và hạn chế trong đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Nguồn tài liệu

Đề tài khai thác các nguồn tài liệu sau:

- Báo cáo của một số hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Báo cáo của Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết, chỉ thị, báo cáo của Đảng và Nhà nước các cấp có liên quan đến quá trình đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác xã.
- Báo cáo của một số tỉnh như Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu về kinh tế tập thể và hợp tác xã.

- Sách tham khảo về kinh tế, kinh tế thị trường, kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- Các bài tạp chí khoa học, hội thảo có liên quan.
- Một số luận án về kinh tế hợp tác xã.
- Ngoài ra còn các tài liệu được đăng tải, lưu trữ trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác cũng là những nguồn tài liệu quan trọng của luận án.

5. Đóng góp khoa học của luận án

Một là, thông qua việc nghiên cứu một cách tương đối toàn diện cũng như sự tác động chủ quan và khách quan đến quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1986 đến 2015, luận án góp phần phục dựng bức tranh tổng thể về quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố dưới góc độ lịch sử.

Hai là, luận án góp phần khẳng định sự tồn tại, phát triển của kinh tế HTX là một tất yếu ở Thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung. Qua nghiên cứu hơn 30 năm đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố cho thấy, kinh tế HTX đã phát triển rộng khắp trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội và thu hút được đông đảo người tham gia. Qua đó cho thấy phát triển kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh là một xu thế tất yếu.

Ba là, luận án góp phần khẳng định đổi mới kinh tế HTX ngày càng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố. Kinh tế HTX đã phát triển ở Thành phố từ năm 1975. Sau 10 năm phát triển, kinh tế HTX bị khủng hoảng và suy thoái. Tuy nhiên, đó là sự khủng hoảng và suy thoái của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa bao cấp mà ở đó HTX được xem như một cơ quan hành chính và phát triển không theo các quy luật kinh tế. Năm 1986, với đường lối đổi mới của Đảng, kinh tế HTX đã từng bước tách khỏi cơ quan nhà nước và trở thành một trong những thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế của Thành phố. Trong quá trình đổi mới đó, kinh tế HTX ngày càng có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội của Thành phố.

Bốn là, luận án góp phần cho thấy sự đổi mới, phát triển kinh tế HTX trong thời gian qua tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng với những kết quả đạt được là một trong những sự kiểm chứng đúng đắn cho đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế tập thể, mà trọng tâm là HTX.

Năm là, những kết quả nghiên cứu được công bố trong luận án góp phần bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu, giảng dạy và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế của Thành phố, nhất là lĩnh vực kinh tế HTX.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận án được trình bày trong 04 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

Chương 2. Giai đoạn đầu đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành Phố Hồ Chí Minh (1986-2002).

Chương 3. Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2002-2015.

Chương 4. Nhận xét, đánh giá quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2015.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

*

1.1. Một số khái niệm có liên quan đến kinh tế hợp tác xã

Cơ chế kinh tế là một phương thức điều hành và định hướng phát triển nền kinh tế của Nhà nước, nó tác động sâu sắc, trực tiếp tới sự vận động của nền kinh tế quốc dân (Vũ Văn Hiến và Đinh Xuân Lý, 2004).

Ở Việt Nam, khi công cuộc đổi mới diễn ra, thì việc xây dựng một cơ chế quản lý phù hợp với lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ là yêu cầu cấp bách. Bắt đầu từ Đại hội VI (1986), vấn đề về kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã được đặt ra và chính thức ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992 và trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước. Từ cơ chế kinh tế cũ - cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp trước đây với hai thành phần kinh tế là kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể (kinh tế tư bản, tư nhân không được thừa nhận), đến nay, trong nền kinh tế Việt nam đã có nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển với những hình thức sở hữu khác nhau, trong đó, đáng chú ý là sự hiện diện của thành phần tư bản nước ngoài đang đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Nhà nước Việt Nam khuyến khích và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật, chính sách để các thành phần kinh tế cùng có cơ hội phát triển trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Khái niệm **kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa** được chính thức sử dụng trong các văn kiện Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001); theo đó, “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr. 23). Đại hội XII của Đảng (tháng 1-2016) tiếp tục bổ sung, phát triển: “Nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 25).

Trên thế giới, **hợp tác xã** được Liên minh Hợp tác xã quốc tế định nghĩa như sau: “Hợp tác xã là một hiệp hội dân chủ do các cá nhân tự nguyện liên kết với nhau nhằm thỏa mãn nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua việc hình thành doanh nghiệp do tập thể xã viên đồng sở hữu và quản lý dân chủ” (Nguyễn Minh Ngọc và những người khác, 2012).

Ở Việt Nam, khái niệm HTX được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến trong tác phẩm Đường Kách mệnh, Người đề cập: “Hợp tác xã là góp gạo thổi cơm chung, cho khỏi hao của tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 243). Năm 1946, Trong thư gửi điền chủ nông gia Việt Nam ngày 11/4/1946, Người viết: “Hợp tác xã là hợp vốn, hợp sức với nhau. Vốn nhiều, sức mạnh thì khó nhọc ít mà lợi ích nhiều” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 246).

Khái niệm HTX ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện và phù hợp với xu thế phát triển của HTX trên thế giới. Điều này thể hiện trong việc các khái niệm HTX được hoàn chỉnh thông qua việc sửa đổi, bổ sung ở Luật Hợp tác xã năm 1996, 2003 và 2012.

Luật Hợp tác xã năm 1996 xác định: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản

xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1996).

Luật Hợp tác xã năm 2003 đã kế thừa những nội hàm cơ bản khái niệm HTX năm 1996 và khẳng định HTX là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra để phát huy sức mạnh tập thể của từng thành viên tham gia HTX, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. HTX hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của HTX theo quy định của pháp luật (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2003).

Luật Hợp tác xã năm 2012 một lần nữa sửa đổi và hoàn chỉnh hơn định nghĩa về khái niệm HTX: “Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2012).

Khái niệm Liên hiệp HTX đã được định nghĩa trong các văn bản pháp luật của Việt Nam qua các giai đoạn khác nhau, trong đó, gần đây nhất, Luật Hợp tác xã năm 2012 xác định: “**Liên hiệp hợp tác xã** là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 04 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp hợp tác xã” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2012).

Hợp tác xã kiểu mới là những HTX được thành lập từ sau năm 1986 hoặc là những HTX được thành lập từ trước năm 1986 nhưng được chuyển đổi hoạt động kinh doanh theo Luật Hợp tác xã phù hợp với từng giai đoạn. Hoạt động của HTX kiểu mới đảm bảo các nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thành lập và quá trình sản xuất, kinh doanh của HTX. Trong HTX kiểu mới, kinh tế hộ gia đình được tôn trọng, không bị “thui chột, mất động lực”, thậm chí còn gia tăng giá trị kinh tế của hộ gia đình (Nguyễn Cao, 2017).

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

1.2.1. Nhóm nghiên cứu về kinh tế thị trường và quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Việt Nam

Về kinh tế thị trường và quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau. Theo đó cho thấy, đổi mới là một tất yếu trong quá trình phát triển ở Việt Nam. Trong đó, tác giả Vũ Trọng Khải (2002), đã phân tích và chỉ ra nhiều bất cập của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp cũng như sự cần thiết phải đổi mới, tính ưu việt của đổi mới thông qua phân tích sự phát triển kinh tế nông nghiệp. Tác giả phân tích rất chi tiết về mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, trong đó nổi bật là phân tích, đánh giá chính sách của Nhà nước đối với sự phát triển của cây lương thực, cây công nghiệp trong HTX nông nghiệp như: thu mua, phân phối và quản lý thị trường nông sản. Tác giả cũng đã đặt ra vấn đề cơ giới hóa trong nông nghiệp rất có ý nghĩa đối với việc nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp và các biện pháp cơ bản để nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp. Tuy nhiên, việc thực hiện cơ giới hóa còn gặp nhiều khó khăn như: Tình trạng diện tích đất canh tác với nhiều loại khác nhau; Máy móc nhập từ nước ngoài nên không chủ động được và chưa phù hợp với điều kiện đất canh tác của Việt Nam; Sự phát triển của nông nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào

ngân sách của Nhà nước, chưa có sự chủ động về vốn; Ngành công nghiệp trong nước có trình độ còn thấp, chất lượng các phương tiện sản xuất trong nước để phục vụ cho nông nghiệp còn kém, giá thành lại quá cao... Từ những khó khăn đó, tác giả đã đưa ra các biện pháp để phát triển tốt hơn ngành nông nghiệp. Tác giả đã phân tích mô hình HTX Mỹ Thọ, như một minh chứng cho sự hiện thực hóa của chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp trên một số phương diện như: tổ chức sản xuất, tổ chức bộ máy quản lý, chế độ quản lý tài chính... Vũ Trọng Khải (2002 cũng đã phân tích để thấy được tư duy đổi mới của Đảng về phát triển ngành nông nghiệp trong kinh tế thị trường. Cơ chế kinh tế mới cũng chưa hoàn thiện, còn có bất cập như: sự tác động của cơ chế quản lý kế hoạch tập trung bao cấp, chưa có thị trường theo đúng nghĩa, chưa có hệ thống pháp luật đầy đủ, có nhiều thành phần kinh tế nhưng còn thiếu bình đẳng. Đặc biệt, tác giả đã có những đánh giá đối với HTX nông nghiệp trong cơ chế kinh tế thị trường với những đặc điểm của nền sản xuất hàng hóa nhỏ ở Nam bộ nhưng đã tiến bộ hơn những vùng khác so với cả nước. Đây là thực trạng kinh tế ở Nam bộ trước khi tiến hành công tác xã hội hóa về sản xuất. Trong đó, tác giả đã cho rằng vấn đề cơ bản phải được giải quyết cấp bách là phát triển sản xuất hàng hóa, tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống cho người lao động ở nông thôn và nông nghiệp, chứ chưa phải là vấn đề xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa và càng chưa phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột là chế độ tư hữu, nhất là chế độ tư hữu nhỏ của tiểu nông. Chúng ta đã vận động nông dân vào HTX, tập đoàn sản xuất trên cơ sở tập thể hoá quyền sở hữu ruộng đất và đã căn bản hoàn thành năm 1985. Nhưng trên thực tế, mục tiêu phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của xã viên HTX không thực hiện được, trình độ sản xuất hàng hóa giảm nghiêm trọng. Nguyên nhân sâu xa của tình hình, chính là không nhận thức đúng quy luật hợp tác hoá là cơ sở sở hữu riêng rồi mới có sự hợp tác trên cơ sở sở hữu chung. HTX là tổ chức kinh tế hàng hóa, cơ sở kinh doanh theo khả năng

với những ngành hàng mà pháp luật không cấm, do những người lao động ở nông thôn, chủ yếu là nông dân, tự nguyện lập ra. Nhìn chung, tác giả đã có quan điểm mới về xây dựng và phát triển HTX. Việc phát triển HTX phải dựa trên thực tiễn, đặc biệt phải xuất phát từ những người nhu cầu hợp tác mà thành.

Về vấn đề đa dạng hóa sở hữu, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần chính là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lênin về nền kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và trở thành nội dung quan trọng của quan điểm đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Điều đó đã góp phần đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội của Việt Nam trong những năm qua. Bài viết đưa ra một số nhận xét về quá trình hình thành, phát triển quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về sở hữu và thành phần kinh tế và về triển khai thực hiện các quan điểm đó. Tác giả đưa ra một số kiến nghị, đó là: xây dựng chế độ sở hữu công cộng trong điều kiện Việt Nam hiện nay, quản lý các doanh nghiệp Nhà nước, sắp xếp, phân chia các thành phần kinh tế, xây dựng Nhà nước phù hợp với đòi hỏi của nền kinh tế nhiều thành phần... (Phạm Văn Dũng, 2011).

Về tư duy kinh tế, Đặng Phong (2015), đã mô tả những sự kiện kinh tế từ 1975 đến 1989 như một biên niên sử kinh tế. Qua đó, chúng ta có thể hình dung được bức tranh kinh tế Việt Nam trong những năm trước và sau công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng, trong đó:

Giai đoạn 1975-1979, với cao điểm là Đại hội IV năm 1976 đã quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam, áp dụng mô hình kinh tế của miền Bắc cho cả nước. Trong đó, tư duy kinh tế của Lê Duẩn có thể được xem là có ảnh hưởng lớn đến đường lối kinh tế đương thời của Đảng. Thực tế, từ Đại hội IV, việc tập thể hóa ở miền Nam cơ bản đã được thực hiện và cơ bản hoàn thành. Trong những năm 1979-1980, Thành phố tiến hành cải tạo công thương nghiệp, nghĩa là Nhà nước thống nhất quản lý mọi hoạt động

sản xuất kinh doanh từ nguyên liệu, sản xuất đến phân phối lưu thông. Kết quả là sản xuất đình đốn, giảm sút, khủng hoảng trầm trọng trên mọi lĩnh vực...

Giai đoạn 1979-1986 là một “thời kỳ rất đặc biệt”. Theo đánh giá của chính tác giả, thực tiễn kinh tế như một “cuộn chỉ rối” còn tư duy kinh tế thì “bị đặt trước những gay gắt của thực tiễn, không trả lời được”, tư duy kinh tế mới chưa thể ra đời. Đây cũng là thời kỳ xuất hiện một số cơ sở kinh tế đã mạo hiểm vượt ra khỏi cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, hiện tượng mà chính tác giả gọi là “phá rào”, để rồi từ đó, nhiều cán bộ trong Đảng và Nhà nước phải suy nghĩ lại, phải trăn trở tìm đường. Đáp ứng sự phát triển của thực tiễn, một số chính sách mới xuất hiện như: Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm, Hội nghị Trung ương 6, khóa IV, với sự phê phán những lệch lạc trong việc cải tạo công thương nghiệp cũng như nông nghiệp... Từ đó xuất hiện một sự khởi sắc trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, ngay sau đó đã bị siết lại tại Hội nghị Trung ương 3, khóa V, năm 1982 với lý do lập lại kỷ cương. Mặc dù vậy, làn sóng đổi mới vẫn âm thầm diễn ra, thậm chí ở cả các cán bộ lãnh đạo cao nhất của Đảng, trong đó có sự chuyển biến tư tưởng của Trường Chinh – một người được xem là giáo điều hàng đầu trong giới lãnh đạo. Cuối cùng, giai đoạn này khép lại bằng cuộc điều chỉnh giá – lương – tiền năm 1985, nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, đảm bảo tiền lương thực tế... Tuy nhiên, kết quả của cuộc điều chỉnh này chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn tiếp tục.

Giai đoạn 1986-1989, mở đầu là cuộc khủng hoảng toàn diện. Nhiều nhóm nghiên cứu được thành lập với sự tham gia của cả một số chuyên gia Việt kiều, đẩy tới sự thay đổi hoàn toàn về quan điểm ngay trong Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần VI (1986), bắt đầu thời kỳ đổi mới. Tác giả đã dành nhiều trang để phân tích những chuyển biến quan trọng trong chính sách kinh tế sau Đại hội VI cho đến năm 1989. Một thời gian ngắn nhưng nhiều thay đổi đã diễn

ra như: bước đầu giảm được lạm phát, chấm dứt nạn thiếu đói, lần đầu tiên Việt Nam xuất khẩu gạo, xóa bỏ chế độ tem phiếu, chuyển quan hệ phân phối hiện vật sang quan hệ hàng hóa – tiền tệ, đặc biệt quân đội Việt Nam rút khỏi Campuchia, mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ với cộng đồng thế giới nói chung và Đông Nam Á nói riêng.

Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng rõ, sát thực tế hơn về tính tất yếu, mục tiêu, bản chất, đặc trưng, cấu trúc, thể chế và cơ chế vận hành. Khi bắt đầu đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam quan niệm kinh tế hàng hóa có những mặt tích cực cần vận dụng. Trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rõ hơn, kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường là phương thức, điều kiện tất yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là bước tiến quan trọng về tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015). Để thực hiện được các mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam (2015) cũng xác định cần phải giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước xây dựng được cơ sở kinh tế vững chắc hơn. Trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức rõ hơn về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh

tế hoạt động bình đẳng, theo pháp luật, cạnh tranh lành mạnh và đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Trong quan hệ phân phối, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Tiền lương, tiền công phải được coi là giá cả của sức lao động và do thị trường quyết định. Đảng Cộng sản Việt Nam đã quan tâm xây dựng đồng bộ về các loại thị trường, đảm bảo quan hệ cung-cầu, cạnh tranh lành mạnh. Trong thời kỳ đổi mới, Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào các quan hệ kinh tế. Thay vào đó, Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chính sách... Để thực hiện được điều này, Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo dựng môi trường kinh tế vĩ mô, hạn chế những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh những thành tựu đạt được, Đảng Cộng sản Việt Nam (2015) cũng chỉ ra những hạn chế cần phải khắc phục và đề xuất những giải pháp thúc đẩy công cuộc đổi mới trong thời gian tới. Từ đánh giá kết quả của quá trình hơn 30 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu: 1/ Trong quá trình đổi mới phải chủ động không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; 2/ Đổi mới phải luôn quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; 3/ Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra; 4/ Phải đặt lợi ích quốc gia- dân tộc lên trên hết, kiên định độc

lập, tự chủ đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; 5/ Phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của hệ thống chính trị; Tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015).

Về chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và các chính sách của Nhà nước tác động đến hợp tác xã, Liên minh hợp tác xã Việt Nam (2016-a), đã phân tích quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về thành phần kinh tế hợp tác xã. Các cơ sở pháp lý cho sự phát triển của HTX cũng ngày càng hoàn thiện. Theo đó, sau mười năm đổi mới, năm 1996 Luật hợp tác xã được ban hành đã đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho quá trình đổi mới mạnh mẽ tư duy về bản chất HTX. Lần đầu tiên HTX được khẳng định là một tổ chức kinh tế tự chủ. Nó đã từng bước giúp các HTX cũ thoát khỏi tư duy được xem như một tổ chức nặng về chức năng xã hội đồng thời hạn chế sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước. Sự ra đời của Luật hợp tác xã đã tạo ra động lực và sức sống mới cho kinh tế HTX. Các HTX cũ bắt đầu chuyển đổi, hồi phục và phát triển với các nguyên tắc cơ bản của HTX. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về phát triển kinh tế tập thể (Nghị quyết 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002) là bước phát triển mạnh mẽ, có tính chất nhảy vọt về tư duy kinh tế tập thể. Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên về kinh tế tập thể kể từ sau đổi mới (1986) đã mở ra cơ hội thuận lợi để củng cố, phát triển HTX trong giai đoạn đẩy mạnh hội nhập kinh tế của Việt Nam với thế giới. Nghị quyết 13-NQ/TW đã khẳng định, kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX có nhiều hình thức, trình độ khác nhau trong các ngành,

lĩnh vực. HTX hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên HTX bao gồm cả thể nhân và pháp nhân, không phân biệt số lượng vốn góp và hoạt động trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016-a). Chính phủ đã ban hành và triển khai nhiều chính sách khác nhau nhằm thúc đẩy sự phát triển của HTX. Các chính sách này phần nào có tác động đến sự phát triển của HTX, tuy nhiên tác động của chính sách này còn tương đối hạn chế xuất phát từ sự không rõ ràng trong nhận thức về khái niệm HTX. HTX cần được coi là một tổ chức kinh tế - xã hội hơn là một tổ chức kinh tế thuần túy, thì các chính sách ưu đãi xã hội về mặt đất đai, thuế, đầu tư... mới được thực thi một cách thông suốt và hiệu quả; 3/ Quy mô vốn nhỏ phản ánh kinh tế HTX đang tụt hậu so với các thành phần kinh tế khác. Quy mô xã viên lớn và ngày càng ra tăng, phản ánh vai trò của HTX đối với việc giải quyết một số vấn đề xã hội, đặc biệt là ở khu vực nông thôn; 4/ HTX đang phát triển theo những xu hướng cơ bản như: hỗ trợ kinh tế hộ gia đình, gắn với lợi ích cộng đồng và doanh nghiệp hóa HTX. Nghiên cứu này của nhóm tác giả là sự đóng góp có ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn về kinh tế tập thể, về HTX, góp phần làm rõ các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về phát triển HTX (Nguyễn Minh Ngọc và những người khác, 2012). Nguyễn Văn Giàu (2015), đã phân tích những điểm mới, điểm đột phá của Luật Hợp tác xã năm 2012; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã 2012. Tác giả bài viết đã đề xuất bảy giải pháp để phát triển mô hình HTX kiểu mới một cách bền vững, gồm: Khẩn trương ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn theo quy định và tổ chức triển khai, thực hiện; Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ trong phát triển kinh tế tập thể; Tăng cường sự giám sát của Quốc hội và các cơ quan Quốc hội đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về HTX; Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; Phát huy vai trò của liên minh HTX các cấp trong phát triển kinh tế tập thể, trọng tâm là HTX; Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp

liên kết với các HTX; Thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm trong phát triển kinh tế HTX. Từ quá trình hoàn thiện về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Liên minh hợp tác xã Việt Nam (2016) mô tả, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế tập thể, trong đó một số vấn đề trọng tâm như: Quá trình phát triển HTX ở Việt Nam trước đổi mới; Quá trình chuyển đổi HTX, liên hiệp HTX từ khi có Luật Hợp tác xã 1996, 2003; Đánh giá những thành tựu, hạn chế, đưa ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, đồng thời xác định, mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển kinh tế HTX đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Các HTX kiểu mới luôn là chủ đề được quan tâm vì nó góp phần khẳng định sự tồn tại, phát triển của kinh tế HTX là một xu thế tất yếu. Hiệu quả kinh tế, xã hội của HTX đang ngày càng được nâng cao, đem lại thu nhập ổn định cho thành viên và người lao động. Nguyễn Minh Tú (2011), đã đánh giá khá kỹ bối cảnh Việt Nam trong giai đoạn đổi mới từ 1986 đến 2006, trong đó đã chỉ ra hai đặc điểm lớn nhất của giai đoạn này là: 1/ Nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng, ổn định tiến tới đạt mức tăng trưởng kinh tế tương đối cao trong thời gian dài, đời sống mọi mặt của nhân dân được cải thiện, chính trị ổn định, an ninh-quốc phòng ngày càng được củng cố, thoát khỏi thế bao vây tiến tới hội nhập ngày càng sâu sắc vào thị trường quốc tế. 2/ Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã được phát triển, trong đó, nổi bật là khung pháp luật cho nền kinh tế thị trường ngày càng được hoàn thiện trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu sắc hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Từ phân tích bối cảnh, tác giả đã phân tích sự phát triển của HTX với hai giai đoạn: trước đổi mới (1986) và từ sau đổi mới đến 2008. Trong quá trình đổi mới, kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX đã đạt được những thành tựu quan trọng như: số lượng tăng, quy mô xã viên và lao động ngày càng lớn, thu nhập bình quân của xã viên và người lao động trong HTX ngày càng cao... Từ việc

đánh giá thực trạng, tác giả cũng góp phần dự báo xu hướng phát triển của HTX là chuyển sang loại hình HTX dịch vụ phục vụ xã viên. Nguyễn Minh Tú (2011) cũng cho rằng, các HTX dịch vụ ở Việt Nam có chất lượng chưa cao. Tuy nhiên đó là nhận định tại thời điểm năm 2008, khi các HTX còn nhiều lúng túng trong mô hình cũ. Cùng với đó, tác giả cũng trình bày khái quát về tư tưởng HTX và kinh nghiệm phát triển HTX ở một số quốc gia trên thế giới, làm cơ sở xác định vị trí, vai trò của HTX đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Lương Xuân Quỳ (1999), đã khái quát toàn bộ quá trình phát triển của các hình thức tổ chức, quản lý HTX trong nông thôn Việt Nam từ trước đây đến khi chuyển sang kinh tế thị trường và phân tích thực trạng mô hình tổ chức quản lý các HTX ở một số địa phương tiêu biểu. Trên cơ sở đó, phác họa một số phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng mô hình tổ chức có hiệu quả cho các loại hình HTX. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam (2017) đã đánh giá sự tác động của chủ trương, chính sách đến sự phát triển của HTX. Trong đó, họ nhấn mạnh đến sự phát triển của HTX nông nghiệp và vai trò của nó trong xây dựng nông thôn mới. Từ nghiên cứu thực trạng, tác giả đã giới thiệu 50 HTX mới điển hình trong giai đoạn 2014-2016 ở những lĩnh vực khác nhau trên phạm vi cả nước. Những HTX này là những minh chứng sinh động cho sự đổi mới, phát triển của HTX trong thời gian qua.

Về bản chất của HTX, Phan Huy Đường (2009), đã khái quát được bản chất của HTX là tương trợ lẫn nhau do sự góp vốn, góp sức hợp tác sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi của các bên tham gia. Tác giả bài viết cũng đưa ra bảy nội dung thể hiện vai trò của hợp tác xã trong tiêu thụ hàng nông sản, gồm: định hướng cho các nhà sản xuất, đại diện cho thành viên khi tiêu thụ sản phẩm, hạn chế số lượng người bán trên thị trường, tập trung khối lượng lớn hàng nông sản, tiết kiệm chi phí lưu thông, xây dựng và bảo vệ thương hiệu, xuất xứ hàng nông sản, là tổ chức trung gian giữa chính sách của

Nhà nước với hộ xã viên. HTX đã chuyển hướng sang phục vụ phát triển kinh tế xã viên theo đúng nguyên tắc HTX thông qua tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, rõ rệt nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và đang lan tỏa sang các lĩnh vực khác. Lợi ích kinh tế xã viên là động lực cơ bản cho sự ra đời và phát triển của HTX (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr 35). Các nguyên tắc dân chủ, công bằng, bình đẳng, minh bạch... được đề cao trong HTX. HTX góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội của từng công dân xã viên cũng như cộng đồng. Đây là những giá trị cao đẹp mang tính phổ biến của loài người, là văn hóa đã được dày công vun đắp qua bao thế hệ (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr 36).

Về sự phát triển của HTX và vai trò của HTX đối với an sinh xã hội, Nguyễn Minh Ngọc và những người khác (2012), đã phân tích vai trò của HTX đối với HTX theo cấu trúc của hệ thống an sinh xã hội năm tầng:

Tầng thứ nhất, vai trò của HTX đối với việc bảo đảm mức sống tối thiểu. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả, các xã viên tham gia HTX phần lớn là những người nghèo, thu nhập thấp, có nhiều khó khăn về kinh tế. Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng của gia đình xã viên khoảng 821 nghìn đồng/tháng, trong đó thu nhập từ HTX lại tương đối quan trọng (chiếm 38,51%) tổng thu nhập của gia đình xã viên. Thu nhập từ HTX đặc biệt quan trọng (chiếm trên 50% tổng thu nhập) đối với các gia đình xã viên không tổ chức các hoạt động kinh tế khác. Ngoài mang lại thu nhập thường xuyên cho xã viên, HTX còn góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo. Hỗ trợ vay vốn cho xã viên thông qua hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đang được coi là một biện pháp quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo. Các Quỹ tín dụng nhân dân đã giúp hàng triệu xã viên thoát khỏi tình trạng đi vay nặng lãi, tín dụng chợ đen trong quá trình huy động vốn cho sản xuất nông nghiệp, phát triển ngành nghề, đẩy lùi nghèo đói và vươn lên khá giả.

Tầng thứ hai, vai trò của HTX trong việc cải thiện thị trường lao động. HTX đã tạo ra gần 45% việc làm cho gia đình xã viên. Ngoài tạo việc làm, HTX cũng góp phần tạo cơ hội việc làm thường xuyên và ổn định cho xã viên. Theo đó, HTX đang là một kênh quan trọng trong việc tạo ra công ăn việc làm ổn định cho đông đảo người nghèo, có ít cơ hội để tham gia thị trường lao động ở các khu vực khác.

Tầng thứ ba, vai trò của HTX trong việc thực thi các chính sách bảo hiểm. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, số xã viên tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện ngày càng tăng. Bên cạnh đó, các HTX cũng góp phần khuyến khích và tạo điều kiện để xã viên tham gia mua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Có 58% xã viên được HTX khuyến khích hoặc hỗ trợ để mua bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm ý tế tự nguyện. Mặc dù vậy, Nguyễn Minh Ngọc và những người khác (2012) cho rằng, vai trò của HTX đối với việc thực thi các chính sách bảo hiểm đối với người lao động còn yếu.

Tầng thứ tư, vai trò của HTX trong việc thực thi chính sách ưu đãi xã hội. Các hoạt động ưu đãi xã hội trong các HTX được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau, như: đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình thương binh, liệt sĩ, tạo công ăn việc làm... Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy có trên 31% xã viên được hưởng các ưu đãi xã hội từ HTX. Nhờ vai trò này, HTX là tổ chức có tính cộng đồng cao.

Tầng thứ năm, vai trò của HTX trong việc thực hiện trợ giúp xã hội. Có khoảng 50% số xã viên đã nhận được trợ cấp đột xuất và 12% số xã viên nhận các khoản trợ cấp thường xuyên từ HTX. HTX khác với các tổ chức kinh tế khác là thực hiện hỗ trợ nhau vượt qua khó khăn trong hoạt động sản xuất.

Vai trò kinh tế của HTX ngày càng rõ nét hơn, bước đầu ra khỏi tình trạng khủng hoảng và bắt đầu có những dấu hiệu phát triển tích cực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng tổng nhu nhập quốc nội của đất nước. Vai trò xã hội của HTX cũng ngày càng quan trọng, như: phát huy tinh thần hợp tác, góp phần phát triển đời sống văn hóa và tăng cường tinh thần đoàn kết cộng đồng, hiện thực hóa các giá trị đạo đức cao đẹp và nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, góp phần tăng thu nhập, tạo việc làm cho thành viên, người lao động và cung cấp dịch vụ xã hội (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016).

Về khó khăn, hạn chế: Đạt được những thành tựu nổi bật, xong HTX vẫn còn một số khó khăn, hạn chế: 1/ Số HTX thành lập mới chưa nhiều, hiệu quả hoạt động còn hạn chế; 2/ HTX phát triển chưa đều ở các ngành, lĩnh vực kinh tế; 3/ Thu nhập thường xuyên của người lao động trong HTX còn thấp; 4/ Vốn hợp tác ít; 5/ Tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tập thể chậm, hiệu quả chưa cao (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016). Phạm Tất Thắng (2017), đã khái quát quá trình phát triển của HTX ở Việt Nam từ 1955 đến 2017, trong đó đặc biệt phân tích sâu giai đoạn 1986-2017. Tác giả bài viết đã đặt ra bảy vấn đề đối với sự phát triển của HTX, gồm: HTX có xu hướng phục hồi nhưng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; Nhận thức về kinh tế hợp tác và HTX của một số cán bộ, đảng viên còn chưa đầy đủ; Hành lang pháp lý còn bó hẹp, cơ chế chính sách phát triển HTX nhưng chưa đồng bộ, thiếu hấp dẫn; Quản lý Nhà nước về HTX thiếu thống nhất và còn nhiều yếu kém; Sự liên kết, hợp tác giữa các HTX chưa chặt chẽ, vai trò của liên hiệp HTX chưa phát huy; Chất lượng nguồn nhân lực của HTX còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra đề xuất giải pháp phát triển kinh tế HTX tương ứng với việc khắc phục các vấn đề đặt ra nói trên.

Về bài học kinh nghiệm: Qua quá trình nghiên cứu, nhiều bài học kinh nghiệm đã được rút ra cho quá trình đổi mới và phát triển kinh tế HTX trên các

phương diện, góc độ khác nhau, như: 1/ Phát triển HTX phải đáp ứng lợi ích thiết thực của thành viên; 2/ Phải xác định đúng vai trò, vị trí của kinh tế tập thể; 3/ Phải đổi mới, phát triển HTX đúng bản chất, nguyên tắc và chú trọng hiệu quả, không chạy theo hình thức; 4/ Phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; 5/ Phải tăng cường sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến địa phương; 6/ Hướng dẫn thực hiện các chính sách của nhà nước đối với HTX phải rõ ràng; 7/ Học tập kinh nghiệm quốc tế phải chú ý điều kiện thực tế Việt Nam (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016). Hồ Văn Vĩnh (2005), đã bàn đến những cách thức chuyển đổi HTX nông nghiệp kiểu cũ sang kiểu mới trên cơ sở quán triệt đường lối đổi mới của Đảng. Tác giả bài báo cũng đã nêu lên mối quan hệ tác động qua lại giữa HTX nông nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời nêu ra những nguyên nhân của sự khó khăn khi phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong thời kì đổi mới và những giải pháp để tháo gỡ khó khăn này.

Nhóm công trình nghiên cứu này cho thấy bức tranh tổng quan nhất về kinh tế thị trường, sự phát triển kinh tế HTX và vai trò của nó ở Việt Nam nói chung và một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam nói riêng.

1.2.2. Nhóm nghiên cứu về kinh tế và đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh

Giới thiệu tổng quan về quá trình hình thành và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh, có một số tài liệu như: *Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh 300 năm hình thành và phát triển 1698-1998* của Đoàn Thanh Hương, Hồ Hữu Nhựt; *Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm xây dựng và phát triển 1975-2005* (2005), Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh; *Thành phố Hồ Chí Minh 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.... Với những tài liệu này, chúng ta có thể thấy một bức tranh tổng quan về điều kiện tự nhiên, xã hội và quá trình phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh kể từ khi Nguyễn Hữu Cảnh - một công thần của chúa Nguyễn Phúc Chu lập ra

trạm thu thuế đầu tiên ở Bến Nghé (1698), chính thức xác định vùng đất Sài Gòn thuộc chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và quá trình đổi mới và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Thành phố đến năm 2015.

Sau khi thống nhất đất nước, Thành phố Hồ Chí Minh cùng cả nước bước vào giai đoạn khôi phục, phát triển kinh tế và chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Mười năm đầu sau giải phóng Thành phố đã đạt được những thành công và cũng còn nhiều hạn chế trong công cuộc cải tạo và xây dựng trên nhiều mặt khác nhau. Trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc tháo gỡ khó khăn nhưng vẫn còn nhiều hạn chế do những quan điểm không đúng gây trở ngại. Bộ mặt nông thôn ngoại thành Thành phố cũng có bước thay đổi khá rõ khi đã hình thành những vùng chuyên canh cây công nghiệp và chăn nuôi bên cạnh cây lúa là sản phẩm chính nên hiệu quả kinh tế ngày càng tăng. Tuy nhiên, Thành phố cần phải cải thiện hệ thống giao thông để hỗ trợ tốt hơn cho sản xuất và nâng cao đời sống của người dân vùng ngoại thành. Về trách nhiệm là một trung tâm khoa học kỹ thuật, Thành phố vốn có điều kiện phát triển hơn hẳn các tỉnh, thành khác trong cả nước, do đó, cần đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản kết hợp với nghiên cứu ứng dụng làm trọng tâm mới là hướng đi đúng, phù hợp với hoàn cảnh của Thành phố và cả nước. Thành phố cần mạnh dạn đầu tư 2% ngân sách cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Trên mặt trận phân phối lưu thông, 10 năm đầu là quá trình cải tạo và tổ chức lại tất cả các khâu phục vụ sản xuất và đời sống và được chia thành 3 giai đoạn chính: Giai đoạn 1975-1978 là cải tạo tư sản thương nghiệp và bước đầu xây dựng hệ thống phân phối xã hội chủ nghĩa; Giai đoạn 1979-1981 là mặt trận phân phối lưu thông rối loạn do buông lỏng cải tạo xã hội chủ nghĩa; Giai đoạn 1982-1984 là từng bước thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, các vấn đề về chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng con người mới, chống chiến tranh phá hoại, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân cách mạng...

cũng được nghiên cứu và chỉ ra những thành công và hạn chế trong quá trình cải tạo, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh (Nguyễn Văn Linh, 1985). Việt Nam đã quá máy móc trong việc vận dụng mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa của Liên Xô. Việc lựa chọn đó không phải là lỗi của riêng ai mà đó là sự lựa chọn của cả xã hội, không riêng gì Việt Nam mà nhiều nước thời đó cũng đi theo hướng phát triển này. Việc tìm tòi và có những đột phá đã hình thành ngay sau 1 đến 2 năm tiến hành hợp tác hóa với những điển hình như: ở Kiến An, Hải Phòng năm 1962, ở Vĩnh Phúc năm 1966,... Bên cạnh đó, tình hình khó khăn đã xuất hiện sau ngày giải phóng, để rồi từ khó khăn đến tìm tòi, từ tìm tòi đến đột phá. Tác giả đã phân tích hàng loạt những mũi đột phá ở các địa phương khác nhau, trong đó có một số đột phá tại Thành phố Hồ Chí Minh như: nhà máy dệt Thành Công, công ty xe khách Miền Đông, công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố đi đầu trong việc tìm tòi, đổi mới, góp phần hình thành đường lối đổi mới toàn diện của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1986 (Đỗ Hoài Nam và những người khác, 2014).

Trong hơn 40 năm phát triển và hội nhập quốc tế, Thành phố luôn duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức cao trong nhiều năm liên tục. Trong 10 năm trước đổi mới (1976-1985), tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Thành phố chỉ tăng 2,7%/năm thì trong giai đoạn 1991-2010, mức tăng trưởng bình quân luôn ở mức hai con số. Từ năm 2011 đến 2015, mức tăng trưởng của Thành phố cũng luôn xấp xỉ 10%/năm, gấp 1,6 lần mức bình quân chung của cả nước. GDP bình quân đầu người liên tục tăng nhanh, từ khoảng 700 USD năm 1995 lên hơn 5000 USD năm 2014. Quy mô kinh tế, tiềm lực và sự đóng góp cho cả nước ngày càng lớn.... Bên cạnh sự phát triển của kinh tế, chất lượng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, phát triển đô thị bền vững cũng có nhiều tiến bộ. Văn hóa, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có bước tiến tích cực. Đời sống của của nhân dân Thành

phố không ngừng được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo, thu nhập từng bước tăng lên. Sự năng động, sáng tạo của Thành phố là những đóng góp quan trọng vào công cuộc đổi mới của đất nước, góp phần quan trọng vào quá trình tìm tòi, nghiên cứu, hình thành, phát triển đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, Nhà nước, nhất là đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 168). Từ những thành tựu đạt được, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phấn đấu trở thành “đầu tàu” kinh tế của cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều năm có sự phát triển vượt bậc, đạt mức tăng trưởng 12,6% (2007). Thành phố cần phát huy tốt những thuận lợi, vượt qua khó khăn, thử thách để trở thành “đầu tàu” kinh tế của cả nước (Lê Hoàng Quân, 2010).

Thành phố Hồ Chí Minh là điển hình của sự sáng tạo, đột phá trong xây dựng, phát triển và đổi mới. Khẳng định điều này, Vũ Văn Phúc (2015), đã tái hiện quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Thành phố từ 1975 đến 2015 đồng thời có những dự báo phát triển đến 2025. Tác giả bài viết cũng đề xuất sáu giải pháp nhằm giữ vững vai trò đặc biệt quan trọng của Thành phố Hồ Chí Minh vì sự phát triển chung của cả nước, gồm: 1/ Đổi mới mạnh mẽ và toàn diện hơn nữa; 2/ Nghiên cứu kỹ thực tiễn, năng động, sáng tạo vận dụng chủ trương, chính sách của Nhà nước; 3/ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; 4/ Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ; 5/ Chú trọng phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và mọi nguồn lực trong và ngoài nước vì sự phát triển của Thành phố; 6/ Thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về công tác xây dựng Đảng. Phùng Bảo Ngọc (2016) đã đánh giá quá trình phát triển và tác động của các thành phần kinh tế ở

Thành phố là phù hợp. Sự đa dạng các loại hình doanh nghiệp là động lực cho sự phát triển của kinh tế Thành phố. Thành phố đã có nhiều chính sách nhằm củng cố, phát triển vai trò của kinh tế Nhà nước trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn 30 năm đổi mới, sự phát triển của các thành phần kinh tế trên địa bàn Thành phố diễn ra phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước. Sự đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp và thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân chính là động lực để phát triển kinh tế. Thành phố phát huy hơn nữa nguồn nội lực, kết hợp với thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Phát triển kinh tế ở Thành phố phải đảm bảo an sinh xã hội. Lê Thị Mỹ Hà (2016), nghiên cứu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động đến sự biến đổi trong gia đình, cộng đồng xóm giềng ở nông thôn. Sự biến đổi này nhiều hay ít, tùy thuộc vào sự phát triển của đô thị hóa, của tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Khu vực phát triển mạnh theo hướng đô thị, con người sống theo lối sống đô thị, nghề nghiệp của cư dân đa dạng, quan hệ xóm giềng của họ sẽ thay đổi. Người dân không còn chú trọng đến mối quan hệ “chiều ngang” mà chuyển sang mối quan hệ của “chiều sâu”, quan hệ theo chuyên môn, nghề nghiệp. Tác giả đã đánh giá và cho rằng hội nghề nghiệp chính là một trong những mối quan hệ đặc trưng của nông dân Thành phố Hồ Chí Minh. Điều này ít nhiều có liên quan đến HTX vì ngoài chức năng là một đơn vị kinh tế, HTX được xem như tập hợp của những người có cùng chung một lĩnh vực nghề nghiệp liên kết với nhau để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Về sự phát triển kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2017) đã đánh giá thực trạng phát triển HTX ở Thành phố đến năm 2017. Các HTX cơ bản đã được tổ chức lại và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Nhiều HTX đã hoạt động có hiệu quả, tạo lòng tin, mang lại lợi ích cho thành viên, góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động. Một số HTX đã tổ chức sản xuất theo hướng tham gia

vào chuỗi giá trị, hỗ trợ tốt hơn cho kinh tế hộ gia đình. Liên kết giữa các HTX với nhau và HTX với các thành phần kinh tế khác đã bước đầu được thiết lập. Hiệu quả hoạt động của HTX được minh chứng bằng nhiều HTX tiêu biểu ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2017) đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm đồng thời cũng đề xuất một số giải pháp phát triển tương ứng đối với sự phát triển của kinh tế HTX. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh (2017) đã nghiên cứu và đánh giá sự phát triển của HTX trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn 5 huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ. Qua đó xác định, sự phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn Thành phố có những thuận lợi đồng thời cũng gặp phải một số khó khăn.

Thuận lợi: Chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đã tác động thúc đẩy hình thành những HTX tiên tiến, hiện đại. Một số chính sách như: hỗ trợ lãi vay, hỗ trợ nguồn nhân lực, hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu đã có tác động đến các HTX nông nghiệp. Sản phẩm đầu ra của các HTX cơ bản ổn định do HTX đã ký kết tiêu thụ với các doanh nghiệp lớn và đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt, số lượng ổn định.

Khó khăn: Các HTX nông nghiệp vẫn còn một số khó khăn cần phải khắc phục như: cơ sở vật chất chưa hoàn chỉnh, chưa xây dựng được chuỗi giá trị nông sản hoàn chỉnh, mặt bằng sản xuất chưa ổn định, một số diện tích đất canh tác nằm trong khu vực quy hoạch nên việc đầu tư còn hạn chế, vốn của HTX còn nhỏ...

Trần Minh Tâm (2005) đã nghiên cứu loại hình HTX thương mại thông qua phân tích hai mô hình tiêu biểu là HTX liên phường 1 và 3, Quận 3 và Liên hiệp HTX thương mại Thành phố, qua đó đã nhận xét, đánh giá tình hình phát triển của HTX thương mại ở Thành phố đến năm 2003. HTX thương mại là tổ chức kinh tế của những người có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp

sức lập ra theo Luật hợp tác xã để kinh doanh thương mại và dịch vụ nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và từng xã viên, phát triển mạng lưới kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện điều kiện kinh tế của xã viên và cộng đồng. Khác với HTX mua bán thời bao cấp, HTX thương mại là đơn vị kinh tế được tổ chức trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự chủ về mặt tài chính, tự chịu trách nhiệm vật chất trước các thành viên và pháp luật, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. HTX thương mại hoạt động đa dạng, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, có nhiều hình thức sở hữu đan xen. HTX thương mại không những giúp những người sản xuất hàng hóa nhỏ khỏi lâm vào tình trạng bần cùng, mà còn làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại, làng nghề... qua đó tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao đời sống nhân dân. Do đó, việc phát triển HTX thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp và cần thiết. Cũng trong lĩnh vực HTX thương mại, Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (2017) đã đánh giá thực trạng phát triển của HTX thương mại ở Thành phố về số lượng, quy mô, nguồn vốn, lao động, việc làm. Các HTX thương mại trên địa bàn Thành phố hoạt động theo mô hình tạo việc làm và cung ứng sản phẩm dịch vụ, thực hiện kinh doanh ban lẻ hàng tiêu dùng, làm đại lý phân phối cho các nhà phân phối lớn, một số HTX tham gia kinh doanh, khai thác và quản lý chợ. Các HTX thương mại trên địa bàn Thành phố hoạt động ổn định với doanh thu tăng bình quân từ 15-25% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (2017) cũng chỉ ra một số khó khăn của HTX thương mại, như: một số HTX, liên hiệp HTX chưa chuyển đổi hoạt động theo Luật hợp tác xã 2012, trình độ cán bộ quản lý HTX còn hạn chế, một số HTX đã ngưng hoạt động nhưng chưa thực hiện các thủ tục giải thể.

Các HTX nông nghiệp đã phát triển sản xuất, góp phần nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. HTX làm đầu mối tiếp nhận chuyển giao, đẩy

manh áp dụng khoa học – công nghệ mới, nâng cao trình độ cho xã viên. HTX hỗ trợ đầu vào, đầu ra sản xuất cho các thành viên, hộ nông dân với giá thành tốt nhất. HTX góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập người dân ngoại thành, góp phần xóa đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách với các quận nội thành, góp phần đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm an toàn cho Thành phố. HTX góp phần giúp các hộ gắn kết với doanh nghiệp, thị trường. Bên cạnh đó, HTX nông nghiệp cũng góp phần không nhỏ vào xây dựng nông thôn mới (Luu Thị Kim Hoa, 2017).

Những kết quả nghiên cứu trên đã cung cấp một bức tranh đa dạng về điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là một quá trình cập nhật, điều chỉnh, hình thành và phát triển những HTX mới. Một số kết quả nghiên cứu đã ít nhiều đề cập đến những HTX ở những lĩnh vực kinh tế như thương mại, nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh là những tài liệu quan trọng của luận án.

1.2.3. Nhóm nghiên cứu của tác giả nước ngoài về kinh tế thị trường, đổi mới, hợp tác xã có liên quan đến đề tài

Tư tưởng xây dựng và phát triển phong trào HTX đầu tiên trên thế giới thuộc về hai nhà Chủ nghĩa xã hội không tưởng là Robert Owen và Charles Fourier.

Robert Owen (1814), Quan điểm mới về xã hội hay tiểu luận về nguồn gốc của sự hình thành đặc tính nhân loại; Robert Owen (1844), Thế giới đạo đức mới; Robert Owen (1849), Cách mạng trong ý thức và hoạt động của nhân loại... là những tác phẩm thể hiện quan điểm phê phán những cơ sở của chế độ tư bản chủ nghĩa như: chế độ tư hữu, kết cấu giai cấp xã hội, sự bần cùng hóa nhân dân lao động. Ông đánh giá khá đúng đắn ý nghĩa to lớn của sự phát triển lực lượng sản xuất trong thời đại cách mạng công nghiệp. Owen cho rằng chế độ

tư hữu là nhân tố duy trì và tăng cường sự suy đồi về đạo đức của các giai cấp trong xã hội; là nguyên nhân của thù hằn và đấu tranh giữa các dân tộc. Từ đó Robert Owen đưa ra những dự định về việc xây dựng một xã hội mới. Xã hội mới đó vận hành hợp lý theo nguyên tắc sở hữu chung và lao động chung, kết hợp lao động trí óc và chân tay, sự phát triển toàn diện của cá nhân, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Xã hội không có giai cấp ấy là một liên minh tự do của các công xã tự quản (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018).

Charles Fourier với các tác phẩm: Lý luận về bốn thứ vận động và những vận mệnh phổ biến (1808), Luận văn về hiệp hội gia đình và nông nghiệp (1822), Thế giới công nghiệp và hiệp hội mới (1829), Fourier đã nhìn thấy trong lịch sử loài người sự thay đổi liên tục của các trật tự xã hội và các chế độ xã hội khác nhau. Theo ông, tiến trình lịch sử xã hội loài người trải qua bốn giai đoạn: mông muội, dã man, gia trưởng và văn minh. Văn minh là giai đoạn tư bản chủ nghĩa ở đó mọi thói hư tật xấu từ giản đơn đã trở thành phức tạp, mập mờ, hai mặt và giả dối. Văn minh tư sản, vận động trong cái vòng luẩn quẩn. Đặc điểm của nó là sản xuất và tổ chức tạo ra nguồn của cải tăng lên nhưng những người sản xuất không được hưởng. Ông cho rằng, trong giai đoạn văn minh, sự nghèo khổ sinh ra từ chính bản thân sự thừa thãi. Giai đoạn văn minh cần phải được thay thế. Mục đích không phải làm cho chế độ văn minh tốt hơn lên mà là tiêu diệt chế độ đó. Ông dự đoán thêm rằng chế độ văn minh tư sản phải chuyển qua một giai đoạn mới của lịch sử loài người, tức là giai đoạn của “chế độ xã hội được bảo đảm”, trong đó có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, mỗi con người riêng biệt có thể tìm thấy điều có lợi cho mình trong cái lợi chung của toàn xã hội. Học thuyết của Fourier về một xã hội mới là hệ thống công nghiệp mới hay chủ nghĩa công nghiệp mới theo cách gọi của ông. Đơn vị cơ sở của xã hội mới ấy bắt đầu từ các phalanges (một kiểu công xã). Trong mỗi phalanges có nhiều ngành sản xuất và có sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp. Dân cư ở phalanges sống trong các nhà công

cộng, lao động chung. Những người tài năng và có năng lực tổ chức thì được thưởng đặc biệt. Quan điểm này khá mới và không có trong quan điểm các nhà xã hội chủ nghĩa trước Fourier. Tất cả các phalanges được tổ chức tự nguyện và không do Nhà nước kiểm soát. Với sự hình thành và củng cố của các phalanges ở tất cả các nước, xã hội sẽ thay đổi và vươn tới xã hội mới mà ông gọi là xã hội hài hoà. Trong xã hội ấy, mọi người đều vui vẻ, tự do và có sự công bằng, bình đẳng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018).

Viện phát triển quốc tế Harvard – Trường Đại học Harvard (1994), đã phân tích cải cách hệ thống kinh tế ở Việt Nam và Lào, Đông Dương sau chiến tranh lạnh - làn gió rét từ Đông Âu, nền kinh tế thị trường dưới các chế độ cộng sản - cải cách ở Việt Nam và Lào. Tác giả cho rằng quá trình đổi mới của Việt Nam thực tế đã bắt đầu từ cuối những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Những biến đổi về chính sách và cơ chế kinh tế tiến hành trong các năm trước và sau năm 1979 là thời gian tiền cải cách. Đặc biệt năm 1989 là một bước ngoặt của công cuộc đổi mới trên nhiều mặt, từ nông nghiệp đến công nghiệp, từ chính sách đối với các thành phần kinh tế đến các chính sách kinh tế vĩ mô, cơ chế và chính sách làm thông thoáng thị trường trong nước và nhất là chính sách kinh tế đối ngoại đa phương hóa và đa dạng hóa các đối tác và hình thức quan hệ kinh tế... Những thành công về chính sách giá cả, tiền tệ cũng như thành công ban đầu về chống siêu lạm phát đã tạo ra sự ổn định kinh tế vĩ mô (từ đầu năm 1992), tạo đà thuận lợi cho bước tiếp theo của công cuộc đổi mới kinh tế như một yếu tố để thực hiện thành công các chiến lược phát triển kinh tế-xã hội ở thời kỳ tiếp theo.

Kerkvliet Ben (1998), đã trình bày quá trình hình thành các HTX ở Việt Nam. Tác giả bài viết cho hay, từ năm 1955 đến 1956, khi hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Chính phủ Việt Nam do Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo chuẩn bị tiến hành hai giai đoạn của chương trình nông nghiệp sau này. Để

tạo ra sự chuyển đổi, các nhà lãnh đạo Việt Nam đã đề ra năm bước tiến hành. Các bước bao gồm: tổ đổi công, tổ đổi công thường xuyên, tổ đổi công bình công chấm điểm, hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp và hợp tác xã nông nghiệp bậc cao và cuối cùng sẽ đạt tới trình độ hợp tác hóa hoàn toàn.

Phân tích về số lượng và chất lượng HTX, Kerkvliet Ben (1998) cho rằng số liệu báo cáo chưa thực sự chính xác và hiệu quả lao động trong HTX cũng rất thấp. Ở xã Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội), nơi đã thành lập trên 100 HTX trong vòng vài tháng, năm 1959, nhiều HTX trong đó không thể huy động được xã viên tham gia các hoạt động theo yêu cầu. Hầu hết HTX đều có chất lượng thấp, hoạt động vẫn còn lộn xộn. Tính trung bình, mỗi năm xã viên chỉ làm việc cho HTX 92 ngày. Thời gian còn lại, họ làm việc cho bản thân theo kiểu khác.

Việc xây dựng và phát triển chưa xuất phát từ sự tự nguyện nhưng vẫn có số lượng lớn xã viên vào HTX. Nhiều nông dân vẫn còn chưa tin tưởng vào kinh tế HTX, chưa nhận thấy lợi ích khi tham gia HTX do vậy dẫn đến hiện tượng họ không quan tâm đến việc chăm sóc ruộng đất và các công việc khác của HTX. Phong trào HTX chưa chín muồi. Tuy vậy nhưng vẫn có báo cáo rằng hầu hết nông dân đã vào HTX (khoảng 90% số hộ gia đình trong tỉnh – tỉnh Hà Đông cũ). Có tình trạng này là vì ở một vài nơi, phong trào hợp tác hóa là sự “đánh trống, ghi tên” để làm tăng mức độ HTX. Thực sự ở một số nơi đã có sự gò ép nông dân vào HTX. Một số khác thì bị vận động vào HTX bằng nhiều hình thức, như: biểu quyết tham gia HTX ở một số cuộc họp, ai không biểu quyết hoặc lưỡng lự thì được xem như không ủng hộ HTX, không ủng hộ chế độ; Kêu gọi học sinh, sinh viên vận động bố mẹ, người thân tham gia HTX, ai không tham gia sẽ bị đánh thuế cao hơn... Chính những biện pháp này đã tạo hiệu ứng tâm lý khiến nhiều người vào HTX. Đối với nhiều người, vào HTX là thực hiện

chính sách của Nhà nước. Họ tin vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng (Kerkvliet Ben, 1998).

Vào HTX để hy vọng cuộc sống tốt đẹp hơn. Trong suy nghĩ của người nông dân, lựa chọn HTX là đời sống được cải thiện. Vào HTX được chia sẻ chi phí và rủi ro thay vì phải gánh vác một mình. Hơn nữa, thông qua làm ăn tập thể, họ có thể bón phân nhiều hơn, mua máy kéo và đầu tư kỹ thuật để thâm canh tăng năng xuất. Tất cả mọi thứ sẽ được Chính phủ giúp đỡ. Nhà nước sẽ đánh thuế ít hơn đối với xã viên so với những người ở ngoài HTX, bộ đội giúp đắp đê phòng lũ và được tiếp cận những kỹ thuật canh tác mới. Tính trên phạm vi toàn quốc, sản lượng lương thực trên đầu người đã tăng lên từ năm 1955. Mức tăng của giá trị nông phẩm trung bình hàng năm trong giai đoạn 1957-1960 là 5,6%. Thu nhập bình quân và số lượng lúa trong các hộ nông dân cũng tăng lên (Kerkvliet Ben, 1998).

Jung Winfried (2001), *Kinh tế thị trường xã hội: hệ thống kinh tế dành cho các nước đang phát triển*, (bản dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội đã khái quát về kinh tế thị trường xã hội, một số nhân tố cơ bản của khái niệm như cạnh tranh, vai trò của nhà nước, hệ thống an ninh xã hội, tầm quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Drummond Lisa (1998), đã phân tích thực trạng quá trình đô thị hóa mạnh mẽ ở vùng ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh thông qua huyện Thủ Đức. Sự chuyển đổi này là một phần của chương trình quốc gia về chuyển đổi nền kinh tế nông thôn từ nông nghiệp thành một nền kinh tế có nền tảng công nghiệp và đó là sự chuyển đổi phù hợp với quy luật tự nhiên. Tác giả cũng cho rằng quá trình đô thị hóa thực tế đã diễn ra từ đầu năm 1970. Từ năm 1990 trở đi, tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ hơn do sự phát triển của công nghiệp hóa và việc người dân bị mất ruộng và trở thành những công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp.

Arkadie Brian Van (2004), đã nghiên cứu những kinh nghiệm sự phát triển của Việt Nam trong quá trình đổi mới, phát triển doanh nghiệp, tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo. Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, Việt Nam đã giành được những thành công đáng kể trong tăng trưởng kinh tế và công cuộc xóa đói giảm nghèo. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á nhưng nhịp độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ xóa đói giảm nghèo trong suốt những năm 1990 luôn đứng vào hàng cao nhất thế giới. Bước ngoặt trong quá trình hồi phục và phát triển kinh tế của Việt Nam là từ năm 1989 đến 1992, khi tăng trưởng GDP từ 4,7% lên 8,1% (1992) và lạm phát giảm xuống còn dưới 20%. Từ năm 1993 đến 1997 là giai đoạn tăng trưởng nhanh. Động cơ cho sự tăng trưởng là sự mở rộng xuất khẩu. Từ năm 1989 đến năm 1997, giá trị xuất khẩu tăng gấp 7 lần. Trong nông nghiệp, tỷ lệ tăng trưởng vượt qua tốc độ mở rộng của thị trường. Chìa khóa của sự thành công trong xuất khẩu là việc tiếp cận những sản phẩm mới khi mà thị phần của Việt Nam trên thị trường thế giới đã tăng. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp... đã dần dần thích nghi được trong nền kinh tế thị trường, sự quản lý của Nhà nước ngày càng chặt chẽ và khoa học. Một vài doanh nghiệp nhà nước đã thích nghi được với kinh tế thị trường. Các tổ chức nhà nước phụ trách về cơ sở hạ tầng đã hoạt động có hiệu quả.

Cùng với tăng trưởng kinh tế, công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam cũng đạt được nhiều thành tựu. Những thành công này đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: Sự tăng trưởng kinh tế nói chung của Việt Nam cao, dẫn đến thu nhập của người dân được cải thiện đáng kể; Phân vùng và xác định ranh giới nghèo và rất nghèo để có chính sách hỗ trợ khác nhau (Arkadie Brian Van, 2004).

Nhìn chung, những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong công cuộc đổi mới đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu. Nhiều người đã nhìn sự đổi mới ở Việt Nam với một sự ngưỡng mộ khi Liên Xô

và hàng loạt các quốc gia Đông Âu sụp đổ thì Việt Nam đã nhận thức được nguy cơ của chính mình và đổi mới thành công. Những thành công trong con đường đổi mới đã mở cửa cho sự phát triển của các ngành kinh tế và xã hội, trong đó có sự đổi mới và phát triển của kinh tế HTX.

Trong khả năng hiểu biết của nghiên cứu sinh, hiện chưa có công trình của tác giả nước ngoài nào có liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu.

Tóm lại, với rất nhiều những công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau cho thấy một bức tranh khá toàn diện về sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung, sự phát triển của kinh tế HTX nói riêng. Những công trình, bài viết, tư liệu đã trình bày trên đây có chất lượng và đáng tin cậy sẽ là nguồn tư liệu để thực hiện luận án hiệu quả. Nguồn tài liệu đa dạng, phong phú với nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về “Đổi mới kinh tế hợp tác xã trong quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2015”.

1.2.4. Nhận xét đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Những công trình nghiên cứu về kinh tế, kinh tế thị trường ở Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ ra hiện trạng sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (1986). Thể chế kinh tế này ngày càng hoàn thiện và thiết thực khi Việt Nam dần thoát khỏi thời kỳ khó khăn về kinh tế, tốc độ tăng trưởng có lúc thuộc nhóm cao nhất thế giới. Từ nước nghèo, thu nhập thấp, Việt Nam đã gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình, hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới. Các công trình nghiên cứu đi trước vạch ra những yêu cầu đổi mới của nền kinh tế Việt Nam để đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững. Đảng và Nhà nước cần nghiên cứu, xem xét những vấn đề đặt ra để hoàn thiện hơn thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Các nhóm công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn sự phát triển của kinh tế HTX ở Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh đã làm rõ nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn đối với sự ra đời, phát triển của hợp tác xã ở Việt Nam và Thành phố:

Thứ nhất, sự tồn tại và phát triển kinh tế HTX là khách quan, phù hợp với nguyện vọng của nhiều đối tượng trong xã hội. Đồng thời cũng phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ của lượng lực sản xuất ở Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ hai, kinh tế HTX có đủ điều kiện về mặt pháp lý, huy động được những cá nhân, pháp nhân yếu thế vào sản xuất, kinh doanh theo quy mô lớn. Vai trò của HTX trong xã hội ngày càng quan trọng. Thông qua HTX, góp phần giải quyết được các vấn đề kinh tế và xã hội như: thu nhập, việc làm, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, về tổ chức, HTX là kiểu tổ chức phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần, khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn còn lớn. Với bộ máy gọn nhẹ, các HTX tiết kiệm được chi phí hành chính, phát huy được tính dân chủ, nêu cao được trách nhiệm của các cá nhân trong tổ chức và có điều kiện để phát triển theo quy mô lớn.

HTX đã trở thành một thành phần kinh tế không thể thiếu trong cơ cấu kinh tế Việt Nam trong đó có thành phố Hồ Chí Minh. Các công trình nghiên cứu cũng đã chỉ ra nhiều HTX được củng cố, đổi mới về tổ chức và hoạt động, trong đó xuất hiện một số điển hình tiên tiến, hỗ trợ tốt hơn kinh tế thành viên, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động. Sự liên kết giữa các HTX với nhau và với các tổ chức kinh tế khác bước đầu có sự phát triển. Các HTX góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và ổn định chính trị.

Bên cạnh các thành tựu và những ưu thế tiềm năng, các tác giả cũng chỉ ra những hạn chế của quá trình đổi mới và phát triển kinh tế HTX như: sự phát

triển của các HTX chưa tương xứng với tiềm năng, số lượng thành lập mới còn ít, phân bổ chưa đồng đều ở các lĩnh vực, hầu hết còn quy mô nhỏ, thiếu vốn sản xuất, trình độ quản trị yếu, cơ sở vật chất giản đơn, công nghệ lạc hậu, đóng góp vào GDP chưa cao, nhận thức về HTX còn chưa thống nhất, sự liên kết giữa các HTX chưa cao, vai trò của liên hiệp HTX chưa được phát huy, chất lượng nguồn nhân lực thấp....

Kinh tế HTX đã và đang phát triển mạnh mẽ ở thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế đã có những công trình nghiên cứu cụ thể về sự phát triển của HTX trong các lĩnh vực kinh tế như: nông nghiệp, thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp cho đề tài có những tài liệu bước đầu về quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã.

Từ những nhận định như trên, luận án xác định một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu như sau:

Một là quá trình cập nhật, điều chỉnh chủ trương, đường lối và những chính sách cụ thể đối với quá trình đổi mới và phát triển của kinh tế HTX trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua 2 giai đoạn 1986-2002 và 2002-2015.

Hai là quá trình hình thành bộ máy quản lý HTX kiểu mới, nhất là khi có sự điều chỉnh Luật Hợp tác xã năm 2003.

Ba là, nghiên cứu quá trình đổi mới một số hoạt động của HTX như: quá trình hình thành, phát triển HTX về số lượng, chủng loại; quá trình đổi mới và mở rộng sản xuất kinh doanh của các HTX; đánh giá những kết quả đạt được về kinh tế, xã hội cũng như một số những hạn chế còn tồn tại.

Bốn là từ kết quả nghiên cứu, đánh giá quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh, rút ra một số bài học kinh nghiệm để vận dụng cho sự phát triển của kinh tế HTX ở những giai đoạn sau trên địa bàn Thành phố và những địa phương có điều kiện tương đồng.

Tiểu kết chương 1

Nhìn chung, luận án có nguồn tài liệu phong phú như: nghị quyết, chỉ thị, sách, luận văn, luận án, tạp chí, kế hoạch, báo cáo... của các cơ quan hữu quan từ Trung ương đến Thành phố và của các HTX, liên hiệp HTX. Tác giả luận án đã nghiên cứu, thống kê và chia thành ba nhóm tài liệu ở các góc độ khác nhau. Luận án đã góp phần đánh giá những thành tựu đạt được cũng như một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện của những công trình đi trước về những nội dung có liên quan đến luận án để từ đó xác định nội dung mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu. Bên cạnh nội dung chính, chương này cũng đề cập đến một số khái niệm như: HTX, liên hiệp HTX, kinh tế thị trường... là những nội dung được nhắc đến trong luận án nhằm có cách nhìn nhận thống nhất.

Các tài liệu đã nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau về lý luận và thực tiễn phát triển của HTX song chưa có tài liệu nào nghiên cứu về đổi mới kinh tế HTX trong quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2015.

CHƯƠNG 2

GIAI ĐOẠN ĐẦU ĐỔI MỚI KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1986-2002)

*

2.1. Thực trạng sự phát triển hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1986

2.1.1. Hợp tác xã nông nghiệp

Việc phát triển HTX trong những năm 1976 đến 1978 không đáng kể. Năm 1978, ở Thành phố có 1 HTX nông nghiệp. Trong các năm tiếp theo, số lượng các HTX có tăng lên từ 7 HTX năm 1979 lên 10 HTX năm 1981. Tuy nhiên, HTX ở Thành phố được thành lập chưa nhiều so với cả nước, nếu như năm 1980 ở Thành phố mới có 10 HTX nông nghiệp thì trên cả nước là 12.686 HTX (Tổng Cục thống kê, 1987, tr. 34). Số lượng HTX nông nghiệp ở Thành phố giai đoạn từ 1976 đến 1981 còn thấp. Điều này cũng dễ hiểu bởi kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX đang còn là một thành phần kinh tế mới đối với nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hơn nữa, kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh vốn đã quen với nền kinh tế đa thành phần, nhất là kinh tế tư nhân từ thời chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cho nên ít nhiều họ còn e ngại với mô hình kinh tế tập thể.

Bảng 2.1: Số lượng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp qua các năm

	Đơn vị	1976	1977	1978	1979	1980	1981
Hợp tác xã	HTX	-	-	1	7	10	10
Tập đoàn sản xuất	Tập đoàn	-	215	671	790	415	360

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 300)

Bên cạnh việc xây dựng các HTX thì các tập đoàn sản xuất ở Thành phố đã đạt được nhiều kết quả. Năm 1977 toàn Thành phố có 215 tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Hai năm sau, năm 1979 đã tăng lên 790 tập đoàn. Tuy nhiên đến năm 1981, số tập đoàn sản xuất giảm 430 tập đoàn so với năm 1979. Có sự suy giảm này là do từ năm 1979 đến 1981, công tác cải tạo công, nông và thương nghiệp trên địa bàn Thành phố có lúc bị buông lơi (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 1980, tr. 4), do đó thành phần kinh tế tư nhân có điều kiện phát triển trở

lại, làm giảm số lượng của các tập đoàn sản xuất, trong đó có các tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp của HTX và các tập đoàn sản xuất có những biến đổi theo những giai đoạn lịch sử khác nhau. Từ năm 1976 đến 1979, diện tích đất nông nghiệp tăng lên liên tục từ 5.118 ha lên 32.803 ha. Thực trạng đó cho thấy, Thành phố rất quan tâm đến việc mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp của các HTX và tập đoàn sản xuất. Từ năm 1980, với sự phát triển mạnh trở lại của loại hình kinh tế cá thể, diện tích đất của các tập đoàn sản xuất và HTX giảm đi nhanh chóng, chỉ còn chiếm 13,2% (tương đương 10.093 ha) trong tổng diện tích canh tác và tiếp tục giảm xuống còn 8,8% năm 1981, tương đương với 6.756 ha.

Bảng 2.2: Diện tích đất nông nghiệp được tập thể hóa qua các năm

Đơn vị: héc ta

Năm	1976	1977	1978	1979	1980	1981
Diện tích đất canh tác của tập thể và cá thể	-	-	77.195	77.883	76.613	76.485
Diện tích đất của HTX	-	-	298	1.018	1.104	742
Diện tích đất của tập đoàn	-	5.118	25.085	31.785	8.989	6.014
Tổng HTX và Tập đoàn	-	5.118	25.383	32.803	10.093	6.756

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 301)

Cùng với sự tăng, giảm của diện tích đất nông nghiệp của các HTX và tập đoàn sản xuất, số lượng lao động từ năm 1976 đến 1981 của loại hình kinh tế này đối với ngành nông nghiệp cũng có sự tăng giảm tương ứng. Năm 1977 với 20.289 người tăng lên 157.635 người năm 1979 (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 300). Điều này cho thấy những năm đầu sau giải phóng, loại hình kinh tế HTX và tập đoàn sản xuất đã tập hợp được một nguồn lao động khá lớn. Nguồn lao động này, một phần là người lao động nông nghiệp trong Thành phố được vận động vào các HTX và tập đoàn sản xuất. Bên cạnh đó, một bộ phận thương lái sau cải tạo công thương nghiệp được chuyển sang lĩnh vực sản xuất, trong đó có sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1980, với sự suy giảm của diện

tích đất nông nghiệp của các HTX và tập đoàn sản xuất, số lượng lao động trong loại hình kinh tế này cũng giảm xuống còn 74.066 người năm 1980 và 57.019 người năm 1981 (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 300). Sự suy giảm nguồn lao động là do một bộ phận lao động nông nghiệp trong kinh tế tập thể đã chuyển sang loại hình kinh tế cá thể. Một minh chứng dễ thấy cho việc chuyển lao động từ tập thể sang cá thể là số lượng lao động của HTX và TĐSX giảm nhưng tổng số lao động nói chung trong ngành nông nghiệp có sự tăng lên liên tục từ 242.406 người năm 1976 đến 292.442 người năm 1979 và 319.212 người năm 1981 (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 300).

Bảng 2.3: Tổng số lao động nông nghiệp hợp tác hóa trong tổng lao động tập thể và cá thể

Đơn vị: người

Năm	1976	1977	1978	1979	1980	1981
Tổng số lao động nông nghiệp tập thể và cá thể	242.406	265.713	279.462	292.44 2	310.989	319.212
Lao động HTX	-	-	1.835	8.149	7.514	7.000
Lao động vào tập đoàn sản xuất	-	20.289	126.779	149.48 6	66.552	50.019
Tổng số vào HTX và tập đoàn	-	20.289	128.614	157.63 5	74.066	57.019

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 300)

Giá trị sản lượng nông nghiệp của thành phần kinh tế HTX trong những năm từ 1976 đến 1981 cũng có những biến động. Năm 1979, giá trị đóng góp của thành phần kinh tế tập thể là 25 triệu đồng, bằng 1/3 giá trị sản lượng so với thành phần kinh tế cá thể (75,6 triệu đồng) nhưng gấp 4 lần so với kinh tế quốc doanh (6,1 triệu đồng). Giá trị thấp nhất của thành phần kinh tế tập thể được thống kê là 8,8 triệu đồng năm 1978, chỉ một năm sau đã tăng lên gấp 3 lần (25 triệu đồng) và có sự giảm xuống vào các năm sau đó lần lượt là 14,4 triệu đồng và 13,3 triệu đồng tương ứng với các năm 1980 và 1981 (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr 301).

Bảng 2.4: Giá trị tổng sản lượng ngành trồng trọt phân theo thành phần kinh tế (Theo tỷ giá cố định năm 1970)

Đơn vị: triệu đồng

Năm	1976	1977	1978	1979	1980	1981
Quốc doanh	0,7	1,1	1,5	6,1	4,2	3,6
Tập thể			8,8	25	14,4	13,3
Cá thể	93,8	94,7	61,9	75,6	88,3	90,4
Tổng	94,5	95,8	72,2	106,7	106,9	107,3

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 301)

Giá trị sản lượng nông nghiệp trong thành phần kinh tế tập thể có sự biến thiên như vậy là do chính sách kinh tế chưa thống nhất. Thành phần kinh tế tập thể (HTX và tập đoàn sản xuất) mặc dù được ưu tiên song chưa tạo được động lực phát triển. Các HTX và tập đoàn sản xuất được thành lập chủ yếu do Nhà nước vận động, chưa xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân nên chưa phát huy tác dụng. Các HTX được xây dựng trên quy mô lớn, số lượng lao động đông nhưng giá trị sản lượng lại không tương ứng, hiệu xuất lao động thấp hơn so với kinh tế cá thể trên cùng một đơn vị canh tác. Nguyên nhân, theo nghiên cứu của Giáo sư Đặng Phong khi nghiên cứu kinh tế tập thể ở miền Bắc Việt Nam (mô hình này sau được áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh và toàn miền Nam) đã chỉ ra: kinh tế tập thể xuất phát từ cơ sở lý thuyết là “quy mô lớn có thể tạo ra hiệu quả cao” (Đặng Phong, 2015, tr. 99). Từ suy nghĩ đó, HTX được xây dựng một cách ồ ạt, tăng nhanh về số lượng nhưng hiệu quả kinh tế lại không cao, công lao động trong HTX ngày càng thấp, chỉ còn được tính bằng vài lạng thóc:

“Cuối những năm 60 của thế kỷ XX, Tổng cục Thống kê đưa ra một con số làm giới quản lý phải giật mình: 70% thu nhập của hộ nông dân là do mảnh ruộng “5%” làm ra, còn 95% ruộng đất giao cho HTX khai thác chỉ đảm bảo được phần thu nhập còn lại. Cũng dễ hiểu! Ruộng đất của HTX chỉ cho sản lượng 2 tấn/héc ta/vụ, trong khi đất “5%” của xã viên cho đến 10 tấn/héc ta/vụ, mỗi năm lại quay vòng đến 2-3 vụ..., khi người nông dân đổ mồ hôi trên mảnh ruộng “5%” của họ thì tin chắc rằng mọi hạt lúa làm ra trên mảnh ruộng ấy đều thuộc

về họ. Đó chính là động lực mãnh liệt nhất của kinh tế tiểu nông mà các nhà lý luận về hợp tác hóa đã phần nào coi nhẹ” (Đặng Phong, 2015, tr. 15).

Từ năm 1981 đến 1985, sau khi có chỉ thị của Trung ương về kiên quyết cải tạo các thành phần kinh tế tư nhân, phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể cùng với sự ra đời của Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13/1/1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”, Thành phố đã chủ động tích cực trong phong trào hợp tác hóa. Số lượng HTX không ngừng tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Việc thay đổi cách thức trong xây dựng HTX nông nghiệp đã tạo được một số đột biến về năng suất, chất lượng sản phẩm, đời sống vật chất của thành viên có sự thay đổi đáng kể theo chiều hướng ngày càng đáp ứng tốt hơn.

Công tác điều chỉnh ruộng đất trước đây làm chậm, đến năm 1985 đã gắn với phong trào vận động nông dân đi vào con đường hợp tác hóa. Trong năm 1984 đã có thêm 25.405 hộ nông dân, đưa 19.881 ha đất vào làm ăn tập thể, thành lập thêm 229 tập đoàn và 46 HTX sản xuất nông nghiệp. Cuối năm 1984, có 70% số hộ nông dân và ruộng đất đã tập thể hóa. Các quận 8, Tân Bình, Gò Vấp, huyện Nhà Bè, Củ Chi, Duyên Hải đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất. Nhiều tập đoàn và HTX nông nghiệp đã từng bước thể hiện được tinh thần hơn hẳn của lối làm ăn tập thể (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr 121-122).

Như vậy, đến năm 1985, công tác hợp tác hóa nông nghiệp có nhiều biến đổi, như: khoán sản phẩm, sản xuất kinh doanh tổng hợp, gắn cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp. Tuy nhiên, về mặt hình thức, các HTX vẫn phải thực hiện trong khuôn khổ của kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, còn nhiều vấn đề kinh tế chưa được giải quyết triệt để trong phát triển kinh tế HTX như: quyền tự chủ kinh tế vẫn chưa thuộc về xã viên, công tác khoán mới chỉ thực hiện được một phần nhỏ, còn lại về cơ bản vẫn do Nhà nước quản lý

theo kế hoạch tập trung bao cấp, do đó không phát huy được tối đa những lợi thế của kinh tế HTX.

2.1.2. Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp

Để loại bỏ kinh tế tư nhân, xây dựng kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, từ 1975 đến 1985, Thành phố tiến hành 3 đợt cải tạo công, thương nghiệp. Trong giai đoạn đầu cải tạo, Thành phố đã thành lập 1070 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, tổ chức 122 xí nghiệp công tư hợp doanh. Cùng với quá trình cải tạo là tiến hành hợp tác hóa các ngành nghề quan trọng theo hình thức HTX và tổ hợp sản xuất. Tỷ lệ hợp tác hóa lúc đó chiếm 56% số lao động tiểu thủ công nghiệp. Tỷ trọng kinh tế quốc doanh chiếm từ 70-75% giá trị tổng sản phẩm công nghiệp, tỷ trọng thành phần kinh tế tập thể chiếm hơn 21% (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 151), cụ thể:

Bảng 2.5: Cơ sở và lao động trong các tổ chức lao động tập thể (HTX và Tổ sản xuất) đối với ngành kinh tế tiểu thủ công nghiệp

Năm	1977		1979		1981	
	Cơ sở (cái)	Lao động (người)	Cơ sở (cái)	Lao động (người)	Cơ sở (cái)	Lao động (người)
HTX	27	6.497	163	27.064	253	29.704
Tổ sản xuất	665	35.653	1.912	68.019	1.760	48.325
Tổng số	692	42.150	2.075	95.083	2.013	78.029

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 138)

Bảng số 2.5 cho thấy, số lượng HTX tiểu thủ công nghiệp không ngừng tăng lên về số lượng từ 27 HTX năm 1977 lên 253 HTX năm 1981. Cùng với sự phát triển của các HTX, các tổ sản xuất cũng có sự phát triển mạnh về số lượng từ 655 năm 1977 lên 1.760 năm 1981. Sự gia tăng về số lượng của các HTX và tổ sản xuất đã giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động mỗi năm. Năm 1977 đã thu hút và giải quyết việc làm cho 42.150 người đến năm 1979

con số này là 95.083 người. Năm 1981 do buông lỏng quản lý, số lao động trong thành phần kinh tế tập thể suy giảm xuống còn 78.029 người. Số lao động giảm là do một bộ phận lao động đã chuyển sang lĩnh vực kinh doanh tự do, cá thể.

Bảng 2.6: Năng suất lao động tiểu thủ công nghiệp trong kinh tế tập thể
Đơn vị: đồng

Năm	1976	1977	1978	1979	1980	1981
HTX	2.193	4.268	7.326	5.908	5.128	6.326
Tổ sản xuất	1.296	2.812	3.462	5.753	6.589	8.587
Tổng	3.489	7.080	10.788	11.661	11.717	14.913

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 150)

Bảng 2.6 cho thấy, năng suất lao động phản ánh thực trạng sản xuất kinh doanh trong các HTX và tổ sản xuất. Trong những năm 1976 đến 1981, năng suất lao động nói chung trong các HTX và tổ sản xuất đều tăng, trong đó tăng mạnh nhất là các tổ sản xuất, tăng lên xấp xỉ 8 lần từ năm 1976 đến 1981. Hiệu quả lao động trong các HTX cũng có sự tăng mạnh từ hơn 2.000 đồng năm 1976 lên hơn 6.000 đồng năm 1981 (tăng gấp 3 lần). Hiệu quả lao động tăng là dấu hiệu tích cực trong sản xuất kinh doanh của các HTX và tổ sản xuất, bên cạnh đó là sự quản lý của Nhà nước ngày càng có được cải thiện, phù hợp với thực tiễn đặc thù của Thành phố.

Giá trị tổng sản lượng của các HTX cũng tăng liên tục qua các năm, từ 3,1 triệu đồng năm 1976 đã tăng lên trên 165 triệu đồng năm 1979. Năm 1980 do sự buông lỏng trong cải tạo công, thương nghiệp, cho nên giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp của các HTX có phần giảm xuống còn 140 triệu đồng. Từ năm 1981, giá trị sản lượng trong ngành tiểu thủ công nghiệp của các HTX đã tăng trở lại, đạt 166,9 triệu đồng (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr 111). Sự tăng trở lại giá trị sản lượng ngành tiểu thủ công nghiệp đối với thành phần kinh tế HTX là do có sự đầu tư, đổi mới trong cách quản lý, điều hành HTX.

Bảng 2.7: Giá trị tổng sản lượng tiêu thủ công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (theo giá cố định 1970)

đơn vị: triệu đồng

Năm	1976	1977	1978	1979	1980	1981
HTX	3,1	31,1	149,0	165,4	140,1	166,9
Tổ sản xuất	28,3	121,1	205,2	316,2	314,2	395,5
Cá thể	0	149,1	184,3	245,0	418,5	638,8
Xí nghiệp tư nhân	279,5	143,8	115,0	187,4	188,2	241,5
Tổng số	310,9	445,1	653,5	914,0	1062,0	1442,7

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1981, tr. 111)

Nhìn chung, đến năm 1985, Thành phố Hồ Chí Minh đã vận động hơn 24.659 cơ sở tiêu thủ công nghiệp với 170.000 lao động, trong đó hơn 60% lao động đã vào HTX hoặc tổ sản xuất. Khu vực tập thể chiếm hơn 23% giá trị tổng sản lượng kinh tế công nghiệp và đang có chiều hướng tăng. So với năm 1976, khu vực tập thể tăng gấp 2,5 lần (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 108-109).

2.1.3. Hợp tác xã mua bán, tín dụng, vận tải

Từ năm 1975 đến 1978, Thành phố tiến hành cải tạo thương nghiệp tư nhân, xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đưa tư thương trở về sản xuất hoặc phải chuyển vào các công ty thương nghiệp quốc doanh và HTX mua bán.

Trong phân phối lưu thông, tháng 3/1978, cùng với toàn miền Nam, Thành phố đã tiến hành cải tạo tư sản thương nghiệp có quy mô lớn, tập trung đồng loạt. Thành phố đã huy động hàng vạn cán bộ các ngành, các giới tiến hành kiểm kê, kiểm soát, trung thu, trung mua hàng hóa, vật tư và cơ sở kinh doanh. Trong năm 1978, tổng số thương nghiệp được cải tạo là 28.787 hộ, chuyển đi sản xuất ở các tỉnh và hồi hương là 3.494 hộ, số còn lại chuyển sang sản xuất tại chỗ, hoạt động trong các ngành công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, giao thông vận tải... Giá trị hàng hóa trung thu, thu mua được là 20,6 triệu (Đặng Phong, 2015, tr. 120). Cùng với quá trình cải tạo, Thành phố đã chuyển

thành quốc doanh 412 cơ sở buôn bán lớn, 159 khách sạn trong năm 1978 (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 152).

Từ năm 1979 đến 1981, sau khi phát hiện những sai sót trong cải tạo nông - công - thương nghiệp và những hạn chế trong xây dựng, phát triển cũng như hiệu quả của kinh tế HTX không đạt được mục tiêu đề ra, Thành phố đã có phần buông lỏng cải tạo dẫn đến tình trạng, khu vực sản xuất quốc doanh và tập thể (kể cả công tư hợp doanh) tàn lụi dần; phân phối lưu thông rối loạn, đời sống nhân dân xuống thấp, Nhà nước không có tích lũy. Ở nông thôn, một số HTX và tập đoàn sản xuất bị tan rã, tỷ lệ nông dân làm ăn tập thể từ 52% còn 18%, diện tích hợp tác hóa từ 42% còn 8,8% vào năm 1981 (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 151-152).

Từ năm 1982, qua kinh nghiệm từ các năm trước, Thành phố xác định cải tạo phải đi đôi với xây dựng đồng thời phải hình thành quan hệ sản xuất mới. Cải tạo phải có bước đi thích hợp, tìm tòi những tổ chức kinh tế quá độ trên cơ sở nắm sâu đặc điểm và quy luật vận hành của từng ngành ở một số thành phố có trình độ phát triển kinh tế nhất định với các hệ thống nhu cầu đa dạng của toàn khu vực mà thành phố là trung tâm... Cái mới trong công tác cải tạo là phải có phương thức quản lý và phân phối mới (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 153).

Theo phương thức mới, các tổ chức thương nghiệp quốc doanh và HTX chuyển sang thu mua hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp bằng cách tích cực tác động vào sản xuất chứ không ngồi chờ, không đơn thuần làm thủ tục tính toán lời lỗ trên các mặt hàng có sẵn như trước đây. Ngành thương nghiệp bắt đầu quan tâm nghiên cứu nhu cầu sản xuất và nhu cầu xã hội, tạo điều kiện cho cơ sở sản xuất, khắc phục khó khăn về vật tư, nguyên liệu. Ngành thương nghiệp đã từng bước chủ động nắm bắt các mặt hàng hơn trước, thiết thực phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống.

Đến 1985, Thành phố đã hình thành hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa từ trên xuống dưới. Thương nghiệp quốc doanh có 11 công ty chuyên doanh, 4 cửa hàng tổng hợp với 2.300 cửa hàng bán lẻ. Các công ty thương

nghiệp tổng hợp cấp quận, huyện với mạng lưới bán lẻ đến phường, xã. Hệ thống thương nghiệp HTX - trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh cũng hình thành các công ty cấp thành phố, quận huyện và phường xã với 3.000 điểm bán hàng. Kinh nghiệm tổ chức mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở Thành phố là mạnh dạn phân cấp cho quận, huyện, phường, xã... (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 138).

Thành phố đã tiến hành cải tạo và sắp xếp lại thương nghiệp tư nhân để quản lý sản phẩm và giá cả đi đôi với xây dựng mở rộng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, gồm: 42 công ty, hơn 100 cửa hàng ở huyện, 85 HTX mua bán, 670 cửa hàng, quầy hàng ở phường, xã, quản lý gần 80 chợ trong các quận ven, huyện, phường, xã, hình thành HTX tín dụng... (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 123).

Nhìn chung, qua 10 năm xây dựng và phát triển, thành phần kinh tế tập thể (HTX và tổ sản xuất) ở Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định về số lượng, quy mô. Bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế tập thể trong đó có HTX ngày càng bộc lộ nhiều khuyết điểm do không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời bình, nhất là ở một thành phố vốn năng động như Thành phố Hồ Chí Minh. Sau 5 năm phát triển kinh tế tập thể, kinh tế Thành phố gặp nhiều khó khăn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ. Các HTX và tổ sản xuất không tạo được động lực cho thành viên và người lao động, ngược lại xuất hiện tình trạng dựa dẫm, ỷ lại, thiếu trách nhiệm.

2.2. Chủ trương của Thành phố Hồ Chí Minh về đổi mới kinh tế hợp tác xã

Đại hội VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thẳng thắn trong việc đánh giá tình hình: nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr. 694). Cùng với việc đánh giá đúng những thành tựu đạt được, ở Đại hội này, Đảng chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những

năm tiếp theo của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là ổn định tình hình kinh tế - xã hội, bao gồm ổn định và phát triển sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, tăng cường hiệu lực tổ chức quản lý, thiết lập trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr. 898).

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua ngày 27/6/1991, Đảng đã khẳng định: phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi... Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991).

Tiếp tục khẳng định đổi mới tư duy kinh tế của Đảng đối với kinh tế tập thể, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã định hướng: Tiếp tục đổi mới và kiện toàn kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hòa sức mạnh của tập thể và của xã viên. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng (nông thôn) ở những nơi cần thiết và có điều kiện (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991-a).

Sau mười năm đổi mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã khẳng định kinh tế hợp tác mà nòng cốt là HTX đã có sự phát triển ngày càng phù hợp với quy luật phát triển. HTX là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh

doanh và đời sống. Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến HTX, tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. HTX được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015-a, tr. 378).

Đến năm 2000, HTX ngày càng phát huy được vai trò kinh tế và xã hội khi các hình thức hợp tác đa dạng, đa ngành với quy mô và mức độ hợp tác khác nhau, không bị ràng buộc bởi những kế hoạch phát triển của các cơ quan Nhà nước Trung ương và địa phương. Kinh tế HTX cơ bản đã đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, đa dạng trong các ngành, nghề với quy mô và mức độ tập thể hóa khác nhau, trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức của những người lao động. Tổ chức và hoạt động của HTX không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Một hộ gia đình có thể tham gia các HTX khác nhau và có quyền rút ra khỏi HTX theo điều lệ (Đảng Cộng sản Việt nam, 2007, tr. 163).

Phát triển HTX kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và HTX cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại. Mở rộng các hình thức liên kết, liên doanh giữa HTX với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nhà nước giúp HTX đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và quản lý, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, phát triển vốn tập thể, giải quyết nợ tồn đọng của HTX (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016-a, tr. 262).

Năm 2002, lần đầu tiên kể từ sau năm 1986, Đảng ban hành nghị quyết chuyên đề về kinh tế tập thể, Nghị quyết số 13-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 5, ngày

18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”. Nghị quyết bao gồm 6 nội dung chủ yếu, trong đó, quan trọng nhất là nội dung thống nhất nhận thức về các quan điểm phát triển kinh tế tập thể: Kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, mà nòng cốt là HTX, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn (trừ một số lĩnh vực có quy định riêng); phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ; hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, cả người ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ. Các nội dung còn lại trong Nghị quyết số 13-NQ/TW tập trung xác định rõ một số nội dung liên quan đến cơ chế chính sách, sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan, đoàn thể đối với sự phát triển của kinh tế tập thể và tăng cường sự lãnh đạo của cơ quan nhà nước các cấp để kinh tế tập thể có điều kiện phát triển. Qua đó cho thấy, chủ trương của Đảng về kinh tế HTX đang được cập nhật và từng bước hoàn chỉnh, là cơ sở cho các địa phương, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đổi mới và phát triển kinh tế HTX (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2002).

Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam để từng bước nâng cao vai trò của kinh tế hợp tác xã.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ 5 đánh giá về sự phát triển kinh tế tập thể sau 10 năm đổi mới: kinh tế tập thể có nhiều biến động. Trừ một số ít duy trì hoạt động, còn phần lớn giải thể hoặc chuyển sang các hình thức sở hữu khác. Sau khi giải thể liên hiệp HTX tiểu, thủ công nghiệp, công tác quản lý và chỉ đạo kinh tế tập thể bị buông lơi. Trong nông nghiệp, về cơ bản đã chuyển sang kinh tế hộ gia đình, một số HTX chuyển sang dịch vụ cung ứng vật tư và tiêu

thụ nông phẩm, đang xuất hiện hình thức hợp tác từng mặt như tổ nuôi tôm, tổ làm nấm... (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr. 13-14).

Năm 1996, với sự ra đời của Luật Hợp tác xã (3/1996) và Chỉ thị 68 TC/TW, ngày 24/5/1996 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị 03/CT-TU, ngày 11/10/1996 về việc phát triển kinh tế hợp tác trong Thành phố, ghi nhận Thành phố còn 598 HTX và 104 tổ sản xuất thuộc các ngành (chưa tính HTX tín dụng). HTX đã bước đầu thích nghi với cơ chế thị trường, hoạt động hiệu quả hơn. Một số HTX có tổ chức và hoạt động tương đối tốt trong lĩnh vực tiểu – thủ công nghiệp, mua bán, giao thông vận tải. Những HTX này đã góp phần vào phát triển kinh tế của Thành phố và giải quyết việc làm, ổn định xã hội, xóa đói giảm nghèo đồng thời làm nòng cốt để phát triển HTX trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Chỉ thị 03/CT-TU cũng chỉ ra những hạn chế của HTX là: còn khá nhiều HTX hoạt động kém hiệu quả, tồn tại trên danh nghĩa, hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, chủ yếu cho thuê mặt bằng, tài sản để nuôi bộ máy. Thành ủy đã đề ra những nội dung phát triển HTX trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế ở Thành phố trong thời gian tới: phát triển HTX là nhu cầu, là xu thế tất yếu khách quan trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; HTX thực sự phải là tổ chức tự nguyện và phải phù hợp với nhu cầu và trình độ của xã viên; củng cố và đổi mới các HTX hiện có phải đi đôi với việc khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác của quần chúng lao động cùng với việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức tốt việc quản lý Nhà nước đối với HTX bằng pháp luật. Nhà nước không can thiệp vào việc tổ chức và hoạt động của HTX. HTX phải phát huy tính tự lực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, vươn lên phát triển vững mạnh. Bên cạnh đó, cần làm cho các cấp Đảng ủy, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội hiểu rõ sự cần thiết phát triển HTX trong điều kiện mới (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 1996).

Năm 1998, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Chỉ thị 16/1998/CT-UB-KTCN về triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển HTX bằng các chính sách ưu đãi về thuế, nhà đất và tài chính. Thành phố cũng khẳng định, chính sách phát triển HTX là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm củng cố và phát triển thành phần kinh tế tập thể đồng thời yêu cầu các sở, ban ngành của Thành phố theo chức năng, quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo triển khai, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thành phố về phát triển HTX. (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 1998).

Nhận thức được tầm quan trọng của HTX đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, năm 2000, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra quyết định thành lập Trung tâm tư vấn hỗ trợ HTX với chức năng chính là tổ chức các hoạt động tư vấn hỗ trợ, đầu tư chuyên giao công nghệ, khoa học kỹ thuật mới cho cơ sở; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ đầu vào, đầu ra, tiếp thị, xuất nhập khẩu, tạo điều kiện cho các thành viên mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm; Tổ chức các hoạt động thông tin quảng cáo, chào hàng triển lãm, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước; Xúc tiến hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết của các đơn vị thành viên với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; Tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý HTX, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo thợ, nâng cao tay nghề theo kế hoạch, quy hoạch của Hội đồng Liên minh HTX Thành phố; Tham mưu cho lãnh đạo và hỗ trợ các HTX xây dựng các dự án phát triển sản xuất - kinh doanh, quản lý nguồn vốn; theo dõi giúp đỡ các đơn vị thành viên triển khai thực hiện các dự án (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2000).

Năm 2002, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) của Đảng, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đánh giá tình hình phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nói riêng của Thành phố. Sự phát triển của kinh tế tập thể là chưa nhiều, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Kinh tế tập thể đa phần có quy mô nhỏ, vốn ít, hoạt động thiếu ổn định, hiệu quả thấp và lợi ích phân chia

cho các thành viên còn hạn chế, chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản phẩm xã hội của Thành phố. Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể còn lúng túng. Tâm lý hoài nghi, đánh giá thấp kinh tế tập thể còn khá phổ biến trong cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, nên thiếu quan tâm củng cố và tạo điều kiện để phát triển loại hình kinh tế này. Việc tổ chức thi hành Luật HTX, quan tâm tháo gỡ khó khăn, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị để phát triển kinh tế hợp tác chưa tốt. Việc bố trí cán bộ chưa tương xứng, chưa dành những điều kiện thuận lợi cho Liên minh HTX Thành phố hoạt động nên hiệu quả không cao (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2007). Từ những nhận định đó, Thành ủy có Chương trình hành động số 07-NQ/TU, ngày 4/7/2002, thể hiện quyết tâm phát triển kinh tế tập thể, trong đó có dự báo phương hướng đồng thời đề ra giải pháp phát triển kinh tế tập thể trên từng lĩnh vực kinh tế. Chỉ đạo các sở, ban ngành phải phối hợp với Liên minh HTX Thành phố để kiểm tra tình hình thực hiện quy chế phối hợp hoạt động phát triển kinh tế tập thể và giải quyết các vấn đề phát sinh.

Nhìn chung, Thành phố đã từng bước cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về HTX thành các nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với điều kiện Thành phố, phù hợp với sự vận động, đổi mới của kinh tế HTX. Trong thời gian từ 1986 đến 2002, Thành phố đã ban hành nhiều văn bản để đánh giá tình hình phát triển HTX, trong đó đặc biệt là Chỉ thị 03/CT-TU, ngày 11/10/1996 và Chương trình hành động số 07-NQ/TU, ngày 4/7/2002 về việc phát triển kinh tế hợp tác trong Thành phố. Từ đánh giá thực tiễn, Thành phố định hướng sự phát triển HTX, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ HTX trong các lĩnh vực cụ thể. Với sự quan tâm đó, kinh tế HTX ở Thành phố sau thời gian sa sút đã dần dần phục hồi, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, xuất hiện những HTX mới, giải quyết được một phần bài toán kinh tế của Thành phố và tham gia thực hiện tốt các vấn đề xã hội. Sự xuất hiện những HTX mới ở Thành phố, mở ra một hướng đi mới cho các HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

2.3. Bước đầu đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh (1986-2002)

2.3.1. Bước đầu hình thành những hợp tác xã kiểu mới

Từ 1986 đến 2002 là thời kỳ Việt Nam bước vào giai đoạn đầu của đổi mới, trong kinh tế, bên cạnh các công ty quốc doanh và kinh tế tập thể đã thừa nhận sự tồn tại các thành phần kinh tế khác. Cơ chế kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp dần dần được thay thế bằng cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của kinh tế HTX.

Mười năm đầu sau đổi mới (trước khi có sự ra đời của Luật Hợp tác xã năm 1996), kinh tế tập thể mà trọng tâm là các HTX kiểu cũ bị lúng túng trong sản xuất kinh doanh, hiệu quả sản xuất thấp kém, không cạnh tranh được với các thành phần kinh tế khác. Trong khi đó, do tư tưởng nóng vội, thiếu cân nhắc, chạy nhanh từ thái cực này sang thái cực khác, nên trong thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-TW của Bộ chính trị về đổi mới hình thức quản lý HTX, từ Thành phố đến các quận, huyện vội vã giải thể toàn bộ các tổ chức liên hiệp xã các cấp. Thay cũ nhưng chưa có tổ chức mới đã tất yếu dẫn đến tình trạng số lượng HTX, số lao động trong khu vực kinh tế HTX giảm nhanh.

Năm 1987, toàn Thành phố có 1195 HTX (số này có thể lớn hơn do loại hình HTX giao thông vận tải chưa có số liệu thống kê năm 1987 và các năm kế cận) giảm còn 356 HTX năm 2001 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 19). Số lượng HTX giảm mạnh một phần do các HTX kiểu cũ không thể tự thích nghi trong điều kiện mới, một phần khác do chính sách Nhà nước cũng gần như buông lơi, coi nhẹ. Từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến trước khi có Luật Hợp tác xã năm 1996, xu hướng chính sách là coi trọng, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển cho kinh tế hộ, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư nhân, có phần coi nhẹ vai trò và sự phát triển của HTX, thậm chí

“lãng quên” việc xây dựng chính sách cho HTX trong cơ chế thị trường (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 3). Bên cạnh đó, cũng còn những nguyên nhân khác quan khác, như: lạm phát tăng cao, lãi suất ngân hàng và tín dụng đều tăng gây khó khăn cho các HTX trong việc bảo toàn vốn. Có thể nói đây là giai đoạn đầy khó khăn đối với sự phát triển của HTX. Dưới sự tác động của các quy luật trong kinh tế thị trường cùng với các hạn chế, yếu kém, một số lượng lớn HTX lâm vào tình trạng thua lỗ, phá sản. Mô hình tổ chức HTX theo 03 cấp như trước đây đã không còn phù hợp. Để tồn tại, mỗi HTX tự loay hoay thử nghiệm, tìm đường tồn tại hoặc chuyển sang hình thức kinh doanh khác hoặc phá sản. Trong sự loay hoay, tìm tòi, đã có một số HTX tìm được hướng đi đúng và đạt được những thành tựu trong sản xuất kinh doanh. HTX liên phường 1 và 3, quận 3 là một trong những HTX đã thành công trong việc tìm ra lối đi riêng, thoát khỏi sự sụp đổ, vươn lên và thích nghi được trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

HTX liên phường 1 và 3, quận 3 (được thành lập từ HTX tiêu thụ phường 1 và phường 3, quận 3) gặp nhiều khó khăn về vốn và nhận thức của xã viên trong thời gian đầu của đổi mới. Một số xã viên cho rằng HTX khi đó không còn phân phối hàng cho dân nữa, chỉ mua, bán đơn thuần thì không tham gia. Một số cán bộ cũng cho rằng HTX không còn cần thiết vì việc phân phối hàng hóa đã có thương nghiệp tư nhân thực hiện... trong bối cảnh đó, HTX liên phường 1 và 3 ra đời.

Những thành tựu đạt được của HTX liên phường 1 và 3:

1/ Về tổ chức bộ máy: khi sáp nhập 2 HTX mua bán, HTX liên phường 1 và 3 đã tinh giản bộ máy, chấn chỉnh sự tham gia của xã viên và số cổ phần, ai không muốn tham gia thì cho rút cổ phần. Trước khi sáp nhập, 2 HTX có đến 5.000 người, sau sáp nhập chỉ còn 282 xã viên tiêu dùng và 31 xã viên là những tiêu thương (Trần Minh Tâm, 2005, tr 74).

2/ Về phương thức kinh doanh: HTX liên phường 1 và 3 đứng ra làm đầu mối tổ chức mua chung các mặt hàng như thịt, cá, đậu hũ, rau, củ... giao về cho mật dịch viên (là các xã viên) của HTX bán lẻ đến người tiêu dùng trong khuôn viên chợ Bàn cờ. Mua chung như vậy vừa có giá rẻ vừa giảm được chi phí vận chuyển. Cuối ngày, sau khi bán hàng xong, các mật dịch viên nộp tiền hàng cho HTX. Ngoài xã viên, HTX liên phường 1 và 3 còn cho vay vốn hoặc đứng ra mua hàng giúp các tiểu thương có hoàn cảnh khó khăn (Trần Minh Tâm, 2005, tr 74). Từ cách làm trên, HTX liên phường 1 và 3 đã tạo được sự ổn định trong việc mua bán và thu nhập của bà con xã viên, mặt khác góp phần tạo nên sự ổn định trong hoạt động mua bán của chợ Bàn cờ nên được sự ủng hộ của người dân và chính quyền địa phương.

3/ HTX liên phường 1 và 3 đã đạt được những thành quả về kinh tế và xã hội nhất định. Doanh số bán hàng ngày càng tăng lên. Nếu năm 1990 là hơn 4 tỷ đồng đã tăng lên gần 6 tỷ đồng vào năm 1993. Nhờ kinh doanh tốt, hàng năm HTX có đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước (thông qua nộp thuế ngày càng tăng), nếu năm 1990 HTX nộp hơn 41 triệu đồng tiền thuế thì đến năm 1992 là hơn 62 triệu đồng. Ngoài ra, HTX còn thực hiện tốt công tác xã hội ở địa phương, như: hỗ trợ thường xuyên cho các cháu nhà trẻ, mẫu giáo, hộ xã viên khó khăn, hộ neo đơn, già yếu, diện chính sách, chi tiết xem bảng 2.8.

Bảng 2.8: Những thành quả về kinh tế xã hội của HTX liên phường 1 và 3 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	1990	1991	1992	1993
Doanh số bán hàng (tỷ đồng)	4,068	5,484	5,596	5,941
Nộp thuế (đồng)	41.569.578	53.902.084	62.960.291	42.433.940
Tặng quà xã viên (đồng)	1.600.000	2.665.000	1.426.000	2.578.000

(Trần Minh Tâm, 2005, tr. 75)

Bên cạnh những thành tựu đạt được, HTX liên phường 1 và 3 cũng còn những khó khăn cần phải khắc phục:

1/ Xu hướng liên kết, sáp nhập các hộ kinh doanh cá thể, các đơn vị nhỏ thành đơn vị lớn là yêu cầu khách quan nhưng HTX liên phường 1 và 3 cũng có khó khăn do phường 1 và phường 3 của quận 3 không có chung địa giới hành chính.

2/ HTX liên phường 1 và 3 vẫn thiếu vốn do các xã viên chỉ là những tiểu thương hoặc là những người sử dụng dịch vụ của HTX. Hoạt động kinh doanh có lời nhưng ngày càng phải đầu tư nhiều do phải cạnh tranh với kinh tế tư nhân về nâng cao chất lượng dịch vụ của HTX nên mức đầu tư còn lớn. Ngoài ra chính sách thuế còn chưa hợp lý như tiền thuê mặt bằng kinh doanh và mặt bằng làm văn phòng, lan can, nhà vệ sinh được tính chung một giá hay tính thuế môn bài ở cả trụ sở chính và tất cả các cửa hàng bán lẻ.

Luật Hợp tác xã năm 1996 xác định HTX là tổ chức của những người có nhu cầu liên kết vì lợi ích chung và tự nguyện góp vốn để thành lập HTX theo quy định. Sự ra đời của Luật Hợp tác xã đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để HTX củng cố, đổi mới và phát triển. Đến cuối năm 2001, hầu hết các HTX đã thành lập trước năm 1996 đều đã được chuyển đổi và đăng ký lại theo Luật Hợp tác xã 1996. Quá trình chuyển đổi đã tạo điều kiện củng cố lại tổ chức, đổi mới quan hệ sản xuất trong các HTX. Vai trò tự chủ của HTX được đề cao, xã viên tham gia HTX một cách tự nguyện. Nhiều HTX có phương án kinh doanh phù hợp, huy động được sự tham gia đóng góp của xã viên.

Còn nhiều khó khăn, song đây là giai đoạn các HTX tự điều chỉnh để thích nghi trong điều kiện mới. Số lượng giảm nhưng hiệu quả sản xuất của các HTX từ năm 1990 trở đi đang có dấu hiệu hồi phục. Các HTX dần vượt ra ngoài các cơ quan Nhà nước và trở thành những đơn vị kinh tế độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Liên hiệp HTX thương mại Thành phố (Sài Gòn Co.op) là một trong những HTX có sự chuyển đổi điển hình đó.

Liên hiệp HTX thương mại Thành phố được thành lập năm 1989 theo Quyết định 258/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, từ việc chuyển Ban quản lý HTX mua bán thành Liên hiệp HTX mua bán Thành phố Hồ Chí Minh (tên giao dịch Sài Gòn Co.op), với 2 chức năng là trực tiếp kinh doanh và tổ chức vận động phong trào HTX trên địa bàn Thành phố. Sài Gòn Co.op là tổ chức kinh tế HTX theo nguyên tắc xác lập sở hữu tập thể, hoạt động sản xuất kinh doanh tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Đến năm 1998 thực hiện chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã, Liên hiệp HTX mua bán Thành phố đổi tên thành Liên hiệp HTX thương mại Thành phố.

Liên hiệp HTX thương mại Thành phố là một trong những HTX đi đầu trong hợp tác quốc tế. Sự kiện nổi bật nhất là sự ra đời của siêu thị Công Quỳnh - siêu thị đầu tiên của hệ thống siêu thị Co.opmart vào ngày 09/02/1996 với sự hợp tác, giúp đỡ của phong trào hợp tác quốc tế đến từ Nhật Bản, Singapore và Thụy Điển (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 71). Đây là loại hình kinh doanh bán lẻ mới, văn minh, phù hợp với xu hướng phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh, đánh dấu chặng đường mới, quyết định tiến trình phát triển mạnh mẽ của Liên hiệp HTX thương mại Thành phố. Giai đoạn 1998-2002, Liên hiệp HTX thương mại Thành phố là một hình mẫu về kinh tế HTX, là minh chứng sống động về tính cần thiết và hiệu quả của kinh tế HTX. Sự thành công trong hợp tác quốc tế của Liên hiệp HTX thương mại Thành phố đã tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh hợp tác, học hỏi kinh nghiệm quốc tế của các HTX trong thời gian sau đó. Với những thành quả to lớn trong chuyển biến hoạt động kinh doanh và những thành tựu đạt được, Liên hiệp HTX thương mại Thành phố được tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới* vào năm 2000 (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 72).

Không chỉ sụt giảm về số lượng, kinh tế HTX cũng bị thu hẹp dần ở các lĩnh vực kinh tế. Trước năm 1986, HTX đã đạt đến gần như 100% ở tất cả các

ngành kinh tế, đến năm 1990 có ngành kinh tế đã không còn HTX nào như tín dụng. Từ năm 1996 trở đi, khi Luật Hợp tác xã ra đời, có cơ sở pháp lý và nhận được sự quan tâm hơn từ chính quyền địa phương các cấp cùng với kinh nghiệm 10 năm tự thân vận động, các HTX có điều kiện phát triển trở lại ở các lĩnh vực kinh tế.

Bảng 2.9: Số lượng HTX chia theo lĩnh vực kinh tế trong các năm 1987, 1996 và 2002

Đơn vị: hợp tác xã

	1987	1996	2002
HTX Thương mại	153	89	83
Tiểu thủ công nghiệp	713	356	93
Giao thông vận tải	140	140	134
HTX Nông nghiệp	189	13	22
HTX Tín dụng	-	-	9
Tổng số	1.195	598	341

(Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013) và (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019)

Bảng 2.9 cho thấy, đến năm 2002, số lượng HTX giảm đi ở tất cả các ngành kinh tế (ngoại trừ ngành tín dụng chưa có số liệu thống kê của những năm trước), trong đó giảm mạnh nhất là ở lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp. Số lượng giảm ít nhất là ở lĩnh vực giao thông vận tải. Số lượng HTX giảm mạnh là do được vận động thành lập theo kế hoạch và theo các chương trình cải tạo công thương nghiệp của các cơ quan Nhà nước chứ không phải xuất phát từ sự tự nguyện của xã viên. Những vi phạm trong nguyên tắc thành lập HTX đã được ông Nguyễn Văn Linh chỉ rõ: “Trong giai đoạn này chúng ta đã mắc nhiều khuyết điểm: chúng ta chưa nắm vững mục đích của cải tạo là phát triển sản xuất và nâng cao đời sống, nặng về hình thức “xóa, cải” quan hệ sở hữu mà không quản lý sản xuất, kinh doanh tốt hơn, áp đặt cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp làm cho năng xuất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh bị sa sút. Trong nông nghiệp, ta vi phạm nguyên tắc “tự nguyện”, mà nổi lên là chưa biết quản lý sản xuất nông nghiệp quy mô hợp tác, chưa có chính

sách quan tâm đến lợi ích của xã viên” (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 152). Do đó, sau đổi mới, những HTX được miễn cưỡng thành lập ở giai đoạn trước đã tự tan giã để chuyển sang các loại hình kinh tế tư nhân và doanh nghiệp. Điều này phù hợp với thực trạng của Thành phố “nơi có nền kinh tế hàng hóa bước đầu phát triển với cơ chế thị trường khá rõ nét” (Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh & Viện kinh tế, 2000, tr. 66).

Nhìn chung trong thời kỳ đầu đổi mới, kinh tế HTX đã có những thành công nhưng phải đối mặt với không ít những khó khăn. Một trong những khó khăn là họ phải trả lời cho được câu hỏi: thành lập HTX, Liên hiệp HTX như thế nào cho đúng? Thời gian đầu của thời kỳ đổi mới do chưa nhận thức đầy đủ về bản chất của HTX kiểu mới và quá quen với sự bao cấp của Nhà nước nên rất nhiều các HTX không tự chủ được dẫn đến buộc phải chuyển đổi sang loại hình kinh doanh khác hoặc tuyên bố giải thể. Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều HTX đã tự cơ cấu lại tổ chức bộ máy và xã viên, chỉ giữ lại những người thực sự tự nguyện và có tâm huyết với HTX để cùng nhau tìm đối sách, duy trì và từng bước thúc đẩy sự phát triển của HTX. Nguyên tắc tự nguyện trong xây dựng HTX dần hình thành và được nhận thức ngày càng đầy đủ, do đó các xã viên cơ bản gắn bó với HTX. Sự nỗ lực không ngừng của các HTX và các xã viên, góp phần làm cho HTX từ chỗ có nguy cơ sụp đổ đã dần phục hồi và phát triển trở lại.

2.3.2. Đổi mới hoạt động của hợp tác xã

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, HTX được coi là mô hình tổ chức kinh tế tập thể quan trọng để thực hiện việc tập thể hoá triệt để tư liệu sản xuất, tiến tới xã hội hoá tư liệu sản xuất toàn xã hội. Vì vậy, Thành phố đã chủ trương phát triển tổ chức HTX một cách ồ ạt, mang nặng tính phong trào. Công tác tuyên truyền giác ngộ để có những hiểu biết cần thiết về tổ chức HTX và tự nguyện tham gia bị xem nhẹ, dẫn đến tình trạng một số nơi gò ép, áp đặt cứng nhắc. Từng xã, phường đều thi đua thành lập HTX, không tính đến các đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên cụ thể của địa phương và nhu cầu

khách quan của cuộc sống. Quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất bị vi phạm. Các nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi trong việc tổ chức, quản lý và hoạt động của HTX không được tôn trọng. Mặt khác, do chưa nhận thức đúng về hợp tác hóa và HTX, nên mô hình HTX trong cơ chế kế hoạch tập trung bao cấp quá chú trọng đến sở hữu tập thể, coi nhẹ hoặc phủ nhận sở hữu cá nhân xã viên, chưa khuyến khích và tạo động lực kinh tế cho xã viên. Toàn bộ tư liệu sản xuất, cổ phần xã viên góp vào HTX đều trở thành sở hữu chung của tập thể, phần tích lũy được do lao động của xã viên tạo ra trong nhiều năm chủ yếu chuyển thành quỹ không chia của HTX. Xã viên trở thành người lao động như trong xí nghiệp quốc doanh. Việc quản lý và phân phối trong HTX không bảo đảm nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi. Chế độ bảo hiểm xã hội trong HTX không có hoặc quá ít ỏi, không bảo đảm cho cuộc sống tối thiểu khi ra khỏi HTX. Vì vậy, HTX không tạo được động lực cho xã viên trong sản xuất kinh doanh và xã viên cũng ít gắn bó với HTX.

Sau năm 1986, khi không còn được bao cấp, thế độc quyền bị phá vỡ, nhiều HTX rơi vào bị động, lúng túng. Những lợi thế của kinh tế tập thể thời bao cấp bắt đầu bị suy yếu trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các mô hình hợp tác lỏng lẻo, mang tính hình thức trước đây bị phân hóa và dần dần tan rã. Sau đổi mới, những HTX trước đây thành lập theo sự vận động của Nhà nước, hầu hết giải thể, trở lại sản xuất tư nhân, cá thể hoặc thành lập doanh nghiệp tư nhân, cổ phần (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 13). Tình trạng đó tất yếu dẫn đến số lượng HTX, tổ hợp tác giảm mạnh so với trước.

Mặc dù khó khăn xong nhiều HTX vẫn tìm được cho mình những bước đi phù hợp, từng bước thích nghi và phát triển. Trong giai đoạn 1986 - 2002, hoạt động của HTX ngày càng có sự đổi mới thể hiện ở việc tham gia hầu hết các lĩnh vực kinh tế, ngành nghề kinh doanh ngày càng đa dạng và bước đầu có hợp tác quốc tế.

2.3.2.1. Hợp tác xã hoạt động đa dạng trong các lĩnh vực kinh tế nhưng còn nhiều khó khăn

Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp

Từ năm 1988, thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW ngày 15/7/1988 của Bộ Chính trị, hệ thống quản lý HTX từ Trung ương đến địa phương bị giải thể. Lúc này, các tổ hợp tác, HTX như “rắn mắt đầu”, một số HTX chuyển sang các loại hình doanh nghiệp, một số giải thể. Những HTX còn tồn tại phải mò mẫm đổi mới nội dung hoạt động (kinh doanh đa ngành, sản xuất gắn với dịch vụ, kinh doanh bất động sản... do đó, số lượng HTX trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp (HTX tiểu thủ công nghiệp) giảm từ 713 HTX năm 1987 còn 356 HTX năm 1996 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 5) và đến năm 2002 còn lại là 93 HTX (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019).

Đến năm 2002, các HTX Thương mại - Dịch vụ có tốc độ tăng trưởng toàn ngành khá so với năm 2000, những sự tăng trưởng tập trung phần lớn ở các đơn vị lớn, như: Liên Hiệp HTX Thương mại Thành phố mở rộng hệ thống Siêu thị CoopMart, tăng cường hoạt động đại lý phân phối hàng hoá bán buôn; Các HTX lớn như HTX Thương mại - Dịch vụ quận 3 (đạt doanh số 118 tỷ, tăng 13 %), HTX Thương mại - Dịch vụ Củ Chi (đạt doanh số 78 tỷ, tăng 4 %), Liên hiệp HTX Tân Bình (77 tỷ, tăng 2,5 %) và HTX Thương mại - Dịch vụ quận 11 (48,2 tỷ, tăng 9,7 %). Các HTX phường, xã do quy mô nhỏ, lẻ nên doanh số không cao và lãi trước thuế có giảm so với trước nhưng cơ bản không bị lỗ. Trong đó, một số HTX cũng có tỷ lệ tăng trưởng khá như HTX Phường 5, quận Tân Bình (tăng 53 %), HTX Nguyễn Cư Trinh (tăng 46,79 %), HTX Phường 14, quận Tân Bình (tăng 39,4 %) (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 20).

Lĩnh vực nông nghiệp

Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị đã giao quyền sử dụng đất trực tiếp cho người sản xuất, để người nông dân tự chủ trên mảnh đất

của họ, do đó tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp đất nước nói chung và Thành phố nói riêng cùng phát triển. Từ những HTX hoạt động trong điều kiện có sự bao cấp của Nhà nước, xã viên chỉ thực hiện từng phần việc và hầu như phụ thuộc vào HTX, sau năm 1988 đã thay đổi gần như ngược lại, xã viên là chủ thể kinh tế, tự quyết định việc sản xuất. HTX có trách nhiệm trong việc tổ chức hợp tác và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ để giúp kinh tế hộ xã viên phát triển. Trước tình hình đó, nhiều HTX không phản ứng kịp với tình hình mới, lúng túng trong hoạt động, phá sản trong phương án sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, Nhà nước chưa có chủ trương, chính sách hướng dẫn cụ thể, làm phần lớn các HTX, tập đoàn sản xuất (sau khi giao ruộng đất cho xã viên) rơi vào tình trạng ngưng hoạt động, lần lượt tự tan rã, giải thể. Năm 1987, từ chỗ có 189 HTX nông nghiệp và 460 tập đoàn SX, phân bố ở hầu hết các quận, huyện. Đến năm 1997 chỉ còn lại 13 HTX tồn tại nhưng hoạt động cầm chừng (huyện Thủ Đức: 6 HTX; huyện Hóc Môn: 01 HTX; quận 8: 5 HTX và quận Bình Thạnh: 1 HTX) với tổng diện tích đất nông nghiệp là 1.890,5ha (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 15).

13 HTX còn tồn tại chủ yếu do Ban Chủ nhiệm ở đó khá nhanh nhạy, nắm bắt được tình hình. Đồng thời được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đã linh hoạt chuyển đổi sang làm dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nên vẫn bảo toàn được tài sản, duy trì được hoạt động. Trong 13 HTX còn lại, có 5/13 HTX còn Ban quản trị, 11/13 HTX có ban kiểm soát. Số cán bộ quản lý trong các HTX gồm 131 người. Để hoạt động hiệu quả, số nhân sự trên đã được tinh giảm đến 50-70% so với trước đây, chỉ còn giữ lại những cán bộ nhiệt tình, gắn bó với HTX, có ý thức giữ gìn và phát huy hoạt động của HTX và có mối quan hệ tốt đối với xã viên. Các HTX trên còn bảo toàn khá đầy đủ cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển và quản lý số vốn gần 4 tỷ đồng. Hoạt động chính của 13 HTX là tập trung chuyển đổi sang làm dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, như: làm đất, làm thủy lợi, dịch vụ về cung ứng cây con, giống, vật tư nông nghiệp và các hoạt động khác.

Các HTX còn thông qua các đội, tổ sản xuất để làm dịch vụ tín dụng, cho xã viên vay vốn để sản xuất với lãi suất thấp... (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Trong năm 1995, các HTX trên hoạt động đạt hiệu quả với số lãi thu được 134 triệu đồng, chăm lo tốt phúc lợi cho xã viên, nguồn chi phúc lợi xã viên chiếm 34,39 % tổng chi của HTX. Từ đó, các HTX nông nghiệp dần tạo được lòng tin của xã viên, số lượng HTX nông nghiệp đó đó cũng tăng lên từ 13 HTX năm 1997 lên 22 HTX vào năm 2002 (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019).

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ (trước khi chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã 1996 gọi là HTX mua bán)

Từ năm 1986, khi chuyển dần sang hạch toán kinh doanh đầy đủ theo yêu cầu tự chủ, nhiều HTX đã bộc lộ những nhược điểm, như: lúng túng trong phương hướng kinh doanh và phục vụ, hiệu quả kinh tế và xã hội đều giảm sút. Bên cạnh đó, lại bị hàng loạt yếu tố khách quan tác động như: lạm phát tăng cao, lãi suất ngân hàng và tín dụng đều tăng tới 2 con số, đã ảnh hưởng nặng nề đến hiệu quả kinh doanh và bảo toàn vốn của HTX mua bán.

Đến 1987, các HTX mua bán tiếp tục kinh doanh ngày càng kém hiệu quả, nợ nần tăng lên, vốn, quỹ giảm sút, xã viên giảm và mất lòng tin với HTX. Các HTX trong lĩnh vực thương mại lâm vào tình trạng giảm sút cả về số lượng đơn vị lẫn vai trò của HTX. Ngoài những nguyên nhân khách còn, còn một số nguyên nhân chủ quan như: đội ngũ cán bộ còn thiếu kiến thức kinh doanh, kinh nghiệm tổ chức quản lý HTX trong điều kiện kinh tế thị trường, HTX khó tiếp xúc với nguồn vốn của Ngân hàng và HTX chưa khai thác tiềm năng của xã viên trong việc góp thêm vốn. Một kết quả tất yếu trong thời kỳ này là số lượng HTX mua bán giảm từ 324 HTX năm 1976 còn lại 153 HTX năm 1989 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 11).

Từ cuối năm 1991, Liên hiệp HTX mua bán Thành phố tiếp nhận các HTX cơ sở và Liên hiệp HTX mua bán các quận, huyện để tổ chức lại thành một hệ thống xuyên suốt, đồng thời củng cố, ngăn chặn những trường hợp giải thể

không đúng luật pháp và điều lệ HTX. Để thực hiện chủ trương trên, Liên hiệp HTX mua bán Thành phố đã phối hợp cùng UBND các quận, huyện thực hiện các việc sau: 1/ Củng cố các Liên hiệp HTX mua bán quận, huyện còn đang kinh doanh; lập tổ công tác phong trào; 2/ Lập lại Ban quản lý hoặc cử cán bộ quản lý địa bàn từng quận nhằm làm đầu mối tiếp nhận các HTX mua bán cơ sở. Kiểm kê toàn diện hiện trạng các HTX mua bán trước khi bàn giao; 3/ Yêu cầu từng đơn vị phải có đề án củng cố; 4/ Kiên quyết giải thể những đơn vị kinh doanh thua lỗ kéo dài; 5/ Mở rộng thêm mô hình HTX mua bán liên phường, liên xã; 6/ Vận động các HTX tự nguyện hợp nhất nhằm tập trung sức mạnh về vốn, mạng lưới; 7/ Chọn lọc lại cán bộ, tinh gọn bộ máy, đa dạng hóa phương thức kinh doanh và dịch vụ, khắc phục dần tình trạng khoán trắng, cho thuê mặt bằng, đưa công tác quản lý từng bước đi vào nề nếp; 8/ Đề cao quản lý dân chủ, không ràng buộc tổ chức HTX theo ranh giới hành chính. Song song việc tiếp nhận và củng cố HTX cơ sở, Liên hiệp HTX mua bán Thành phố giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc, hướng dẫn kế hoạch đối với các Liên hiệp quận, huyện. Kiểm tra, giám sát, thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khuyến khích quan hệ hợp tác hỗ trợ nhau trong nội bộ ngành, nhất là hỗ trợ các HTX cơ sở (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 1991). Từ những cố gắng trên, Liên hiệp HTX mua bán quận, huyện đã kiểm tra tiếp nhận hầu hết các HTX mua bán phường xã, cùng chính quyền địa phương tổ chức hợp nhất một số HTX nhỏ lẻ thành HTX mua bán Liên phường. Qua đó, số lượng HTX mua bán đã tăng từ 89 HTX năm 1996 lên 93 HTX, 03 Liên hiệp HTX vào năm 2002 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 22).

Lĩnh vực giao thông vận tải

Từ năm 1985 đến 1988, Liên hiệp xã giao thông vận tải Thành phố thực hiện chức năng quản lý toàn diện đối với các HTX vận tải hành khách, hàng hoá hoạt động trên địa bàn. Từ năm 1988, khi Liên hiệp xã vận tải Thành phố giải thể theo Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị, các HTX trong lĩnh vực giao thông vận tải (HTX giao thông vận tải) có nhiều phương tiện như: HTX

Thống Nhất, HTX Việt Thắng, HTX Đông Bắc (Hành khách); HTX số 1,2,3,4,5 Hàng hoá) chuyển về trực thuộc Sở Giao thông Công chánh. Còn lại các HTX giao thông vận tải quy mô nhỏ trực thuộc UBND quận, huyện quản lý. Do đã chuyển sang cơ chế thị trường, nên các chế độ ưu đãi bao cấp (xăng dầu, phụ tùng ...) của Nhà nước trong thời kỳ này đã không còn. Mặt khác, năm 1991, Ủy ban Nhân dân Thành phố có Quyết định 4376/QĐ-UB giải thể các Công ty Công tư hợp doanh xe khách và vận tải hàng hoá, vì vậy, chủ các doanh nghiệp đã tập hợp lại để hoạt động theo hình thức HTX. Do đó, hàng loạt HTX được thành lập mới trong thời gian này, như: Về xe khách có HTX Miền Tây, Trung Nam, Sài Gòn ...; Về vận tải hàng hoá có HTX số 6, 7, 9.... Các HTX mới thành lập vừa trực thuộc Sở GTCC, vừa có HTX trực thuộc quận, huyện. Toàn Thành phố đến năm 1995 có 140 HTX và 3 tổ hợp tác trong lĩnh vực vận tải với tổng số xã viên, lao động là 38.899 người (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013).

Từ 1996 đến năm 2002, tình hình hoạt động của các HTX giao thông vận tải gặp nhiều khó khăn, nhất là trong khâu quản lý xã viên. Số xã viên luân chuyển giữa các HTX và không lui tới HTX ngày càng tăng. Tình trạng hoạt động cạnh tranh trong lĩnh vực giao thông vận tải ngày càng gay gắt, khiến nhiều HTX bị mất hợp đồng cung ứng vận chuyển với một số khách hàng lớn. Bên cạnh đó, cuối năm 2001, những khó khăn vướng mắc về vốn, thuế, các quy định mới về thuế GTGT và thuế TNDN của Tổng Cục thuế... đã làm các HTX hết sức lo lắng. Tuy nhiên, trong tình hình này, Ban Chủ nhiệm các HTX vẫn cố gắng giữ vững hoạt động để đảm bảo việc làm cho các xã viên còn gắn bó với HTX, do đó, số lượng HTX còn duy trì được tính đến năm 2002 là 134 HTX (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019).

Trong lĩnh vực tín dụng

Xuất phát từ nhu cầu vốn của các HTX và của nhân dân, từ năm 1996, HTX trong lĩnh vực tín dụng (HTX tín dụng) bắt đầu có sự phục hồi trở lại. Tính đến năm 2002, toàn Thành phố có 9 HTX tín dụng đang hoạt động, trong đó 8/9

HTX tín dụng thực hiện tốt việc củng cố, chấn chỉnh, hoàn thiện và phát triển hệ thống quỹ theo chỉ thị 57-CT/TW ngày 10/10/2001 của Bộ Chính trị. HTX tín dụng đã có một số chuyển biến: 3 HTX tín dụng (Bình Chánh, Tân Quy Đông, Hiệp Bình) tăng vốn điều lệ, trong đó chủ yếu là tăng cổ phần thường xuyên; Củng cố, bổ sung và thay thế nhân sự: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát của 3 HTX tín dụng: Tân Thạnh Đông, Chợ Lớn và Tân Quy Đông. 9 HTX tín dụng hoạt động trên địa bàn 48 xã, với tổng số 13.000 thành viên (tăng 6 % so năm 2000) với tổng nguồn vốn là 62 tỷ (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Nhìn chung chất lượng hoạt động của các HTX tín dụng đã được nâng lên, tuy vẫn còn một số tồn tại cần được quan tâm như: cơ sở vật chất còn thiếu thốn, cán bộ còn thiếu và cần được đào tạo lại, chính sách thuế và chế độ hỗ trợ tài chính đối với các HTX tín dụng còn chưa cụ thể.

2.3.2.2. Các hợp tác xã đang dần mở rộng hoạt động theo hướng đa dạng các ngành nghề kinh doanh

Trong thời kỳ bao cấp, HTX hoạt động theo kế hoạch và chỉ tiêu do Nhà nước giao. Tuy nhiên, từ năm 1986 với sự xuất hiện của cơ chế kinh tế mới, các HTX phải tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình đồng thời phải cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác để tồn tại, phát triển. Đây là những khó khăn nhưng đồng thời cũng là động lực để các HTX vượt qua giai đoạn bị động, lúng túng để tự chủ sản xuất kinh doanh. Một trong các giải pháp phát triển của các HTX là mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng đa ngành nghề. Nhiều HTX đã chủ động mở rộng hoạt động từ trước Đại hội Đảng toàn quốc năm 1986 và đã có những thành công, tạo động lực cho các HTX tiếp tục chủ động trong giai đoạn đổi mới, như: HTX Quyết Thắng 1, HTX vận tải số 9, HTX thương mại - dịch vụ - chăn nuôi bò sữa Tân Thông Hội (HTX bò sữa Tân Thông Hội), Hợp tác xã ô tô vận tải du lịch số 4.

HTX Quyết Thắng 1, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi trở thành HTX tiên tiến, phát triển toàn diện, theo cơ cấu kinh tế nông - công - thương nghiệp - tín dụng -

dịch vụ và xuất khẩu, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trước đây HTX này chỉ độc canh lúa nên không những không có tích lũy để tái sản xuất mở rộng mà còn thiếu nợ, thậm chí có năm Nhà nước phải cứu đói cho xã viên. Từ năm 1983, HTX Quyết Thắng 1 đã linh hoạt trong việc tiếp thu chỉ đạo của Đảng, nhanh chóng xác định phương hướng sản xuất kinh doanh, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển ngành nghề theo hướng thâm canh, tăng năng xuất và tăng kinh doanh tổng hợp. Năm 1984, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp, ngành nghề tăng gấp 4 lần so với năm 1982. Đời sống xã viên được cải thiện. Năm 1985, HTX có quy mô khá lớn với 855 ha đất, trong đó 465 ha đất canh tác. Mô hình HTX nông - công - thương nghiệp- tín dụng và xuất khẩu đã được nhân rộng ra khá đều khắp (Nguyễn Văn Linh, 1985, tr. 121-122).

HTX vận tải số 9 được thành lập trên cơ sở tách ra từ Xí nghiệp vận tải ô tô số 1 - một đơn vị vận tải có tiếng của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước trong thời kỳ từ năm 1980 đến năm 1990.

Ban quản trị nhiệm kỳ đầu tiên của HTX vận tải số 9 là những người cán bộ quản lý của Xí nghiệp 1 và những chủ xe có uy tín đã đón bắt “luồng gió” đổi mới của Đại hội VI, nhanh chóng tập hợp được các xã viên (nay là thành viên) và người lao động có phương tiện, có tay nghề tham gia HTX.

Sự đoàn kết nhất trí một lòng cùng hướng đi bài bản đã giúp cho HTX vận tải số 9 liên tục tăng trưởng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Mỗi tháng, số phương tiện tăng thêm của HTX là 50 – 60 đầu xe. Các năm 1998 – 1999 tổng số xe của HTX đã tới trên 2.500 chiếc (Trung Thành, 2019).

Với 20 ngành nghề sản xuất kinh doanh khác nhau, trong đó vận tải hàng hóa và hành khách đường bộ bằng ô tô là ngành nghề chính. Các ngành nghề kinh doanh khác đều hỗ trợ hoặc phục vụ cho ngành nghề chính, như: mua bán ô tô, vật tư, phụ tùng ô tô, xưởng bảo dưỡng sửa chữa, thương mại, dịch vụ kho bãi, bãi đậu xe, cây xăng...

Chính yếu tố đa ngành nghề đã giúp cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của HTX vận tải số 9 thành một quy trình khép kín, khâu sau hỗ trợ khâu trước, tất cả cùng hướng đến một mục tiêu chung là tạo việc làm ổn định cho thành viên và người lao động, nâng cao sức cạnh tranh các dịch vụ của HTX trên thị trường.

Ông Đinh Nam Định - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc HTX vận tải số 9, cho biết: Định hướng của HTX là phát triển mô hình ngành nghề tổng hợp đa dạng. HTX đã vận động thành viên chuyển quyền sở hữu phương tiện cho HTX và khuyến khích đầu tư đổi mới phương tiện bằng hình thức góp vốn ngay từ đầu năm 1999 (Hợp tác xã vận tải số 9, 2012).

Cơ cấu tổ chức nhân sự và công tác cán bộ luôn được HTX quan tâm phát triển. Bộ máy của HTX từ Hội đồng quản trị, Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu đến các chi nhánh và hệ thống trạm khai thác hàng hóa, các đội xe... đã hợp nhất thành một dây chuyền nhịp nhàng, khép kín và chuyên nghiệp, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

Hiện tại, tổng số phương tiện của HTX là: 1.088 xe, trong đó 269 xe thuộc sở hữu của thành viên và 819 xe thuộc sở hữu của HTX. Tổng giá trị tài sản: 364.263.386.643 đồng, tổng số vốn hoạt động: 233.403.245.872 đồng, tổng vốn điều lệ: 156.717.756.606 đồng (Hợp tác xã vận tải số 9, 2012).

Hiện nay, trụ sở của HTX vận tải số 9 đóng tại 167 Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và 9 chi nhánh đặt tại các quận, huyện của Thành phố và các tỉnh lân cận.

HTX bò sữa Tân Thông Hội được thành lập từ năm 1999 trên cơ sở tiếp nhận trụ sở từ HTX nông nghiệp Tân Thông Hội (thành lập từ 1976). HTX bò sữa Tân Thông Hội chính thức đi vào hoạt động từ năm 2000 với nhiều khó khăn ban đầu nhưng đến nay HTX đã khẳng định được vị trí là 1 trong 5 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nguyễn Minh Khánh, 2017, tr. 246).

Với nhiều ngành nghề, như: chăn nuôi bò sữa, dịch vụ hỗ trợ kinh tế hộ, thu mua sữa bò tươi, gieo tinh nhân tạo, cung ứng con giống, vận chuyển sữa tươi, sản xuất, mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thức ăn gia súc, cỏ, kinh doanh khai thác và quản lý chợ, sản xuất thức ăn gia súc. HTX bò sữa Tân Thông Hội đang ngày càng làm tốt vai trò của mình là cung cấp dịch vụ đầu vào cho xã viên và thu mua sữa bò tươi cung cấp cho các đơn vị tiêu thụ, như: Công ty Cổ phần Lothamilk, Công ty vận tải liên kết, Công ty Ánh Hồng, Công ty thực phẩm CMT...Do đó, HTX đã góp phần ổn định đời sống xã viên trên địa bàn xã nói riêng và các xã lân cận nói chung.

Hợp tác xã ô tô vận tải du lịch số 4 thành lập từ tháng 10/1979 với 75 xe vận tải hàng hóa dưới 2,5 tấn. Các phương tiện cũ kỹ, chỉ có thể tận dụng chở than. Từ khi thành lập đến năm 1998, HTX nhận kế hoạch từ Sở Giao thông vận tải, xăng dầu, nhiên liệu đều phụ thuộc vào sự bao cấp của Nhà nước. Khi cơ chế bao cấp bị xóa bỏ, Luật HTX ra đời, HTX ô tô vận tải du lịch số 4 không theo kịp bước tiến của xã hội vì phương tiện quá lỗi thời.

Từ năm 1998, Ban lãnh đạo HTX đã tích cực chủ động tự cải thiện năng lực lãnh đạo của Ban Giám đốc, đội ngũ nhân viên bằng cách tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ do Liên minh HTX Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, đồng thời chủ động tiếp cận với các chính sách hỗ trợ của Thành phố để đổi mới phương tiện, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mang lại việc làm cho xã viên. Ngoài kinh doanh vận tải hàng hóa như trước đây, HTX ô tô vận tải du lịch số 4 còn tham gia các lĩnh vực vận tải hành khách, đầu tư bến bãi... Đến nay, HTX ô tô vận tải du lịch số 4 đã có trên 300 đầu xe hoạt động thường xuyên, đạt doanh thu bình từ 70 đến 80 tỷ đồng/năm (*Hợp tác xã ô tô vận tải du lịch số 4*, 2017, tr. 29).

Nhìn chung các HTX còn gặp nhiều khó khăn nhưng đã bước đầu hoạt động có hiệu quả, duy trì việc làm thường xuyên cho xã viên. Các hoạt động của HTX đa phần hướng đến nhiều ngành nghề để tăng thêm cơ hội việc làm, tận

dụng tối đa công suất phương tiện và năng lực lao động của HTX. Nhờ sự chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên các HTX dần dần đã thích nghi được với cơ chế thị trường, chủ động tiếp cận các chính sách hỗ trợ đặc thù của Nhà nước đối với HTX, nắm bắt tình hình thị trường để điều chỉnh ngành nghề kinh doanh cho phù hợp. HTX mở rộng ngành nghề là xu hướng tồn tại xong mới chỉ dừng lại ở mức độ cơ học, theo chiều rộng, tức là những ngành nghề thiên về lao động chân tay, tỷ suất đầu tư chưa cao. Vì vậy, bên cạnh những thuận lợi thì HTX vẫn khó khăn trong mở rộng ngành nghề - những ngành đòi hỏi nguồn chất xám cao hơn. Thiếu vốn, thiếu nguồn lao động có trình độ để quản lý là những rào cản cho việc áp dụng khoa học công nghệ. Do vậy, khả năng cạnh tranh của HTX tuy có đổi mới so với trước nhưng vẫn chưa theo kịp nhu cầu thị trường. Phần lớn HTX vẫn có quy mô nhỏ, vốn ít, khả năng tích lũy và tái đầu tư chưa cao, hoạt động chưa mang lại hiệu quả. Nhiều HTX thiếu chiến lược kinh doanh, chậm đổi mới, chưa phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh, thu hút nguồn lực để phát triển, khả năng thích ứng, hội nhập còn nhiều hạn chế.

2.3.2.3. Hoạt động của hợp tác xã đã bước đầu hướng đến lợi ích thành viên hợp tác xã

Trước năm 1986, các HTX đều hoạt động theo kế hoạch của Nhà nước. Mục tiêu của HTX cũng do Nhà nước xác định. Việc thành lập các HTX cũng được xác lập thành chỉ tiêu và giao về cho các địa phương thực hiện. Để hoàn thành chỉ tiêu hợp tác hóa, địa phương cũng ra sức vận động thành lập tổ sản xuất và HTX một cách thụ động để đạt thành tích.

Các thành viên HTX từ chủ nhiệm đến xã viên chỉ đóng vai trò là người làm công ăn lương. Với nguồn nguyên liệu được cấp phát và chỉ tiêu tương ứng được định sẵn, nhiệm vụ của HTX đơn thuần chỉ là sản xuất với nguồn nguyên liệu đó và giao nộp sản phẩm theo đúng quy định. Các HTX không có quyền chủ động đầu vào nguyên liệu và đầu ra sản phẩm. Những công việc này đã có

Nhà nước lo: “để đảm bảo cho các HTX có thể thực hiện những nghĩa vụ trong kế hoạch, Nhà nước có chỉ tiêu tương ứng các vật tư và vật phẩm tiêu dùng cần thiết cho nông dân như: xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ, phụ tùng thay thế, vải, một số thực phẩm khác...” (Đặng Phong, 2015, tr. 116). Chính cách thức hoạt động này đã làm nảy sinh những thói dựa dẫm, ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước, là nguyên nhân dẫn đến số lượng HTX nhiều nhưng hiệu xuất kinh tế không cao.

Sau đổi mới, kinh tế hộ gia đình có điều kiện phát triển trở lại và rất mạnh mẽ. Người lao động thực sự đã làm chủ tư liệu sản xuất của họ, vì vậy là động lực rất lớn cho sản xuất, kinh doanh. Tình hình đó, buộc các HTX phải thay đổi phương thức hoạt động nếu muốn tồn tại. Các HTX từ chỗ bị động, phụ thuộc vào nhà nước nay đã tự làm chủ. Các HTX được thành lập không phải vì phong trào, vì thành tích mà vì nhu cầu của các thành viên muốn tăng khả năng cạnh tranh với các loại hình doanh nghiệp hoặc có thể tạo cơ sở pháp lý đủ mạnh thông qua HTX để đàm phán, hợp tác với các doanh nghiệp lớn. Tinh thần hợp tác lúc này là cùng có lợi, ngoài lợi ích chung, hoạt động của HTX bắt đầu hướng đến lợi ích của xã viên theo nguyên tắc: cái gì HTX làm có lợi hơn là thành viên HTX tự làm, hoặc cái gì thành viên HTX không thể làm được thì HTX làm, qua đó làm cho sản xuất của các hộ thành viên đạt hiệu quả cao hơn. Bản thân các hộ thành viên HTX vẫn là người sản xuất trực tiếp, sản phẩm của họ làm ra thuộc sở hữu của họ, không phải của HTX như trước đây. HTX không phải phủ định, thay thế kinh tế hộ, mà làm cho kinh tế hộ hiệu quả hơn, có sức cạnh tranh cao hơn, thu nhập của hộ thành viên HTX cao hơn (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 22-23).

Mua chung, bán chung vì lợi ích của HTX và lợi ích thành viên vốn là bản chất của kinh tế HTX (lợi ích kép). Lợi ích kép đã hình thành ngay từ HTX đầu

tiên trên thế giới. Năm 1844, HTX đầu tiên trên thế giới ra đời tại Anh do 28 người thợ dệt thành lập. Năm 1849, Hội nguyên liệu, thực chất là HTX đầu tiên được thành lập ở Đức để cung cấp các yếu tố đầu vào cho các thợ giầy và thợ mộc đang có nguy cơ phá sản vì không cạnh tranh được với các công ty giầy và công ty đồ gỗ do chi phí nguyên liệu cao. Khi các thợ dệt, thợ giầy và thợ mộc thành lập HTX, họ vẫn tiếp tục là những hộ kinh doanh cá thể, song thông qua HTX để cung cấp các yếu tố đầu vào cho sản xuất của mình với giá thấp hơn, chất lượng tốt hơn là từng người họ có thể tìm mua. Các HTX mua các yếu tố đầu vào với số lượng lớn, khả năng đàm phán cao hơn các hộ cá thể, có thể cung cấp vật tư đầu vào rẻ hơn cho các hộ thành viên (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 22).

Ở Thành phố Hồ Chí Minh từ sau năm 1990, sau giai đoạn khủng hoảng, các HTX đã bước đầu định hình được phải làm gì để tồn tại. Nhiều HTX còn đang tồn tại cầm chừng thì đã có những HTX chuyển từ sản xuất sang dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên. Trong nông nghiệp, HTX thường đảm nhận các khâu như: thủy lợi, dịch vụ làm đất, tổ chức dạy nghề, cho vay vốn, nghiên cứu nhu cầu thị trường, quy hoạch cây trồng phù hợp với nhu cầu thị trường, xây dựng nhà kho, chế biến sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thành viên. Ngoài những HTX như đã phân tích ở các phần trên như Hợp tác xã liên phường 1 và 3, Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn, HTX vận tải số 9, HTX bò sữa Tân Thông Hội... thì HTX nông nghiệp thương mại - dịch vụ Phú Lộc, HTX thương mại Quận 5 cũng mang lại lợi ích cho xã viên.

HTX nông nghiệp thương mại - dịch vụ Phú Lộc (HTX Phú Lộc) là một điển hình trong việc thực hiện các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho các hộ thành viên. HTX Phú Lộc là nơi tin tưởng của trên 170 hộ nông dân thuộc địa bàn các quận Củ Chi, Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và một phần ở các tỉnh Long An, Tiền Giang, Lâm Đồng - chuyên cung cấp những sản phẩm nông

nghiệp mà môi trường Thành phố Hồ Chí Minh không có điều kiện để sản xuất. HTX Phú Lộc căn cứ vào nhu cầu của thị trường để định hướng sản xuất cho các hộ thành viên ở từng vùng cho phù hợp, nhờ đó sản xuất nông nghiệp của các hộ nông dân ổn định, đảm bảo cả đầu vào và đầu ra (Hợp tác xã nông nghiệp thương mại-dịch vụ Phú Lộc, 2017).

HTX thương mại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những HTX thực hiện tốt các quyền lợi của xã viên, điển hình là việc chia lãi cho xã viên trên cơ sở vốn góp.

Bảng 2.10: Tình hình chia lãi trên vốn góp của xã viên ở HTX thương mại Quận 5 từ năm 1999-2002.

TT	Đơn vị tính	1999	2000	2001	2002
Số xã viên	Người	87	90	99	128
Vốn góp xã viên	1.000 đồng	308.020	317.620	364.120	434.620
Chia lãi xã viên	1.000 đồng	8.896	19.499	34.927	39.604
Tỷ lệ/năm	%	2,88	6,14	9,59	9,09
Lao động	Người	87	86	97	93

(Trần Minh Tâm, 2005, tr. 103)

Bảng 2.10 cho thấy, HTX thương mại Quận 5 đã quan tâm đúng mức đến quyền lợi của xã viên. Lợi ích của xã viên tăng lên hàng năm và tương ứng với số vốn góp của mình. Không những vậy, HTX còn tạo việc làm và thu nhập ổn định cho xã viên và người lao động. Các chính sách xã hội, như: ý tế, học hành, thăm hỏi xã viên ốm đau... cũng luôn được HTX thương mại Quận 5 quan tâm chu đáo.

Nhìn chung việc mua chung, bán chung và vì lợi ích chung của xã viên trong HTX tuy chưa đạt được những thành tựu lớn ở giai đoạn 1986-2002 nhưng

đã đặt tiền đề cho hướng phát triển mới của các HTX ở giai đoạn sau. Quá trình phát triển thời gian qua đã làm bộc lộ bản chất của HTX là hỗ trợ cho kinh tế hộ thành viên, vừa mang lợi ích kinh tế, vừa giúp đỡ cho những hộ có khả năng cạnh tranh thấp. Việc giúp đỡ cho các hộ thành viên, kinh tế HTX góp phần chuyển đổi từ nền sản xuất nhỏ, sang sản xuất lớn nhưng không gạt bỏ những người yếu thế trong xã hội, giúp thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, ổn định xã hội, giảm gánh nặng cho Nhà nước trong việc xóa đói giảm nghèo.

2.4. Hiệu quả đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh đoạn 1986-2002

2.4.1. Hiệu quả kinh tế

Đến năm 2002, sau hơn 15 năm đổi mới, sự phát triển của kinh tế HTX bước đầu được khẳng định là tất yếu trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế của Thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung.

Số lượng HTX sau một thời gian sa sút đã bước đầu ổn định từ những năm 1990, đặc biệt là từ năm 1996, với sự ra đời của Luật Hợp tác xã, tạo nền tảng pháp lý để các HTX từng bước phát triển đúng bản chất là tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từ năm 1996, số lượng HTX vẫn tiếp tục giảm nhưng đã có những HTX tìm được hướng đi đúng đắn, thoát khỏi tư tưởng lệ thuộc, ỷ lại vào Nhà nước và bước đầu đã tự chủ trong sản xuất kinh doanh, như: mô hình HTX liên phường, HTX dịch vụ nông nghiệp, HTX xã thương mại với các cửa hàng tự chọn, đặc biệt Liên hiệp HTX thương mại Thành phố với sự ra đời của hệ thống siêu thị bán lẻ hiện đại, tiện nghi. Một số HTX thành lập mới nhưng không vì một phong trào hay chỉ tiêu theo kiểu lấy số lượng làm thành tích như trước. Sự phát triển của HTX đã có phần đúng với bản chất của nó và phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Vốn là một trong những yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của HTX. Trong giai đoạn này, vốn của HTX được hình thành từ nhiều nguồn nhưng cơ bản từ các nguồn sau: vốn điều lệ (xã viên góp), vốn tích lũy, vốn từ quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, vốn nhà nước tài trợ. Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, tính đến năm 1997, có 80 HTX mua bán với tổng số vốn là 53.073 triệu đồng, trong đó: vốn điều lệ 6.467.000.000 đồng (vốn góp của xã viên), vốn tích lũy không chia 43.201.000.000 đồng, quỹ phát triển sản xuất kinh doanh 3.322.000.000 đồng, vốn trợ cấp của Nhà nước 83.000.000 đồng. Vốn bình quân 1 HTX thương mại thời điểm này là 655 triệu đồng, trong đó lớn nhất là Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn chiếm đến trên 20 tỷ đồng trong tổng số hơn 53 tỷ đồng (Trần Minh Tâm, 2005, tr. 91). Trong lĩnh vực nông nghiệp, đến năm 1997 có 13 HTX với tổng số vốn là gần 4 tỷ đồng (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 12), bình quân mỗi HTX có khoảng 52.000.000 đồng. Năm 2002, toàn Thành phố có 9 HTX tín dụng hoạt động trên địa bàn 48 xã, với tổng nguồn vốn là 62 tỷ, bình quân 6,8 tỷ/1 HTX tín dụng (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Trong các nguồn vốn nói trên, vốn góp xã viên là một trong những nguồn vốn quan trọng vì vừa để tăng khả năng hoạt động đồng thời thể hiện sự hấp dẫn của các HTX đối với các hộ xã viên.

Sự tham gia của xã viên vào HTX phần nào phản ánh tình hình hoạt động và sự cần thiết của HTX đối với kinh tế hộ gia đình. Trong lĩnh vực thương mại, vốn góp xã viên năm 1997 là 6.467.000.000 đồng đã tăng lên 26.155.000.000 đồng vào năm 2003, tăng 404,4% (Trần Minh Tâm, 2005, tr. 94). Lĩnh vực tín dụng có 12.220 thành viên năm 2000 đã tăng lên 13.000 thành viên năm 2002, tăng 6% so năm 2000 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Các HTX duy trì được nguồn vốn để hoạt động, một bộ phận nhân dân tin tưởng vào sự phát triển của HTX, thể hiện ở sự tăng vốn góp của HTX thương mại và HTX tín dụng. Đây chính là chỗ dựa quan trọng cho các HTX, chính từ lực lượng này, nhiều người đã trưởng thành, trở thành những người tiên phong trong phong trào HTX mới ở Thành phố.

Đây là giai đoạn các HTX gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhưng vẫn có những HTX làm ăn có lãi hoặc ít nhất là cũng không bị lỗ, tạo động lực không nhỏ cho các HTX tự vươn lên để đạt tới thành công, như: Liên hiệp HTX liên phường 1 và 3, Liên Hiệp HTX thương mại Sài Gòn. Đến năm 2002, các HTX Thương mại - Dịch vụ có tốc độ tăng trưởng toàn ngành khá so với năm 2000 (tăng 5,7 %), nhưng sự tăng trưởng tập trung phần lớn ở các đơn vị tốp đầu, như: Liên Hiệp HTX thương mại Thành phố mở rộng hệ thống Siêu thị CoopMart; Tăng cường hoạt động đại lý phân phối hàng hoá bán buôn, như: HTX lớn như HTX Thương mại Dịch vụ quận 3 (đạt doanh số 118 tỷ, tăng 13 %), HTX Thương mại Dịch vụ Củ Chi (đạt doanh số 78 tỷ, tăng 4 %), Liên hiệp HTX Tân Bình (77 tỷ, tăng 2,5 %) và HTX Thương mại - Dịch vụ quận 11 (48,2 tỷ, tăng 9,7 %). Các HTX phường, xã do quy mô nhỏ, lẻ nên doanh số không cao và lãi trước thuế có giảm so với năm trước nhưng đều không bị lỗ. Trong đó, một số HTX cũng có tỷ lệ tăng trưởng khá như HTX Phường 5, quận Tân Bình (tăng 53 %), HTX Nguyễn Cư Trinh (tăng 46,79 %), HTX Phường 14, quận Tân Bình (tăng 39,4 %) (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013)... Một số HTX giao thông vận tải đạt doanh thu khá như HTX vận tải số 10 (tăng 91,02 %), HTX vận tải thi công cơ giới số 6 (tăng 29,2 %), HTX vận tải cơ giới bốc xếp số 7 (tăng 22,7 %), HTX bốc xếp thủ công lao động (tăng 20 %)... (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Bắt đầu từ năm 2000, trên cùng một địa bàn quận, huyện, xuất hiện khuynh hướng các HTX quy mô nhỏ tăng sự hợp tác toàn diện với nhau.

Từ sau năm 1990, tình hình kinh tế HTX có triển vọng hơn, nhất là từ năm 1996, các HTX đã bước đầu có sự thích nghi trong điều kiện mới. Đến năm 2002 các HTX đã góp mặt ở hầu hết các ngành kinh tế cơ bản như: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, tín dụng. Trong đó ngành giao thông vận tải có số lượng lớn nhất với 134 HTX, nhỏ nhất là ngành tín dụng với 9 HTX.

Tính đến thời điểm năm 2002, Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những tỉnh, thành phố có số lượng HTX lớn nhất so với một số địa phương trong vùng Đông Nam bộ. Toàn vùng Đông Nam bộ có 944 HTX, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có 341 HTX (chiếm 36,1%), so Bình Dương, Đồng Nai cùng thời điểm là 103 HTX (Thanh Sơn, 2012) (10,9%) và 114 HTX (Tỉnh ủy Đồng Nai, 2019, tr. 15) (12%).

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các HTX ở Thành phố cũng hơn hẳn ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Tính đến năm 2002, nhiều HTX ở Thành phố đã sản xuất kinh doanh có lời, mở rộng quy mô (HTX liên phường 1 và 3, Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn, HTX vận tải số 9, HTX bò sữa Tân Thông Hội.... đã phân tích ở các phần trên. Trong đó, Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn đã đi đầu trong việc xây dựng thương hiệu bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng với sự xuất hiện của hệ thống siêu thị Co-opmart (Siêu thị Cống Quỳnh ra đời từ năm 1996), trong khi ở Bình Dương, Đồng Nai tại thời điểm đó chưa có HTX nào có chiến lược và hiệu quả kinh doanh lớn mạnh như Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn. Quy mô nguồn vốn hoạt động của các HTX ở Thành phố cũng lớn hơn hẳn. Năm 2002, tổng số vốn hoạt động của HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh là 1.285 tỷ đồng (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 9), trong khi Đồng Nai chỉ có 246,25 tỷ đồng (Tỉnh ủy Đồng Nai, 2019, tr. 15), Bình Dương là 144 tỷ đồng (Thanh Sơn, 2012).

Nhìn chung, đến năm 2002, HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh đã bước đầu có những chuyển biến tích cực khi số lượng HTX bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. Nguồn vốn của HTX, nhất là vốn góp xã viên ngày càng lớn. Hoạt động của HTX được mở rộng, xuất hiện những mô hình kinh doanh mới. HTX đã tham gia ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Từ kết quả hoạt động ở một số HTX đã bước đầu làm thay đổi cách nhìn của một bộ phận người dân về HTX, là động lực để các HTX thu hút thêm thành viên, tăng quy mô vốn góp. Thành phố Hồ Chí Minh cũng là một trong những tỉnh, thành phố có HTX đi tiên phong trong việc xây dựng mô hình siêu thị. Sự phát triển và kết quả sản xuất kinh doanh của các

HTX ở Thành phố cũng hơn hẳn so với vùng Đông Nam bộ và một số tỉnh lân cận như Đồng Nai, Bình Dương.

2.4.2. Hiệu quả về xã hội

Bên cạnh những hiệu quả về kinh tế mà các HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh đạt được như đã nêu ở phần 2.3.1, các HTX còn có những đóng góp to lớn đối với sự ổn định và phát triển của xã hội.

Sự tăng lên về số lượng và mở rộng quy mô HTX từ những năm 1990, đặc biệt từ 1996 đã góp phần giải quyết việc làm cho nhiều người lao động. Tính đến năm 2002, toàn Thành phố đã giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho 55.919 người, trong đó 35.844 người là xã viên HTX và 20.073 người là lao động thường xuyên của HTX (Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, tr. 23).

HTX góp phần thực hiện tốt công tác xã hội trên địa bàn Thành phố. Một số HTX đã dành một phần ngân sách để phục vụ cho công tác xã hội. Đối tượng được hưởng trước hết là những xã viên ốm đau, có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi sinh nhật nhằm động viên tinh thần xã viên và người lao động trong HTX. Nghiên cứu của ông Trần Minh Tâm về HTX thương mại trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh (1986-2003) đã cho thấy: Nguồn kinh phí phục vụ cho các hoạt động từ thiện – xã hội được trích từ một phần quỹ của các HTX và sự đóng góp tự nguyện của tập thể cán bộ, nhân viên cùng các đối tác trong và ngoài nước. Nhiều hình thức vận động phong phú, sáng tạo được tổ chức thực hiện tốt như: nuôi heo đất, vận động cán bộ nhân viên đóng góp một phần tiền lương, tiền thưởng, tổ chức bán đấu giá một số hiện vật do các cán bộ lãnh đạo ủng hộ, chương trình đi bộ từ thiện vì trẻ em nghèo bất hạnh, thi vẽ tranh cho các cháu thiếu nhi tại Coopmart và tổ chức bán đấu giá tranh để ủng hộ cho hoạt động từ thiện.... Các đơn vị còn chủ động liên hệ với các tổ chức quần chúng để đề xuất thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa, như: Kết hợp với Thành đoàn tổ chức chương trình “học bổng hoa hồng nhỏ”, giúp các em thiếu nhi nghèo, hiếu học, vượt khó; Phối hợp với Mặt trận

Tổ quốc Thành phố và các quận, huyện tổ chức chương trình vì người nghèo, gian hàng tình thương; Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tổ chức cho cán bộ, công nhân viên hiến máu nhân đạo (Trần Minh Tâm, 2005, tr. 105).

Những thành tựu đạt được trong sản xuất kinh doanh và trong các hoạt động xã hội, các HTX ở Thành phố bước đầu tạo được hình ảnh đẹp về HTX kiểu mới đối với người dân Thành phố nói riêng, cả nước nói chung. Từ đó, xã viên có niềm tin vào HTX. Các HTX cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội ở địa phương, như: đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, góp phần tạo công ăn, việc làm để xóa đói giảm nghèo. Những thành công về kinh tế - xã hội là động lực để các HTX tiếp tục đổi mới, vươn lên, đạt được những thành tựu lớn hơn ở những năm sau.

Tiểu kết chương 2

Sau năm 1986, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, Việt Nam nói chung, số lượng HTX giảm xuống nhanh chóng. Sự quan tâm phát triển kinh tế HTX của Đảng và Nhà nước cũng có phần giảm sút. Tâm lý hoài nghi, đánh giá thấp vai trò của kinh tế HTX trong tổng thể nền kinh tế xuất hiện trong một bộ phận khá lớn nhân dân và cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, với nhu cầu hợp tác và sự “tự thân vận động” của các HTX cùng với những thành tựu đạt được từ năm 1986 đến 2002 đã góp phần làm thay đổi nhận thức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò của kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó các chủ trương, chính sách hỗ trợ cho HTX ngày càng được cụ thể hóa, góp phần giúp đỡ về công tác tuyên truyền hình ảnh HTX kiểu mới, giúp đỡ vốn, cơ sở vật chất ban đầu, như: nhà xưởng, máy móc, thiết bị.... Đặc biệt, từ năm 1996, với sự ra đời của Luật Hợp tác xã và việc cụ thể hóa bằng chỉ thị 03-CT/TU ngày 11/10/1996 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế hợp tác trong Thành phố, HTX bước đầu ổn định về số lượng, hoạt động sản xuất kinh doanh đang được mở rộng, xuất hiện những HTX kinh doanh có lời hoặc mang lại thu nhập ổn định cho các thành viên. Cùng với những thành tựu về kinh tế,

các HTX cũng góp phần ổn định xã hội thông qua giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho một bộ phận người lao động ở Thành phố. Ngoài ra, HTX còn có các chương trình hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó, thăm hỏi, tặng quà cho những xã viên bị ốm đau.... Những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội của kinh tế HTX đã mở ra cơ hội cho sự phát triển của mô hình HTX kiểu mới- xuất phát từ sự tự nguyện, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của xã viên.

CHƯƠNG 3

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN 2002-2015

*

3.1. Những yếu tố tác động đến quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm đầu thế kỷ XXI

3.1.1. Sự gia tăng dân số và lao động

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những tỉnh, thành phố có dân số đông nhất cả nước. Dân số ở Thành phố cũng liên tục tăng trong thời gian từ năm 1975 đến năm 2004 (từ khoảng 3 triệu người lên hơn 6 triệu người), trong đó tăng dân số cơ học bình quân 0,02 % thời kỳ 1979-1989 lên 2,33% thời kỳ 1999-2004 (Viện kinh tế và Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 12). Sự ra tăng dân số cơ học chứng tỏ Thành phố có môi trường tốt, thu hút được nhiều nguồn lao động từ các địa phương. Dân số đông có thể là áp lực trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, như: việc làm, nhà ở, giáo dục, y tế... nhưng là thuận lợi cho phát triển kinh tế HTX vì có đến 98% số người trong độ tuổi lao động. Nếu tận dụng tốt nguồn lực này cho phát triển kinh tế, trong đó tổ chức tốt việc phát triển kinh tế HTX thì không những có thêm nguồn thu cho Thành phố mà không phải lo các vấn đề xã hội như trên.

Mức sống dân cư ở Thành phố cũng ngày càng được cải thiện và nâng cao. Thu nhập bình quân/người/tháng của lao động Nhà nước quản lý không ngừng tăng từ 598.000 đồng năm 1995 (bằng 166,6% so với cả nước) lên 1.200.000 vào năm 2002 (bằng 1,5 lần mức chung của cả nước) (Viện kinh tế và Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 20). Mức thu cao nên người dân Thành phố cũng thoáng hơn trong việc chi tiêu, mua sắm. Do vậy, cùng với dân số đông, sẵn sàng mua sắm, Thành phố Hồ Chí Minh là một thị trường đầy tiềm năng cho các HTX phát triển các loại hàng hóa, dịch vụ, nhất là các hoạt động ăn, uống, vui chơi giải trí, y tế, giáo dục...

3.1.2. Sự gia tăng kết nối giao thương của Thành phố Hồ Chí Minh với các vùng kinh tế thị trường trong và ngoài nước

Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở trung tâm Nam bộ, phía Nam của Đông Nam bộ, phía Bắc của Tây Nam bộ, là đầu mối giao thông lớn, nối liền với các tỉnh trong vùng và là cửa ngõ ra thế giới của cả nước. Hệ thống cảng sông Sài Gòn có khả năng kết nối với hệ thống cảng trong nước và thế giới. Quốc lộ 1A nối liền Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh miền Trung tới miền Bắc và đến các tỉnh miền Tây. Quốc lộ 22 đi Tây Ninh, tới Campuchia nối với đường Xuyên Á. Quốc lộ 13 đi Bình Dương, nối với Quốc lộ 14 đi Bình Phước và xuyên suốt Tây Nguyên. Quốc lộ 51 đi Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu.... Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối đường sắt Bắc – Nam. Sân bay Tân Sơn Nhất là một trong những sân bay quốc tế lớn trong khu vực Đông Nam Á, đến năm 2003 đã có 16 đường bay trong nước, 26 đường bay quốc tế tới hầu hết các châu lục, với trên 5 triệu hành khách và hơn 100 ngàn tấn hàng hóa/năm (Viện kinh tế và Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 2). Về điểm này, HTX có nhiều thuận lợi trong việc kết nối giao thương với các quận huyện trong Thành phố và với các tỉnh trong cả nước để tăng khả năng hợp tác, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa.

3.1.3. Tăng trưởng kinh tế ngày càng lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh

Tăng trưởng kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh luôn lớn hơn cả nước và liên tục tăng kể từ sau đổi mới. Bình quân tăng trưởng ở thời kỳ 1976-1980 là 2,2% (cả nước chỉ 0,4%/năm). Sau đổi mới tốc độ tăng vọt, đạt 5,25% thời kỳ 1986-1990 (cả nước là 4%). Từ năm 1990 đến 2004, Thành phố từng bước thoát khỏi khủng hoảng, phát huy được chủ trương đổi mới của Đảng, GDP của Thành phố liên tục tăng từ 9,8 năm 1991 lên 15,3% năm 1995, Bình quân thời kỳ 2001-2004 có giảm nhưng vẫn đạt mức 10,6%/năm. Tỷ trọng GDP của Thành phố trong cơ cấu GDP cả nước đã tăng vọt từ 17,6% năm 1991 lên 21,9% năm 2003. Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước lớn nhất cả nước. Năm 2004, tổng vốn đầu tư phát triển ở Thành phố

đã lên tới 43.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 21% tổng vốn đầu tư phát triển của cả nước (Viện kinh tế và Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 17 & 19). Với tốc độ tăng trưởng nhanh, nguồn vốn đầu tư ngày càng lớn, kinh tế HTX ở Thành phố hoàn toàn cơ hội tiếp cận nguồn vốn chính sách, hỗ trợ và hợp tác của Nhà nước và các doanh nghiệp khác để tự phát triển và tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.1.4. Chủ trương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Ngày 18/3/2002 tại Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ra Nghị quyết số 13-NQ/TW về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”. Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên về kinh tế tập thể kể từ sau thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, năm 1986. Nghị quyết này có tác động nhiều mặt đến sự đổi mới, phát triển của kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX, cụ thể:

Một là, thống nhất nhận thức về các quan điểm phát triển kinh tế tập thể. Kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn (trừ một số lĩnh vực có quy định riêng); Phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ; Hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, cả ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ. Phát triển kinh tế tập thể phải lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng. Phát triển kinh tế tập thể không có giới hạn ngành nghề, môi trường, địa lý trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ của thành viên.

Hai là, đặt cơ sở quan trọng để bổ sung Luật Hợp tác xã và một số quy định của các luật đã ban hành về những vấn đề liên quan đến kinh tế tập thể, bảo đảm tính nhất quán giữa các luật, tạo điều kiện để Luật Hợp tác xã đi nhanh vào cuộc sống.

Ba là, đặt cơ sở để các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách như: chính sách cán bộ và nguồn nhân lực, chính sách đất đai, chính sách tài chính - tín dụng, chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ, chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường, chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Những chính sách này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của kinh tế HTX trong giai đoạn 2002 – 2015.

3.1.5. Ban hành Luật Hợp tác xã (sửa đổi) năm 2003

Luật Hợp tác xã 2003 cũng là một trong những yếu tố tác động rõ rệt đến sự đổi mới và phát triển của HTX trên địa bàn Thành phố. Luật Hợp tác xã đã có từ 1996 nhưng với những quan điểm mới của Nghị quyết 13-NQ/TW, ngày 18/03/2002 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và thực trạng phát triển của HTX, Luật Hợp tác xã 2003 được ban hành để phù hợp với nhận thức và mức độ phát triển của HTX trong điều kiện mới. Luật HTX năm 2003 ra đời và đã thể hiện được sự tiến bộ hơn Luật Hợp tác xã 1996 ở nhiều nội dung, trong đó có một số nội dung bản sau đây:

Thứ nhất, Luật Hợp tác xã 2003 mở rộng thêm đối tượng tham gia HTX là pháp nhân. Đây cũng là một thuận lợi cho sự phát triển cùng có lợi của HTX và các doanh nghiệp vừa và nhỏ - có nhu cầu hợp tác để tăng khả năng cạnh tranh với những công ty lớn ở trong và ngoài nước, nhất là từ năm 2006, khi Việt Nam tham gia vào tổ chức thương mại thế giới WTO (World Trade Organization) và ngày càng hội nhập sâu rộng vào thị trường thương mại thế giới.

Thứ hai, các chính sách của Nhà nước quy định nội dung rõ ràng, do đó thuận tiện cho các cơ quan quan hữu quan trong cả nước nói chung và Thành

phổ nói riêng chuyển hóa thành các nhiệm vụ cụ thể trong việc hỗ trợ sự phát triển của HTX ở các góc độ khác nhau.

Thứ ba, Luật Hợp tác xã 2003 giải thích rõ hơn về các loại tài sản được quy đổi thành vốn góp của xã viên vào HTX, đồng thời cũng quy định rõ việc trả lại tài sản cho xã viên khi không còn là xã viên của HTX. Do đó, xã viên có thể yên tâm về số vốn góp của mình và có động lực hơn khi tham gia vào HTX.

Thứ tư, ngoài việc HTX được thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành như trước thì Luật Hợp tác xã 2003 còn quy định HTX có thể thành lập một riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành. Với nội dung này, Ban quản trị HTX nếu không điều hành trực tiếp có thể thuê người quản lý. Trong trường hợp chủ nhiệm HTX được thuê thì phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Chủ nhiệm HTX quy định tại Điều 28, luật này và tại hợp đồng thuê Chủ nhiệm HTX. Chủ nhiệm HTX được tham gia các cuộc họp của Ban quản trị và Đại hội xã viên nhưng không được quyền biểu quyết và không được hưởng các quyền khác của xã viên, thành viên Ban quản trị HTX.

3.1.6. Kết quả quá trình đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác xã đến năm 2002

Năm 2002, kinh tế HTX ở Thành phố đã đạt được thành tựu quan trọng. Toàn Thành phố có 341 HTX, 4 Liên hiệp HTX (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 9), trong đó nhiều HTX, liên hiệp HTX đã có quá trình đổi mới hiệu quả, trở thành những điển hình cho sự phát triển của HTX ở trong và ngoài Thành phố. Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn, là một trong những tổ chức HTX có kết quả phát triển bậc nhất ở Thành phố khi đó, nhờ học hỏi kinh nghiệm của một số nước trên thế giới như Nhật Bản, Singapore, Thụy Điển. Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn đã mở ra hệ thống siêu thị mà đến nay đã trở thành chuỗi siêu thị bán lẻ lớn nhất Việt Nam. Những thành công đó là động lực không nhỏ để Thành phố tiếp tục đẩy mạnh, phát triển HTX, không chỉ 1 Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn mà cần phải phát triển nhiều hơn nữa những HTX có cách thức sản xuất, kinh doanh hiệu quả như Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn ở những lĩnh vực kinh tế khác nhau. Ngoài ra, đến năm 2002,

Thành phố có 1.109 tổ hợp tác (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 8). Số lượng lớn nhưng hầu hết tổ hợp tác đều có quy mô nhỏ, hoạt động đa dạng trên nhiều lĩnh vực. Các tổ hợp tác đều gặp khó khăn trong giao dịch kinh tế, trong việc tranh thủ các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước... vì không có tư cách pháp nhân. Các tổ hợp tác khó tiếp cận được với nguồn vốn ngân hàng, nếu có là với tư cách cá nhân hoặc hộ gia đình nên không nhận được ưu đãi. Do đó, HTX ở Thành phố nếu hoạt động tốt, có uy tín sẽ góp phần tác động để các tổ hợp tác đăng ký kinh doanh phát triển thành HTX. Những bài học kinh nghiệm từ sự thành công, hạn chế trong phát triển kinh tế HTX ở những năm trước cùng với những tiềm năng đang có sẽ là động lực để kinh tế HTX ở Thành phố đạt được thành tựu cao hơn trong giai đoạn 2002-2015.

Nhìn chung, với những tác động như trên đã đặt ra yêu cầu cho toàn thể chính quyền và nhân dân Thành phố cần tiếp tục đổi mới kinh tế HTX để phát huy những thành tựu đạt được, những thuận lợi đang có và khắc phục những khó khăn, từng bước đẩy mạnh sự phát triển kinh tế HTX. Các HTX cũng cần phát huy tốt hơn nữa nội lực của mình, xây dựng được phương thức kinh doanh tốt, tận dụng tối đa sự hỗ trợ từ bên ngoài, từng bước tự đổi mới để hội nhập hơn nữa với xu hướng phát triển và hội nhập của Thành phố.

3.2. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thiện về chủ trương, đường lối phát triển kinh tế hợp tác xã

Đề Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18/03/2002 được triển khai hiệu quả, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 08/4/2002 về việc nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá IX) và Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 20/01/2008 về tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX. Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2012 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (KTTT) trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và các chỉ thị, kết luận có liên quan đến kinh tế tập thể, các cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương lần lượt cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của mình và cùng hướng tới mục tiêu chung là phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, trong đó có HTX. Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương và địa phương thực hiện tinh thần của Nghị quyết về kinh tế tập thể, như: Quyết định số 94/2002/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2002 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX); Chỉ thị số 22/2003/CT-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2003 về tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về KTTT. Các Bộ, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức triển khai thực hiện việc học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về KTTT. Ban Tuyên giáo Trung ương đã biên soạn tài liệu hướng dẫn, tổ chức các lớp phổ biến Nghị quyết cho các đồng chí cán bộ chủ chốt các Bộ, ngành, các đồng chí lãnh đạo Ban Tuyên giáo và các báo cáo viên của các tỉnh, thành phố. Ban Cán sự đảng các Bộ, ngành Trung ương phối hợp với các Đảng ủy khối và Đảng ủy cơ quan tổ chức nhiều Hội nghị quán triệt Nghị quyết, phối hợp với các cơ quan báo, đài xây dựng Chương trình truyền thông về KTTT, đồng thời đăng tải hàng nghìn bài viết và phóng sự tuyên truyền pháp luật về HTX; Tổ chức các đợt phóng viên của các báo đi thực tế viết bài về KTTT; Phát động các cuộc vận động, cuộc thi tìm hiểu pháp luật về KTTT; Biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào phát triển KTTT... Làm cho mỗi tổ chức đảng cơ sở và đảng viên trong ngành nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội dung của Nghị quyết 13, để từ đó áp dụng sáng tạo, phù hợp trong hoạt động quản lý nhà nước được phân công.

Cụ thể hơn nữa cho sự phát triển của HTX và luật hóa các nội dung trong Nghị quyết số 13-NQ/TW, Luật Hợp tác xã đã được ban hành và có hiệu lực từ năm 2003. Luật Hợp tác xã năm 2003 là sự kế thừa và phát triển từ Luật Hợp tác xã năm 1996, đồng thời có sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển, đổi mới của HTX. Luật HTX năm 2003 khẳng định: HTX là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu, lợi ích chung, tự

nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của Luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia HTX, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. HTX hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của HTX theo quy định của pháp luật.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X - 2006) đã có nhiều văn bản, báo cáo đánh giá và tiếp tục định hướng phát triển HTX như: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Nghị quyết số 21-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 6 BCHTW Đảng khóa X “về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...”. Các báo cáo, nghị quyết này của Đảng chủ yếu tập trung vào một số nội dung, như: Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; Tổng kết thực tiễn, sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình KTTT đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, HTX; Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, liên hiệp HTX; Khuyến khích việc tăng vốn góp và các nguồn vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động của HTX; Hỗ trợ phát triển thị trường, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, các dự án đầu tư của Nhà nước.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) xác định, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo

pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020: Bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty; Sớm hoàn thiện thể chế quản lý hoạt động của các tập đoàn, các tổng công ty Nhà nước; Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh, đa sở hữu, trong đó sở hữu Nhà nước giữ vai trò chi phối; Phân định rõ quyền sở hữu của Nhà nước và quyền kinh doanh của doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế quản lý vốn Nhà nước trong các doanh nghiệp; Tạo điều kiện thuận lợi để KTTT phát triển đa dạng, mở rộng quy mô (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Có thể nói từ Nghị quyết 13-NQ/TW đến Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011), đều khẳng định Việt Nam đã và đang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các văn kiện của Đảng đều định hướng phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó HTX là nòng cốt. Đặc biệt Nghị quyết 13-NQ/TW là sự kết hợp giữa yêu cầu lý luận và thực tiễn về phát triển HTX. Kế thừa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trước đó về KTTT, Nghị quyết 13-NQ/TW cho thấy hướng phát triển HTX của Đảng là dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa giới hành chính. Các nguồn lợi trong HTX được phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ. Hoạt động của HTX theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, cả người ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự

nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ. Nghị quyết cũng đề cập đến sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách: chính sách cán bộ và nguồn nhân lực, chính sách đất đai, chính sách tài chính - tín dụng, chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ, chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường và chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tạo cơ sở cho khu vực kinh tế tập thể phát triển.

Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục cụ thể hóa đường lối của Đảng về phát triển kinh tế HTX đồng thời ban hành những chính sách cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn đổi mới, phát triển của hợp tác xã trên địa bàn.

Thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW, Thành ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành sơ kết, rút kinh nghiệm, ban hành các chỉ thị và các văn bản chỉ đạo khác về tăng cường lãnh đạo củng cố, xây dựng, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, trong đó Công văn số 172-CV/TU ngày 12/1/2007, Chỉ thị 07-CT/TU ngày 23/11/2007 và Chỉ thị 16-CT/TU ngày 05/6/2013 là những chỉ đạo cụ thể của Thành ủy. Bên cạnh đó Ủy ban Nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 7/10/2013 về kế hoạch đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

Năm 2004, để có cơ sở thực tiễn trong việc tiếp tục hỗ trợ phát triển HTX theo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Thành ủy, Đảng bộ Thành phố đã sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 và Chương trình hành động của Thành ủy về “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010”, đã đánh giá thực trạng phát triển HTX. Theo đó, vì nhu cầu phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đòi hỏi các hình thức hợp tác của các hộ nông dân trong sản xuất nông nghiệp, nên ở ngoại thành phát triển đa dạng về hình thức lẫn số lượng, đến tháng 6/2004 đã có 28 HTX và Liên HTX (trong đó 5 HTX mới thành lập), 445 tổ hợp tác (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2004). Qua sơ kết của Thành ủy, hầu hết các HTX đều có quy mô nhỏ, vốn ít, tổ chức rời rạc, quan hệ hợp tác và khả năng quản lý điều hành hạn chế, hiệu quả thấp, chưa đủ sức đảm nhiệm vai trò cùng kinh tế Nhà nước trở

thành nền tảng vững chắc trong nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện mục tiêu phát triển hơn nữa kinh tế HTX, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý dứt điểm một số tồn tại về tài sản và các khoản nợ của HTX như: hỗ trợ vay 100 tỷ đồng thành lập Quỹ trợ vốn xã viên, cho vay ưu đãi hơn 245 tỷ đồng, thành lập 10 quỹ tín dụng nhân dân, hỗ trợ kinh phí đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ HTX... (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2007-a). Các chính sách hỗ trợ của Thành phố đã góp phần từng bước đưa HTX thoát khỏi tình trạng yếu kém. Số lượng và chất lượng hoạt động của HTX từng bước được nâng lên. Tính đến tháng 1 năm 2007, Thành phố có 6 liên hiệp HTX, 450 HTX tăng 92 HTX so với năm 2001 (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2007-a). HTX đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

Cùng với những tác động tích cực, chính sách đối với phát triển HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng còn những hạn chế, chưa đủ mạnh. Tốc độ tăng trưởng của khu vực KTTT còn chậm, phần lớn các HTX có quy mô nhỏ, vốn ít, chưa đủ sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đội ngũ cán bộ quản lý vừa thiếu, vừa yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực KTTT của Thành phố (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2007-a).

Từ những hạn chế, yếu kém được chỉ ra về phát triển KTTT mà trọng tâm là HTX, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh việc các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tăng cường công tác quản lý nhà nước, rà soát, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp trên tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện cho KTTT mở rộng quy mô phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Ban cán sự Ủy ban Nhân dân Thành phố tiếp tục nghiên

cứu cơ chế, chính sách mang tính đột phá để thúc đẩy KTTT phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2007).

Năm 2009, Thành ủy khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có chính sách hỗ trợ phát triển HTX, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2009-a, tr. 7).

Năm 2014, sau khi Thành phố đẩy mạnh triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW, Chỉ thị số 16-CT/TU về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, số lượng HTX ở Thành phố đã có sự phát triển đáng kể. Tính đến năm 2014, Thành phố có 4.728 tổ hợp tác, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản, thương mại, dịch vụ, tín dụng...; 537 HTX (trong đó có 328 HTX là thành viên của Liên minh) và 9 HTX là lực lượng nòng cốt cùng kinh tế Nhà nước bình ổn thị trường, đặc biệt khi có biến động giá cả, hỗ trợ, giúp đỡ những người sản xuất nhỏ, nhất là lĩnh vực nông nghiệp (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr. 10).

Năm 2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND, ngày 8/6/2015 về chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các HTX nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015-2020. Theo đó, các HTX thuộc các lĩnh vực sau đây sẽ được hưởng chính sách ưu đãi về nguồn vốn, cơ sở vật chất và những tài sản cần thiết với định mức 100 triệu/HTX: sản xuất nông nghiệp; thủ công nghiệp ở nông thôn (ngành nghề nông thôn); dịch vụ phục vụ nông nghiệp và các ngành nghề ở nông thôn; dịch vụ tư vấn, thiết kế và thi công sân vườn, cung cấp bon sai; dịch vụ du lịch sinh thái; dịch vụ cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường; dịch vụ tín dụng nông thôn và các dịch vụ khác phục vụ đời sống cư dân nông thôn.

Nhìn chung, trong quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn luôn cùng cả nước quan tâm đến phát triển kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX. Trong nhiều năm qua, Thành phố đã

xây dựng nhiều cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh sự phát triển của HTX. Nhờ sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước các cấp ở Thành phố mà HTX từ chỗ có nguy cơ sụp đổ, phá sản đến phục hồi và từng bước phát triển, từng bước đóng góp vào sự phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, tạo thu nhập và ổn định xã hội ở Thành phố.

3.3. Tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Các hợp tác xã kiểu mới ra đời và phát triển nhanh về số lượng

Từ năm 2002, trong xu thế hội nhập vào thị trường ASEAN, hiệp định thương mại Việt Mỹ có hiệu lực ở Việt Nam, tiến trình gia nhập WTO, chiến lược toàn cầu hoá của các tập đoàn tư bản... có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế, buộc hệ thống HTX phải liên kết, hợp tác để tồn tại. Các HTX trong thời kỳ này nỗ lực hơn và có những chuyển biến, phát triển rõ rệt, đáng kể.

Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) ra Nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX, các chính sách phát triển kinh tế tập thể được quan tâm một cách toàn diện và đầy đủ hơn. Những quan điểm mới của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã được luật hóa với sự ra đời của Luật Hợp tác xã 2003. Luật Hợp tác xã 2003 có một số nội dung mới so với Luật Hợp tác xã năm 1996 như: khẳng định HTX hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, được đối xử bình đẳng trước pháp luật như doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; không hạn chế quy mô, phạm vi hoạt động của HTX; thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh HTX được đơn giản hoá và minh bạch hơn; quy định cụ thể hơn các nội dung của điều lệ HTX; bổ sung một số quy định về tổ chức và quản lý HTX như: việc trích lập các quỹ HTX, mở chi nhánh, lập công ty trực thuộc HTX...

Chính phủ đã có biện pháp xử lý nợ tồn đọng cho HTX cũ chuyển đổi sang HTX mới theo Luật Hợp tác xã; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kiến thức quản lý, nghiệp vụ cho 3 chức danh cán bộ quản lý HTX; một số địa phương đã chủ động thực hiện một số biện pháp hỗ trợ HTX như: giao đất, cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất; bảo lãnh vay vốn; miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền đến năm 2010 cho hộ nông dân; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong một thời gian nhất định đối với các HTX nông, lâm, diêm, ngư nghiệp mới chuyển đổi hoặc mới thành lập; xử lý dứt điểm nợ tồn đọng của HTX nông nghiệp từ năm 1995 về trước; tiếp tục xem xét để xử lý nợ tồn đọng cho HTX phi nông nghiệp; giao những tài sản của HTX cũ và tài sản của Nhà nước cho HTX sử dụng trước đây thành nguồn vốn không chia trong HTX, thuộc sở hữu chung... (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013).

Từ xu thế trên và được sự quan tâm sau sắc từ Trung ương đến địa phương, kinh tế tập thể, trọng tâm là HTX có nhiều điều kiện để phát triển. Số lượng HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản tăng lên liên tục (bao gồm thành lập mới và chuyển đổi từ mô hình cũ).

Bảng 3.1: Số lượng HTX, liên hiệp HTX qua các năm

Nội dung	Đơn vị tính	2002	2013	2014	2015
Hợp tác xã	HTX	341	534	543	485
Liên hiệp HTX	Liên hiệp HTX	3	8	8	8

(Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 29)

Bảng 3.1. cho thấy số lượng HTX cơ bản tăng lên liên tục từ 341 HTX năm 2002 lên 543 HTX năm 2014. Từ năm 2014, số lượng HTX giảm nhẹ từ 543 còn 485 năm 2015. Sự suy giảm này là do một số HTX đã thành lập từ trước nhưng không còn hoạt động nên buộc phải tuyên bố giải thể khiến cho số lượng HTX giảm về số lượng. Sự suy thoái của nền kinh tế thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng cũng làm giảm sức mua, sản xuất kinh doanh trì trệ, sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn, cho nên nhiều HTX vốn nhỏ, chất lượng hàng hóa, dịch vụ chưa cao phải giải thể hoặc ngừng hoạt động, toàn Thành phố có 112 HTX, 4 liên hiệp HTX ngừng hoạt động (Liên minh HTX Thành phố Hồ Chí Minh, 2017). Ngoài ra số lượng liên hiệp HTX cũng tăng lên từ 3 liên hiệp HTX năm 2002 lên 8 liên hiệp HTX năm 2013, số lượng này được duy trì đến năm 2015.

Cùng với sự gia tăng về số lượng HTX và liên hiệp HTX nói chung, loại hình HTX cũng có những chuyển biến tích cực. Giai đoạn từ 2002-2015 đã xuất hiện thêm nhiều HTX ở những lĩnh vực mới như nhà ở, trường học, chợ...

Bảng 3.2: Số lượng hợp tác xã chia theo ngành nghề (loại hình) qua các năm

ST T	Loại hình HTX	Đơn vị tính	2002	2013	2014	2015
1	HTX nông nghiệp	HTX	22	66	61	49
2	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	93	96	96	86
3	HTX tín dụng	HTX	9	19	19	19
4	HTX thương mại	HTX	83	123	132	115
5	HTX vận tải	HTX	134	207	212	194
6	HTX vệ sinh môi trường	HTX	5	14	14	14
7	HTX nhà ở	HTX	0	8	8	8
Tổng		HTX	341	533	542	485

(Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 29)

Bảng 3.2 cho thấy, từ năm 2002 đến 2015, số lượng HTX đã tăng lên ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội mà HTX tham gia, ngoại trừ ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có sự giảm nhẹ từ 93 HTX năm 2002 xuống còn 86 HTX năm 2015. HTX vệ sinh môi trường có sự ra tăng về số lượng nhanh nhất với 280% từ năm 2002 đến 2014, tuy nhiên tổng số HTX trong lĩnh vực này còn thấp (14 HTX năm 2015), chỉ bằng 7,2% so với lĩnh vực giao thông vận tải, 12% so với lĩnh vực thương mại. Vệ sinh môi trường là lĩnh vực mới nên số lượng HTX tham gia còn ít, tuy nhiên rất có ý nghĩa trong cải thiện chất lượng môi trường, cảnh quan đô thị Thành phố. Ở các lĩnh vực như: nông nghiệp, vận tải, thương mại, tín dụng, số lượng HTX đều tăng lên đáng kể, trong đó tăng mạnh nhất là HTX nông nghiệp, năm 2015 có 49 HTX (tăng thêm 27 HTX, đạt 222,7%) so với năm 2002. Lĩnh vực giao thông vận tải luôn có số lượng HTX lớn nhất so với các ngành khác, đến năm 2015 toàn ngành có 194 HTX.

Cũng từ năm 2002, do có quy định rõ ràng về các nguyên tắc và điều kiện để thành lập HTX, nhất là nguyên tắc tự nguyện, hàng loạt các HTX đã ra đời và hoạt động hiệu quả, một số HTX có thể kể đến, như: HTX nông nghiệp sản xuất

thương mại và dịch vụ Phước An, HTX làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông, HTX vệ sinh môi trường Liên Minh

Hợp tác xã nông nghiệp sản xuất thương mại và dịch vụ Phước An (HTX Phước An) được thành lập từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện hợp nhất các tổ hợp tác sản xuất rau tại địa bàn các ấp Tân Quy Tây và Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2015, HTX Phước An có 62 thành viên, vốn điều lệ là 1,5 tỷ đồng, diện tích canh tác là 30 ha, trong đó diện tích sản xuất được chứng nhận VietGAP là 17 ha (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 199). HTX Phước An là một trong số hơn 100 HTX nông nghiệp tiêu biểu của 63 tỉnh thành trong cả nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn bình chọn đồng thời cũng là một trong số các HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh tham gia vào chuỗi liên kết với các HTX nông nghiệp và HTX thương mại để tiêu thụ sản phẩm cho xã viên.

Các loại dịch vụ HTX Phước An cung cấp cho thành viên, gồm: hướng dẫn kỹ thuật cho các thành viên và các hộ vệ tinh; tổ chức thu mua sản phẩm rau, củ, quả theo tiêu chuẩn VietGAP của các thành viên và các hộ vệ tinh; sơ chế, đóng gói các sản phẩm rau, củ, quả và bán cho các siêu thị Co.op Mart, Big C, trường học, bếp ăn công nghiệp.

Vai trò của HTX Phước An đối với các thành viên là thu mua và bao tiêu hết sản lượng rau, củ, quả của nông dân sản xuất với giá cao, bảo đảm có lãi. Doanh thu năm 2015: 18,14 tỷ đồng; lợi nhuận năm 2015: 871 triệu đồng. Doanh thu bình quân của các hộ thành viên: 100 triệu đồng/năm. Thu nhập bình quân người lao động năm 2015: 4 triệu đồng/tháng (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 199).

Có thể nói HTX Phước An hoạt động hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích cho nông dân là do đầu tư cho khoa học - kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động. HTX Phước An cung cấp các dịch vụ cho nông dân với giá hợp lý, tiện lợi và bảo đảm chất lượng. HTX Phước An chủ động mở rộng thị trường, duy trì đầu ra ổn định giúp nông dân an tâm tăng gia

sản xuất, có kế hoạch với chi phí giảm, giá cả hợp lý, cạnh tranh, buôn bán văn minh, tiêu chuẩn hóa sản phẩm ở mức cao. Việc đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, hình ảnh trên thị trường cũng được HTX Phước An rất chú trọng.

HTX làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông (HTX Phú Hòa Đông) thành lập từ năm 2006 trên cơ sở liên kết các hộ sản xuất bánh tráng truyền thống ở xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi.

Xã Phú Hòa Đông có nghề làm bánh tráng từ hơn 100 năm qua. Bánh tráng ban đầu chỉ làm ra để dùng, dư thừa thì bán ra các chợ nhỏ ở Thành phố và các tỉnh lân cận. Nghề làm bánh tráng ngày càng được nhân rộng vì bánh để được lâu, dễ sử dụng, làm tăng giá trị cho nguồn gạo địa phương và được mọi người tin dùng. Cao điểm, ở những năm từ 1970 đến 1975 có khoảng 75% số hộ trong xã làm nghề bánh tráng - ông Chín Khải (Ủy viên Ban chấp hành liên minh hợp tác xã Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ nhiệm HTX làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông cho biết). Ông Khải cũng cho biết thêm: làng nghề có giai đoạn cũng gặp nhiều khó khăn do tình trạng thiếu lương thực. Mãi đến năm 1980, làng nghề bánh tráng mới dần được phục hồi. Năm 1989, bánh tráng được xuất khẩu qua Pháp thông qua một công ty quốc doanh. Thịnh hành nhất từ năm 1992 đến 1996 toàn xã có đến 1.700 lò bánh tráng, chiếm 39,40 số hộ của xã, giải quyết được 5.000 lao động tại chỗ. Hằng ngày, sử dụng hết hơn 40 tấn gạo và sản xuất được hơn 30 tấn bánh thành phẩm xuất khẩu qua các thị trường nước ngoài và tiêu thụ ở trong nước (Vũ Văn Thuân, 2019).

Với chính sách khuyến khích phát triển các ngành nghề nông thôn của Nhà nước và để gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa làng nghề nông thôn, đầu năm 2003, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố kết hợp chính quyền xã Phú Hòa Đông xây dựng đề án khôi phục làng nghề truyền thống bánh tráng Phú Hòa Đông và được phê duyệt theo quyết định số 2988-QĐ/UBND ngày 4/8/2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. HTX làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông cũng ra đời từ chủ trương trên của Thành phố vào năm 2006 với 11 xã viên ban đầu, trong đó 7

thành viên có máy tráng bánh (Minh Phước và Nguyễn Đức Kha, 2017, tr. 547).

Sau hơn 10 năm thành lập, đến nay, HTX Phú Hòa Đông có 65 lò tráng máy và khoảng hơn 100 lò tráng thủ công. HTX đã hoạt động ổn định, số thành viên tăng từ 11 lên 18 thành viên, vốn điều lệ tăng từ 300 triệu lên 1 tỷ đồng, giải quyết được nhiều việc làm cho lao động là người địa phương với mức lương từ 4 đến 6 triệu đồng (Lê Thế Khải, 2017).

Ngoài ra, HTX Phú Hòa Đông cũng đạt được nhiều thành tựu trong việc giải quyết các vấn đề xã hội khác, như: vận động người dân trong xã ý thức hơn nữa trong việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, vận động công nhân tham gia các đoàn thể chính trị xã hội... HTX Phú Hòa Đông trở thành một trong những HTX đã tổ chức tiêu thụ sản phẩm tại hệ thống siêu thị.

Bên cạnh những ưu điểm và thành tựu, HTX Phú Hòa Đông cũng gặp những khó khăn, hạn chế nhất định, như: vốn hoạt động của HTX còn thấp, HTX ít có tài sản thế chấp nên khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, tài sản tích lũy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, quy trình sản xuất chịu tác động lớn từ thời tiết, trình độ người lao động còn thấp, chủ yếu là người dân trong vùng, công nghệ sản xuất chưa cao chủ yếu là làm thủ công từ công đoạn tráng bánh, phơi bánh, phân loại đến đóng gói nên chi phí lao động cao.

Hợp tác xã vệ sinh môi trường Liên Minh (HTX môi trường Liên Minh) thành lập từ năm 2011 với tổng số 85 thành viên.

HTX môi trường Liên Minh được Ủy ban Nhân dân quận Thủ Đức giao nhiệm vụ kinh doanh, quản lý các đường dây thu gom rác dân lập theo hợp đồng. Các hoạt động cụ thể của HTX môi trường Liên Minh: từng bước sắp xếp các đường dây thu gom rác theo sơ đồ hiện trạng, thường xuyên triển khai kiểm tra công tác thu gom rác để đảm bảo vệ sinh môi trường, tổ chức kiểm tra thu phí của các thành viên trên địa bàn 11 phường, vận động các thành viên, các đoàn thể tích cực tham gia xây dựng và giữ vững danh hiệu “hợp tác điển hình tiên tiến”, thường xuyên tu bổ xe vận chuyển và thay đổi xe thu gom rác không

đúng quy định của Nhà nước. Doanh thu của HTX cũng liên tục tăng lên do đó, mức chi tiền lương cũng tăng lên, cải thiện đời sống người lao động.

Bảng 3.3: Tổng thu và chi lương của HTX môi trường Liên minh

Đơn vị tính: đồng

	2012	2013	2014	2015
Tổng thu	6.841.522.653	7.410.489.000	8.157.727.750	10.509.141.800
Chi lương	132.000.000	186.000.000	240.000.000	744.000.000

(Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh, 2015)

Từ khi thành lập đến năm 2015, hoạt động của HTX môi trường Liên Minh ngày càng đi vào nề nếp và hiệu quả kinh doanh ngày càng cao. Các xã viên được HTX đứng ra ký hợp đồng với các chủ nguồn thải lớn như: công ty, xí nghiệp. Sản lượng rác thải được thu gom và đưa đến nơi tập kết của quận hằng ngày đạt từ 200 đến 250 tấn. Hoạt động ổn định, HTX có điều kiện chăm lo đời sống, tăng thu nhập cho người lao động và tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Thu nhập bình quân mỗi thành viên từ 4 đến 5 triệu đồng/tháng (Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh, 2016). Đời sống xã viên được cải thiện. Xã viên ngày càng gắn bó, tích cực đóng góp để HTX phát triển mạnh hơn nữa. HTX môi trường Liên Minh cũng mở rộng sản xuất kinh doanh và hướng tới những sản phẩm dịch vụ khác ngoài thu gom rác thải.

Khó khăn chủ yếu của HTX môi trường Liên Minh là nguồn vốn hoạt động còn nhỏ, người lao động chủ yếu là lao động phổ thông, có người còn chưa biết chữ nên gặp khó khăn trong quản lý, điều hành.

Nhìn chung từ năm 2002 đến 2015, kinh tế tập thể, đặc biệt là HTX đã có bước củng cố, phát triển quan trọng với số lượng HTX tăng lên ở hầu khắp các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Các HTX được thành lập chủ yếu dựa trên nhu cầu liên kết, hợp tác cùng có lợi trong sản xuất kinh doanh, tính dân chủ, tự nguyện cao. Tình trạng phát triển HTX theo kiểu phong trào, kế hoạch tập trung cơ bản đã được xóa bỏ. Việc chấp hành Luật Hợp tác xã, Điều lệ Hợp tác xã ngày càng

tiền bộ hơn. Tỷ lệ các HTX tổ chức đại hội đúng quy định tăng lên, cơ bản đảm bảo nguyên tắc HTX và coi trọng phục vụ lợi ích kinh tế của thành viên. Các thành viên cũng quan tâm hơn đến những vấn đề chung của HTX. Trong quản lý, điều hành, nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX được xác lập. Đối tượng tham gia HTX được mở rộng, bước đầu đã có những doanh nghiệp, trang trại tham gia vào HTX.

3.3.2. Cơ cấu tổ chức mới của hợp tác xã đã hình thành

Trước đây, bộ máy quản lý HTX hoàn toàn phụ thuộc vào HTX, các chức danh trong HTX do Nhà nước bổ nhiệm và thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao. HTX trở thành một cơ quan Nhà nước cấp cơ sở. Mọi xã viên, kể cả quản lý đều là người làm công ăn lương do vậy không phát huy được tính chủ động trong sản xuất kinh doanh. Quen dựa vào Nhà nước, sau đổi mới, các HTX gặp nhiều khó khăn, không tự chủ được và phần lớn đã phải giải thể.

Khi có Luật HTX 1996, mô hình quản lý đã có những quy định cụ thể nhưng HTX vẫn gặp khó khăn trong việc vận dụng, chuyển đổi cho phù hợp và đa phần vẫn chưa thích nghi được: “nhiều HTX do quen với cách quản lý cũ, đã không chủ động nhạy bén để kịp thời chuyển đổi, dẫn đến số lượng HTX giảm sút nhanh chóng” (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 15). Các xã viên tham gia HTX nhưng trông chờ vào sự cấp vốn của Nhà nước. Vốn góp của xã viên vào HTX về cơ bản còn quá ít, không đủ để tự mở rộng hoạt động. Báo cáo đánh giá của Liên hiệp HTX Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: “năng lực của các tổ chức kinh tế tập thể còn yếu. Công tác quản lý về kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, bộ máy phân tán, hoạt động kém hiệu quả; khung pháp luật và chính sách phát triển kinh tế tập thể còn nhiều bất cập” (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013).

Từ năm 2003, với quyết tâm lớn của các cấp chính quyền ở Thành phố và sự nỗ lực xoay sở của các HTX, xuất hiện những HTX làm ăn có lãi, đặc biệt là sự thành công của Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn đã trở thành động lực cho sự phát triển của HTX. Một cơ cấu tổ chức HTX cơ bản được định hình và

bước đầu đi vào khuôn khổ. Cơ cấu tổ chức mới đã gắn trách nhiệm với lợi ích, tạo được động lực cho người quản lý HTX.

Phần lớn các HTX lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành. Chỉ có 4/6 liên hiệp HTX và khoảng 5 - 6% số HTX lập 1 một bộ máy quản lý và điều hành tách riêng (Ban quản trị và Ban chủ nhiệm). Điểm quan tâm là việc trả công cho thành viên quản lý điều hành HTX, có HTX không trả theo mức ổn định tháng mà mức trả công bằng tỷ lệ % mức lãi mà HTX tạo ra hoặc ngoài mức trả công theo mức ổn định còn được hưởng thêm tỷ lệ % của mức lãi mà HTX tạo ra đã thực sự trở thành động lực kích thích hoạt động của nhân lực bộ máy, thực sự gắn được lợi ích của quản lý, điều hành với sự phát triển của HTX (Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, tr. 24-25).

Năm 2012, Luật HTX mới được ban hành trên cơ sở kế thừa Luật HTX năm 2003 và bổ sung thêm một số nội dung cho phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của các HTX. Việc đăng ký chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 góp phần loại bỏ những HTX có mô hình tổ chức không đúng bản chất HTX hoặc tổ chức không hiệu quả. Qua đó, cơ cấu tổ chức mới của HTX được hình thành.

Căn cứ thực tiễn tổ chức quản lý HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh và Luật Hợp tác xã năm 2012, mô hình tổ chức bộ máy quản lý HTX ở Thành phố được khái quát như sau:

Đại hội thành viên

Đại hội thành viên có quyền quyết định cao nhất của HTX. Đại hội thành viên gồm đại hội thành viên thường niên và đại hội thành viên bất thường. Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội thành viên bất thường do hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên hoặc thành viên đại diện của ít nhất một phần ba tổng số thành viên, HTX thành viên triệu tập theo quy định. Quyền hạn và nhiệm vụ của đại hội thành viên được quy định tại Điều 32 Luật Hợp tác xã 2012 và Điều lệ của Hợp tác xã.

Các HTX trên địa bàn Thành phố đều tiến hành đại hội theo đúng nhiệm kỳ. Một số HTX tiến hành trước nhiệm kỳ như HTX Vận tải 15, HTX làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông để phù hợp với cách thức tổ chức theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Ngoài ra, các HTX đã tổ chức đại hội thường niên theo quy định của điều lệ.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị HTX là cơ quan quản lý do hội nghị thành lập hoặc đại hội thành viên bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Hội đồng quản trị gồm chủ tịch và thành viên, số lượng thành viên hội đồng quản trị do điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 03 người, tối đa là 15 người. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị HTX do Điều lệ HTX, liên hiệp HTX quy định nhưng tối thiểu là 02 năm, tối đa là 05 năm. Hội đồng quản trị HTX họp định kỳ theo quy định của điều lệ nhưng ít nhất 03 tháng một lần do chủ tịch hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng quản trị được chủ tịch hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập. Hội đồng quản trị họp bất thường khi có yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên hội đồng quản trị hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, giám đốc (tổng giám đốc) HTX. Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị được quy định tại Điều 36 Luật Hợp tác xã 2012 và Điều lệ của Hợp tác xã.

Chủ tịch hội đồng quản trị

Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của HTX, liên hiệp HTX và có quyền hạn, nghĩa vụ xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng quản trị. Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ trì cuộc họp của hội đồng quản trị, đại hội thành viên trừ trường hợp Luật Hợp tác xã 2012 hoặc điều lệ có quy định khác. Chủ tịch hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước đại hội thành viên và hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao. Chủ tịch hội đồng quản trị ký văn bản của hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ. Chủ tịch hội đồng quản trị thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Hợp

tác xã 2012 và điều lệ. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị được quy định tại Điều 37 Luật Hợp tác xã 2012 và Điều lệ của Hợp tác xã.

Giám đốc (tổng giám đốc) hợp tác xã

Giám đốc (tổng giám đốc) HTX là người điều hành hoạt động của HTX, liên hiệp HTX. Giám đốc (tổng giám đốc) có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh của HTX; thực hiện nghị quyết của đại hội thành viên, quyết định của hội đồng quản trị; ký kết hợp đồng nhân danh HTX theo ủy quyền của chủ tịch hội đồng quản trị; trình hội đồng quản trị báo cáo tài chính hằng năm; xây dựng phương án tổ chức bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của HTX trình hội đồng quản trị quyết định; tuyển dụng lao động theo quyết định của hội đồng quản trị; thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ, quy chế của HTX.

Trường hợp giám đốc (tổng giám đốc) do HTX thuê thì ngoài việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ quy định nêu trên còn phải thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo hợp đồng lao động và có thể được mời tham gia cuộc họp đại hội thành viên, hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát hợp tác xã

HTX có từ 30 thành viên trở lên phải bầu ban kiểm soát. Đối với HTX có dưới 30 thành viên việc thành lập ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên do điều lệ quy định. Ban kiểm soát, kiểm soát viên hoạt động độc lập, kiểm tra và giám sát hoạt động của HTX, liên hiệp HTX theo quy định của pháp luật và điều lệ.

Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên do đại hội thành viên bầu trực tiếp trong số thành viên, đại diện HTX thành viên theo thể thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên ban kiểm soát do đại hội thành viên quyết định nhưng không quá 07 người. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của hội đồng quản trị. Quyền hạn, nhiệm vụ của ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên được quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Hợp tác xã 2012.

Trình độ cán bộ quản lý HTX đã có sự cải thiện rõ rệt. Tính đến năm 2015, trình độ sơ cấp, trung cấp được nâng lên 936/1.340 cán bộ, chiếm 69,85%;

cao đẳng, đại học trở lên là 404 người, đạt 30,15% (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016).

Tuy trình độ của cán bộ quản lý HTX đã được cải thiện nhưng vẫn còn khá thấp, tỷ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên so với Hà Nội và nhiều tỉnh thành khác, trình độ quản lý của cán bộ, xã viên HTX Thành phố đã cao hơn hẳn: Hà Nội có 6.078 cán bộ quản lý, chuyên môn; trong đó cán bộ có trình độ đại học 734 người (chiếm 12,1%), cao đẳng 672 người (chiếm 11%), cán bộ có trình độ trung - sơ cấp 2.040 người (chiếm 33,6%), số còn lại 2.632 người (chiếm 43,3%) chỉ qua bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày (Bạch Thanh, 2014). Để nâng cao hơn nữa trình độ cán bộ và xã viên, Liên minh HTX Thành phố đã đặt mục tiêu đến năm 2020 nâng tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học đạt 35%, trung cấp, sơ cấp 65% (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016).

Nhìn chung, đến năm 2015, mô hình bộ máy quản lý HTX trong cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã cơ bản được định hình, phát huy sự chủ động trong quản lý, điều hành. Cơ cấu tổ chức quản lý HTX bao gồm Đại hội xã viên và bộ máy quản lý và điều hành. HTX có thể thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành hoặc thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành. Đối với HTX thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành thì bầu Ban quản trị và Chủ nhiệm, Chủ nhiệm HTX đồng thời là Trưởng Ban quản trị; Đối với HTX thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành thì bầu Ban quản trị và Trưởng Ban quản trị trong số thành viên Ban quản trị.

3.3.3. Hoạt động của hợp tác xã

3.3.3.1. Hợp tác xã tiếp tục hoạt động đa dạng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội

Lĩnh vực thương mại – dịch vụ (HTX thương mại)

Số lượng HTX thương mại tăng từ 83 HTX và 2 liên hiệp HTX năm 2002 lên 115 HTX và 04 Liên hiệp HTX thương mại năm 2015, được phân bổ đều trên các quận huyện của Thành phố. Trong đó có khoảng 20% HTX có quy mô

nhỏ (dưới 100 triệu đồng), khoảng 65% HTX có quy mô vốn trung bình (từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng), 15% HTX có quy mô vốn từ trên 1 tỷ đồng (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Các HTX hoạt động kinh doanh có hiệu quả và tiếp cận tốt nguồn vốn vay của ngân hàng nên doanh thu hằng năm đều tăng.

Đa số các HTX thương mại đều kinh doanh bán lẻ hàng tiêu dùng với phương thức bán hàng văn minh, hiện đại, giá cả phù hợp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như chất lượng hàng hóa. Hầu hết HTX thương mại tổ chức tốt hoạt động tiếp thị, làm đại lý phân phối cho các nhà phân phối lớn, xây dựng các cửa hàng, quầy sạp bán lẻ đến tận khu dân cư. Hoạt động của HTX ngành thương mại khá năng động, nhạy bén, luôn tìm hướng đi mới để thích ứng với sự cạnh tranh của thị trường, như: Liên hiệp HTX thương mại Thành phố (Sài Gòn Co.op), HTX thương mại Củ Chi, HTX thương mại Gia Định, HTX thương mại dịch vụ Quận 3, HTX thương mại dịch vụ Quận 11... đều có doanh thu hằng năm trên 500 tỷ đồng.

Đặc biệt, đã có 21 HTX tham gia quản lý chợ. Các HTX này đã phát huy cách quản lý dân chủ, tự nguyện của thành viên trong giữ gìn vệ sinh, trật tự, hỗ trợ vốn cho thành viên tiểu thương, góp phần vào việc hạn chế nạn cho vay nặng lãi trong chợ. Ngoài lợi ích chung, các HTX chợ đã góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương, đáp ứng chủ trương xã hội hóa các hoạt động dịch vụ công và từng bước thực hiện mô hình mua chung, bán riêng, đảm bảo chất lượng đầu vào của nguồn hàng trong chợ (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 10). Các HTX kinh doanh chợ, như: HTX thương mại Bình Tây, HTX Tân Kiểng, HTX thương mại dịch vụ Tân Tiến, HTX thương mại dịch vụ Phú Thịnh... đã đảm bảo việc kinh doanh của các tiểu thương văn minh, lịch sự và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Như vậy, các HTX thương mại luôn cải tiến phương thức hoạt động, tổ chức nhiều hình thức thu hút khách hàng, như: bán hàng lưu động, có chương

trình khen thưởng xã viên mua nhiều hàng hóa, các chương trình khuyến mãi nhằm chia sẻ bớt khó khăn với người tiêu dùng.

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (HTX tiểu thủ công nghiệp)

Sản phẩm chủ yếu của các HTX tiểu thủ công nghiệp là dệt, thêu ren, da, chạm khắc, gốm sứ tiêu dùng, đồ mỹ nghệ, chế biến thực phẩm, in trên bông vải. Mặc dù khó khăn nhưng các HTX tiểu thủ công nghiệp đã có nhiều cố gắng, chủ động tìm thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, như: tham gia triển lãm, các hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm của Thành phố, tham gia các đoàn xúc tiến thương mại nước ngoài do Ủy ban Nhân dân Thành phố tổ chức. Một số HTX tiểu thủ công nghiệp đã đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và đời sống của lao động, cung ứng hàng tiêu dùng thiết yếu cho xã hội và cho xuất khẩu. Mặc dù có nhiều cố gắng xong số lượng HTX tiểu thủ công nghiệp vẫn giảm từ 93 HTX năm 2002 xuống còn 86 HTX năm 2015 do các nguyên nhân, như: quy mô, tiềm lực nhỏ, nội lực hạn chế, thiếu vốn, thiếu mặt bằng để sản xuất kinh doanh, chậm thích nghi với nhu cầu thị trường (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019).

Lĩnh vực nông nghiệp (HTX nông nghiệp)

Đến năm 2015, Thành phố có 49 HTX nông nghiệp, tăng 27 HTX so với năm 2002. Đa số các HTX nông nghiệp đều nhận được sự quan tâm của Thành phố và có kết quả hoạt động kinh doanh tốt, có chỗ đứng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với 19/49 HTX sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đạt 38,8% (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016).

Để có nguồn nhân lực cho các HTX nông nghiệp, Ủy ban Nhân dân Thành phố đã hỗ trợ ngoài lương mỗi người có trình độ đại học là 1,2 triệu đồng/người/tháng, trình độ cao đẳng là 800.000 đồng/người/tháng (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2013-b). Sự hỗ trợ này đã đem lại hiệu quả quan trọng, có tác động tích cực đến đội ngũ cán bộ đang công tác tại các HTX nông nghiệp, qua đó thu hút thêm cán bộ mới, tạo động lực để họ công tác lâu dài, ổn

định trong các HTX. Các HTX nông nghiệp cũng nhận được nhiều hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ của Thành phố. Trong giai đoạn từ 2011 đến 2015 đã có 12 HTX nông nghiệp thành lập mới được hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu là 30 triệu đồng/1 HTX. Trong giai đoạn 2015-2020, mức hỗ trợ là 100 triệu đồng/1 HTX (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2015).

Một số HTX nông nghiệp đã chủ động mở rộng hoặc liên kết với các HTX hoạt động trong các lĩnh vực khác, hình thành các HTX nông nghiệp - dịch vụ đa ngành, trong đó tập trung vào các hoạt động cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các HTX, xã viên và hộ gia đình. Các HTX nông nghiệp - làng nghề trồng hoa lan, cây cảnh, nuôi cá cảnh... có giá trị kinh tế cao, có khả năng xuất khẩu, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi ở nông thôn được chính quyền hỗ trợ quan tâm. Bước đầu hình thành chuỗi liên kết giữa các HTX nông nghiệp với hệ thống HTX thương mại để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên thông qua hội nghị kết nối cung cầu do Thành phố tổ chức, như: HTX Phước An (huyện Bình Chánh), HTX Phú Lộc (huyện Củ Chi).

Lĩnh vực giao thông vận tải (HTX giao thông vận tải)

Số lượng HTX giao thông vận tải tăng đều qua các năm từ 2002 với 134 HTX đến 2014 với 212 HTX, sau đó giảm xuống 194 HTX vào năm 2015 (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019). Ngoài ra, Thành phố còn có 02 liên hiệp HTX giao thông vận tải. Các HTX, liên hiệp HTX giao thông vận tải tập trung chủ yếu ở các khu vực xe buýt, taxi, vận tải hàng hóa và bốc xếp, trong đó:

Mạng lưới xe buýt của Thành phố được tái cơ cấu lại từ năm 2002 với 8 tuyến xe buýt thử nghiệm và dần dần lan khắp các quận huyện và các tỉnh lân cận, tạo thành một mạng lưới rộng khắp. Các HTX kinh doanh vận chuyển hành khách trên các tuyến cố định liên tỉnh đường dài chiếm 77,7%, số lượng đầu phương tiện ở Thành phố. Các HTX vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá chiếm 73,1% thị phần vận chuyển và đầu phương tiện toàn Thành phố (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Các HTX

giao thông vận tải đang ngày càng chủ động đầu tư, thay mới đầu xe, nâng cao chất lượng phục vụ xuất phát từ chính sách trợ giá và hỗ trợ lãi vay đầu tư đổi mới phương tiện theo Đề án được ban hành kèm theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 và Quyết định 4456/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố. Tính đến 2015, Thành phố đang duy trì khoảng 136 tuyến xe buýt, trong đó 105 tuyến có trợ giá cùng 2.786 xe đang sử dụng (Mai Huyền, 2016) & (Thi Hồng, 2016). Để khuyến khích người dân đi xe buýt và giảm lượng phương tiện cá nhân tham gia giao thông, Ủy ban Nhân dân Thành phố quyết định thay mới 1.680 xe (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2014-a). Thực hiện điều này, quỹ trợ vốn xã viên HTX đã phối hợp với các tổ chức tín dụng hỗ trợ vốn cho các HTX, hầu hết các tuyến xe buýt đều được ưu đãi về giá (trợ giá), đồng thời, Thành phố có chính sách miễn, giảm vé cho người già, người khuyết tật và học sinh, sinh viên. Cùng với sự gia tăng các tuyến xe, lượng hành khách vận chuyển của hệ thống xe buýt cũng có những sự tăng trưởng khác nhau ở mỗi giai đoạn. Từ năm 2002 chỉ với 36,1 triệu lượt hành khách thì đến năm 2012 đã tăng lên 413,1 triệu lượt hành khách. Tuy nhiên từ năm 2013 đến 2015, cùng với sự bùng nổ của các phương tiện cá nhân và mạng lưới xe taxi, trong khi cơ sở hạ tầng chưa phát triển kịp khiến lượng hành khách vận chuyển bằng xe buýt có xu hướng giảm. Năm 2013 sản lượng hành khách vận chuyển được của hệ thống xe buýt ở Thành phố Hồ Chí Minh là 411,2 triệu lượt, năm 2014 là 367 triệu lượt, năm 2015 là 334,5 triệu lượt hành khách (Mai Huyền, 2016).

Khu vực taxi: năm 2015, các HTX đang quản lý trên 1000 đầu xe taxi. Việc tập trung đầu xe theo hình thức góp vốn bằng phương tiện có hội đồng định giá tài sản đang phát triển tốt ở một số HTX. Một số HTX dùng hình thức mua xe trả góp ngân hàng theo tỷ lệ thỏa thuận làm tăng số đầu xe, như HTX Toàn Mỹ, Taxi Đất Thép, Taxi 27/7 (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016).

Khu vực vận tải hàng hóa đã có thị phần và đã kinh doanh ổn định. Một số HTX vận tải hàng hóa có số đầu xe trên 1.000 chiếc phục vụ vận chuyển hàng hóa

trong cả nước. HTX có trạm dịch vụ sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế. Nhờ đó, khối lượng hàng hóa vận chuyển của HTX ngày càng lớn. Năm 2012, khối lượng hàng hóa vận chuyển của HTX đạt 21.267 nghìn tấn đã tăng lên 27.047 nghìn tấn (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 275). Trong những năm qua, số lượng hàng hóa được vận chuyển của các HTX lớn hơn so với khu vực kinh tế nhà nước.

Bảng 3.4: Khối lượng hàng hóa được vận chuyển của hợp tác xã so với các thành phần kinh tế khác qua các năm từ 2012 đến 2015

Đơn vị tính: nghìn tấn

Năm	2012	2013	2014	2015
Nhà nước	19.743	21.510	20.129	24.945
Hợp tác xã	19.743	21.510	20.129	24.945
Tư nhân và cá thể	73.668	84.382	99.517	123.130
Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.779	3.353	3.498	4.372

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 275)

Khu vực HTX bốc xếp có 18 HTX (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Các HTX đã phát triển tốt, tăng vốn, số lượng xã viên, mạnh dạn đầu tư các dây chuyền vận chuyển và các xe chuyên dụng có giá trị lớn, như: HTX vận tải cơ giới xếp dỡ Đại Thành, HTX vận tải Liên Minh, HTX Bình Điền. Thành phố hỗ trợ các HTX bốc xếp đầu tư các phương tiện, thiết bị bốc xếp, vận chuyển chuyên dùng thay cho làm việc thủ công. Bên cạnh đó, các HTX cũng gặp một số khó khăn về kho bãi và sức cạnh tranh gay gắt.

Lĩnh vực tín dụng (HTX tín dụng)

Đến năm 2015, Thành phố có 19 HTX tín dụng, tăng 10 HTX so với năm 2002. Các HTX tín dụng có 51.163 thành viên, tổng nguồn vốn hoạt động 1.243 tỷ đồng, vốn điều lệ 70 tỷ đồng, vốn huy động 1.193 tỷ đồng, dư nợ tín dụng 883 tỷ đồng (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Hoạt động kinh doanh của các quỹ đều đạt hiệu quả, các khoản nợ tồn đọng dưới mức quy định. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với sự hoạt động tích cực, HTX tín dụng đã kịp thời hỗ trợ nhu cầu vay vốn cho các thành viên, góp phần không

nhỏ vào sự phát triển chung của Thành phố. Để tạo điều kiện cho HTX tín dụng hoạt động hiệu quả hơn nữa, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố luôn phối hợp với ủy ban nhân dân các quận/huyện để kịp thời củng cố nhân sự, củng cố hoạt động đối với HTX tín dụng yếu kém, thua lỗ, giúp các HTX này hoạt động hiệu quả hơn. Do đó, các HTX tín dụng tập trung vào việc tăng nguồn vốn hoạt động, phát triển thành viên, tăng dư nợ tín dụng.

Lĩnh vực môi trường (HTX dịch vụ môi trường)

Đây là loại hình HTX mới trên địa bàn Thành phố với 14 HTX. Số lượng còn ít nhưng từ khi hình thành đến năm 2015, các HTX đã đầu tư phương tiện thu gom và vận chuyển rác, đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường đô thị sạch sẽ, văn minh, góp phần không nhỏ vào việc làm đẹp Thành phố. Đã có HTX đầu tư 48 xe ép rác các loại và 100 xe tải nhỏ, xe xúc để phục vụ công tác vận chuyển và dọn dẹp rác của Thành phố (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 11). Để khuyến khích các HTX dịch vụ môi trường phát triển, Thành phố đã thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trang bị phương tiện thu gom vận chuyển rác, giao địa bàn hoạt động... để khuyến khích các nghiệp đoàn, tổ thu gom rác chuyển đổi thành các HTX dịch vụ môi trường.

Lĩnh vực nhà ở (HTX nhà ở)

Đến năm 2015, Thành phố có 8 HTX nhà ở đăng ký kinh doanh nhưng mới có 1 HTX đi vào hoạt động, số lượng xã viên tham gia từ đầu lên đến 281 người, số vốn góp là 1.316.680.000 đồng và triển khai dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp, được các ngành ở Thành phố ủng hộ (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013).

Như vậy, trong quá trình đổi mới và phát triển từ 2002 đến 2015, kinh tế HTX đã phát triển hầu khắp các lĩnh vực kinh tế cơ bản và một số lĩnh vực xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều HTX điển hình đã xuất hiện. Hiệu quả kinh tế - xã hội của HTX ngày càng được cải thiện. HTX ở những lĩnh vực mới như nhà ở, chợ, môi trường... cho thấy một xu hướng phát triển mới của kinh tế HTX và sự phát triển của kinh tế HTX là không giới hạn về lĩnh vực, không gian. Tuy nhiên, ở một số lĩnh vực, số lượng còn ít, khai thác chưa hiệu quả, vốn

nhỏ, công nghệ chưa đổi mới, nhất là những HTX ở các lĩnh vực xã hội. Điều này đòi hỏi sự quan tâm hơn từ phía các cơ quan hữu quan của Thành phố nhằm phát huy tốt hơn nữa vai trò của HTX ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, nhất là những lĩnh vực mới.

3.3.3.2. Hợp tác xã tiếp tục phát triển đa ngành và tham gia vào chuỗi giá trị

Hiện nay, cả nước có khoảng trên 500 HTX sản xuất điển hình và kinh doanh gắn với chuỗi giá trị thị trường trong nước và nước ngoài (thông kê này chưa đầy đủ do một số địa phương không gửi dữ liệu) (Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, 2019). Hầu hết các HTX này đã áp dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn sản xuất an toàn, ký kết tiêu thụ sản phẩm dài hạn với tổ chức, doanh nghiệp. Nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả đang ngày càng được nhân rộng. Điển hình như HTX Bò sữa Evergrowth (Sóc Trăng) đã xây dựng thành công và đưa vào hoạt động nhà máy trộn thức ăn tinh cho bò sữa; HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Anh Đào (Lâm Đồng) tổ chức sản xuất, liên kết với các siêu thị tiêu thụ rau an toàn trên 52 tỉnh, thành phố trong nước và xuất khẩu sang Hàn Quốc...

Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015 có 49 HTX nông nghiệp, trong đó 7 HTX được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá là những HTX tiêu biểu gồm: HTX thương mại - dịch vụ - sản xuất - chăn nuôi bò sữa Tân Thông Hội, HTX chăn nuôi heo an toàn Tiên phong, HTX nông nghiệp - thương mại - dịch vụ Phú Lộc (địa bàn huyện Củ Chi); HTX thương mại - dịch vụ - sản xuất nông nghiệp Mai Hoa (huyện Hóc Môn); HTX nông nghiệp - sản xuất - thương mại - dịch vụ Phước An (huyện Bình Chánh); HTX Hiệp Thành (huyện Nhà Bè); HTX nông nghiệp - thương mại - dịch vụ - nuôi trồng thủy sản Cần Giờ (huyện Cần Giờ) (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 13).

Để nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững HTX nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị, đồng thời thực hiện Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020, Thành phố đã có nhiều chính sách hỗ trợ để cải thiện thêm hoạt động của HTX như: Hỗ trợ xúc tiến thương mại; Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới

nâng cao trình độ công nghệ; Hỗ trợ nâng cao nguồn nhân lực; Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng triển khai các đề án phát triển HTX mô hình mới; Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; Hỗ trợ chính sách đất đai; Hỗ trợ chính sách tín dụng (Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2014).

Từ sự quan tâm của Thành phố và sự nỗ lực của các HTX, ngày càng có nhiều HTX phát triển hoạt động gắn với chuỗi giá trị, bảo đảm cung cấp các dịch vụ từ đầu vào, dây chuyền sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ,... và tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên.

HTX Chăn nuôi heo an toàn Tiên Phong (HTX Tiên Phong) ra đời vào tháng 5/2007 tại ấp An Hòa, xã An Phú, huyện Củ Chi. HTX Tiên phong là một trong những HTX đầu tiên trên cả nước được thành lập và được cấp phép chăn nuôi heo công nghiệp an toàn theo quy trình sản xuất chăn nuôi sạch, khép kín của Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam. Tám thành viên sáng lập là những chủ trại heo nằm trên địa bàn huyện Củ chi và Hóc Môn, có nhiều kinh nghiệm chăn nuôi heo, có đàn nái sinh sản ban đầu hơn 2.000 con. Thực chất, từ năm 1998, những trại heo này đã phối hợp với Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam nghiên cứu xây dựng thành công quy trình nuôi heo an toàn, sản xuất ra sản phẩm thịt heo sạch cho thị trường, đã được người tiêu dùng ưa chuộng trong nhiều năm qua. Vì vậy, sau khi thành lập HTX, quy trình chăn nuôi heo công nghiệp sạch, khép kín của Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam đã được áp dụng thống nhất trong toàn HTX. Viện thường xuyên cử cán bộ khoa học đến từng trang trại hướng dẫn, giám sát từ khâu xây dựng chuồng, trại đến chuyển giao kỹ thuật chọn giống, chăm sóc và tư vấn miễn phí.

Cùng với việc chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chăn nuôi phù hợp, HTX Tiên Phong còn rất quan tâm đến công tác phòng ngừa dịch bệnh. HTX thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn cho các thành viên để nâng cao ý thức thực hiện các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi, nhằm hạn chế mầm bệnh xâm nhập. Xử lý chất thải, nước thải cũng được thực hiện một cách có hiệu quả, góp phần hạn chế gây ô nhiễm môi trường. Đến nay, 20 trại của

thành viên đã được Cục Thú y cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch, các trại thành viên mới kết nạp cũng sẽ lần lượt xây dựng cơ sở an toàn dịch trong thời gian tới. HTX Tiên Phong đã ký kết gia công sản xuất với các công ty thức ăn gia súc, các nhà nhập khẩu nông sản, các nhà cung ứng nguyên liệu thức ăn, thuốc thú y... với giá cả hợp lý. Nhờ vậy, từ 8 thành viên ban đầu, đến nay HTX Tiên Phong đã có 40 thành viên, tổng diện tích khuôn viên của 40 trại thành viên khoảng 50 hecta (trong đó, diện tích xây dựng chuồng, trại và các công trình phụ trợ là 15 hecta); tổng số lao động làm việc tại các trại thuộc HTX là 150 người. Năm 2016, HTX lập kế hoạch sẽ kết nạp thêm 20 trại, năm 2017 kết nạp thêm 40 trại, nâng tổng số trại thành viên vào cuối 2017 là 100 trại. Tổng đàn heo hiện tại là 5.000 con heo nái, 30.000 heo thịt và 4.000 heo hậu bị. Hằng năm, HTX cung ứng 100.000 heo thịt và heo giống hậu bị cho thị trường (trong đó tỷ lệ heo thịt là 90.000 con, 10.000 con hậu bị đực và cái) (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2020).

Rõ ràng, trong bối cảnh Việt Nam bước vào hội nhập, liên kết cùng nhau sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm giúp nâng cao khả năng cạnh tranh cho nông sản và thực phẩm Việt Nam là xu hướng tích cực. Sự liên kết giữa người sản xuất và các nhà khoa học đã thúc đẩy quá trình sản xuất của HTX Tiên Phong.

HTX thương mại - dịch vụ - sản xuất - nông nghiệp Mai Hoa (HTX Mai Hoa), được thành lập vào năm 2012 với quy mô 20 thành viên, vốn điều lệ 1,9 tỷ đồng và diện tích canh tác khoảng 20 hecta (Chi Cục phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, 2019). HTX Mai Hoa chủ yếu sản xuất và tiêu thụ rau củ quả an toàn theo quy trình VietGAP. Ngoài cung cấp dịch vụ đầu vào và đầu ra cho thành viên của mình, HTX Mai Hoa đã, đang liên kết và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn cho một số xã trên địa bàn huyện Hóc Môn, như: Xuân Thới Thượng, Xuân Thới Đông, Nhị Bình.

Về tổ chức dịch vụ đầu vào: HTX đã tiến hành cung ứng phân bón, giống cây trồng cho các hộ thành viên với giá bán thấp hơn thị trường. Cụ thể, phân

bón rẻ hơn 10%, cây giống rẻ hơn 5%, góp phần làm giảm chi phí sản xuất cho thành viên HTX.

Về tiêu thụ sản phẩm: HTX đang cung cấp sản phẩm cho Vinmart, Bách hóa xanh, chợ đầu mối, chợ truyền thống, trường học, bếp ăn tập thể,.. với sản lượng 1 tấn/ngày (30 tấn/tháng) (Chi Cục phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, 2019).

Nhờ hoạt động có hiệu quả nên HTX Mai Hoa được nhận giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Hội Nông dân Thành phố, Hiệp Hội Trang trại và Doanh nghiệp Nông nghiệp Việt Nam.

Hợp tác xã Tuấn Ngọc (phường Long Trường, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh), nhờ đầu tư trang thiết bị hiện đại và tự động, giúp cho quá trình chăm sóc cây trên hệ thống luôn được đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng, không bị ảnh hưởng thời tiết, cây phát triển trong điều kiện tốt nhất và thu hoạch quanh năm. Với diện tích trồng 7.000 m², HTX Tuấn Ngọc thu hoạch 800 - 1.000 kg rau mỗi ngày (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2020-a).

Toàn bộ hệ thống nuôi dưỡng, chăm sóc rau thủy canh được quản lý tại trung tâm quản lý dữ liệu và lưu trên hệ thống máy tính làm dữ liệu cho các mùa vụ sau. Tùy theo từng loại cây, có thời gian thu hoạch khác nhau, trung bình từ khi nảy mầm đến thu hoạch là 28 - 30 ngày, riêng xà lách 40 - 45 ngày. Sau khi thu hoạch, toàn bộ giàn được vệ sinh sạch để chuẩn bị cho đợt trồng mới. Hiện nay, với chất lượng sản phẩm tốt, nguồn hàng ổn định, sản phẩm rau an toàn của HTX Tuấn Ngọc đã nhận được sự quan tâm lớn của hệ thống siêu thị bán lẻ như Co-opmart, Bách hóa Xanh... (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2020-a)

Thông qua hoạt động của một số HTX cho thấy, các HTX đang rất chủ động tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Thành phố để mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng tăng tỷ suất đầu tư. Các HTX cơ bản đã chú ý đến thương hiệu, chất lượng sản phẩm, quan tâm đến nhu cầu thị trường... để có kế hoạch sản xuất hợp lý. Các hộ nông dân ngày càng tuân thủ nghiêm ngặt quy trình gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch... đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật để sản phẩm có chất lượng tốt, tạo thương hiệu cho HTX, từ đó có được niềm tin của người tiêu

dùng – cơ sở để tồn tại bền vững. Để nâng cao chất lượng sản phẩm, các HTX đã và đang đẩy mạnh áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ, phối hợp với sở Khoa học Công nghệ Thành phố để được hướng dẫn, vận dụng tốt nhất. Ngoài thị trường truyền thống (bỏ hàng cho các tiểu thương ở các chợ), HTX còn đẩy mạnh liên kết với HTX thương mại để đưa hàng vào các siêu thị như: Coopmart, bách hóa xanh.... Rõ ràng, phương hướng sản xuất kinh doanh của các HTX đã có nhiều đổi mới so với HTX kiểu cũ.

3.3.3.3. Mở rộng quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế là hướng hoạt động mới

Trong suốt thời kỳ 1986 đến 2002, hợp tác quốc tế dường như vắng bóng các HTX ngoại trừ một số HTX nổi bật như: Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn, HTX Ba Nhất. Tuy nhiên, từ năm 2002 trở đi, khi xu thế hợp tác quốc tế ở Thành phố ngày càng mở rộng. HTX được xác định như một loại hình doanh nghiệp... xu thế hội nhập vào thị trường thế giới của các HTX cũng hình thành ngày càng rõ nét.

Để sản phẩm của các HTX được người tiêu dùng trong và ngoài nước biết đến, Liên minh HTX Thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng chương trình xúc tiến thương mại hàng năm cho các HTX. Các chương trình này chú trọng nhất việc quảng bá sản phẩm, dịch vụ của các HTX trên các kênh thông tin khác nhau đồng thời vận động các HTX tham gia xúc tiến thương mại trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa Thành phố với các tỉnh, thành trong cả nước và với các nước trên thế giới. Các hoạt động chủ yếu như: Hội chợ trưng bày hàng nông sản, Hội chợ xúc tiến tiêu dùng, Chương trình bình ổn thị trường, Hội nghị kết nối cung cầu hàng năm, tổ chức cho các HTX tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 11).

Xác định rõ những thời cơ và thách thức đồng thời khai thác triệt để sự hỗ trợ của Thành phố, các HTX chủ động mở rộng hợp tác không những với các HTX khác ở nhiều lĩnh vực khác nhau mà còn đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp và tham gia vào thị trường thế giới.

Liên hiệp HTX thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn Co.op) là một trong những HTX đi đầu trong việc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế. Để tìm ra hướng đi mới, HTX đã tìm sự giúp đỡ từ các chuyên gia đến từ các nước phát triển như Nhật, Singapore, Thụy Điển để rồi siêu thị đầu tiên đã ra đời, mở đầu cho sự ra đời của hệ thống siêu thị Co.opmart từ năm 1996.

Từ những thành công ban đầu đó, Sài Gòn Co.op nhanh chóng phát triển và trở thành nhà phân phối hàng đầu trên thị trường nội địa. Sài Gòn Co.op đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự hội nhập và cạnh tranh trong thời hội nhập. Tính đến năm 2016, Sài Gòn Co.op đã có 400 điểm bán lẻ, 85 siêu thị Co.opmart phân bố khắp cả nước và 2 đại siêu thị Co.opXtra và trung tâm thương mại quy mô lớn SC VivoCity liên doanh với Singapore. Ngoài ra, Sài Gòn Co.op còn có hơn 100 cửa hàng thực phẩm Co.op Food, 200 cửa hàng Co.op, 2 trung tâm thương mại Sense City và một kênh bán hàng qua truyền hình HTX Co.op (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 72-73).

Để có nguồn hàng ổn định, Sài Gòn Co.op đã mở rộng liên kết với các HTX trên địa bàn Thành phố để tiêu thụ các mặt hàng nông sản sạch như: HTX Thỏ Việt, Phú Lộc, Phước An, Ngã Ba Giồng,... Ngoài ra, với hệ thống siêu thị ở khắp các địa phương, Sài Gòn Co.op còn ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nhiều HTX, tổ hợp tác và hộ nông dân ở ở khắp các tỉnh trong cả nước.

Cùng với đó, Sài Gòn Co.op luôn chú ý nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là khâu bảo quản trước phân phối. HTX đã cho xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm phân phối thực phẩm tươi sống với diện tích 6.000 m², đầu tư dây chuyền đóng gói đạt tiêu chuẩn VietGAP, nâng cấp 2 trung tâm phân phối thực phẩm tại Bình Dương và miền Tây Nam bộ với tổng diện tích 50.000 m², đầu tư trang, thiết bị hiện đại, kiểm soát kỹ càng, sản phẩm đến tay người tiêu dùng luôn có chất lượng tốt, qua đó, trở thành nơi mua sắm tin cậy của người tiêu dùng (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2017, tr. 77).

Hợp tác xã mây tre lá Ba Nhất (HTX Ba Nhất), được thành lập vào năm 1976, chuyên sản xuất giỏ đan tay, đồ gia dụng và đồ nội thất tại Việt Nam. Hiện nay chi nhánh tại Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đổi mới, Chủ nhiệm HTX Ba Nhất cho người đi gom lục bình, bẹ chuối về làm hàng mỹ nghệ. Sản phẩm HTX làm ra đẹp và bền chắc. HTX đã liên hệ các khách sạn, nhà hàng - nơi có nhiều người nước ngoài lui tới để trang trí, trưng bày giúp họ bằng các sản phẩm mỹ nghệ của mình, đồng thời nhờ họ nói giúp địa chỉ nếu có khách hỏi mua. Đến khi có khách nước ngoài đặt hàng thì lại vướng vào cơ chế - HTX chưa được hợp tác với nước ngoài, nhất là những nước chủ nghĩa tư bản (Khánh Vinh, 2017).

Đến năm 1993, khi các rào cản của cơ chế cũ đã được xóa bỏ, nhận thấy thời cơ đã đến, HTX Ba Nhất mạnh dạn đầu tư nhà xưởng, tăng số lượng hàng hóa và tiếp tục tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Sản phẩm của HTX Ba Nhất được trưng bày ở nhiều nơi, có chất lượng tốt, giá trị thẩm mỹ cao nên nhanh chóng thu hút được sự chú ý của khách nước ngoài. Hợp đồng đầu tiên của HTX với một vị khách hàng người Pháp với đơn hàng 200.000 USD, sau đó ông tiếp tục đặt hơn 100 container và cho ứng trước 20.000 USD để HTX Ba Nhất xây dựng gian hàng giới thiệu sản phẩm (Khánh Vinh, 2017).

Năm 2000, được phía Hoa Kỳ giúp đỡ, cho phép sản phẩm mây tre lá bán vào thị trường của họ bằng cách tài trợ tiền và bảo lãnh cho HTX Ba Nhất tham gia các hội chợ. Từ đó, hàng ngàn mẫu mã sản phẩm của HTX Ba Nhất được các hãng bán lẻ hàng đầu như Worldmark, Target, Ikea... nhận phân phối. Đến nay sản phẩm mây tre lá của HTX Ba Nhất đã có mặt trên 40 nước. Để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu, HTX Ba Nhất đã hợp tác với nhiều HTX khác và các địa phương (Khánh Vinh, 2017).

Những năm gần đây, HTX Ba Nhất luôn đạt doanh thu trên dưới 200 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu khoảng 10 triệu USD/năm. Hiện nay, HTX có 1.355 lao động tại chỗ và hơn 20.000 lao động sơ chế nguyên liệu, làm hàng gia công ở các tỉnh Thanh Hóa, Long An, Ninh Bình, Nam Định, Sóc Trăng... Ngoài ra

còn nhiều HTX được thành lập ở các địa phương để cung ứng nguyên liệu (Khánh Vinh, 2017).

Nhìn chung từ năm 2002 đến 2015, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước là xu hướng phát triển mới của các HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung. Xu hướng phát triển này phù hợp với đường lối và chính sách tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể của Đảng và Nhà nước theo tinh thần của Nghị quyết số 13-NQ/TW. Theo đó, để phát triển hơn nữa kinh tế HTX, Đảng và Nhà nước trong báo cáo tổng kết sự phát triển của kinh tế tập thể từ 2002 đến 2015 đã xác định: 1/ Khuyến khích hợp tác quốc tế trong phát triển KTTT nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào HTX mạnh. Tiếp thu các hỗ trợ kỹ thuật phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực HTX. Thành lập và nâng cao năng lực cơ cấu trợ giúp tổ chức KTTT. 2/ Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên minh HTX quốc tế (ICA), các tổ chức HTX các nước, các tổ chức đại diện và hỗ trợ HTX các nước để học tập kinh nghiệm, tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, thiết bị, máy móc, liên kết và mở rộng thị trường. 3/ Chủ trì, tham gia các hội nghị quốc tế về HTX. Thành lập Diễn đàn các tổ chức quốc tế để hỗ trợ khu vực HTX. Trên cơ sở Diễn đàn, tùy theo thế mạnh và định hướng hỗ trợ của từng tổ chức để kêu gọi các tổ chức quốc tế hỗ trợ các HTX và thực hiện các dự án hỗ trợ HTX (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, 2019, tr. 64).

3.3.3.4. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã ngày càng tăng

HTX vận tải số 9 được thành lập ngày 16/07/1992 theo Giấy phép số 350/UB-GP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày đầu thành lập có 35 thành viên và 35 phương tiện vận tải. Đến nay, số phương tiện của HTX là: 1.079 xe, trong đó 134 xe thuộc sở hữu của thành viên và 945 xe thuộc sở hữu của HTX. Tổng số vốn điều lệ lên đến 297.123.286.279 đồng (Hợp tác xã vận tải số 9). Doanh thu của HTX vận tải số 9 không ngừng tăng lên qua các năm. Nếu như năm 2010, doanh thu của HTX mới chỉ đạt 135,4 tỷ đồng thì năm 2015 đã đạt 245,7 tỷ đồng, năm 2016 đạt 353,4 tỷ đồng và năm 2017 trên 400 tỷ

đồng. Doanh thu tăng, HTX đã trích nộp ngân sách nhiều hơn, điển hình như năm 2017, HTX đã nộp ngân sách nhà nước gần 9 tỷ đồng (Trung Thành, 2019). Cùng với đó là thu nhập của thành viên và của người lao động trong HTX vận tải số 9 cũng được cải thiện rõ rệt. Nếu như năm 2011, lương cán bộ công nhân viên bình quân của HTX là 3,8 triệu đồng/người/tháng thì năm 2018 đã đạt mức 8 triệu đồng/người/tháng. Đặc biệt, doanh thu bình quân của thành viên năm 2013 mới chỉ là 80 triệu đồng/xe/tháng thì năm 2017 đã đạt trên 200 triệu đồng/xe/tháng (Trung Thành, 2019).

Hợp tác xã tín dụng An Bình Phú ra đời từ năm 2005 và hoạt động chủ yếu ở các địa bàn gồm 4 phường: Bình Trung Tây, Bình Trung Đông, Cát Lái và Thạnh Mỹ Lợi thuộc Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu hoạt động chính của HTX tín dụng An Bình Phú là giúp các thành viên tiếp cận dễ dàng và nhanh chóng với nguồn vốn vay, chi phí hợp lý, tạo điều kiện cho thành viên nâng cao khả năng tiếp cận tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống sinh hoạt, góp phần đẩy lùi tệ nạn cho vay nặng lãi. Nắm bắt xu thế vay vốn của nhân dân, HTX tín dụng An Bình Phú đã đa dạng hóa các gói cho vay như: xây sửa nhà, mua các phương tiện vận chuyển, phục vụ sản xuất kinh doanh, cho vay tiêu dùng, vay tín chấp... HTX tín dụng An Bình Phú góp phần từng bước tạo ra công ăn việc làm, cải thiện đời sống cho một bộ phận người lao động tại địa phương, góp phần đẩy lùi cho vay nặng lãi... bằng cách triển khai cho vay các nhóm thành viên, tiêu thương tại chợ như: Chợ Chiều, Chợ Giồng Ông Tố, Chợ Cây Xoài, Chợ Thạnh Mỹ Lợi... với số vốn 6 tỷ đồng trong 02 năm 2015-2016 (Hợp tác xã tín dụng An Bình Phú, 2017).

Trong những năm vừa qua, HTX tín dụng An Bình Phú cũng đã hỗ trợ cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số vốn vay được, các doanh nghiệp có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động như trường hợp Công ty TNHH TMDV giao nhận Phương Nam. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ thành viên cũng ngày càng có hiệu quả như ông Bùi Văn Hiền, thành viên HTX tín dụng An Bình Phú đã vay

tiền để xây dựng khu nhà trọ. Nay vốn đã trả xong, ông Hiễn còn có thu nhập trung bình hơn 10 triệu đồng/tháng (Hợp tác xã tín dụng An Bình Phú, 2017).

HTX tín dụng An Bình Phú đang ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ nguồn vốn kinh doanh cho thành viên và nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Các thành viên của HTX ngoài việc có cơ hội tăng vốn để sản xuất kinh doanh riêng như trường hợp ông Hiễn, còn được chia lợi tức khá cao và ổn định ở mức 17-19% trong các năm từ 2013 đến nay. Các hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng có cơ hội tiếp cận nguồn vốn của HTX tín dụng An Bình Phú cho nên có thêm cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh, ổn định sản xuất. Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh doanh, HTX tín dụng An Bình Phú cũng quan tâm đến những hoạt động xã hội. Hàng năm, HTX tín dụng An Bình Phú tham gia các hoạt động tại địa phương và đóng góp vào Quỹ hỗ trợ người nghèo của Phường, Quận; mua bảo hiểm y tế cho những cá nhân gặp khó khăn hay trao học bổng cho những em học sinh nghèo vượt khó.

Không chỉ Thành phố Hồ Chí Minh mà ở các tỉnh, thành khác trong cả nước, kinh tế HTX cũng ngày càng hoạt động có hiệu quả, thu hút được nhiều thành phần dân cư, số lượng HTX không ngừng tăng lên, nhất là số lượng các HTX tiêu biểu. Tính đến năm 2015, cả nước có trên 20.000 HTX, tăng 59% so với năm 2002 (khoảng 7.422 HTX). Hiệu quả hoạt động của các HTX những năm gần đây ngày càng ổn định và có xu hướng phát triển. Doanh thu bình quân của một HTX năm 2018 đạt 4.477,3 triệu đồng/HTX, tăng 3.622,7 triệu đồng (gấp khoảng 4,2 lần) so với năm 2003, trong đó doanh thu bình quân của HTX với thành viên cũng tăng từ 698,6 triệu đồng/năm, năm 2003 lên 3.280,7 triệu đồng/năm, năm 2018, tăng 2.582,1 triệu đồng (gấp khoảng 3,7 lần) so với năm 2003; chiếm khoảng 73% trong doanh thu bình quân của 1 HTX (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, 2019, tr. 10).

Nhìn chung, các HTX đang có xu hướng kinh doanh đa dạng, hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng tăng. Điều này cho thấy, các HTX đã có chiến

lược sản xuất kinh doanh phù hợp, nắm bắt được xu thế phát triển trong nước và quốc tế, chủ động tăng nội lực của chính mình về nguồn vốn, công nghệ, sản phẩm để đủ sức cạnh tranh với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hoạt động của HTX không chỉ hiệu quả với HTX và các thành viên của mình mà còn có cộng hưởng đến các thành phần dân cư khác, do đó gián tiếp tạo ra thu nhập cho người lao động và góp phần ổn định đời sống xã hội trên những địa bàn nhất định và trên toàn Thành phố.

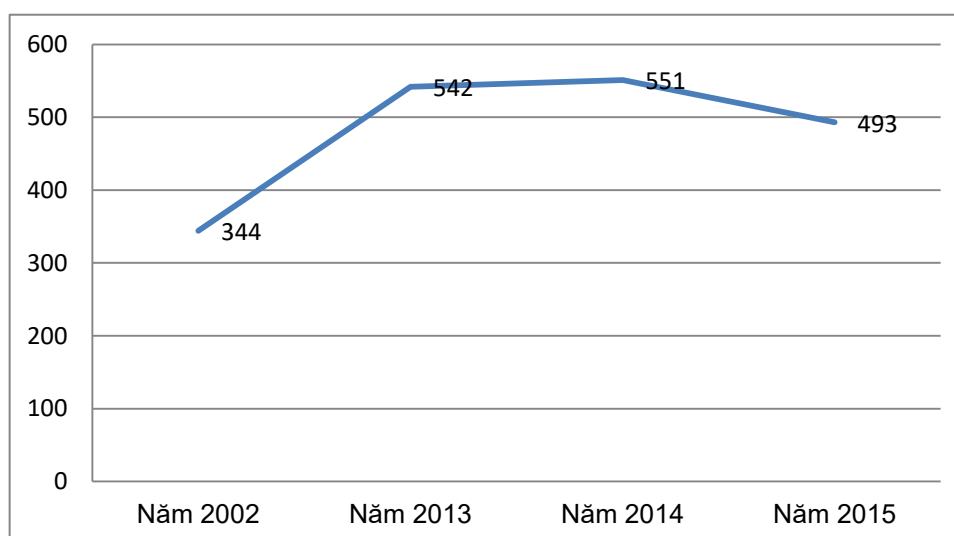
3.4. Hiệu quả của quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã giai đoạn 2002-2015

3.4.1. Hiệu quả kinh tế rộng mở

Sau thời kỳ sa sút, từ năm 1996 đến 2002 là thời kỳ các HTX bước đầu có những chuyển biến trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ năm 2002 đến 2015, kinh tế HTX có sự đổi mới tích cực và đạt được nhiều thành tựu.

Số lượng HTX tăng lên từ 341 HTX năm 2002 lên 485 HTX năm 2015 trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội mà HTX tham gia (Biểu 3.1). Các HTX tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã, những HTX thành lập trước về cơ bản đã tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012 với trên 98% vào năm 2015.

Biểu 3.1: Số lượng HTX, liên hiệp HTX qua các năm

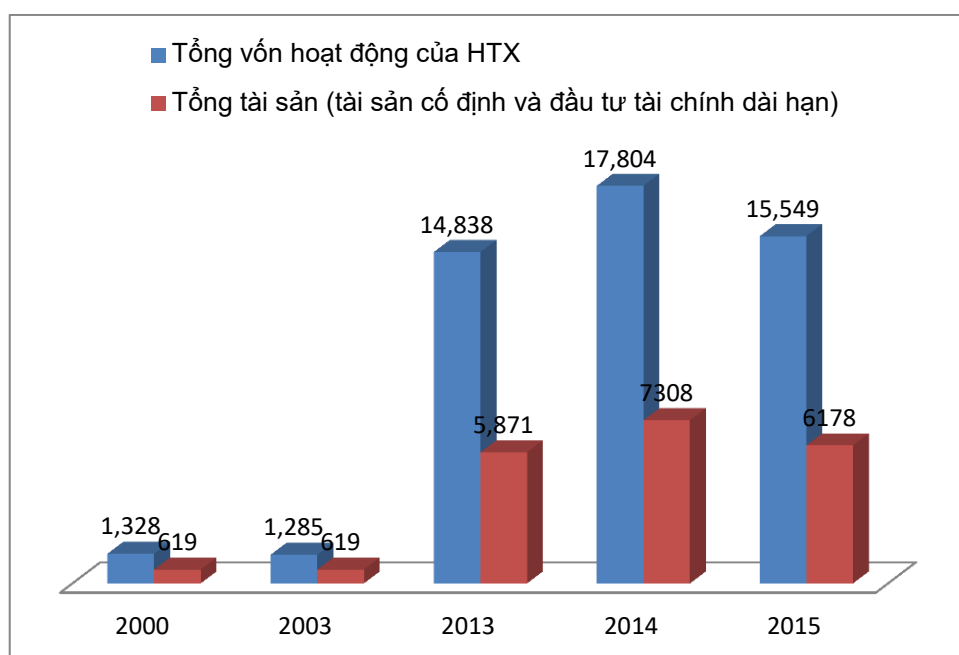


(Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 29)

Từ năm 2002 đến 2015, không chỉ tăng về số lượng, tỷ lệ các HTX làm ăn khá giỏi tăng từ gần 40% lên gần 70%; số HTX yếu kém, thua lỗ từ 37% giảm xuống còn 12% (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013).

Quy mô vốn hoạt động và tổng giá trị tài sản của các HTX trong thời kỳ 2002-2015 cũng tăng đều qua các năm.

Biểu 3.2: Quy mô vốn hoạt động và tổng giá trị tài sản của các HTX qua các năm



(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 100); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 108); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 159); (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 27)

Qua biểu 3.2 cho thấy, năm 2002, tổng số vốn hoạt động kinh doanh tài sản của HTX lần lượt là 1.328 và 619 tỷ đồng đã tăng lên tương ứng 15.549 và 6.178 tỷ đồng năm 2015. Vốn hoạt động và tài sản của HTX đạt cao nhất trong giai đoạn này vào năm 2014 với 17.804 và 7.308 tỷ đồng, qua năm 2015 vốn và tài sản giảm xuống do một số HTX buộc phải giải thể hoặc chuyển loại hình kinh doanh do hoạt động yếu kém hoặc không đảm bảo theo Luật Hợp tác xã quy định.

Hoạt động của các HTX đã có sự đổi mới, phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Nhiều HTX hoạt động hiệu quả, tạo được lòng tin, mang lại lợi ích lớn cho thành viên, góp phần giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập. Một số HTX đã trở thành những điển hình trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, hỗ trợ tốt hơn cho kinh tế hộ gia đình, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Liên kết giữa các HTX với nhau và HTX với các tổ chức kinh tế khác bước đầu được thiết lập và đã phát huy hiệu quả. Nhiều HTX đã có tích lũy để xây dựng thêm nhà xưởng, đầu tư thêm máy móc thiết bị, thay đổi công nghệ sản xuất, phát triển thêm sản phẩm và chuyển hướng sang kinh doanh đa ngành nghề. Công tác tổ chức, quản lý HTX được củng cố, khắc phục tình trạng thua lỗ kéo dài, đưa HTX từng bước thoát khỏi tình trạng yếu kém về vốn và công nghệ. Theo Liên minh HTX Thành phố Hồ Chí Minh (2016), chỉ tính riêng trong năm 2015, doanh thu bình quân của một HTX đạt 25.000 triệu đồng, trong đó lợi nhuận bình quân của một HTX là 300 triệu đồng.

Ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, cả nước nói chung đã xuất hiện nhiều HTX ở những lĩnh vực mới như: HTX nhà ở, HTX trường học, HTX dịch vụ suất ăn công nghiệp, HTX dịch vụ vệ sinh môi trường, HTX quản lý chợ... Các loại hình HTX này đã nhận được sự quan tâm ủng hộ của các cấp, các ngành và sự tin tưởng của nhân dân.

Hiệu quả kinh tế của HTX được thể hiện qua hai mặt: hiệu quả trực tiếp của HTX vào tăng trưởng kinh tế và hiệu quả gián tiếp thông qua nâng cao hiệu quả, chất lượng kinh tế xã viên HTX. Tính đến năm 2015, HTX đã đóng góp 0,8% trong tổng số 9,85% tăng trưởng GDP ở Thành phố (Liên minh HTX Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Tỷ lệ đóng góp GDP chưa phải là cao so với các doanh nghiệp nhưng HTX đã khẳng định được vị trí là thành phần hình kinh tế trong cơ cấu kinh tế của Thành phố và cả nước. Các HTX có đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng kinh tế Thành phố, tạo được niềm tin của xã viên đối với mô hình HTX. Bên cạnh đó, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của HTX

ngày càng đa dạng và có sức cạnh tranh trên tất cả các ngành kinh tế. Nhiều HTX đã phát triển hệ thống phân phối sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng thông qua hệ thống các cửa hàng trong toàn Thành phố.

Sự phát triển của hệ thống HTX toàn Thành phố đã tạo thu nhập ổn định cho hàng nghìn lao động và xã viên HTX mỗi năm. Đối với các xã viên, bên cạnh lợi ích từ việc sản xuất kinh doanh hiệu quả của các HTX còn có lợi thế đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình. Theo Liên minh HTX Thành phố Hồ Chí Minh (2016), đến năm 2015, thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong các HTX dao động ở mức 40 triệu đồng/năm.

HTX đã có sự thay đổi rất lớn về mọi mặt so với HTX trước đổi mới. HTX phục vụ sự phát triển kinh tế xã viên theo đúng nguyên tắc HTX, thông qua tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế. Sự phát triển hài hòa giữa lợi ích chung của HTX và lợi ích xã viên là động lực cơ bản cho sự ra đời và phát triển HTX.

Thông qua HTX, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, giống mới... đã được chuyển giao một cách có hiệu quả đến các hộ xã viên. Trong nông nghiệp, công tác chống úng, hạn, phòng ngừa và chống sâu bệnh có hiệu quả hơn so với từng xã viên tự thực hiện. Trong tiểu thủ công nghiệp, việc tham gia HTX sẽ tạo được nguồn vốn lớn để thực hiện chuyển đổi công nghệ - kỹ thuật nhằm tạo ra sản phẩm với năng suất, chất lượng cao, có sức cạnh tranh hơn trong kinh tế thị trường. Hơn nữa, việc tham gia HTX còn là điều kiện để xã viên có cơ hội nắm bắt thông tin thị trường, chủ động sản xuất.

Cơ cấu ngành nghề của HTX phát triển đa dạng, đặc biệt bắt đầu hoạt động trong các lĩnh vực mới, đáp ứng nhu cầu quan trọng của nền kinh tế và của đời sống nhân dân như: trường học, chợ, vệ sinh môi trường, y tế...

Tính đến thời điểm năm 2018, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là một trong những tỉnh, thành phố có số lượng HTX lớn nhất so với một số địa phương trong vùng Đông Nam bộ. Toàn vùng Đông Nam bộ có 1.826 HTX (Bộ Kế hoạch và

Đầu tư, Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, 2019, tr. 18), trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có 485 HTX (chiếm 26,1%), so Bình Phước, Đồng Nai cùng thời điểm là 131 HTX (Tỉnh ủy Bình Phước, 2017, tr. 152) (7,1%) và 389 HTX (Tỉnh ủy Đồng Nai, 2019, tr. 15) (21,3%) và Bình Dương có 187 (10,2%) HTX (Thoại Phương, 2020). Trong số các tỉnh, thành phố có thống kê về số lượng HTX, Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng lớn nhất. Tổng số thành viên HTX cũng lớn hơn hẳn so với các tỉnh Đông Nam bộ. Đến năm 2018, Thành phố Hồ Chí Minh có 58.654 thành viên (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 27), so với Đồng Nai 82.568 thành viên (Tỉnh ủy Đồng Nai, 2019, tr. 15), Bình Phước 9.218 thành viên (Tỉnh ủy Bình Phước, 2017, tr. 152), Bình Dương 30.380 thành viên (Thoại Phương, 2020), Bà Rịa - Vũng Tàu hơn 11.000 thành viên (Liên minh Hợp tác xã Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Trong số các tỉnh Đông Nam bộ, Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng thành viên HTX đứng thứ hai, sau tỉnh Đồng Nai. Tổng số vốn hoạt động của HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng cao hơn so với các tỉnh Đông Nam bộ. Năm 2015, tổng số vốn hoạt động của các HTX ở Thành phố là 15.549 tỷ đồng, trong khi đó Đồng Nai là 9.456 tỷ đồng (Tỉnh ủy Đồng Nai, 2019, tr. 15) (số liệu năm 2018), Bà Rịa – Vũng Tàu là 911.281 tỷ đồng (Nguyễn Ngọc Thương - Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020) (số liệu năm 2020). Trong số 3 tỉnh Đông Nam bộ có số liệu thống kê, mặc dù Thành phố Hồ Chí Minh có bất lợi về thời điểm thống kê song vốn hoạt động vẫn lớn hơn Đồng Nai.

Nhìn chung, đến năm 2015, hiệu quả kinh tế của HTX đã có nhiều chuyển biến tích cực khi các chỉ số cơ bản như: số lượng, quy mô vốn, tài sản đều tăng lên so với năm 2002. Các HTX đã thực hiện được vai trò hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế xã viên phát triển, tăng cường mối quan hệ nội bộ HTX và giữa HTX với các tổ chức kinh tế khác, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của kinh tế hộ và tổng hợp được sức cạnh tranh chung của cả HTX và xã viên trên thị trường. HTX đã bước đầu tham gia vào các lĩnh vực mới, điều này phản ánh các HTX đã cơ bản nhay bén trong nắm bắt tình hình phát triển của xã hội. Hiệu quả kinh tế của HTX ở

Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản cao hơn một số tỉnh miền Đông Nam bộ, thể hiện được vai trò của một Thành phố có sự phát triển kinh tế hàng đầu cả nước.

3.4.2. Tác động to lớn về xã hội

Vai trò xã hội của HTX trước hết được thể hiện ở nguyên tắc thành lập, xã viên tham gia HTX với tư cách là con người chứ không phải là vốn để họ hợp tác tự giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế của cá nhân đồng thời cũng vì mục tiêu kinh tế chung của tất cả các hộ xã viên thông qua HTX. Đây chính là nguyên tắc mang tính nhân văn của HTX, là cơ sở tồn tại lâu dài, mặc dù từng trải qua thời kỳ rất khó khăn, mất niềm tin của nhân dân. HTX ra đời gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự cạnh tranh khắc nghiệt của kinh tế thị trường. Chính cuộc cạnh tranh đó đã nảy sinh nhu cầu và khả năng hợp tác để một cộng đồng với những thành viên vốn yếu thế vượt qua được khó khăn, tránh bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển.

HTX đã thu hút một lượng lớn lao động. Theo số liệu của Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến năm 2015, khu vực HTX của Thành phố có 24.239 lao động, chiếm 0,88% tổng số lao động của Thành phố. Bình quân mỗi HTX có khoảng 65 lao động. Các HTX trên địa bàn Thành phố đã giải quyết được việc làm cho hàng nghìn lao động nhất là nguồn lao động phổ thông, lao động nữ (tổng số lao động nữ làm việc trong các HTX tính đến năm 2015 là 9.014 người, chiếm 0,75% tổng số lao động nữ toàn Thành phố và 37,4% tổng số lao động làm việc trong HTX) (Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr 154 & 157). Các lĩnh vực có số lượng lao động trong HTX lớn như: thương mại, giao thông vận tải và tập trung ở các khu vực ngoại thành như: Thủ Đức, Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Phú Nhuận. Như thế, HTX đã tạo được thu nhập ổn định cho một lực lượng lớn lao động toàn Thành phố, trong đó chủ yếu là những người có trình độ tay nghề thấp hoặc chưa qua đào tạo, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi chương trình, mục tiêu xóa đói, giảm nghèo của Thành phố.

HTX trong cả nước nói chung, Thành phố nói riêng đang phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh tế, trong đó có cả những lĩnh vực gắn liền với môi trường xã hội như: giáo dục, y tế, văn hóa... Hoạt động của các HTX trong những lĩnh vực này không chỉ cải thiện đời sống kinh tế cho từng hộ xã viên mà còn góp phần nâng cao đời sống cộng đồng.

HTX thường gắn với một cộng đồng dân cư nhất định. Lợi ích do HTX mang lại góp phần ổn định cộng đồng. Việc phát triển cộng đồng góp phần quan trọng trong việc phát huy truyền thống dân tộc: xây dựng tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, giúp những thành viên khó khăn có cơ hội vươn lên thoát nghèo và ổn định đời sống. Các HTX góp phần quan trọng phát triển các hoạt động văn hóa trong cộng đồng dân cư và xử lý tại chỗ những mâu thuẫn trong nội bộ cộng đồng, góp phần ổn định chính trị - xã hội.

Nhìn chung, sự phát triển kinh tế HTX trong giai đoạn 2002 - 2015 đã có nhiều chuyển biến và đổi mới so với trước giai đoạn trước; hệ thống khung pháp lý về HTX đã có và sẽ tiếp tục thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện; các chính sách của Nhà nước cũng đang trong quá trình chỉnh chu, cụ thể hóa để mang tính khả thi hơn trong việc hỗ trợ các HTX; người dân đã có nhìn nhận tích cực về HTX. Đến năm 2015, tuy vẫn còn nhiều khó khăn song các HTX có đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội ở Thành phố. Kinh tế HTX đã có sự phát triển ổn định trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiểu kết chương 3

Nhìn chung, sự phát triển kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002-2015 đã đạt được những thành tựu cơ bản. Đây là giai đoạn Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Ngày càng có nhiều các hiệp định thương mại song phương và đa phương được ký kết với các nước và tổ chức trên thế giới. Sự hội nhập này mở ra cơ hội cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam trong đó có kinh tế HTX nhưng đồng thời cũng có những thách

thức không nhỏ. Trong bối cảnh đó, kinh tế HTX Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự tự điều chỉnh để thoát ra khỏi cơ chế cũ đồng thời để thích ứng với thị trường trong nước và thế giới. Nhờ sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự nỗ lực không ngừng của các HTX, kinh tế HTX đã có những chuyển biến tích cực với sự phát triển của HTX ở hầu khắp các lĩnh vực kinh tế và một số lĩnh vực xã hội như: chợ, trường học, nhà ở, môi trường...; hoạt động kinh doanh của HTX không còn bị giới hạn ngành nghề hay địa giới hành chính; sự liên kết giữa các HTX và HTX với các thành phần kinh tế khác đã hình thành; các HTX bước đầu sản xuất kinh doanh theo hướng tham gia vào chuỗi giá trị để nâng cao năng xuất lao động, giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường;... Trong quá trình đổi mới và phát triển, kinh tế HTX ở Thành phố đã có những thành công nhất định như: bước đầu có đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, số lượng HTX tăng dần cả về số lượng và chất lượng, quy mô vốn và giá trị tài sản của HTX cũng đang ngày càng tăng lên, hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng tăng, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định cộng đồng xã hội... Bên cạnh những thành tựu, sự đổi mới kinh tế HTX trong giai đoạn này cũng còn một số hạn chế, so với các loại hình doanh nghiệp, số lượng HTX còn thấp, quy mô vốn nhỏ, chưa thu hút được nguồn lao động chất lượng cao, thu nhập của người lao động trong HTX còn thấp hơn mức thu nhập trung bình của Thành phố.

CHƯƠNG 4

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ 1986 ĐẾN 2015

*

4.1. Đặc điểm và vai trò của quá trình đổi mới kinh tế hợp tác xã

4.1.1. Tính tất yếu đổi mới của kinh tế hợp tác xã

Trên thế giới, kinh tế hợp tác mà nòng cốt là HTX là mô hình kinh tế phổ biến, mang tính xã hội và nhân văn sâu sắc. Từ khi có HTX đầu tiên được hình thành ở Anh cách đây hơn hai thế kỷ (1671), đến nay đã có hơn 3 triệu HTX hoạt động, thu hút hơn 1,2 tỷ thành viên tham gia, đóng góp hơn 10% GDP và bảo đảm đời sống cho hơn một nửa dân số toàn cầu (Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2020). Tại nhiều quốc gia tiên tiến như: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Úc,... HTX vẫn giữ một vai trò quan trọng.

Nhật Bản hiện nay được đánh giá là một trong những nước có phong trào HTX hoạt động hiệu quả nhất thế giới. Năm 2006, Liên minh HTX quốc tế chọn ra 300 HTX lớn nhất thế giới, trong đó Liên đoàn HTX nông nghiệp Nhật Bản đứng thứ nhất với doanh thu đạt 53.898 triệu USD, Liên đoàn HTX bảo hiểm tương hỗ quốc gia các HTX nông nghiệp Nhật Bản đứng thứ hai với doanh thu 46.680 triệu USD và Ngân hàng Trung ương HTX nông - lâm - ngư nghiệp Nhật Bản đứng thứ 20 với doanh thu đạt 10.043 triệu USD... Trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thì hầu như 100% hộ gia đình tham gia, có hộ gia đình tham gia nhiều HTX ở các lĩnh vực kinh tế khác nhau. Sở dĩ thu hút được sự quan tâm của người dân là vì HTX ở Nhật bản thường đáp ứng gần như đầy đủ các nhu cầu của con người từ lúc sinh ra đến khi qua đời, ở mỗi giai đoạn trong cuộc sống đều được chăm lo chu đáo. Các HTX ở Nhật thường có nhiều thành viên, địa bàn hoạt động rộng... Trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ có 851 HTX nhưng thu hút được 9,6 triệu thành viên. Liên đoàn HTX nông nghiệp Nhật Bản có tới 10.382 cán bộ nhân viên làm việc trong 249 công ty, chi nhánh, trung tâm, đơn vị trực thuộc... (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 74-75)

Hoa Kỳ, vào năm 2008 đã có khoảng 48.000 HTX, hoạt động ở khắp các lĩnh vực, phục vụ 120 triệu xã viên. Trong nông nghiệp, HTX ở Hoa Kỳ cung cấp dịch vụ tiếp thị nông nghiệp (hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm), cung cấp vật tư và các dịch vụ khác liên quan đến nông nghiệp. Trong lĩnh vực phi nông nghiệp, 84 triệu người dân là xã viên của 9.569 Liên hiệp tín dụng ở Hoa Kỳ; 865 HTX điện phục vụ 37 triệu người dân tại 47 bang của Hoa Kỳ... (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 76-77). Nhìn chung, trong một nền kinh tế thị trường lớn, có tính cạnh tranh cao như Hoa Kỳ nhưng số lượng HTX còn rất lớn, chứng tỏ vai trò của HTX đối với phát triển kinh tế - xã hội là cần thiết.

Úc hiện nay có khoảng 2.414 HTX. Các HTX phát triển mạnh nhất ở các lĩnh vực chế biến, tiếp thị và cung ứng các sản phẩm nông nghiệp. Hàng năm các HTX ở Úc đã đóng góp 4,5 tỷ Đô la Úc vào GDP của cả nước. Những HTX có doanh số cao là những HTX tham gia vào chế biến nông sản và tiếp thị. HTX ở Úc phát triển rất đa dạng, tập trung 45% ở thành thị, còn lại là ở các vùng nông thôn (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 112).

Điềm qua một số nước trên thế giới cho thấy sự phát triển của kinh tế HTX vẫn là một xu thế của thế giới, thậm chí ở những nước tư bản hiện đại, sự phát triển của kinh tế HTX còn mạnh mẽ hơn, HTX tham gia hầu hết các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đáp ứng tốt các nhu cầu của thành viên và sự phát triển của xã hội.

Ở Việt Nam, sự phát triển của kinh tế HTX trong thời gian qua cũng đạt được nhiều thành tựu. Thành tựu lớn nhất là kinh tế HTX ở Việt Nam đã vượt qua được giai đoạn khủng hoảng. Những năm sau đổi mới, số lượng HTX giảm liên tục, giảm đến mức tương chừng như HTX sẽ phá sản, các chính sách của Nhà nước cho sự phát triển kinh tế HTX cũng bị lãng quên, niềm tin vào kinh tế HTX của người dân suy giảm mạnh... nhưng đó chỉ là sự suy giảm về hình thức. Bản chất của sự suy giảm đó là quá trình tự đổi mới về chất, tức là từng bước thoát ra khỏi mô hình HTX của kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp. Số lượng HTX suy giảm là sự đào thải theo quy luật đối với những HTX yếu, những HTX

kiểu cũ không còn phù hợp trong điều kiện mới. Chính sách chưa nhiều là do các HTX mới chưa định hình nên cũng chưa có những sự điều chỉnh về chủ trương, đường lối. Tuy nhiên, từ sau năm 1990, các HTX bước đầu được khôi phục trở lại, xuất hiện những HTX mới có phương thức sản xuất kinh doanh tốt, tính chất tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong HTX đang hình thành. Trước sự phát triển trở lại của kinh tế HTX, Đảng và Nhà nước cũng bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến kinh tế HTX, cụ thể là sự ra đời của Luật Hợp tác xã năm 1996 và sau đó là Nghị quyết số 13-NQ/TW và nhiều chính sách hỗ trợ khác cho sự phát triển kinh tế HTX. Vượt qua giai đoạn khủng hoảng, số lượng HTX tăng dần trở lại và phát triển ở hầu khắp các lĩnh vực kinh tế xã hội. Theo báo cáo tổng kết của 63 tỉnh, thành phố, tính đến 31/12/2018, toàn quốc có 22.861 HTX, tăng 8.513 HTX (khoảng 59%) so với năm 2003, thu hút gần 6 triệu thành viên tham gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, 2019, tr. 9). Với sự phát triển mạnh mẽ của HTX trong thời gian qua cho thấy, xu hướng phát triển HTX ở Việt Nam đang là một tất yếu, thu hút sự quan tâm của người dân và các cơ quan hữu quan. Hoạt động của HTX ngày càng đa dạng, đáp ứng cơ bản các yêu cầu của thành viên tham gia.

Thành phố Hồ Chí Minh cũng là một trong số những tỉnh, thành phố có sự phát triển mạnh về kinh tế HTX. Từ khi có Luật Hợp tác xã, số lượng HTX tăng liên tục, hiệu quả kinh doanh cũng từng bước được nâng cao, xuất hiện những mô hình tiêu biểu, đóng góp ngày càng lớn vào sự ổn định cộng đồng xã hội và tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, như: giúp xóa đói giảm nghèo, giúp những người có hoàn cảnh khó khăn không bị gạt khỏi cộng đồng... Sự phát triển và những đóng góp của kinh tế HTX vào sự phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố ngày càng lớn, khẳng định xu thế HTX là cần thiết, phù hợp với xu thế chung của Thành phố. Tuy nhiên, sự đóng góp về kinh tế của HTX vào sự tăng trưởng kinh tế của Thành phố còn rất thấp (khoảng 0,8% năm 2015); quy mô số lượng HTX, vốn và tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh so với các

thành phần kinh tế khác còn thấp; ở một số địa phương khác, tình trạng được mùa rớt giá vẫn thường xuyên xảy ra trong nông nghiệp. Nguyên nhân cơ bản của những khó khăn này là kinh tế HTX chưa thực sự đi vào cuộc sống, còn có người chưa biết đến mô hình HTX kiểu mới, có người còn bị ám ảnh bởi mô hình HTX cũ, cơ chế chính sách còn đang trong quá trình hoàn chỉnh... vì vậy, đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết - để đáp ứng nhu cầu hợp tác cao hơn của người dân và tương xứng với xu thế phát triển chung của thế giới.

4.1.2. Sự phát triển của hợp tác xã ngày càng phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong điều kiện không còn được bao cấp, thế độc quyền bị phá vỡ, nhiều HTX rơi vào thế bị động, lúng túng. Những thế mạnh của kinh tế HTX thời bao cấp bắt đầu bị suy yếu trong cơ chế thị trường. Các HTX mang tính hình thức trước đây bị phân hóa và dần dần tan rã. Trong khi đó, do tư tưởng nóng vội, thiếu cân nhắc, chạy nhanh từ thái cực này sang thái cực khác, nên trong thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-TW của Bộ chính trị về đổi mới hình thức quản lý HTX, từ Thành phố đến các quận, huyện vội vã giải thể toàn bộ các tổ chức liên hiệp HTX các cấp. Thay cũ nhưng chưa có mô hình mới tất yếu dẫn đến tình trạng số lượng HTX, số lao động trong các HTX giảm nhanh; giá trị tổng sản lượng khu vực kinh tế tập thể sụt giảm nhanh chóng.

Bước vào giai đoạn 1991 - 1995, khi các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX như: giao nhà xưởng, cung cấp hàng hóa, vật tư, gia công cho quốc doanh... không còn, các HTX như không còn điểm tựa. Nhiều HTX do quen với cơ chế bao cấp nên gặp nhiều khó khăn trong tự chủ sản xuất kinh doanh và bắt đầu mất phương hướng kinh doanh trong sự chuyển động nhanh của nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường. Tình trạng đó tất yếu dẫn đến số lượng HTX, tổ hợp tác giảm mạnh so với những năm trước.

Từ năm 1996 đến năm 2000, với sự ra đời của Luật hợp tác xã và sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền đến sự phát triển của HTX, 264 HTX được chuyển đổi đúng quy định và duy trì được hoạt động (Liên minh hợp tác xã Thành phố

Hồ Chí Minh, 2013). Trong đó, nhiều HTX đã xác định được hướng đi, có những bước phát triển khá; quản lý Nhà nước về HTX bắt đầu có nề nếp; Liên minh HTX Thành phố - tổ chức đại diện HTX đã xâm nhập phong trào HTX, bước đầu triển khai được các hoạt động đại diện, bảo vệ, hỗ trợ HTX; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ HTX được xây dựng và bắt đầu triển khai áp dụng hiệu quả.

Trong 4 năm thực hiện Luật HTX (1997 - 2000), có 94 HTX mới thành lập (trong đó có 14 HTX là từ Tổ hợp tác đi lên) và 64 HTX giải thể (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017). (trong đó có 8 HTX đã chuyển đổi nhưng do hoạt động không hiệu quả nên sau đó đã giải thể). Bước vào năm 2001, có tổng cộng 356 HTX và 2 Liên hiệp HTX đã chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX.

Giai đoạn 2002-2005, trong bối cảnh xu thế hội nhập vào thị trường ASEAN, hiệp định thương mại Việt Mỹ có hiệu lực ở Việt Nam, tiến trình gia nhập WTO, chiến lược toàn cầu hóa của các tập đoàn tư bản... có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế, buộc hệ thống HTX trong giai đoạn này bắt đầu nỗ lực và có những chuyển biến, phát triển rõ rệt, đáng kể.

Chính phủ đã có biện pháp xử lý nợ tồn đọng cho HTX cũ (những HTX được thành lập trước năm 1986 và hoạt động theo cơ chế kế hoạch tập trung bao cấp) chuyển đổi sang HTX theo Luật Hợp tác xã; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kiến thức quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý HTX; một số địa phương đã chủ động thực hiện biện pháp hỗ trợ HTX như: giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bảo lãnh vay vốn; miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền đến năm 2010 cho hộ nông dân; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong một thời gian nhất định đối với các HTX nông, lâm, diêm, ngư nghiệp mới chuyển đổi hoặc mới thành lập; xử lý dứt điểm nợ tồn đọng của HTX nông nghiệp từ năm 1995 về trước; tiếp tục xem xét để xử lý nợ tồn đọng cho các HTX phi nông nghiệp; giao những tài sản của HTX cũ và tài sản của Nhà nước giao cho HTX sử dụng trước đây chuyển thành nguồn vốn không chia trong

HTX, thuộc sở hữu chung (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017-a, tr. 22).

Giai đoạn từ 2005 đến năm 2010, chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, thành phần kinh tế tập thể mà trọng tâm là các HTX ở Việt Nam nói chung và Thành phố nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên các HTX đã từng bước khắc phục khó khăn và đạt được những tiến bộ quan trọng.

Tính đến năm 2010, kinh tế tập thể Thành phố có 3.820 tổ hợp tác và 485 HTX, tăng 62 HTX so với năm 2005. Thực tế giai đoạn 2005-2010, số lượng HTX mới thành lập lên tới 150 đơn vị, tuy nhiên số đơn vị giải thể cũng lên tới 88 HTX vì lý do hoạt động không hiệu quả. Số lượng liên hiệp HTX tính đến năm 2010 là 8 liên hiệp, trong đó có 2 liên hiệp đã ngưng hoạt động là Liên hiệp Bò sữa Gia Định và Liên hiệp vận tải Sài Gòn (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 6).

Từ năm 2010 đến năm 2015, các tổ hợp tác, HTX thành lập mới chủ yếu xuất phát từ nhu cầu liên kết, hợp tác, cùng có lợi trong sản xuất - kinh doanh, tính dân chủ, tự nguyện ngày càng được thể hiện; việc chấp hành Luật Hợp tác xã, Điều lệ HTX ngày càng tiến bộ hơn, cơ bản đảm bảo các nguyên tắc HTX và coi trọng việc phục vụ lợi ích của xã viên. Trình độ cán bộ quản lý, nghiệp vụ trong các HTX được nâng lên. Đối tượng tham gia HTX ngày càng đa dạng.

Quy mô, phạm vi hoạt động của HTX được mở rộng, nhiều HTX, liên hiệp HTX đã liên doanh, liên kết với nhau và với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác để phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, địa bàn hoạt động, tăng quy mô nguồn vốn và thu hút thêm lao động từ trên 58.000 vào năm 2002, tăng lên hơn 115.000 người (xã viên và người lao động) vào năm 2012 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 28), góp phần giải quyết việc làm, đặc biệt là số lao động phổ thông, lao động chưa qua đào tạo chính quy, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi chương trình, mục tiêu xóa đói, giảm nghèo của Thành phố.

Số lượng HTX đến năm 2015 là 485, không thay đổi so với năm 2010, hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp - xây dựng; thương mại; nông nghiệp - dịch vụ nông nghiệp, giao thông vận tải, quỹ tín dụng nhân dân; từ năm 2005 đã xuất hiện HTX hoạt động trong các lĩnh vực mới như: làng nghề, nhà ở, vệ sinh môi trường, quản lý chợ, chế biến, cung cấp suất ăn công nghiệp...; số tổ hợp tác năm 2015 là 3.328 tổ (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019); bên cạnh các tổ hợp tác truyền thống như: trồng rau, vay vốn, làm bánh tráng, đã có thêm tổ hợp tác mới như: nuôi tôm, chăn nuôi heo, gà, cá, làm muối, nuôi bò sữa, chế biến thức ăn gia súc, trồng hoa lan, quản lý nguồn điện, giữ trẻ... Những tổ hợp tác này là cơ sở để hình thành và phát triển các HTX khi đủ điều kiện.

Chất lượng, hiệu quả kinh tế của các HTX có bước chuyển biến rõ. Từ năm 2001 đến 2015, tỷ lệ các HTX làm ăn khá giỏi tăng từ gần 40% lên 65%; số HTX yếu kém, thua lỗ từ 37% giảm xuống còn 12,2%; HTX trung bình đạt 22,8% năm 2015 (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Nhiều HTX đã có tích lũy để xây dựng thêm nhà xưởng, đầu tư thêm máy móc thiết bị, thay đổi công nghệ sản xuất cũ, phát triển thêm sản phẩm và chuyển hướng sang kinh doanh đa ngành nghề.

Từ năm 2008 trở đi, quá trình củng cố HTX bắt đầu đi vào chiều sâu: nhiều HTX đã hoạt động vượt ngoài phạm vi hành chính phường, xã; một số HTX giao thông có ít phương tiện đã tự nguyện hợp nhất, sáp nhập thành những HTX có quy mô lớn hơn, tăng sức cạnh tranh; nhiều HTX đã tự nguyện liên kết hình thành liên hiệp HTX nhằm tăng cường sự liên kết, hợp tác về nhân lực, vốn, thế mạnh của từng HTX thành viên, tăng quy mô, ngành nghề và hiệu quả hoạt động.

Nhìn chung, đến năm 2015, tuy vẫn còn nhiều khó khăn song các HTX đã có đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế, tạo thu nhập, việc làm và ổn định xã hội ở Thành phố. Các HTX đã có sự phát triển ổn định và khẳng định được vị thế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.1.3. Những đổi mới căn bản của kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trước đổi mới, cùng với cải tạo kinh tế tư nhân, mô hình kinh tế tập thể mà trọng tâm là các HTX đã trở thành một phong trào rộng khắp toàn Thành phố. Thông qua các đợt cải tạo xã hội chủ nghĩa, hàng loạt các HTX đã được thành lập ở các lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng... và vận động được đại bộ phận lao động vào HTX. Quy mô lớn nhưng hiệu quả lại không cao do mô hình HTX trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp không còn phù hợp trong thời bình và sớm bộc lộ nhiều hạn chế. Các HTX đều hoạt động theo kế hoạch của Nhà nước. Mục tiêu hoạt động của HTX cũng do Nhà nước xác định. Việc thành lập các HTX được xác lập thành chỉ tiêu và giao về cho các địa phương thực hiện. Địa phương để hoàn thành chỉ tiêu hợp tác hóa cũng ra sức vận động thành lập tổ sản xuất và HTX một cách thụ động để đạt thành tích. Các thành viên HTX từ chủ nhiệm đến xã viên chỉ đóng vai trò là người làm công ăn lương. Với nguồn nguyên liệu được cấp phát và chỉ tiêu tương ứng được định sẵn, nhiệm vụ của HTX đơn thuần chỉ là sản xuất với nguồn nguyên liệu đó và giao nộp sản phẩm theo đúng quy định. Các HTX không có quyền chủ động đầu vào nguyên liệu và đầu ra sản phẩm. Những công việc này đã có Nhà nước lo, “để đảm bảo cho các HTX có thể thực hiện những nghĩa vụ trong kế hoạch, Nhà nước có chỉ tiêu tương ứng các vật tư và vật phẩm tiêu dùng cần thiết cho nông dân, như: xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ, phụ tùng thay thế, vải, một số thực phẩm khác... (Đặng Phong, 2005, tr. 116). Chính cách thức hoạt động này đã làm nảy sinh những thói dựa dẫm, ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước, là nguyên nhân dẫn đến việc số lượng HTX nhiều nhưng hiệu suất kinh tế không cao.

Từ năm 1986 đến 2015, kinh tế HTX trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã có những đổi mới cơ bản về: nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX, quản lý nhà nước đối với HTX, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đổi mới về nguyên tắc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

Sau năm 1986, nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX đã từng bước đổi mới và đến năm 2015 với ba lần ban hành và sửa đổi, Luật Hợp tác xã năm 2012 đã phản ánh rõ bản chất của sự đổi mới đó. Thực trạng phát triển kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh đã cơ bản phản ánh đúng bản chất, nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX, cụ thể:

Nguyên tắc tự nguyện: Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi HTX. Tự nguyện là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của HTX, liên hiệp HTX. Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi HTX, liên hiệp HTX khi có nhu cầu hợp tác, nhu cầu sử dụng dịch vụ của HTX, liên hiệp HTX và không tổ chức nào có quyền ép buộc.

Nguyên tắc dân chủ, bình đẳng và công khai: HTX, liên hiệp HTX kết nạp rộng rãi thành viên, HTX thành viên (thành viên). Thành viên có quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc vốn góp trong việc quyết định tổ chức, quản lý và hoạt động của HTX, liên hiệp HTX; được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của điều lệ.

Thành viên cốt lõi, là đối tác, là khách hàng, là thị trường của HTX, liên hiệp HTX. Không có thành viên sẽ không tồn tại HTX, liên hiệp HTX. Đối với HTX, liên hiệp HTX việc phát triển thành viên là tăng cường nguồn lực, tăng cường thị trường, sử dụng dịch vụ, sản phẩm. Đây là nền tảng để HTX, liên hiệp HTX phát triển bền vững trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bình đẳng là bản chất, là giá trị khác biệt của mô hình HTX với các doanh nghiệp. Thành viên HTX được bình đẳng trong quyết định về tổ chức, quản lý, điều hành, hoạt động, chiến lược, kế hoạch phát triển và phân phối... không phụ thuộc vào trình độ, vốn góp, vị trí trong HTX, liên hiệp HTX.

Nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: HTX, liên hiệp HTX tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật. Nó vừa

là quyền vừa là nghĩa vụ của HTX, liên hiệp HTX. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trước pháp luật và trước HTX, liên hiệp HTX, trước thành viên và cộng đồng xã hội.

Nguyên tắc hợp tác và phát triển cộng đồng: thành viên và HTX, liên hiệp HTX có trách nhiệm thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ. Thu nhập của HTX, liên hiệp HTX được phân phối chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên đối với HTX tạo việc làm. Hợp đồng dịch vụ không phải là một điều mới trong luật song Luật Hợp tác xã 2012 quy định cụ thể đó là thành viên của HTX phải cam kết sử dụng sản phẩm dịch vụ của HTX, liên hiệp HTX bằng hợp đồng. Hình thức giao kết hợp đồng do Điều lệ HTX quy định. Một khi thành viên có hợp đồng với HTX, liên hiệp HTX thì phải thỏa thuận về phân phối thu nhập sau khi thực hiện hợp đồng. Điểm quy định mới là phân chia lợi nhuận dựa trên mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX, liên hiệp HTX. Có nghĩa là thành viên nào có doanh thu sử dụng dịch vụ nhiều hơn thì được phân phối lợi nhuận nhiều hơn.

Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi xã viên HTX: HTX, liên hiệp HTX quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, cán bộ quản lý, người lao động trong tổ chức mình. HTX, liên hiệp HTX chăm lo phát triển bền vững cộng đồng thành viên và hợp tác với nhau nhằm phát triển phong trào HTX trên quy mô địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế. Giáo dục đối với mỗi thành viên HTX, liên hiệp HTX tập trung vào thông tin phổ biến, giới thiệu những giá trị, lợi ích của thành viên khi tham gia HTX. Đào tạo trong HTX, liên hiệp HTX tập trung vào đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng làm việc đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhân viên nghiệp vụ làm việc thường xuyên tại HTX. Việc đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho thành viên phải được đưa vào kế hoạch hoạt động hằng năm và phải có đầu tư về kinh phí cho hoạt động này. Thành viên được đáp ứng càng nhiều các nhu cầu, quyền lợi thì thành viên càng gắn bó với HTX, liên hiệp HTX.

Đổi mới về quản lý nhà nước đối với hợp tác xã

Qua quá trình đổi mới, HTX dần dần thoát khỏi cơ chế của một cơ quan nhà nước. Vai trò của Nhà nước là quản lý vĩ mô đối với HTX thông qua Luật Hợp tác xã chứ không can thiệp trực tiếp vào HTX như thời kỳ trước đổi mới. Chương VIII, Điều 59 (Luật HTX năm 2012) quy định rõ nội dung quản lý nhà nước bao gồm: Ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về HTX, liên hiệp HTX và văn bản pháp luật có liên quan; Xây dựng bộ máy và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX, liên hiệp HTX; Tổ chức và hướng dẫn đăng ký HTX, liên hiệp HTX; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với HTX, liên hiệp HTX; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của HTX, liên hiệp HTX của cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; Hợp tác quốc tế về phát triển HTX, liên hiệp HTX. Chương VIII, Điều 60 (Luật HTX năm 2012) quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, bao gồm: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với HTX, liên hiệp HTX; Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ quản lý nhà nước về HTX, liên hiệp HTX; Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với HTX, liên hiệp HTX theo quy định của pháp luật; UBND các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với HTX, liên hiệp HTX theo quy định của pháp luật; Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; các tổ chức xã hội khác trong việc tổ chức thi hành pháp luật về HTX, liên hiệp HTX; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HTX, liên hiệp HTX; triển khai các chương trình, dự án phát triển HTX, liên hiệp HTX.

Thực tế trong thời gian qua, các cơ quan hữu quan ở Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều hướng dẫn, chính sách vừa tăng cường quản lý vừa hỗ trợ để các HTX trên địa bàn phát huy hết khả năng kinh doanh, mang lại lợi ích tối đa cho xã viên và người lao động trên địa bàn.

Qua các kỳ đại hội, Thành phố đều chỉ đạo các quận, huyện cần phải xác định phát triển kinh tế HTX là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên và lâu dài. Các sở, ngành và 24 quận, huyện đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện nhằm củng cố, phát triển kinh tế HTX trên địa bàn; định kỳ tổ chức sơ kết nghị quyết của Trung ương, Chương trình hành động của Thành ủy, thành lập ban chỉ đạo phát triển kinh tế HTX và phân công cán bộ phụ trách; duy trì giao ban, gặp gỡ, đối thoại với các HTX. Sự phối hợp trong củng cố, xây dựng và phát triển kinh tế HTX giữa các địa phương, đơn vị ngày càng đi vào nề nếp và hiệu quả (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 3).

Ngoài ra, Thành phố cũng đã xây dựng, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho kinh tế tập thể như: chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chính sách đất đai; chính sách tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; chính sách về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; chính sách đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng; chính sách thành lập mới HTX, liên hiệp HTX; chính sách ưu đãi lệ phí đăng ký HTX, liên hiệp HTX và chính sách bảo hiểm xã hội.

Nhờ sự quan tâm của Thành ủy, Ủy ban Nhân dân và các cơ quan hữu quan trên địa bàn Thành phố, kinh tế HTX đã từng bước đổi mới và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội. HTX cũng từng bước tự phát triển, thích nghi dần với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thành lập và hoạt động của mình.

Đổi mới về hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã

Trong thời gian qua, hầu hết các HTX đã được đăng ký lại cho phù hợp với Luật Hợp tác xã 2012. Hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX không còn phụ thuộc vào các kế hoạch tập trung của Nhà nước. Vai trò của Nhà nước lúc này chỉ là hỗ trợ để HTX tự phát triển. HTX phải tự xây dựng chiến lược kinh doanh và tự thực hiện đồng thời chịu trách nhiệm với kết quả đạt được.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX trên địa bàn Thành phố đang chuyển dần từ sản xuất sang dịch vụ phục vụ nhu cầu xã viên. Trước đây, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp là trực tiếp tham gia vào sản xuất nông nghiệp thông qua việc góp ruộng, góp công cụ và góp con người, tất cả đều trở thành tài sản của HTX. Tuy nhiên trong quá trình đổi mới, HTX dần chuyển sang làm dịch vụ cho thành viên. Ban đầu là các dịch vụ đầu vào (mua chung, dùng chung) nhằm hạ thấp chi phí đầu vào với số lượng lớn thay vì mua lẻ từng người, từng hộ. Cao hơn một bước, hiện nay, một số HTX đã vượt lên việc mua chung, dùng chung mà còn góp phần đánh giá nhu cầu thị trường để có định hướng sản xuất cho các thành viên, tiếp cận và hướng dẫn chuyển đổi sản xuất từ thủ công sang áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, giảm tình trạng được mùa mất giá, giá cả bấp bênh, năng suất không cao dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp. Ngoài ra, các HTX còn tăng cường liên kết hợp tác với các HTX khác và với doanh nghiệp nhằm tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn, ổn định đầu ra, nông dân yên tâm sản xuất, như: HTX Phước An, Phú Lộc, bò sữa Tân Thông Hội, làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông...

Không chỉ đổi mới hoạt động từ sản xuất sang cung cấp dịch vụ, các hoạt động kinh tế của HTX còn đang chuyển dần từ đơn ngành sang đa ngành. Trước đây trong các HTX mua bán là chuyên phân phối sản phẩm, HTX nông nghiệp là chuyên sản xuất nông nghiệp, HTX tiểu thủ công nghiệp chuyên sản xuất các mặt hàng thủ công nghiệp... Trong thời gian qua, các HTX đa phần hướng tới đa ngành nghề, thậm chí vừa sản xuất vừa mua bán và cung cấp dịch vụ. HTX Tân Thông Hội là một ví dụ. HTX này vừa thu mua sữa tươi cho bà con trong vùng, vừa cung cấp dịch vụ đầu vào, hướng dẫn khoa học kỹ thuật cho thành viên,... và mở trang trại trồng cỏ, nuôi bò lấy sữa để có thêm nguồn cung trên thị trường. HTX vận tải số 15, thành lập năm 1976, từng thực hiện các kế hoạch tập trung của Nhà nước trong sản xuất kinh doanh. Sau đổi mới, HTX gặp nhiều khó khăn do không còn được sự bao cấp của Nhà nước. Tuy nhiên, với những thành viên tâm huyết, gắn bó với HTX đã nỗ lực đổi mới hoạt động của HTX. Đến

nay HTX vận tải số 15 đã cơ bản sản xuất kinh doanh có lãi, ngành nghề được mở rộng, thu nhập của thành viên ổn định. Có sự thành công đó là do ban quản trị đã mạnh dạn mở rộng các loại hình dịch vụ của HTX như: kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đại lý vé xe buýt bán trước, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải, dịch vụ tín dụng ô tô. Với việc mở rộng ngành nghề hoạt động, HTX đã tạo thêm việc làm, tạo động lực để thu hút thêm thành viên mới.

Hoạt động của HTX đang gia tăng liên kết hợp tác trong nước và quốc tế. Với sự hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước cơ hội lớn về thị trường rộng lớn, học hỏi, trao đổi khoa học kỹ thuật... nhưng thách thức cạnh tranh cũng không hề nhỏ. Đứng trước cơ hội và thách thức đó, các HTX ngày càng ra tăng sự liên kết với nhau để cùng tồn tại phát triển đồng thời tích cực tham gia các chương trình xúc tiến thương mại quốc tế để quảng bá sản phẩm và thương hiệu của HTX, có thể kể đến như: Liên hiệp HTX thương mại Thành phố, HTX mây tre lá Ba Nhất, HTX bò sữa Tân Thông Hội... Việc tăng liên kết giúp cho các HTX duy trì được các dịch vụ đầu vào, đầu ra ổn định cho sự phát triển chung của HTX và của thành viên. Hoạt động sản xuất của thành viên cũng được HTX định hướng nhờ kết quả đánh giá nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế thông qua các công ty nghiên cứu thị trường.

4.1.4. Vai trò của hợp tác xã

Mặc dù trải qua nhiều khó khăn trong quá trình đổi mới, nhưng kinh tế HTX vẫn khẳng định được vai trò, vị thế quan trọng. Các HTX ngày càng hoạt động đúng luật. Hiệu quả kinh tế và xã hội của HTX ngày càng lớn.

Sau đổi mới, các HTX lâm vào tình trạng khủng hoảng, có nguy cơ phá sản cao. Nếu như trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung bao cấp, kinh tế HTX nhận được sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước thì sau đổi mới lại gần như buông lơi. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và các chính sách của

Nhà nước về kinh tế HTX cũng bị bỏ ngỏ. Các HTX hoạt động cầm chừng, tự xoay sở để tồn tại và phát triển. Trong bối cảnh đó, một số HTX đã mạnh dạn sáp nhập, tinh gọn tổ chức bộ máy, thay đổi phương án kinh doanh... và tự tháo gỡ những khó khăn về cơ chế, chính sách (HTX Liên phường 1-3, Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn...) để hồi phục và phát triển. Nhờ đó, hoạt động của HTX đã khởi sắc, tạo động lực cho HTX phát triển trở lại, đồng thời nhận được sự quan tâm nhiều hơn của Đảng và Nhà nước các cấp. Năm 1996, Luật hợp tác xã đã được ban hành, sau đó được sửa đổi, bổ sung ở các năm 2003 và 2012. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các HTX có động lực tiếp tục phát triển. Trên cơ sở Luật hợp tác xã, các địa phương, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu xây dựng các chính sách liên quan đến kinh tế HTX. Trên cơ sở pháp luật, nhất là Luật hợp tác xã năm 2012, HTX được coi là tổ chức kinh tế và bình đẳng trước pháp luật như mọi tổ chức kinh tế khác. Hoạt động của HTX cũng ngày càng bài bản và hiệu quả. Các nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX được tôn trọng trên cơ sở tuân theo sự quản lý của Luật hợp tác xã và các luật khác có liên quan. Các HTX được thành lập ở các giai đoạn trước về cơ bản đã tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Vai trò kinh tế của HTX ngày càng thể hiện rõ ràng. HTX dần thoát khỏi sự can thiệp trực tiếp của cơ quan nhà nước các cấp và tự chủ hoàn toàn. Mục tiêu kinh tế trong hoạt động của HTX được đặt lên hàng đầu. HTX hoạt động vì lợi ích kinh tế chung của HTX nhưng đồng thời cũng vì lợi ích của xã viên, thậm chí lấy lợi ích của xã viên làm trọng tâm. HTX từ chỗ có nguy cơ phá sản đã phát triển trở lại với số lượng HTX tăng qua các năm và đến 2015 đã có 485 HTX hoạt động ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Quy mô, phạm vi hoạt động của HTX ngày càng được mở rộng. Nhiều HTX đã xây dựng được cơ sở ở nhiều tỉnh thành trong nước và nước ngoài. Các mối quan hệ giữa HTX với các tổ chức kinh tế khác được mở rộng ở thị trường trong nước và quốc tế. Hoạt động của HTX ngày càng đa dạng, đa ngành, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường. Thông qua HTX, xã viên có cơ hội tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, giống mới. Hơn nữa, việc tham gia HTX còn là điều kiện để xã viên

có cơ hội nắm bắt thông tin thị trường, chủ động sản xuất. Nhờ hoạt động hiệu quả, HTX ngày càng đóng góp tích cực vào thành tựu kinh tế chung của Thành phố. Đến năm 2015, HTX đã đóng góp 0,5% GRDP (tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố) (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019). Không dừng lại ở đó, HTX còn mang lại thu nhập ổn định cho hàng nghìn thành viên và người lao động trên địa bàn.

Vai trò xã hội của HTX cũng rất quan trọng. Xã viên tham gia HTX để tự giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế. Trong sự cạnh tranh khốc liệt của kinh tế thị trường đã nảy sinh nhu cầu hợp tác để một cộng đồng với những thành viên vốn yếu thế vượt qua được khó khăn, tránh bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển. Sự phát triển của HTX trong thời gian qua cũng góp phần giải quyết vấn đề lao động. Tính đến năm 2015, khu vực HTX của Thành phố có 24.239 lao động, chiếm 0,88% tổng số lao động của Thành phố. Bình quân mỗi HTX có khoảng 65 lao động (Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr 154). HTX đã phát triển ở cả các lĩnh vực xã hội như trường học, nhà ở, giáo dục, y tế... góp phần nâng cao đời sống cộng đồng. Các HTX góp phần quan trọng phát triển các hoạt động văn hóa trong cộng đồng dân cư và xử lý tại chỗ những mâu thuẫn trong nội bộ cộng đồng, góp phần ổn định chính trị - xã hội. HTX có vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện và cơ hội cho người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội. HTX góp phần giúp các thành viên có cơ hội tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước, các quỹ tín dụng, tránh được tình trạng vay nặng lãi.

HTX góp phần xây dựng thương hiệu lớn của những người làm ăn nhỏ, như: các hộ nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, các công ty nhỏ... muốn vươn ra chiếm lĩnh thị trường, phải kết hợp với nhau thành một pháp nhân. HTX là giải pháp tốt, có năng lực đàm phán gia nhập thị trường cao hơn và hiệu quả hơn so với từng cá nhân, gia đình và công ty nhỏ lẻ. Mặt khác, HTX cũng đóng vai trò bảo vệ quyền lợi cho xã viên khi tham gia chuỗi giá trị hàng hóa. Ngoài ra, HTX còn có thể hỗ trợ về kỹ thuật cho các xã viên, nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định.

4.1.5. Xu hướng phát triển của các hợp tác xã ở Thành phố

HTX phát triển gắn liền với kinh tế hộ là xu hướng phát triển quan trọng ở các HTX trên địa bàn Thành phố. Xu hướng này được thể hiện ở 3 góc độ cơ bản: thứ nhất, HTX góp phần nâng cao năng lực kinh tế cho thành viên; thứ hai, HTX giúp thành viên tiết kiệm chi phí kinh doanh; thứ ba, HTX giúp thành viên mở rộng kinh tế hộ.

Xu hướng phát triển HTX gắn liền với phát triển cộng đồng cũng đang hình thành. HTX góp phần phát triển cộng đồng thông qua việc liên kết các cá nhân trong cộng đồng xung quanh, phát triển cơ sở hạ tầng chung, tổ chức sinh hoạt văn hóa và gìn giữ các giá trị văn hóa cộng đồng, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và sinh hoạt.

Xu hướng doanh nghiệp hóa HTX cũng đang hình thành và đã xuất hiện ở một số HTX trong Thành phố. Xu hướng này xuất phát từ hai nguyên nhân. Thứ nhất, một số cá nhân góp vốn nhiều cho HTX dần dần định hướng sự phát triển HTX theo mục đích lợi nhuận. Thứ hai, các thành viên giảm dần việc sử dụng dịch vụ/sản phẩm của HTX hoặc không còn là người lao động trong HTX. Các HTX phát triển thành các doanh nghiệp phản ánh lợi ích kinh tế của HTX đã phát triển, đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác, thành viên tương đối độc lập về kinh tế riêng của mình. Việc các HTX phát triển lên thành doanh nghiệp đã được pháp luật cho phép. Hiện nay ở Thành phố có Liên hiệp HTX thương mại Thành phố đã và đang phát triển theo hướng này.

Xu hướng tăng dần các ngành dịch vụ là một trong những ưu thế của các HTX ở Thành phố. Trong thời gian vừa qua, hầu hết các HTX thuộc các lĩnh vực kinh tế khác nhau trên địa bàn Thành phố đã và đang phát triển sang hướng này. Trong nông nghiệp, HTX làm nhiệm vụ cung cấp cho thành viên các dịch vụ như: vật tư đầu vào, hướng dẫn áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, liên hệ đầu ra bằng cách liên hệ với các nhà phân phối doanh nghiệp hoặc các HTX thương mại đồng thời hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm cho thành viên. Trong giao thông vận tải, HTX cung cấp cho thành viên các loại

dịch vụ như: bến bãi, vận tải khách hàng, hàng hóa, du lịch... Nhờ chuyển sang hoạt động dịch vụ, HTX góp phần thúc đẩy mạnh hơn sự phát triển của kinh tế hộ thành viên. Việc chuyển hướng hoạt động như vậy cũng phù hợp với điều kiện Thành phố là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, cũng là cơ hội để các HTX có cơ hội tiếp cận nguồn vốn, khoa học công nghệ, thị trường, có nhiều cơ hội quảng bá đến khách du lịch là người nước ngoài... để giới thiệu, hướng dẫn cho thành viên.

4.2. Những tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế hợp tác xã

4.2.1. Số hợp tác xã thành lập mới chưa nhiều, hiệu quả hoạt động còn hạn chế

Giai đoạn 1986-2002, số lượng HTX giảm sút nghiêm trọng, thậm chí khủng hoảng trong 10 năm đầu sau đổi mới. Các HTX giảm sút do nhiều nguyên nhân như: do phải sắp xếp lại theo sự thay đổi của địa giới hành chính (sáp nhập các phường), do hoạt động không hiệu quả buộc phải giải thể và một số HTX chuyển sang loại hình doanh nghiệp... Nếu như năm 1987 toàn Thành phố có 1.195 HTX thì đến năm 1996 chỉ còn 598 HTX và đến năm 2002 còn lại 341 HTX (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013 và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019). Số lượng HTX giảm liên tục, đến năm 2002 chỉ còn 28,5 % số HTX còn tồn tại so với năm 1987. Số lượng giảm phản ánh sự khủng hoảng của kinh tế tập thể mà trọng tâm là kinh tế HTX – một trong hai thành phần kinh tế chủ đạo, xuyên suốt thời kỳ bao cấp ở Việt Nam nói chung và Thành phố nói riêng. Việc sụt giảm số lượng HTX còn phản ánh một thực tế là sau đổi mới, HTX gần như bị buông lơ, mọi chính sách cho HTX gần như bị bỏ ngỏ. Nếu trước đổi mới HTX được quan tâm phát triển bấy nhiêu thì những năm đầu sau đổi mới lại bị buông ra bấy nhiêu. Liên minh HTX Thành phố cũng đã ghi nhận: “sự quan tâm về chính sách thời kỳ này hầu như ít có tác dụng đối với sự phát triển của các HTX. Các HTX hầu như chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Kinh tế hợp tác, HTX vẫn bị “thả lỏng, buông trôi” về chính sách và quản lý Nhà nước” (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013). Từ

năm 1996, với sự ra đời của Luật HTX năm 1996, Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư về “phát triển kinh tế HTX trong các ngành, các lĩnh vực”, Nghị định 15/NĐ-CP của Chính phủ quy định các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khuyến khích thành lập các HTX và Chỉ thị 03/CT-TU, ngày 11/10/1996 về việc phát triển kinh tế hợp tác trong Thành phố, HTX bắt đầu tăng về số lượng và duy trì hoạt động. Tính đến năm 1996, toàn Thành phố có 94 HTX, trong đó thành lập mới 14 HTX (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 5).

Tính đến năm 2002, các HTX bước đầu tạo ra được một hình ảnh mới nhưng số lượng HTX còn ít, hiệu quả kinh tế chưa cao, toàn Thành phố có 341 HTX (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013), đây là con số khiêm tốn so với một thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh với hơn 5 triệu dân (Viện kinh tế và Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 11) và 1.109 tổ hợp tác (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 8), là những hộ kinh doanh nhỏ, khó khăn, có nhu cầu hợp tác nhưng còn chưa tin tưởng vào HTX. So với doanh nghiệp, số lượng HTX còn quá nhỏ bé. Tính đến năm 2001, toàn Thành phố có trên 10.000 doanh nghiệp (Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh & Viện kinh tế, 2000, tr. 29) hoạt động trong khi chỉ có 356 HTX (chỉ bằng 3,56%).

Giai đoạn 2002-2015, số lượng HTX cơ bản tăng lên nhưng so với các loại hình doanh nghiệp thì còn khá khiêm tốn.

Bảng 4.1: Số lượng HTX so với các loại hình doanh nghiệp qua một số năm

Đơn vị tính: doanh nghiệp

	2005	2010	2013	2014	2015
DN Nhà nước	503	454	458	440	388
DN ngoài nhà nước	28.752	93.686	117.487	132.751	145.381
DN tập thể (HTX)	288	367	382	373	485
ND có vốn nước ngoài	1.222	2.066	3.162	3.449	3.478

(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 87); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 95); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 149); (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 29)

Bảng 4.1 cho thấy, số lượng HTX luôn ở mức thấp so với các loại hình doanh nghiệp. Đến năm 2015, số HTX đã tăng 168% so với năm 2005 nhưng vẫn chỉ bằng 13,9% so với số doanh nghiệp có vốn nước ngoài và chỉ bằng 0,33% so với loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Số lượng HTX tăng hơn 5 lần từ 94 HTX năm 1996 lên 485 HTX năm 2015, với 391 HTX (trung bình mỗi năm tăng 18 HTX). Sự gia tăng như vậy chưa tương xứng với tiềm năng thực tiễn vì tính đến năm 2015, Thành phố có hơn 4 triệu người trong độ tuổi lao động, trong đó, hơn 2 triệu người là lao động gia đình, hơn 1 triệu người là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 40 & 44) và hơn 3.500 tổ hợp tác (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017-b, tr. 1). Với số lượng lao động và tổ hợp tác như trên, Thành phố còn nhiều tiềm năng để phát triển HTX.

Một số HTX hoạt động kém hiệu quả, chưa tạo được sức hấp dẫn để phát triển trên các lĩnh vực kinh tế. Vốn điều lệ của thành viên cũng chủ yếu phân bổ từ vốn quỹ HTX cũ, số vốn góp còn thấp. Từ đó thành viên không có ý thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ với HTX theo nghĩa tự nguyện, cùng có lợi. Nguyên nhân chính trong việc các HTX hoạt động kém hiệu quả là nhiều HTX chuyển đổi hoặc thành lập mới còn mang tính hình thức, chỉ mới chuyển đổi về tổ chức, chưa đổi mới về phương thức, nội dung hoạt động. Một số thành viên lập HTX để hưởng lợi ích từ sự hỗ trợ của Nhà nước phục vụ cho mục đích khác, do đó không chú ý phát triển HTX. Hằng năm, nhiều HTX được thành lập mới nhưng cũng có nhiều HTX giải thể do sản xuất kinh doanh yếu kém, do đó số lượng HTX có tăng lên nhưng không nhiều. Một số HTX sản xuất kinh doanh thực sự hiệu quả nhưng chưa có giải pháp mở rộng để từ đó có tác dụng khuyến khích, lôi cuốn các đối tượng tham gia. Chính sách của Nhà nước chưa toàn diện, chậm được triển khai thực hiện, đặc biệt chưa tạo được động lực thúc đẩy sự phát triển đối với kinh tế HTX.

4.2.2. Hợp tác xã phát triển chưa đồng đều ở các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế

Tính đến năm 2015, toàn Thành phố có 485 HTX (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016), phân bố không đều ở các quận, huyện cũng như các ngành kinh tế. Theo tài liệu của Liên minh HTX Thành phố, các HTX chủ yếu phân bố ở các địa bàn Quận 8, Thủ Đức, Bình Tân, Bình Chánh, Phú Nhuận, Củ Chi với số lượng trên 80% tổng số HTX toàn Thành phố. Bên cạnh đó, các HTX cũng phát triển không đều ở những ngành, lĩnh vực kinh tế.

Bảng 4.2: Phân bố số lượng HTX trong các ngành kinh tế đến năm 2015

Đơn vị tính: hợp tác xã

Lĩnh vực kinh tế	Thương mại	Tiểu thủ công nghiệp	Nông nghiệp	Tín dụng	Giao thông vận tải	Dịch vụ môi trường	Nhà ở
Số lượng HTX	115	86	49	19	194	14	8

(Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019) & (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)

Số liệu trên cho thấy, HTX chủ yếu tập trung các lĩnh vực, như: thương mại, giao thông vận tải, tiểu thủ công nghiệp... Các lĩnh vực như: môi trường, nhà ở, trường học tuy đã có nhưng số lượng còn ít.

Các HTX tập trung ở một số lĩnh vực kinh tế là do các lĩnh vực này vốn dĩ có nhiều HTX từ trước đổi mới, sau đó được chuyển đổi sang HTX kiểu mới theo Luật hợp tác xã. Các lĩnh vực như nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại cũng là môi trường thu hút nhiều lao động phổ thông, lao động thủ công có trình độ thấp, khả năng tiếp cận khoa học công nghệ kém, do vậy có nhu cầu hợp tác cao để tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

4.2.3. Lực lượng lao động chưa lớn, thu nhập thường xuyên của người lao động trong hợp tác xã còn thấp

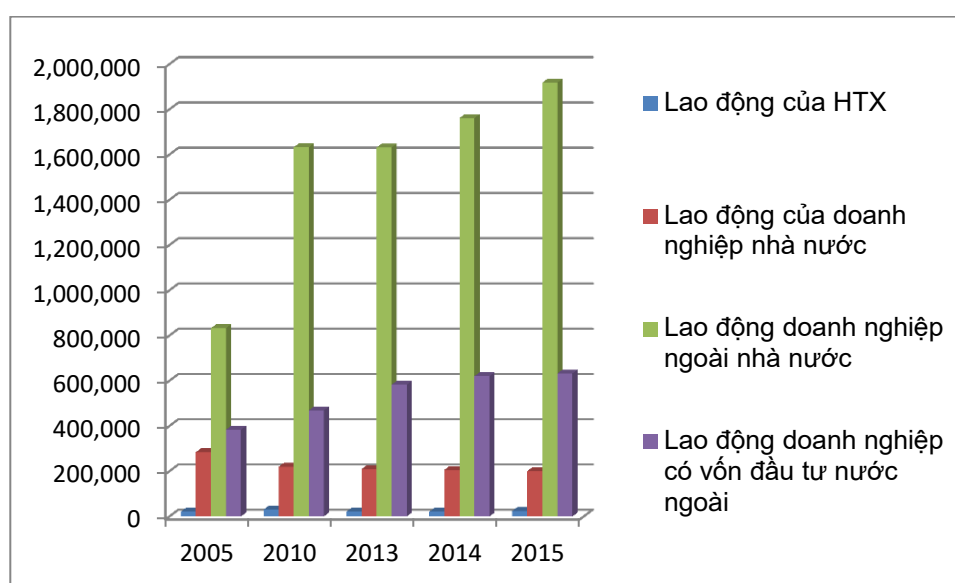
Sau năm 1986, cùng với sự sụt giảm về số lượng các HTX, lao động trong các HTX cũng giảm mạnh. Lao động HTX do địa phương quản lý năm 1992 là

2.440 người đến năm 1994 còn 1.400 người (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr. 53 & 176).

Lao động trong khu vực kinh tế HTX còn thấp so với các loại hình doanh nghiệp khác trong Thành phố.

Biểu 4.1: Lao động trong HTX so với các loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: Người



(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 92); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 116); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 154); (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 29)

Đến năm 2015, thu nhập bình quân 1 người/1 tháng của các HTX trên địa bàn Thành phố là 4.000.000 đồng (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016), trong khi đó, thu nhập bình quân của người lao động toàn Thành phố là 5.109.000 đồng (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr. 336). Nhìn chung, mức thu nhập bình quân của số lao động làm việc trong các HTX còn thấp hơn thu nhập chung của Thành phố.

Việc ứng dụng các thành tựu khoa học – công nghệ còn hạn chế nên kinh tế HTX chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Mặt khác, lao động trong các HTX chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo hoặc lao động mùa vụ nên thu nhập còn thấp và không thường xuyên.

4.2.4. Trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế

Theo thống kê của Liên minh HTX Thành phố Hồ Chí Minh (2016), đến năm 2015, toàn Thành phố có 1.340 cán bộ quản lý trong các HTX và Liên minh HTX, tuy nhiên trình độ của cán bộ quản lý còn rất hạn chế, trong đó 936 người có trình độ sơ cấp và trung cấp, chiếm 69,85%. Số người có trình độ cao đẳng, đại học chỉ có 404 người, đạt 30,15%.

Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình đổi mới và hội nhập chủ yếu do việc thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ quản lý HTX còn nhiều thua thiệt nên cán bộ quản lý không yên tâm công tác và không thu hút được số lao động có trình độ cao. Số cán bộ mới sau kiện toàn HTX lại thiếu kinh nghiệm. Cán bộ chủ chốt qua đào tạo có số lượng ít, chủ yếu mới qua các khóa bồi dưỡng tập huấn ngắn hạn. Hỗ trợ của Nhà nước đối với công tác giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho HTX chưa có, chủ yếu là các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về chính sách và những nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX: Chưa có một chương trình đào tạo chính quy về kinh tế tập thể, HTX trong các trường đại học, cao đẳng để góp phần quan trọng cho việc hình thành lý luận cơ bản về HTX, đào tạo nhiều thế hệ có nhận thức đầy đủ về HTX và có tâm huyết với sự phát triển của HTX (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 57). Đề án thành lập bộ máy quản lý HTX, liên hiệp HTX cho biết: bộ máy quản lý Nhà nước về KTTT vừa yếu vừa thiếu và vừa rất phân tán; chưa có tổ chức bộ máy, cán bộ chuyên trách thống nhất từ Trung ương tới địa phương để tập trung trí tuệ, sức lực nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết, pháp luật và chính sách về kinh tế tập thể (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2013, tr. 16).

4.2.5. Hợp tác xã còn khó khăn trong việc huy động vốn

Giai đoạn 1986-2002, quy mô vốn bình quân của một HTX còn thấp, hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, niềm tin giảm sút. Các HTX cơ bản đều gặp khó

khăn về huy động vốn do nhiều nguyên nhân như: chính sách hỗ trợ tín dụng của Nhà nước cho HTX giai đoạn này chưa nhiều đồng thời cũng khó tiếp cận với nguồn vốn của ngân hàng; xã viên HTX cơ bản là những người có hoàn cảnh khó khăn, cho nên khó có khả năng tăng vốn điều lệ cho HTX; HTX chưa thu hút được các thành viên là các doanh nghiệp do chưa có quy định cụ thể;... “nhu cầu vốn kinh doanh ngày một tăng cao nhưng HTX rất khó tiếp xúc với nguồn vốn của Ngân hàng. Mặt khác, nhiều HTX mua bán ít quan tâm đến việc tìm cách vận dụng, khai thác tiềm năng của xã viên trong việc góp thêm vốn cổ phần và tổ chức huy động vốn nhân rộng trong xã viên, nhân dân lao động.... một số còn “dị ứng” với HTX do nhận thức chưa đúng về HTX kiểu mới” (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 10 & 19).

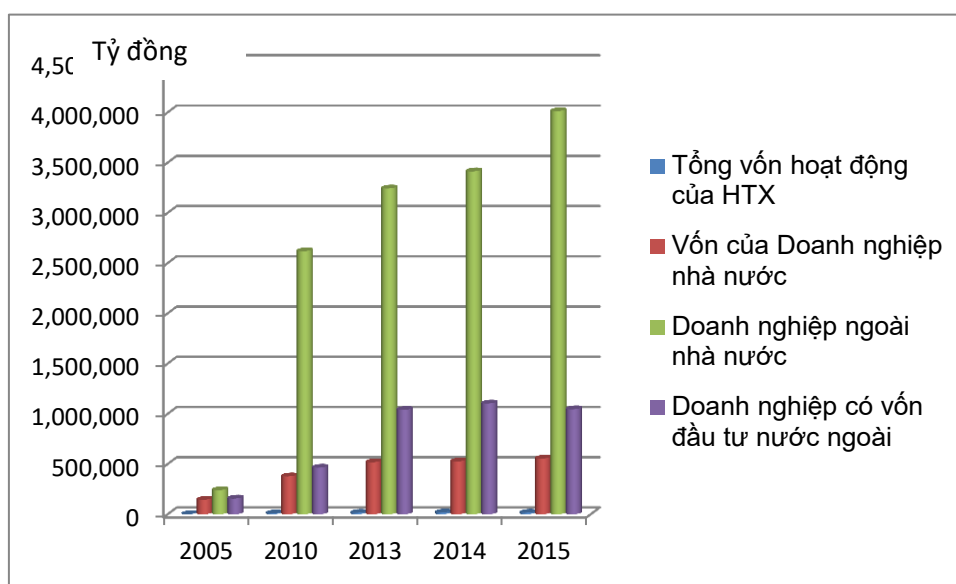
Từ năm 2002 trở đi, các HTX cơ bản đã có tích lũy để tăng vốn nhưng việc huy động vốn vẫn gặp nhiều khó khăn, tài sản ít dẫn đến việc HTX hoạt động hạn chế, chỉ thực hiện một số dịch vụ cho thành viên, chưa đủ điều kiện mở rộng dịch vụ sản xuất kinh doanh. Một số HTX hoạt động có lãi tăng nhưng mức lãi còn thấp, chỉ đủ trang trải chi phí, do đó việc tích lũy đầu tư lập quỹ phát triển HTX còn hạn chế. Thu nhập và quyền lợi của thành viên tuy được cải thiện nhưng nhìn chung còn thấp và chưa ổn định. Nhiều HTX còn lúng túng trong việc lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, chưa gắn kết giữa sản xuất với nhu cầu thị trường, chưa khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động và ngành nghề truyền thống tại địa phương. Một số HTX tổ chức hoạt động quản lý chưa bảo đảm đầy đủ tính chất và nguyên tắc theo Luật HTX năm 2012. Một số HTX chưa thực hiện tốt chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Nguồn vốn điều lệ của các HTX trên địa bàn tính đến năm 2015 đạt xấp xỉ 4.209 tỷ đồng cho doanh thu cùng năm là 30.691 tỷ đồng. Trong đó các HTX thuộc lĩnh vực thương mại dịch vụ có vốn điều lệ lớn nhất với 3.305 tỷ đồng, kế tiếp là lĩnh vực giao thông vận tải với 668 tỷ đồng, vốn điều lệ nhỏ nhất là các

HTX vệ sinh môi trường là 2 tỷ đồng (Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr. 7 & 8). Nhìn chung, các HTX đã có sự hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước với các khoản vay ưu đãi song việc mở rộng quy mô vốn của HTX còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng của Thành phố. So với các doanh nghiệp ngoài Nhà nước khác, vốn của các HTX và Tổ hợp tác (kinh tế tập thể) bằng 4.012.798 tỷ đồng, chỉ chiếm 0,28% trong tổng số 71,48% tổng số vốn toàn thể doanh nghiệp (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr. 139).

Vốn của HTX cũng thấp hơn nhiều so với các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

Biểu 4.2: Vốn của HTX so với các loại hình doanh nghiệp qua các năm



(Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 100); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 108); (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 159); (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 29)

Biểu 4.2 cho thấy, vốn của các HTX thường rất thấp so với các loại hình doanh nghiệp. Tính đến năm 2015, vốn của HTX đã tăng 9,8 lần so với năm 2005 nhưng chỉ bằng 2,8% so với số vốn của doanh nghiệp nhà nước, 0,39% của doanh nghiệp ngoài nhà nước và 1,49% của doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Vốn thấp chứng tỏ việc huy động vốn của HTX còn gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, vốn thấp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức cạnh tranh - vấn đề sống còn của HTX. Nguyên nhân vốn thấp là do HTX chưa đủ hấp dẫn để thu hút các thành

viên có nhiều vốn; thành viên tham gia HTX chủ yếu là những người nghèo, ít vốn, tham gia HTX vì lợi ích hỗ trợ kinh tế hộ gia đình; việc bỏ phiếu theo hình thức dân chủ, không theo vốn góp cũng là nguyên nhân không thu hút được thành viên có tiềm lực tài chính tham gia vào HTX...

Số ít HTX hoạt động sản xuất kinh doanh không ổn định, tiềm ẩn những khả năng thua lỗ, giải thể. Các HTX tiểu thủ công nghiệp, HTX làng nghề, các trang trại chậm đổi mới máy móc, thiết bị vì thế năng suất lao động và chất lượng sản phẩm còn thấp. Thêm vào đó, vấn đề thương hiệu sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức, sức cạnh tranh của hàng hóa còn kém; tiêu thụ hàng hóa chủ yếu là thị trường nội địa, ít có sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu trực tiếp.

Do cách quản lý nguồn vốn cũng như phân phối nguồn vốn của HTX quá rườm rà nên không hiệu quả bằng các loại hình doanh nghiệp. Hơn nữa, việc một số HTX sản xuất kinh doanh kém, tiềm tàng khả năng phá sản nên cũng khó tiếp cận vốn của các ngân hàng. Các HTX cũng chủ yếu tập trung ở những ngành nghề có hàm lượng chất xám ít, chủ yếu là giải quyết việc làm cho người lao động trình độ thấp nên chưa thu hút được những nguồn vốn lớn.

Để có nguồn lực cho phát triển HTX, Theo ông Jared Branding- Trưởng bộ phận hợp tác phát triển của Đại sứ quán Canada: “muốn phát triển HTX thì phải khơi dậy động lực giúp HTX cạnh tranh trong môi trường khốc liệt hiện nay. Tôi nghĩ rằng, cách tốt nhất để hỗ trợ HTX chính là tăng cường quản lý, đảm bảo HTX phát triển tốt, tạo điều kiện để mô hình này tiếp cận được nguồn vốn, nhân lực, đất đai và kỹ thuật” (Hội Nông dân, 2018).

4.2.6. Nhận thức của xã viên về hợp tác xã chưa đầy đủ

Thực tiễn phát triển HTX trong thời gian qua ở cả nước nói chung và ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng cho thấy, có nhiều HTX sau chuyển đổi đã vươn lên, phát triển ngày càng mạnh mẽ như: Liên hiệp HTX thương mại Sài Gòn với hệ thống siêu thị Co.opmart trải đều trên khắp cả nước; HTX Phước

An, HTX Phú Lộc, HTX vận tải 19/5...; nhiều HTX thành lập mới hoạt động hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho kinh tế xã viên phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa nhưng cũng có những HTX hoạt động chỉ mang tính hình thức. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng hoạt động yếu kém của HTX là do xã viên nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của việc phát triển HTX; chưa phân biệt rõ giữa HTX trong cơ chế kế hoạch tập trung bao cấp và HTX trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; dẫn đến tâm lý hoài nghi, thờ ơ, không ủng hộ.

Một số cán bộ chủ chốt trong HTX còn chưa nhận thức đúng về mô hình HTX nên còn lúng túng về phương pháp chuyển đổi, nhất là nội dung hoạt động. Nhiều cán bộ HTX vẫn còn tư tưởng nóng vội, chạy theo phong trào, coi trọng số lượng hơn chất lượng, dẫn đến hình thức. Do thiếu sự chuẩn bị đầy đủ về cán bộ, về cơ sở vật chất - kỹ thuật và về tuyên truyền, vận động quần chúng nên nhiều HTX chuyển đổi xong nhưng hoạt động vẫn khó khăn, kém hiệu quả. Có HTX coi việc chuyển đổi chỉ là đổi tên hơn là thay đổi phương thức hoạt động. Điều lệ HTX quy định thành viên vào HTX phải đóng góp vốn, nhưng trên thực tế, một số thành viên chưa thực hiện.

Nhiều người dân nhận thức chưa đúng hoặc chưa đầy đủ về Luật HTX và vai trò của HTX đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bản thân thành viên HTX (thường ở các HTX chuyển đổi) chưa nhận thức đầy đủ hai mặt lợi ích và trách nhiệm cá nhân của họ đối với HTX. Họ tham gia HTX là muốn được HTX hỗ trợ về mặt dịch vụ, trông chờ sự hỗ trợ từ phía HTX và Nhà nước, do đó thành viên HTX ít quan tâm đến trách nhiệm đóng góp của bản thân cho các hoạt động của HTX. Thêm vào đó, những ấn tượng nặng nề về HTX thời bao cấp vẫn còn ám ảnh, chưa được giải tỏa: “Nhận thức về kinh tế HTX của một số cán bộ, đảng viên và người dân có nơi, có thời điểm còn chưa đầy đủ, chưa có sự thống nhất, vẫn còn có tư tưởng mặc cảm đối với các HTX kiểu cũ nên chưa thấy hết vị trí, vai trò

quan trọng của HTX trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta” (Phạm Tất Thắng, 2017, tr. 72).

Theo Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh (2017), người dân nhận thức chưa đầy đủ về HTX là do: Việc tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã và các văn bản của Nhà nước về HTX đã được triển khai thông qua Liên minh HTX Thành phố nhưng chưa được sự hưởng ứng cao của các HTX cho nên chưa có sự đồng bộ trong nhận thức. Chưa có sự nghiên cứu và giảng dạy về kinh tế HTX.

Phương pháp tuyên truyền pháp luật, chính sách đối với HTX chậm được đổi mới, mức độ thuyết phục chưa cao để người dân hiểu mà tích cực tham gia HTX. Theo ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: tham gia HTX là yêu cầu và xu thế tất yếu để hỗ trợ kinh tế hộ gia đình phát triển bền vững, đủ năng lực cạnh tranh bình đẳng trong nền kinh tế thị trường, tuy nhiên việc truyền thông về HTX còn hạn chế khiến người dân không quan tâm và không nhận thức được lợi ích từ HTX (Thành Chung, 2017). HTX tiếp tục được phát triển trong điều kiện đổi mới, song về cơ bản còn nhiều bất ổn, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng. Những mô hình HTX tiêu biểu cũng chưa được tuyên truyền nhân rộng. Người dân chưa thực sự hiểu những giá trị về kinh tế - xã hội do HTX mang lại. Nhiều người vẫn còn nhìn nhận HTX với thái độ tiêu cực, mặc cảm do bị ám ảnh bởi HTX thời bao cấp.

HTX có thể ra đời, tồn tại và phát triển được hay không là do những người có nhu cầu hợp tác quyết định. Do đó, muốn thúc đẩy HTX phát triển, phải làm tốt việc tuyên truyền; phải hướng dẫn, giúp đỡ và tạo điều kiện để người dân hiểu và thấy được những ưu thế của HTX trong việc khắc phục những hạn chế của sản xuất cá thể, nhỏ lẻ; những tác động xấu của cơ chế thị trường.

Nhìn chung, quy mô HTX còn nhỏ bé, hiệu quả hoạt động chưa cao. Chưa khuyến khích được người nhiều vốn, nhiều kinh nghiệm quản lý, kinh doanh tham gia HTX do nguyên tắc chia lợi nhuận kết hợp lợi ích của thành viên với

sự phát triển của HTX. Việc quản lý HTX phức tạp do số lượng thành viên đông. Sở hữu manh mún đối với tài sản làm hạn chế các quyết định của HTX. Chưa có các giải pháp để liên kết các HTX nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, hơn nữa các Liên minh HTX cũng hoạt động chưa hiệu quả. Tính đến cuối năm 2015, trên địa bàn Thành phố có 8 Liên hiệp HTX, trong đó 4 Liên hiệp HTX đã ngưng hoạt động (Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Tính liên kết trong nội bộ HTX còn yếu. Bộ phận tham gia HTX chủ yếu là nông dân, hộ gia đình, thợ thủ công thuộc tầng lớp nghèo, yếu thế, có trình độ dân trí thấp, thiếu thông tin về công nghệ sản xuất, thị trường.

4.3. Bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế hợp tác xã

Thông qua nghiên cứu thực tế về quá trình đổi mới và phát triển của kinh tế HTX từ năm 1986 đến 2015, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong xây dựng và phát triển HTX. Đây là những bài học kinh nghiệm chung cho sự phát triển của kinh tế HTX – một thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế đa thành phần của Thành phố:

Một là, phát triển kinh tế HTX phải lấy hiệu quả kinh tế làm mục tiêu chính. Chỉ khi nào người lao động, thành viên nhận thấy việc tham gia vào HTX sẽ mang lại những kết quả tốt hơn về kinh tế, lúc đó họ sẽ tự nguyện tham gia và gắn bó với HTX mà không cần bất cứ một sự vận động hay một phong trào phát triển nào. Thực tế cũng đã chứng minh, trước đổi mới, HTX ở Thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung có sự phát triển rầm rộ, phong trào HTX lớn mạnh với số lượng HTX lớn, số người tham gia HTX đạt tỷ lệ trên 90% song hiệu quả kinh tế lại rất thấp. Do đó, để HTX phát triển phải lấy hiệu quả kinh tế làm căn cứ quyết định các hoạt động khác. Ở các nước phát triển trên thế giới, hợp tác xã vẫn có sự phát triển mạnh mẽ, bởi ngay từ đầu, kinh tế là mục tiêu hàng đầu cho sự thành lập và hoạt động của HTX. Chẳng hạn như ở Cộng hòa Liên bang Đức, hàng năm, khu vực HTX đóng góp quan trọng vào phát

triển kinh tế - xã hội của nước Đức. Năm 2008, các HTX tín dụng chiếm khoảng 20% thị phần cho vay, chiếm 25,5% dư nợ tiền tiết kiệm toàn nước Đức, phục vụ trên 30 triệu khách hàng; trong nông nghiệp, khu vực HTX chiếm 33% thị phần thịt và rượu, 50% thị phần ngũ cốc và rau quả, 65% thị phần sữa các loại... Các HTX ở Đức tạo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định cho gần 800.000 lao động; Tạo cơ hội việc làm cho hơn 20 triệu người (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 69). Chính vì có những dịch vụ tốt, HTX ở Đức thu hút được số lượng xã viên lớn và ổn định. Đến cuối năm 2010, Đức có 7.300 HTX và 17 Liên hiệp HTX, thu hút 21 triệu thành viên và phục vụ hơn 30 triệu thành viên và khách hàng trên phạm vi cả nước. Một số ngành, lĩnh vực được đánh giá cao, thu hút nhiều thành viên như: ngành tài chính, tín dụng có 1.207 HTX với 16,2 triệu thành viên; nhà ở và dịch vụ nhà ở có 1.961 HTX với 1,9 triệu hộ thành viên... Đến năm 2016, Đức có khoảng hơn 80 triệu dân, bình quân cứ 4 người có 1 người tham gia HTX (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 69).

Hai là, phát triển HTX phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản của HTX. Việc bỏ qua các nguyên tắc thành lập và hoạt động trong xây dựng và phát triển HTX trước đổi mới đã làm cho HTX sớm bộc lộ những hạn chế, yếu kém, đặc biệt là hiệu quả kinh tế không cao, không giải quyết được vấn đề đời sống, xã hội của xã viên và người lao động. Sau đổi mới, những nguyên tắc cơ bản trong thành lập và hoạt động của HTX được tôn trọng, do đó, các HTX ngày càng phát triển cả về chất lượng và số lượng. Số lượng HTX tăng lên nhiều từ năm 1996 đến năm 2015. Hoạt động kinh doanh của HTX cũng có những thành tựu lớn, đóng góp kinh tế ngày càng cao, đời sống thành viên và người lao động được cải thiện từng bước và góp phần cùng với nhà nước giải quyết vấn đề xóa đói giảm nghèo. So sánh với nước Đức, HTX có được những thành tựu rất tốt là do phát huy tốt các giá trị, nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. HTX luôn hướng về phục vụ thành viên, vì lợi ích của thành viên, luôn đáp ứng nhu cầu của thành viên và của xã hội. Hoạt động của HTX hài hòa được lợi ích chung

của HTX với lợi ích của thành viên và cộng đồng. Các HTX hoạt động trong môi trường ổn định, bình đẳng với các doanh nghiệp khác và được kiểm soát thường xuyên, thông qua việc kiểm toán bắt buộc hàng năm do Hiệp hội kiểm toán HTX thuộc Liên đoàn Hợp tác xã Đức thực hiện (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 69).

Ba là, các HTX phải nỗ lực vươn lên từ nội lực của chính mình. Các HTX cần có định hướng hoạt động cụ thể và phù hợp, không trông chờ, không ỷ lại vào Nhà nước hoặc một sự giúp đỡ nào khác. Mọi hoạt động phải mang lại lợi ích cho thành viên, tạo sự gắn kết và xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hai chiều giữa HTX và thành viên. Trong quá trình đổi mới và phát triển, HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung đã có sự chuyển biến tích cực trong việc tự chủ sản xuất, kinh doanh. Các dịch vụ của HTX ngày càng đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng. Do đó hiệu quả kinh tế và xã hội của HTX ngày càng lớn. Tuy nhiên, để phát triển hơn nữa, HTX ở Thành phố cũng cần học hỏi kinh nghiệm từ những nước có phong trào HTX phát triển mạnh trên thế giới. Nhật Bản là một trong những quốc gia có phong trào HTX hoạt động hiệu quả nhất thế giới. Trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp ở Nhật thu hút gần như 100% hộ gia đình trong lĩnh vực này tham gia vào HTX. Có hộ gia đình tham gia nhiều HTX khác nhau. HTX ở Nhật đáp ứng gần như đầy đủ các nhu cầu chung của thành viên, kể từ lúc con người sinh ra, lớn lên, đi học, đi làm, ốm đau, lập gia đình... cho đến khi chết đều được HTX chăm lo chu đáo. Trong lĩnh vực nông nghiệp ở Nhật, chỉ có 851 HTX nhưng thu hút đến 9,6 triệu thành viên (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 75).

Bốn là, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế HTX. Trong quá trình đổi mới, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành và triển khai nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ để HTX phát triển, như: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; Chính sách về đất đai; Chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; Chính sách về xúc tiến thương mại

và mở rộng thị trường; Chính sách về đầu tư phát triển hạ tầng; Chính sách về đầu tư thành lập mới HTX; Chính sách ưu đãi lệ phí đăng ký HTX, liên hiệp HTX; Chính sách về bảo hiểm xã hội. Trong 10 năm, kể từ khi nghị quyết 13-NQ/TW được ban hành (năm 2002), Thành phố đã mở được 193 lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho 10.482 cán bộ quản lý HTX. Tính đến năm 2019, đã đào tạo 210 lượt cán bộ thông qua 18 lớp (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019). Đến năm 2018, Quỹ trợ vốn thành viên HTX trực thuộc Liên minh hợp tác xã Thành phố đã giải quyết trợ vốn 627.502 lượt thành viên với số vốn hỗ trợ lên đến 9.410 tỷ đồng. Thành phố hỗ trợ các HTX tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, như: tổ chức phiên chợ nông sản, hội chợ triển lãm giống và nông nghiệp công nghệ cao, tổ chức tuần kinh doanh sản phẩm VietGap tại khu chế xuất, khu công nghiệp,... (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2019). Nhờ thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho nên HTX ở Thành phố trong thời gian qua có sự phát triển đáng kể, số lượng HTX tăng, đóng góp kinh tế-xã hội ngày càng lớn.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển HTX của Đảng và Nhà nước các cấp cũng như hình ảnh của HTX mới. Công tác tuyên truyền giúp cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ hơn về bản chất, vai trò của HTX, từ đó tham gia HTX một cách tự nguyện để thực hiện mục tiêu của riêng mình và của tập thể. Công tác tuyên truyền về đổi mới, phát triển HTX trong thời gian qua đã có nhiều kết quả. Đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển của HTX đã được thông tin đến người dân một cách nhanh chóng, hiệu quả. Phương pháp tuyên truyền cũng ngày càng đa dạng, phong phú. Ngoài phương pháp truyền thống, như: thông qua hệ thống báo in, các đài phát thanh, truyền hình địa phương và Trung ương thì còn nhiều kênh khác. Nổi bật nhất là kênh internet với nhiều trang thông tin điện tử, mạng xã hội, báo điện tử... làm cho những thông tin về HTX nhanh chóng được phổ biến rộng rãi. Chỉ với từ khóa “hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh”, trong vòng 0,89 giây, đã thu được 218 triệu kết quả tìm kiếm có liên quan trong google tìm

kiếm (ngày 10/11/2021). Những hình ảnh mới về HTX cũng nhanh chóng lan tỏa, tạo hiệu ứng cho sự phát triển của HTX. So với Nhật Bản, Liên đoàn Thông tin, báo chí HTX nông nghiệp Nhật Bản mỗi ngày xuất bản gần 390.000 tờ báo phục vụ công tác thông tin, giới thiệu và quảng bá sản phẩm, hàng hóa và hình ảnh của HTX Nhật Bản (Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2016, tr. 75). Từ những kết quả đạt được cùng với tham khảo cách làm ở một số nước trên thế giới, chẳng hạn ở Nhật Bản để Thành phố đầy mạnh, quan tâm hơn nữa công tác tuyên truyền làm cho mọi người hiểu và tự nguyện tham gia, gắn bó với HTX.

Tiểu kết chương 4

Trong 30 năm đổi mới và phát triển, với sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Trung ương đến Thành phố Hồ Chí Minh, kinh tế HTX ở Thành phố không ngừng đổi mới và phát triển. Các nguyên tắc bình bình đẳng, tự chủ, tự nguyện và tự chịu trách nhiệm đã được đảm bảo. Kinh tế HTX đã có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh. Sự phát triển của kinh tế HTX trong thời gian qua cho thấy xu hướng HTX là tất yếu, sự hợp tác ngày càng đa dạng, hoạt động hợp tác ngày càng đổi mới, hướng đến đa ngành, đa lĩnh vực, vượt qua ranh giới địa lý và hướng đến tham gia vào chuỗi giá trị.

Bên cạnh những thành công, sự phát triển và đổi mới kinh tế HTX vẫn còn một số hạn chế như số lượng, thu nhập, nguồn vốn của HTX so với các loại hình kinh tế khác vẫn còn khá thấp. Trình độ lao động chưa cao, chủ yếu là lao động thủ công.

Xây dựng HTX phải gắn với nhu cầu thực tiễn của xã viên, tránh gò ép hoặc buông lỏng. HTX phải tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và các luật khác có liên quan. HTX phải bảo đảm là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu nhằm tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên. Các HTX cũng cần phải phối hợp với chính quyền, đoàn thể các cấp ở Thành phố để khắc phục những hạn chế yếu kém, đưa HTX phát triển ổn định và bền vững.

KẾT LUẬN

*

Nghiên cứu quá trình đổi mới kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1986 - 2015, tác giả rút ra một số kết luận như sau:

1. Chủ trương, chính sách tác động đến quá trình đổi mới của kinh tế HTX

Quá trình đổi mới, phát triển của kinh tế HTX cũng là quá trình hình thành, hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác quản lý, hỗ trợ phát triển HTX.

Trước năm 1986, HTX được coi là một trong hai hình thức tổ chức kinh tế, chính vì vậy đã phát triển rộng khắp trên toàn Thành phố. Trong giai đoạn này, các nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, công bằng, minh bạch không được thực hiện đầy đủ dẫn đến thiếu động lực phát triển.

Sau năm 1986, nền kinh tế dần vận hành theo cơ chế thị trường đã làm cho vai trò của HTX kiểu cũ trong nền kinh tế giảm dần. Các HTX suy giảm về số lượng, chất lượng, nhiều lĩnh vực kinh tế đã không còn HTX. Chính sách của Nhà nước về HTX cũng rất hạn chế, HTX chỉ còn được nhắc đến trong các báo cáo tổng hợp của Thành phố với một dung lượng rất nhỏ và không có văn bản chuyên đề nào về kinh tế tập thể và HTX cho đến trước năm 1996. Để tồn tại và phát triển, các HTX đã tự mình thoát khỏi cơ chế cũ, các nguyên tắc của HTX dần được củng cố, nhờ đó tạo ra những thay đổi về bản chất của HTX từ 1996 trở đi.

Tác động của pháp luật đến HTX được thể hiện rõ nhất vào giai đoạn sau các năm 1996, 2003 và 2012 với sự ra đời và ngày càng hoàn thiện của Luật Hợp tác xã. Sự ra đời của Luật Hợp tác xã năm 1996 đã làm cho HTX trở nên tự chủ, ít chịu sự chi phối hơn từ cơ quan hành chính Nhà nước, góp phần cải thiện

nguyên tắc tự chủ của HTX. Luật Hợp tác xã năm 2003 góp phần thúc đẩy sự phát triển của HTX thông qua việc cho phép các pháp nhân tham gia. Luật Hợp tác xã 2012 đã phát triển cao hơn một bước khi các HTX được xem như một loại hình doanh nghiệp, cạnh tranh công bằng với các hình thức doanh nghiệp khác trong khuôn khổ pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể cùng với sự hoàn chỉnh của Luật Hợp tác xã, Thành phố đã đề ra chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của kinh tế HTX. Thành phố luôn chủ động triển khai nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Trung ương về phát triển kinh tế HTX một cách kịp thời, đồng thời cụ thể hóa thành nhiệm vụ cụ thể của địa phương như: Chỉ thị 03-CT/TU ngày 11/10/1996 về việc phát triển kinh tế hợp tác trong Thành phố; Công văn số 172-CV/TU ngày 12/1/2007, Chỉ thị 07-CT/TU ngày 23/11/2007 và Chỉ thị 16-CT/TU ngày 05/6/2013 là những chỉ đạo cụ thể của Thành ủy. Bên cạnh đó Ủy ban Nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 7/10/2013 về kế hoạch đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Những chỉ đạo này của Thành phố góp phần tạo động lực cho các HTX phát triển. Nhờ sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước các cấp ở Thành phố mà HTX từ chỗ có nguy cơ sụp đổ, phá sản đến phục hồi và từng bước phát triển, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, tạo thu nhập và góp phần ổn định xã hội ở Thành phố.

2. Kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng đổi mới và phát triển

Về sự hình thành và phát triển HTX kiểu mới: từ năm 1986 đến 2015, số lượng HTX có những thay đổi khác nhau tùy vào tình hình mỗi giai đoạn lịch sử. Ở những năm đầu sau đổi mới, số lượng HTX giảm mạnh do không thích nghi kịp và không cạnh tranh được với các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên,

do nhu cầu hợp tác cao, một số HTX vẫn quyết bám trụ, từng bước tự đổi mới, vươn lên và gặt hái được những thành công như: Liên hiệp HTX thương mại Thành Phố, HTX Ba Nhất, HTX vận tải 19/5.... Từ thực tiễn phát triển HTX, Thành phố ngày càng có cơ sở để hình thành chủ trương, chính sách mới trong việc hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển kinh tế HTX cũng như hình thành cơ chế quản lý phù hợp. Đặc biệt từ năm 2002, kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, cả nước nói chung có sự đổi mới thực sự. Các nguyên tắc thành lập và hoạt động của HTX được tôn trọng. Nhiều HTX mới được hình thành và sản xuất kinh doanh hiệu quả, số lượng HTX kiểu mới tăng lên, ngược lại những HTX lỗi thời, không thích nghi kịp tiếp tục bị đào thải.

Cơ cấu tổ chức mới của HTX cũng được hình thành. Bộ máy quản lý HTX do các HTX, liên hiệp HTX tự bầu theo nguyên tắc dân chủ. Tất cả thành viên của HTX đều có quyền ứng cử và bầu cử để lựa chọn ra những người tiêu biểu nhất tham gia vào ban lãnh đạo HTX, liên hiệp HTX mà không phân biệt vốn góp, vị trí trong HTX, liên hiệp HTX. Việc bầu ra bộ máy lãnh đạo HTX cũng đã được luật hóa từ năm 1996 sau đó được hoàn thiện từng bước. Đến nay, bộ máy quản lý HTX, liên hiệp HTX đã tự chủ hoàn toàn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX. Luật pháp còn cho phép, HTX thuê giám đốc điều hành nếu HTX muốn bộ máy quản lý và điều hành tách riêng. Theo đó, bộ máy quản lý HTX bao gồm: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (tổng giám đốc) và Ban kiểm soát HTX. Bộ máy điều hành HTX, liên hiệp HTX ngày càng được cải thiện về trình độ, năng lực quản lý. Thành phố cũng có nhiều chương trình đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý HTX và lãnh đạo của HTX. Do đó, bộ máy HTX cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế.

Hoạt động của HTX ngày càng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và của xã viên, nhiều mô hình mới hình thành, các HTX bắt đầu

tham gia vào chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh.

Sau năm 1986, một số ngành kinh tế đã không còn HTX như ngành tín dụng, HTX cũng chưa tham gia vào các lĩnh vực xã hội. Tuy nhiên, sau quá trình tự đổi mới, phát triển, HTX đã phát triển trở lại, số lượng HTX tăng lên ở hầu khắp các ngành kinh tế. HTX đã xuất hiện ở một số lĩnh vực xã hội như: môi trường, nhà ở, chợ, trường học... Điều này cho thấy, HTX đang nắm bắt được xu thế phát triển chung của kinh tế, xã hội của Thành phố; đồng thời, nhu cầu phát triển HTX không chỉ ở các ngành kinh tế mà còn ở cả các ngành có tính chất xã hội cao. Sự phát triển đa dạng các loại hình HTX giúp cho các đối tượng trong xã hội, nhất là những người có trình độ thấp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ít có cơ hội cạnh tranh độc lập đều có cơ hội việc làm, làm chủ sản xuất kinh doanh, ổn định cuộc sống.

Hoạt động của HTX ngày càng phát triển theo hướng đa ngành nghề. Nếu như trước đây, trong các HTX kiểu cũ hầu như chỉ sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực được Nhà nước xác định sẵn, các HTX không có quyền lựa chọn phương án kinh doanh riêng khi chưa có sự cho phép của Nhà nước. Qua quá trình đổi mới, nhất là từ năm 2002, các HTX hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm, vì vậy cũng từng bước mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, đáp ứng đa dạng nhu cầu của xã hội và thành viên. Trong một HTX có thể vừa có sản xuất, vừa có phân phối đồng thời cũng làm dịch vụ cho các thành viên, các HTX và doanh nghiệp khác. Chính điều này là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho HTX có nhiều cơ hội phát triển trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức.

Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế cũng là một trong những đổi mới quan trọng của HTX. Trong xu thế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, nhất là từ khi Việt Nam tham gia vào tổ chức thương mại

thế giới (WTO) năm 2006, các HTX đã tăng cường sự hợp tác giữa các HTX với nhau và với các doanh nghiệp để trao đổi kinh nghiệm, học hỏi, tiếp thu khoa học - kỹ thuật nhằm tự đổi mới để hạn chế thách thức và tận dụng tốt thời cơ để tiếp tục đổi mới phát triển. Một số HTX đã xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường lớn ở Châu Âu, Châu Á, bước đầu khẳng định thương hiệu sản phẩm của các HTX. Trong nước, nhiều HTX thương mại trở thành kênh bán hàng cho các HTX tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp. Sự hợp tác đa dạng tạo động lực cho các HTX nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và thế giới.

3. Đổi mới kinh tế hợp tác xã đã đem lại những hiệu quả kinh tế và xã hội

Đến năm 2015, hiệu quả kinh tế của HTX đã có nhiều chuyển biến tích cực khi các chỉ số cơ bản như: số lượng, quy mô vốn, tài sản đều tăng lên so với năm 1986. Số HTX làm ăn có lãi ngày càng tăng và đã có đóng góp nhất định vào sự tăng trưởng kinh tế của Thành phố. Các HTX đã thực hiện được vai trò hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế thành viên phát triển, tăng cường mối quan hệ nội bộ HTX và giữa HTX với các tổ chức kinh tế khác, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của kinh tế hộ và tổng hợp được sức cạnh tranh chung của cả HTX và thành viên trên thị trường. HTX đã bước đầu tham gia vào các lĩnh vực mới, điều này phản ánh các HTX đã cơ bản nhảy bèn trong năm bắt tình hình phát triển của xã hội. Hiệu quả kinh tế của HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản cao hơn một số tỉnh miền Đông Nam bộ, thể hiện được vai trò của kinh tế hàng đầu cả nước.

Cùng với những thành tựu đạt được trong kinh tế, HTX có đóng góp lớn vào giải quyết các vấn đề xã hội như: giải quyết việc làm, ổn định xã hội, xóa đói giảm nghèo. Trong những năm qua, số lượng thành viên và người lao động trong khu vực kinh tế HTX không ngừng gia tăng. Trong đó, đáng kể là những lao động có trình độ thấp, thu nhập bấp bênh đã có việc làm, thu nhập ổn định, góp phần xóa đói, giảm nghèo. HTX góp phần quan trọng phát triển các hoạt

động văn hóa trong cộng đồng dân cư và xử lý tại chỗ những mâu thuẫn trong nội bộ, góp phần ổn định chính trị - xã hội. Những thành tựu đạt được trong sản xuất kinh doanh và trong các hoạt động xã hội, các HTX ở Thành phố bước đầu tạo được hình ảnh đẹp về HTX kiểu mới đối với người dân Thành phố nói riêng, cả nước nói chung. Những thành công về mặt kinh tế và xã hội này là động lực để các HTX tiếp tục đổi mới, vươn lên, đạt được những thành tựu lớn hơn ở những năm sau.

4. Quá trình đổi mới đã có những tác động rất cơ bản đến sự phát triển của kinh tế hợp tác xã

Một là, dần dần chấm dứt tình trạng các cơ quan nhà nước can thiệp trực tiếp vào quá trình tổ chức và hoạt động của hợp tác xã, thay vào đó, các nguyên tắc thành lập và hoạt động của hợp tác xã được tôn trọng. Các hợp tác xã hoàn toàn tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước thành viên về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hai là, hợp tác xã đã được xem là một tổ chức kinh tế thay vì một tổ chức hành chính hay xã hội như trước thời kỳ đổi mới.

Ba là việc quản lý hợp tác xã bằng pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý để hợp tác xã tự do cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh với các thành phần kinh tế khác.

Bốn là, các chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã có tính chất là hỗ trợ, hướng dẫn, không còn là áp đặt theo kế hoạch tập trung như trước thời kỳ đổi mới.

Năm là, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các HTX đã tốt hơn hẳn thời kỳ trước đổi mới. Các HTX có đóng góp kinh tế ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế chung của Thành phố đồng thời tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho số lượng lớn lao động trong và ngoài Thành phố. Các hợp tác xã cũng thể hiện

được vai trò xã hội rất rõ nét khi góp phần giải quyết vấn đề lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo,...

Sáu là, thành viên hợp tác xã hoàn toàn yên tâm với vốn và tài sản đóng góp của mình vào hợp tác xã. Trước đây, khi thành viên đóng góp, tài sản đó trở thành tài sản của hợp tác xã. Trong thời kỳ đổi mới, nhất là từ năm 1996, Luật hợp tác xã đã quy định rõ về việc góp vốn, tài sản của thành viên, việc trả lại tài sản khi không còn là thành viên đã tạo thêm động lực cho cá nhân và tổ chức muốn trở thành thành viên hợp tác xã. Họ có quyền tham gia và rút khỏi vai trò thành viên hợp tác xã khi có nhu cầu.

5. Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế HTX còn gặp một số khó khăn, hạn chế

Cùng với những thành tựu đã đạt được, sự đổi mới và phát triển kinh tế HTX ở Thành phố vẫn còn một số khó khăn, hạn chế.

Quy mô của các HTX ở Thành phố đến năm 2015 về cơ bản vẫn còn nhỏ, tỷ lệ đóng góp GDP vào nền kinh tế vẫn còn thấp, khoảng 1%/năm đã phản ánh HTX vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của Thành phố và còn ở một trình độ thấp so với các loại hình kinh tế khác. Các HTX đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn.

Thu nhập bình quân của xã viên và người lao động trong HTX nhìn chung vẫn còn thấp so với các khu vực kinh tế khác và cũng chỉ tương đương mức thu nhập bình quân của Thành phố, khoảng 4-5 triệu đồng/người/tháng. Về cơ bản, thu nhập của người lao động trong HTX còn thấp, vì vậy mới chỉ giúp người lao động có thu nhập ổn định để tồn tại chứ chưa có cơ hội để làm giàu. Điều đó cho thấy hiệu quả kinh doanh của các HTX có tăng so với trước nhưng vẫn còn thấp. Nếu tiếp tục vậy, HTX khó có cơ hội trở thành một thành phần kinh tế mang lại lợi nhuận cao.

Ngoài ra, số lượng HTX chưa tương xứng so với tiềm năng và còn ít so với các loại hình doanh nghiệp. HTX phát triển chưa đồng đều ở các lĩnh vực kinh tế - xã hội và ở các quận, huyện. Nhận thức của người dân về kinh tế HTX vẫn còn hạn chế. Trình độ quản lý và trình độ người lao động trong các HTX còn thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhìn chung, với những kết quả đạt được cho thấy, kinh tế HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh đang phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Hoạt động của HTX ngày càng ổn định, phát triển, hội nhập tốt với thị trường trong nước và quốc tế. Xu thế HTX là tất yếu khi kinh tế HTX đang phát triển mạnh ở nhiều quốc gia, nhiều lĩnh vực với hình thức hoạt động đa dạng. Kinh tế HTX đang ngày càng thể hiện được vai trò của kinh tế tập thể là cùng với kinh tế nhà nước “ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân” mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định. HTX đã góp phần giải quyết các vấn đề như: lao động, việc làm, thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Với thành tựu đạt được và vị trí kinh tế - chính trị của Thành phố hiện nay, các HTX có cơ hội lớn để phát triển khi các nguồn lực về con người, thị trường, công nghệ... đều rất tốt. Để phát huy hơn nữa vai trò của các HTX đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, các cấp ủy Đảng và chính quyền Thành phố cần khẩn trương hoàn thiện cơ sở pháp lý, chính sách hỗ trợ nhằm thu hút thêm các chủ thể có năng lực tham gia vào HTX, thúc đẩy HTX ở Thành phố phát triển tương xứng với tiềm năng. Thành phố cần tiếp tục đổi mới, phát triển để kinh tế HTX thực sự là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và ổn định chính trị.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

- Vũ Văn Thuân (2018). Sự phát triển kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 1975 đến 1985. *Tạp chí khoa học Đại học Đồng Nai* (ISSN 2354-1482). Số 11/2018, tr 30-41.

- Vũ Văn Thuân (2019). Kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh trong 30 năm đổi mới (1986-2015). *Tạp chí khoa học Đại học Đồng Nai* (ISSN 2354-1482). Số 12/2019, tr 41-54.

- Vũ Văn Thuân (2019). Kinh tế hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một* (ISSN 1859-4433). Số 4 (43), tr 15-23.

- Vũ Văn Thuân (2020). Đánh giá thực trạng hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1986-2015 và đề xuất giải pháp phát triển. *Tạp chí khoa học Đại học Đồng Nai* (ISSN 2354-1482). Số 15/2019, tr 34-46.

- Vũ Văn Thuân (2020), Quá trình đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác xã ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1986-2019. *Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một*. (ISSN 1859-4433). Số 5 (48), tr 22-30.

- Vũ Văn Thuân (2021), Quá trình đổi mới và phát triển HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh (1986-2019). *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn*. (ISSN: 2588-1043). Số 4/2020, tr 696-702.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arkadie Brian Van. (2004). *Việt Nam con hổ đang chuyển mình*. Hà Nội: Thống kê.
2. Bạch Thanh. (29/12/2014). *Đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã vừa thiếu, vừa yếu*. Xem ngày 25/3/2020, từ Hà Nội mới: <http://www.hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Kinh-te/732591/doi-ngu-can-bo-quan-ly-hop-tac-xa-vua-thieu-vua-yeu>
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng. (1981). *Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp"*. Chỉ thị số 100-CT/TW. Hà Nội.
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng. (1996). *Chỉ thị về phát triển kinh tế hợp tác các ngành, các lĩnh vực kinh tế*. Chỉ thị số 68-CT/TW. Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2002). *Nghị quyết Đại hội lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Số 13-NQ/TW. Hà Nội.
6. Bộ Chính trị. (1988). *Nghị quyết về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Nghị quyết số 10-NQ/TW. Hà Nội.
7. Bộ Chính trị. (2013). *Kết luận về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Kết luận số 56-KL/TW. Hà Nội.
8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2013). *Đề án thành lập bộ máy quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*. Hà Nội.
9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. (2019). *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ V (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Hà Nội.
10. Chi Cục phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh. (7/11/2019). *Hợp tác xã thương mại - dịch vụ - sản xuất nông nghiệp Hoa Mai*. Xem ngày 6/3/2021, từ Chi Cục phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh: <http://ccptnt.vn/hop-tac-xa-thuong-mai-dich-vu-san-xuat-nong-nghiep-mai-hoa.html>

11. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Nghị định về Tổ hợp tác*. Số 77/2019/NĐ-CP. Hà Nội.
12. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (1981). *Niên giám thống kê năm 1976-1981*. Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (1986). *Niên giám thống kê 1985*. Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (1995). *Niên giám thống kê 1994*. Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2011). *Niên giám thống kê 2010*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thanh Niên.
16. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2016). *Niên giám thống kê năm 2015*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thanh Niên.
17. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2017). *Niên giám thống kê 2016*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thanh Niên.
18. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2018). *Niên giám thống kê 2017*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thanh Niên.
19. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2020). *Niên giám thống kê năm 2019*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thanh Niên.
20. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (1977). *Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I*. Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (1980). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II*. Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (1983). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ III*. Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (1986). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IV*. Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V*. Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VI*. Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (2000). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VII*. Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (2005). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII*. Thành phố Hồ Chí Minh.
28. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (2010). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX*. Thành phố Hồ Chí Minh.
29. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (2015). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X*. Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991-a). *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội, Việt Nam: Chính trị Quốc gia.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện đảng toàn tập, tập 47*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). *Văn kiện đảng toàn tập, tập 51*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*. Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XI*. Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2*. Hà Nội, Việt Nam: Chính trị Quốc gia.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 4*. Hà Nội, Việt Nam: Chính trị Quốc gia.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2015). *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2015-a). *Văn kiện đảng toàn tập, tập 55*. Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội, Việt Nam: Chính trị Quốc gia.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016-a). *Văn kiện đảng toàn tập, tập 60*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam. (27/4/2018). *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Xem ngày 24/3/2021, từ Robert Owen (1771 - 1858): <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/phong-trao-cong-san-cong-nhan-quoc-te/cac-lanh-tu-va-cac-nha-lanh-dao-noi-tieng/robert-owen-1771-1858-3061>
44. Đặng Phong. (2005). *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1955-1975*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
45. Đặng Phong. (2008). *Tư duy kinh tế Việt Nam chặng đường gian nan và ngoạn mục*. Hà Nội: Tri Thức.
46. Đặng Phong. (2009). *"Phá rào" trong kinh tế vào đêm trước đổi mới*. Hà Nội: Tri Thức.
47. Đặng Phong. (2015). *Tư duy kinh tế Việt Nam*. Hà Nội: Tri Thức.
48. Đỗ Hoài Nam và những người khác. (2014). Những mũi đột phá trong kinh tế: thời trước đổi mới. Số 318. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*.
49. Đoàn Thanh Hương và Hồ Hữu Nhật. (1999). *Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 300 năm hình thành và phát triển 2968 - 1998*. Thành phố Hồ Chí Minh: Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh.
50. Drummond Lisa. (1998). Đô thị hóa ở ngoại ô Thành phố Hồ Chí Minh. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất, Đại học Quốc gia Hà Nội*, tr 317-327.
51. Hồ Văn Vĩnh. (2005). Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. *Tạp chí Cộng sản*, số 8-2005.
52. Hoài Bắc. (1987). *Tháo gỡ trên mặt trận phân phối lưu thông*. Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

53. Hội Nông dân. (30/9/2018). *Gỡ vướng để hợp tác xã phát triển*. Xem ngày 15/3/2018, từ Hội Nông dân: <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1150/73381/go-vuong-de-hop-tac-xa-phat-trien>
54. Hợp tác xã nông nghiệp thương mại-dịch vụ Phú Lộc. (2017). Tình hình hoạt động sản xuất giai đoạn 2011-2016. *Kỷ yếu hội thảo: Kỷ niệm 20 năm thành lập Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh (1996-2016) và tổng kết 15 năm hoạt trợ vốn của Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã (2002-2017)*, tr 21-25.
55. Hợp tác xã ô tô vận tải du lịch số 4. (2017). Hợp tác xã ô tô vận tải du lịch số 4 – quá trình thành lập và phát triển. *Hội thảo: Kỷ niệm 20 năm thành lập Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh (1996-2016) và tổng kết 15 năm hoạt trợ vốn của Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã (2002-2017)*, tr 29-30.
56. Hợp tác xã tín dụng An Bình Phú. (2017). Hợp tác xã tín dụng An Bình Phú: 10 năm phát triển và mối liên kết với Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh và các hợp tác xã tín dụng nhân dân trên địa bàn. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, tr 560-564.
57. Hợp tác xã Vận tải số 15. (2015). *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương hướng sản xuất năm 2015*. Thành phố Hồ Chí Minh.
58. Hợp tác xã Vận tải số 15. (2015-a). *Điều lệ Hợp tác xã Vận tải số 15*. Thành phố Hồ Chí Minh.
59. Hợp tác xã Vận tải số 15. (2015-b). *Văn kiện Đại hội đại biểu, nhiệm kỳ 2015-2020*. Thành phố Hồ Chí Minh.
60. Hợp tác xã vận tải số 9. (2012). *Văn kiện Đại hội đại biểu xã viên, nhiệm kỳ 2012-2017*. Thành phố Hồ Chí Minh.
61. Hợp tác xã vận tải số 9. (n.d.). *Giới thiệu hợp tác xã vận tải số 9*. Xem ngày 5/3/2021, từ Hợp tác xã vận tải số 9: <http://htx9.vn/gioi-thieu/7>
62. Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh. (2015). *Báo cáo tình hình tài chính của Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh (2011-2015)*. Thành phố Hồ Chí Minh.

63. Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh. (2016). *Văn kiện Đại hội thành viên Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh, nhiệm kỳ 2016-2021*. Thành phố Hồ Chí Minh.
64. Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh. (2017). *Phương án sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Liên Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh.
65. Jung Winfried. (2001). *Kinh tế thị trường xã hội; hệ thống kinh tế dành cho các nước đang phát triển (bản dịch)*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
66. Kerkvliet Ben. (1998). Xây dựng các hợp tác xã ở Việt Nam, giai đoạn 1955-1961: Tại sao nông dân lại liên kết với nhau. *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất, Đại học Quốc gia Hà Nội*.
67. Khánh Vinh. (2017). Bà Nguyễn Thị Cúc, Chủ nhiệm HTX Mây tre lá Ba Nhất: Người đưa bè, cỏ đi Tây. Xem ngày 22/2/2021, từ Báo Bình Dương: <http://baobinhduong.vn/ba-nguyen-thi-cuc-chu-nhiem-htx-may-tre-la-ba-nhat-nguoi-dua-beo-co-di-tay-a161195.html>
68. Lê Hoàng Quân. (2010). Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phấn đấu trở thành “đầu tàu” kinh tế của cả nước. Số 810 (4/2010). *Tạp chí Cộng sản*, số 810 (4/2010), tr 31-35.
69. Lê Nin. (1977). *Bàn về chế độ hợp tác xã*. Hà Nội: Sự Thật.
70. Lê Thế Khải. (2017). *Hợp tác xã làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông: điển hình trong phát triển làng nghề của Thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh.
71. Lê Thị Mỹ Hà. (2016). *Biến đổi xã hội ở nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (từ năm 1997 đến năm 2010)*. Luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn-Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh.
72. Lê Văn Sang. (1994). *Các mô hình kinh tế thị trường trên thế giới*. Hà Nội: Thống kê.
73. Lê Xuân Bá và Chu Tiến Quang. (2003). *Kinh nghiệm hoạt động của một số hợp tác xã sau sáu năm thực hiện Luật Hợp tác xã ở Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

74. Lê Xuân Tùng. (1999). *Chế độ kinh tế hợp tác xã: những vấn đề lý luận và giải pháp thực tiễn*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
75. Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh. (2019). *Ba mươi năm nỗ lực và cống hiến 1989-2019*. Thành phố Hồ Chí Minh.
76. Liên minh Hợp tác xã Bà Rịa - Vũng Tàu. (2020). *Văn kiện Đại hội IV Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhiệm kỳ 2020-2025*. Bà Rịa - Vũng Tàu.
77. Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2013). *Đề án 30 năm đổi mới và phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Thành phố Hồ Chí Minh.
78. Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2016). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể năm 2015*. Số 02/BC-LM. Thành phố Hồ Chí Minh.
79. Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2016). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể năm 2015*. Số 02/BC-LM. Thành phố Hồ Chí Minh.
80. Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2017). *Kỷ niệm 20 năm thành lập Liên minh hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh (1996-2016) và Tổng kết 15 năm hoạt động trợ vốn của Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã (2002-2017)*. Hội thảo khoa học. Thành phố Hồ Chí Minh.
81. Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2017-a). *Ba mươi năm đổi mới và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Thành phố Hồ Chí Minh.
82. Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2017-b). *Báo cáo tổng kết năm 2016*. Số 03/BC-LM. Thành phố Hồ Chí Minh.
83. Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2020). *Trụ vững trên thị trường nhờ sản phẩm an toàn*. Xem ngày 6/3/2021, từ Thông tin điện tử Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh: http://www.lmhtx.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/hoat-dong-cua-cac-htx?p_p_id=EXT_ARTICLEVIEW&p_p_lifecycle=0&p_p_col_id=column-2&p_p_col_count=6&_EXT_ARTICLEVIEW_groupId=18&_EXT_ARTICLEVIEW_articleId=158072&_EXT_ARTICLEVIEW_version=1.0&_EXT_ARTICLEVIEW_re

84. Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh. (2020-a). *Hợp tác xã Tuần Ngọc ứng dụng công nghệ tự động trồng rau sạch*. Xem ngày 5/3/2021, từ Trang điện tử của Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh: http://www.lmhtx.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/hoat-dong-cua-cac-htx?p_p_id=EXT_ARTICLEVIEW&p_p_lifecycle=0&_EXT_ARTICLEVIEW_struts_action=%2Fext%2Farticleview%2Fview&_EXT_ARTICLEVIEW_groupId=18&_EXT_ARTICLEVIEW_articleId=373203&_EXT_ARTICLEVIEW_version=
85. Liên minh hợp tác xã Việt Nam. (2016). *Phát triển kinh tế tập thể trong điều kiện Việt Nam đổi mới và hội nhập quốc tế*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
86. Liên minh hợp tác xã Việt Nam. (2016-a). *Phát triển kinh tế tập thể trong 30 năm đổi mới ở Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
87. Lương Xuân Quý - chủ biên. (1999). *Đổi mới tổ chức và quản lý hợp tác xã trong nông nghiệp nông thôn*. Hà Nội: Nông Nghiệp.
88. Lưu Thị Kim Hoa. (2017). Về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Thành phố Hồ Chí Minh. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, pp. 347-357.
89. Mai Huyền. (8/4/2016). *Thành phố Hồ Chí Minh tìm giải pháp “kéo” người dân đi xe buýt nhiều hơn*. Xem ngày 15/3/2019, từ Báo Giao thông: <https://www.baogiaothong.vn/tp-hcm-tim-giai-phap-keo-nguoi-dan-di-xe-buyt-nhieu-hon-d145317.html>
90. Minh Phước và Nguyễn Đức Kha. (2017). Phát triển hợp tác xã làng nghề: mô hình hợp tác xã làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*.
91. Nguyễn Cao. (2017). *Nhận thức đúng về mô hình hợp tác xã kiểu mới*. Xem ngày 20/2/2021, từ Hội nông dân: <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1150/67143/qtns.hoinongdan.org.v>
92. Nguyễn Minh Khánh. (2017). Tạo chuỗi giá trị trong sản xuất chăn nuôi bò sữa tại Hợp tác xã TM-DV-SX Tân Thông Hội. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, tr 246-251.

93. Nguyễn Minh Ngọc và những người khác. (2012). *Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội*. Hà Nội: Tri thức.
94. Nguyễn Minh Tú (chủ biên). (2011). *Mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ*. Hà Nội: Khoa học và Kỹ thuật.
95. Nguyễn Ngọc Thương - Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Bà Rịa - Vũng Tàu. (2020). *Kinh tế tập thể tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu một chặng đường phát triển*. Retrieved 3 09, 2021, from Liên minh Hợp tác xã Bà Rịa - Vũng Tàu: http://lienminhhtx.baria-vungtau.gov.vn/hoat-dong-lmhtx-va-thanh-vien/-/view_content/content/118168/kinh-te-tap-the-tinh-ba-ria-vung-tau-%E2%80%93mot-chang-%C4%91uong-phat-trien
96. Nguyễn Thị Phương. (2012). *Phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn-Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh.
97. Nguyễn Văn Bích, Chu Tiến Quang, Lưu Văn Sùng. (2001). *Kinh tế hợp tác, hợp tác xã ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng phát triển*. Hà Nội: Nông Nghiệp.
98. Nguyễn Văn Giàu. (2015). Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2012, góp phần phát triển bền vững mô hình hợp tác xã kiểu mới. *Tạp chí Cộng sản*, số 871 (5/2015), tr 26-32.
99. Nguyễn Văn Kỳ và những người khác. (2003). *Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nước ta hiện nay*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
100. Nguyễn Văn Linh. (1985). *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*. Thành phố Hồ Chí Minh: Sự thật.
101. Như Yến. (12/1/2018). *Hợp tác xã Ngã Ba Giồng thay đổi hoàn toàn tư duy của nông dân*. Xem ngày 6/3/2021, từ Tạp chí điện tử Kinh doanh: <https://vnbusiness.vn/kinh-doanh-xanh/htx-nga-ba-giong-thay-doi-hoan-toan-tu-duy-cua-nong-dan-1020035.html>
102. Phạm Tất Thắng. (2017). Một số vấn đề phát triển hợp tác xã trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Cộng sản*, số 901 (11/2017), tr 70-74.

103. Phạm Văn Dũng. (2011). Các thành phần kinh tế: Nhận thức lý luận và thực tiễn Việt Nam. *Tạp chí khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội*, tr 1-10.
104. Phan Huy Đường. (2009). Phát huy vai trò hợp tác xã để tiêu thụ hàng nông sản. *Tạp chí Cộng sản*, Số 29 (5/2009), tr 31-33.
105. Phùng Bảo Ngọc. (2016). Đa dạng hóa thành phần kinh tế tập thể - động lực chính yếu của quá trình phát triển kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Cộng sản*, Chuyên đề cơ sở số 116 (8/2016), tr 87-91.
106. Phùng Quốc Trí. (2010). *Phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Viện phát triển chiến lược. Hà Nội.
107. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (1996). *Luật hợp tác xã, số 47-L/CLT, ngày 20/3/1996*. Hà Nội.
108. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2003). *Luật quy định về hợp tác xã. Số 18/2003/QH11, ngày 26/11/2003*. Hà Nội.
109. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2012). *Luật Hợp tác xã, số 23/2012/QH, ngày 20/11/2012*. Hà Nội.
110. Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh. (2017). Tình hình phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ và một số mô hình hợp tác xã điển hình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, tr 222-227.
111. Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh. (2003). *Công văn hướng dẫn phân công tổ chức - cán bộ quản lý kinh tế tập thể. Số 926/CV-SNV*. Thành phố Hồ Chí Minh.
112. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh. (2017). Xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến, hiện đại, phù hợp với tình hình và lợi thế sản xuất trên địa bàn 05 huyện của Thành phố Hồ Chí Minh. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, tr 177-184.
113. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh. (2019). *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Số 64/BC-SNN*. Thành phố Hồ Chí Minh.

114. Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh & Viện kinh tế. (2000). *Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 25 năm xây dựng và phát triển (1975-2000)*. Thành phố Hồ Chí Minh.
115. Thành Chung. (6/12/2017). *Nếu chỉ động viên mà không khuyến khích thì không thể phát triển hợp tác xã*. Xem ngày 15/5/2018, từ Báo điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Neu-chi-dong-vien-ma-khong-khuyen-khich-thi-khong-the-phat-trien-HTX/323913.vgp>
116. Thanh Sơn. (2012). *Nhìn lại 10 năm thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Xem ngày 28/2 2021, từ Trang thông tin điện tử Liên minh hợp tác xã Bình Dương: <http://binhduongcoop.org.vn/ShowArticle.aspx?ID=154>
117. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (1996). *Chỉ thị về thực hiện Luật hợp tác xã và Chỉ thị 68-CT/TW về phát triển kinh tế hợp tác ở Thành phố*. Số 03/CT-TU. Thành phố Hồ Chí Minh.
118. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2002). *Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5-khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Số 07-NQ/TU. Thành phố Hồ Chí Minh.
119. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2007). *Tăng cường lãnh đạo củng cố, xây dựng và phát triển kinh tế tập thể Thành phố*. Chỉ thị số 07-CT/TU. Thành phố Hồ Chí Minh.
120. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2007-a). *Tăng cường lãnh đạo đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Số 172-CV/TU. Thành phố Hồ Chí Minh.
121. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2013). *Chỉ thị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế tập thể của thành phố đến năm 2020*. Số 16-CT/TU, ngày 05/06/2013. Thành phố Hồ Chí Minh.

122. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2019). *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Số 427-BC/TU. Thành phố Hồ Chí Minh.
123. Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. (2015). *Thành phố Hồ Chí Minh 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
124. Thi Hồng. (19/4/2016). *Thành phố Hồ Chí Minh: Lượng hành khách đi xe buýt ngày càng giảm*. Xem ngày 15/3/2019, từ Sài Gòn giải phóng: <http://www.sggp.org.vn/tphcm-luong-hanh-khach-di-xe-buyt-ngay-cang-giam-22329.html>
125. Thoại Phương. (2020). *Liên minh hợp tác xã tỉnh Bình Dương: phấn đấu đến cuối năm 2025 có từ 230 đến 250 hợp tác xã*. Xem ngày 3/3/2021, từ Báo Bình Dương: <http://baobinhduong.vn/lien-minh-hop-tac-xa-tinh-binh-duong-phan-dau-den-cuoi-nam-2025-co-tu-230-250-hop-tac-xa-a233721.html>
126. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2014). *Quyết định phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020*. Số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014. Hà Nội.
127. Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2020). *Kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu hướng tất yếu trong hội nhập, mở cửa*. Xem ngày 10/3/2021, từ Thanh Tra: <https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/tien-toi-dai-hoi-dang/thu-tuong-kinh-te-tap-the-hop-tac-xa-la-xu-huong-tat-yeu-trong-hoi-nhap-mo-cua-175930.html>
128. Tỉnh ủy Bình Phước. (2017). *Phát triển hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.
129. Tỉnh ủy Đồng Nai. (2019). *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*. Đồng Nai.

130. Tổng Cục thống kê. (1987). *Niên giám thống kê 1986*. Hà Nội: Thống kê.
131. Trần Minh Tâm. (2005). *Hợp tác xã thương mại trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh. Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh.
132. Trần Trọng Tân và Vũ Đình Liệu. (1978). *Về vấn đề cải tạo triệt để hệ thống thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh.
133. Trung Thành. (18/1/2019). *Hợp tác xã vận tải số 9: Mô hình kinh tế năng động tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Xem ngày 21/2/2021, từ Tạp chí điện tử Kinh Doanh: <https://vnbusiness.vn/mo-hinh/htx-van-tai-so-9-mo-hinh-kinh-te-nang-dong-tai-tp-hcm-1054149.html>
134. Trương Thị Minh Sâm. (2001). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
135. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh & Viện Nghiên cứu phát triển. (2012). *Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 35 năm xây dựng và phát triển*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
136. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (1991). *Chỉ thị về việc tổ chức lại hệ thống hợp tác xã mua bán thành phố*. Số 52/CT-UB, ngày 18/12/1991. Thành phố Hồ Chí Minh.
137. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (1998). *Chỉ thị về triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác xã theo Nghị định 15/CP của Chính phủ*. Số 16/1998/CT-UB-KTCN. Thành phố Hồ Chí Minh.
138. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (1998). *Triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã theo Nghị định 15/CP của Chính phủ*. Chỉ thị số 16/1998/CT-UB-KTCN ngày 07/5/1998. Thành phố Hồ Chí Minh.
139. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2000). *Quyết định thành lập trung tâm Tư vấn hỗ trợ kinh tế hợp tác xã trực thuộc Hội đồng Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 2114/QĐ-UB-CN. Thành phố Hồ Chí Minh.

140. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2000). *Quyết định thành lập Trung tâm Tư vấn hỗ trợ kinh tế hợp tác xã trực thuộc Hội đồng Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 2114/QĐ-UB-CN, ngày 05/4/2000. Thành phố Hồ Chí Minh.
141. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2000-a). *Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 25 năm xây dựng và phát triển (1975-2000)*. Thành phố Hồ Chí Minh.
142. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2001). *Quyết định ban hành quy chế phối hợp hoạt động trong khu vực kinh tế hợp tác và hợp tác xã*. Số 58/2001/QĐ-UB. Thành phố Hồ Chí Minh.
143. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2003). *Phân công tổ chức - cán bộ quản lý kinh tế tập thể*. Số 2243/UB-CNN, ngày 19/5/2003. Thành phố Hồ Chí Minh.
144. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2004). *Báo cáo sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 và Chương trình hành động của Thành ủy về "Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010"*. Số 88/BC-UB, ngày 16/11/2004. Thành phố Hồ Chí Minh.
145. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2009). *Đề án định hướng phát triển kinh tế tập thể đến năm 2020*. Thành phố Hồ Chí Minh.
146. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2009-a). *Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố năm 2011-2015*. Thành phố Hồ Chí Minh.
147. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2010). *Đề án xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010-2015*. Thành phố Hồ Chí Minh.
148. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2013). *Quyết định ban hành kế hoạch đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*. Số 5512/QĐ-UBND, ngày 07/10/2013. Thành phố Hồ Chí Minh.
149. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2013-a). *Cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2020*. Thành phố Hồ Chí Minh.

150. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2013-b). *Quyết định điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho người lao động có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với những người có trình độ cao đẳng làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 28/2013/QĐ-UBND. Thành phố Hồ Chí Minh.
151. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2013-c). *Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015*. Số 13/2013/QĐ-UBND. Thành phố Hồ Chí Minh.
152. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2014). *Báo cáo tình hình kinh tế-văn hóa-xã hội, ngân sách Thành phố năm 2014; phương hướng, nhiệm vụ kinh tế-văn hóa-xã hội, ngân sách năm 2015*. Số 262/BC-UBND. Thành phố Hồ Chí Minh.
153. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2014-a). *Quyết định phê duyệt đề án thay mới đầu xe buýt*. Số 2545/QĐ-UBND. Thành phố Hồ Chí Minh.
154. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2014-b). *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015*. Số 40/2014/QĐ-UBND. Thành phố Hồ Chí Minh.
155. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2015). *Quyết định ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các hợp tác xã nông nghiệp-dịch vụ mới thành lập giai đoạn 2015-2020*. Số 26/2015/QĐ-UBND. Thành phố Hồ Chí Minh.
156. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2016). *Báo cáo 03 năm thực hiện Luật Hợp xã năm 2012*. Số 6072/UBND-KT. Thành phố Hồ Chí Minh.
157. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2017). Phát triển hợp tác xã kiểu mới tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Hội thảo khoa học: Phát triển hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, tr 127-131.
158. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên minh hợp tác xã Việt Nam. (2017). *Những hợp tác xã kiểu mới điển hình giai đoạn 2014-2016*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

159. Viện kinh tế và Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh. (2005). *Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm xây dựng và phát triển (1975-2005)*. Thành phố Hồ Chí Minh.
160. Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. (2009). *Đề án định hướng phát triển kinh tế tập thể Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*. Thành phố Hồ Chí Minh.
161. Viện phát triển quốc tế harvard - Trường Đại học Havardl Junggren B. (1994). *Những thách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương (bản dịch)*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
162. Võ Đại Lược. (2014). Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội: kinh tế và kinh doanh. Tập 30, số 3*, tr 1-9.
163. Vũ Trọng Khải. (2002). *Hai mô hình kinh tế và sự đổi mới kinh tế qua thực tiễn phát triển nông nghiệp ở Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
164. Vũ Văn Hiến và Đinh Xuân Lý. (2004). *Đổi mới ở Việt Nam tiến trình, thành tựu và kinh nghiệm*. Hà Nội, Việt Nam: Chính trị Quốc gia.
165. Vũ Văn Phúc. (2015). Thành phố Hồ Chí Minh - điển hình của sự sáng tạo, đột phá trong xây dựng, phát triển và đổi mới. *Tạp chí Cộng sản*, số 872 (6/2015), tr 78-83.
166. Vũ Văn Thuận. (2019). *Sổ tay ghi chép của tác giả trong quá trình nghiên cứu thực tế một số hợp tác xã*. Thành phố Hồ Chí Minh.
167. X.A Xeraép. (1986). *Về tác phẩm Bàn về chế độ hợp tác xã của V.I. Lê nin*. Hà Nội: Tiến bộ.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÂN THEO LOẠI HÌNH VÀ QUẬN, HUYỆN
(cập nhật đến năm 2019)

Địa bàn	Số lượng HTX										
	Tổng số	Chia theo loại hình								Tin dùng	Loại hình khác
		Vận tải	Thương mại dịch vụ	Nông nghiệp	Tiêu thủ công nghiệp	Môi trường	Tin dùng	Loại hình khác			
Quận 1	18	9	6	0	1	0	0	0	0	2	
Quận 2	13	10	0	0	0	1	2	0	0	0	
Quận 3	27	15	7	0	5	0	0	0	0	0	
Quận 4	10	5	3	0	2	0	0	0	0	0	
Quận 5	11	5	2	0	3	0	0	1	0	0	
Quận 6	22	11	3	0	7	1	0	0	0	0	
Quận 7	11	4	3	0	2	0	0	2	0	0	
Quận 8	27	10	14	1	1	0	0	1	0	0	
Quận 9	19	7	2	3	1	5	1	1	0	0	
Quận 10	28	17	6	1	4	0	0	0	0	0	
Quận 11	18	12	2	0	1	3	0	0	0	0	
Quận 12	12	7	1	3	0	0	0	1	0	0	
Huyện Bình Chánh	16	7	0	6	0	0	0	3	0	0	
Quận Bình Tân	20	17	0	1	0	0	0	2	0	0	
Quận Bình Thạnh	42	26	8	1	5	1	0	0	1	1	

Số lượng HTX										
Địa bàn	Tổng số	Chia theo loại hình								Loại hình khác
		Vận tải	Thương mại dịch vụ	Nông nghiệp	Tiểu thủ công nghiệp	Môi trường	Tín dụng			
Huyện Cần Giờ	12	3	1	8	0	0	0	0	0	0
Huyện Củ Chi	24	4	3	14	1	0	0	2	0	0
Quận Gò Vấp	20	16	3	0	0	0	0	1	0	0
Huyện Hóc Môn	16	4	4	5	1	2	0	0	0	0
Huyện Nhà Bè	10	4	3	1	0	0	0	2	0	0
Quận Phú Nhuận	14	5	6	0	3	0	0	0	0	0
Quận Tân Bình	27	15	11	0	1	0	0	0	0	0
Quận Tân Phú	23	13	8	0	2	0	0	0	0	0
Quận Thủ Đức	15	8	5	0	0	1	1	1	0	0
Tổng số	455	234	101	44	40	14	19	3		

(Nguồn: Liên minh hợp tác xã thành phố Hồ Chí Minh)

PHỤ LỤC 2
Một số hoạt động của các HTX ở thành phố Hồ Chí Minh



Ảnh 1. Tác giả làm việc với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc HTX bánh tráng Phú Hòa Đông
(Nguồn: ảnh chụp của tác giả, ngày 15/5/2019)



Ảnh 2. Kiểm tra chất lượng bánh tráng tại HTX bánh tráng Phú Hòa Đông
(Nguồn: ảnh chụp của tác giả, ngày 15/5/2019)



Ảnh 3. Bằng khen HTX bánh tráng Phú Hòa Đông đạt thành tích xuất sắc trong cuộc tuyên truyền “người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”
(Nguồn: ảnh chụp của tác giả, 15/5/2019)



Ảnh 4. Đóng gói rau sạch tại HTX nông nghiệp Phước An
(Nguồn: Liên minh hợp tác xã thành phố Hồ Chí Minh)



Ảnh 5. Mô hình nuôi bò sữa tại HTX bò sữa Tân Thông Hội (Củ Chi)
(Nguồn: <http://khoaahocphattrien.vn/Dia-phuong/mo-hinh-chan-nuoi-tien-tien-o-cu-chi/2018051907291977p1c937.htm>)



Ảnh 6. Một trong số chuỗi cửa hàng của liên hiệp HTX thương mại thành phố Hồ Chí Minh
(Nguồn: Liên minh HTX thành phố Hồ Chí Minh)



Ảnh 7. Hệ thống xe của HTX vận tải 19/5
(Nguồn: Liên minh HTX thành phố Hồ Chí Minh)



Ảnh 8. Trưng bày sản phẩm của HTX thương mại dịch vụ và sản xuất nông nghiệp Mai Hoa
(Nguồn: Liên minh HTX thành phố Hồ Chí Minh)



Ảnh 9. Sơ chế rau tại Hợp tác xã Phước An
(Nguồn: Liên minh HTX thành phố Hồ Chí Minh)



Ảnh 10. Đóng gói rau tại HTX Phú Lộc
(Nguồn: Ảnh do HTX Phú Lộc cung cấp)



Ảnh 11. Cửa hàng hoa lan của HTX dịch vụ nông nghiệp An Phú Đông
(Nguồn: Ảnh do Liên minh HTX Thành phố cung cấp)



Ảnh 12. Một cảnh làm việc tại quỹ tín dụng chợ lớn
(Nguồn: Ảnh do Liên minh HTX cung cấp)



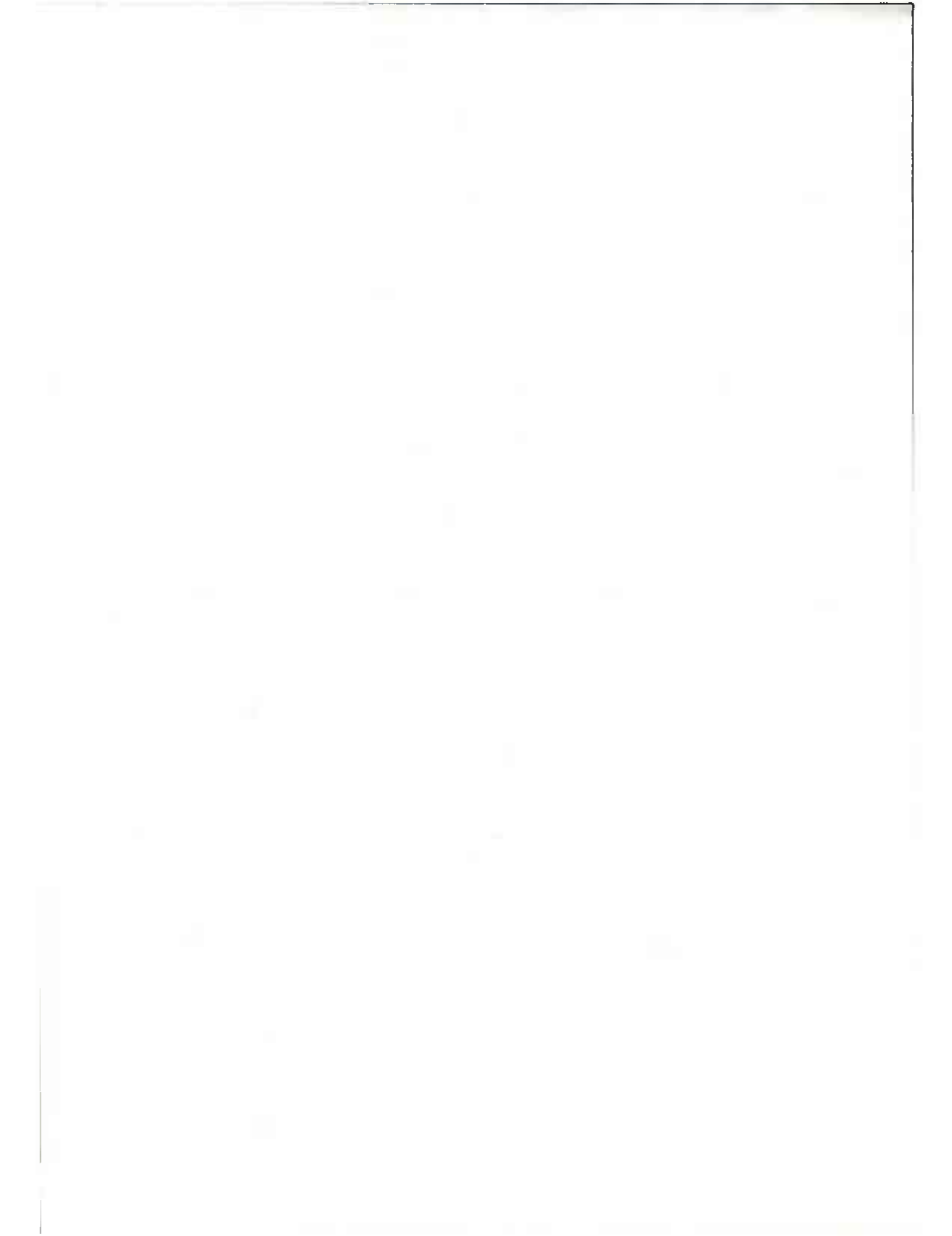
Ảnh 13. Đại hội xã viên thường niên tại HTX TM DV Phú Hòa năm 2016
(Nguồn: Ảnh do HTX Phú Hòa cung cấp)



Ảnh 14. Đại hội thường niên của Liên hiệp HTX Tân Bình
(Nguồn: Ảnh do Liên hiệp HTX Tân Bình cung cấp)

PHỤ LỤC 4

**Một số văn bản chỉ đạo của thành phố Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế
hợp tác xã từ 1986 đến 2015**



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11/10/1996

Số : 03/CT-TU

CHỈ THỊ
VỀ VIỆC THỰC HIỆN LUẬT HỢP TÁC XÃ VÀ
CHỈ THỊ 68/CT-TW VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC Ở THÀNH PHỐ

- I -

TÌNH HÌNH KINH TẾ HỢP TÁC Ở THÀNH PHỐ

1/ Hiện nay, Thành phố còn 300 hợp tác xã và 104 tổ sản xuất thuộc các ngành (chưa tính hợp tác xã tín dụng). Nhìn chung, các hợp tác xã đã từng bước thích nghi với cơ chế thị trường, hoạt động có hiệu quả hơn; có một số mô hình tổ chức và hoạt động tương đối tốt trong lĩnh vực tiêu - thủ công nghiệp, mua bán, giao thông vận tải... cần nghiên cứu, tổng kết để nhân rộng. Các hợp tác xã hoạt động tốt đã góp phần nhất định cho phát triển kinh tế của thành phố và giải quyết việc làm, ổn định đời sống, xóa đói giảm nghèo, nhất là duy trì được tổ chức, con người, cơ sở vật chất, kinh nghiệm... đồng thời làm nòng cốt cho việc phát triển kinh tế hợp tác trong thời gian tới.

Mặt tồn tại cần khắc phục là, còn khá nhiều hợp tác xã hoạt động kém, tồn tại trên danh nghĩa, hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, chủ yếu cho thuê mặt bằng, tài sản để nuôi bộ máy; một số hợp tác xã và tổ sản xuất thực chất là tư nhân điều hành, nhưng vì còn thuê mặt bằng Nhà nước nên chưa chuyển chính thức sang tư nhân; một số hợp tác xã còn những công nợ phải xử lý.

2/ Nền kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường đã kích thích các thành phần kinh tế phát triển, đồng thời cũng tạo ra nhu cầu khách quan về sự hợp tác nhằm phát triển sản xuất kinh doanh và cố sức mạnh trong cạnh tranh. Đặc biệt là nhu cầu hợp tác của quần chúng lao động giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, giải quyết việc làm, ổn định đời sống. Từ nhu cầu khách quan này, cùng với sự tác động có ý thức của các đoàn thể đã tạo ra phong trào hợp tác đa dạng của quần chúng, nhất là ở ngoại thành dưới dạng các tổ hợp tác. Hàng ngàn tổ hợp tác hoạt động dưới dạng tín dụng tiết kiệm, giúp nhau sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ ở ngoại thành, các tổ ngành hàng của tiêu thương và tín

dụng tiết kiệm ở nội thành... Tuy tính chất tổ chức và nội dung hợp tác còn giản đơn, nhưng rõ ràng xuất phát từ nhu cầu khách quan của quần chúng lao động, là nhân tố có thể phát triển các hình thức kinh tế hợp tác xã, nếu được Nhà nước hướng dẫn hỗ trợ với chính sách phù hợp.

3/ Những năm đầu chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ và chính quyền các cấp có chỉ đạo củng cố hợp tác xã; một số cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ngành có chú ý tạo điều kiện cho hợp tác xã tồn tại và hoạt động. Nhưng nhìn chung, nhiều Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể ở các cấp chưa quan tâm và tạo điều kiện để củng cố, đổi mới và phát triển hợp tác xã, thậm chí có lúc, có nơi lại muốn giải thể hợp tác xã hoặc chuyển sang hình thức khác, làm cho các hợp tác xã khó khăn thêm.

Mấy năm gần đây, Thành uỷ và một số cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp có quan tâm hơn, nhưng do chưa có luật và chính sách đồng bộ để phát triển hợp tác xã, chưa có sự phối hợp chỉ đạo thống nhất, cũng như tạo ra những điều kiện cần thiết cho kinh tế hợp tác phát triển, nên tình hình vẫn chưa có chuyển biến mạnh. Mặt khác, Hội đồng Liên minh các hợp tác xã thành phố cũng mới chính thức thành lập đầu năm 1996, đang trong giai đoạn sắp xếp tổ chức, khảo sát tình hình, đề xuất giải quyết một số khó khăn trước mắt cho các hợp tác xã, có cố gắng tuyên truyền hướng dẫn mở một số lớp đào tạo, nhưng nhìn chung còn nhiều hạn chế.

- II -

NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC TRONG CÁC NGÀNH, CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ Ở THÀNH PHỐ SÁP TỚI

Quán triệt Chỉ thị 68/CT-TW ngày 24/5/1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về phát triển kinh tế hợp tác, Luật Hợp tác xã và các văn bản dưới Luật được Chính phủ ban hành, đồng thời xuất phát từ tình hình nêu trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VI, Ban Thường vụ Thành uỷ chủ trương củng cố, đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế ở Thành phố theo những nội dung sau :

I.- VỀ QUAN ĐIỂM

1/ Kinh tế hợp tác là nhu cầu, là xu thế tất yếu khách quan trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa :

Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần đều bình đẳng trước pháp luật, trong đó kinh tế Nhà nước, cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế lớn, có tốc độ phát triển cao, kinh tế hợp tác cũng có nhu cầu phát triển nhanh. Nếu có nhận thức đúng và nắm bắt kịp thời các nhu cầu của quần chúng, biết cách vận động quần chúng tự nguyện tham gia, không chủ quan gò ép, luôn quan tâm đến các lợi ích của xã viên thì kinh tế hợp tác sẽ phát triển rộng, mạnh và vững chắc.

2/ Hợp tác xã phải thực sự là tổ chức tự nguyện của người lao động (hoặc người tiêu dùng). Phải lấy việc phục vụ lợi ích của xã viên làm mục đích, lấy nguyên tắc tự nguyện làm phương châm vận động, và việc xây dựng được những hợp tác xã mẫu mực như vậy phải là một quá trình. Các hợp tác xã hiện nay vừa có nhân tố hợp tác, vừa có nhân tố chưa phải hợp tác. Vì vậy, cần phải uốn nắn những lệch lạc, nuôi dưỡng và phát triển các nhân tố hợp tác đúng đắn, đồng thời phải chuyển đổi thành phần các cơ sở kinh tế mà thực chất chỉ là hình thức chứ không phải là hợp tác xã.

3/ Phải phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã đa dạng theo nhu cầu và trình độ của xã viên. Không nên ràng buộc về chức năng, về ngành nghề, về địa giới hành chính..., nhưng một hợp tác xã phải căn cứ vào nhu cầu xã viên và khả năng của hợp tác xã để xác định và đăng ký nội dung hoạt động cho phù hợp. Tổ chức Liên hiệp hợp tác xã theo ngành hay theo khu vực phải xuất phát từ nhu cầu và khả năng thực tế, không nên gò ép.

4/ Củng cố và đổi mới các hợp tác xã hiện có đi đôi với việc khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng của quần chúng lao động. Từ những nhân tố tích cực trong phong trào, tạo điều kiện nâng lên thành hợp tác xã.

5/ Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức tốt việc quản lý Nhà nước đối với hợp tác xã. Tạo điều kiện trong phạm vi luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước, khả năng của địa phương để giúp các hợp tác xã củng cố và phát triển. Nhà nước không can thiệp vào việc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã. Hợp tác xã phải phát huy tính tự lực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, vươn lên phát triển vững mạnh.

II.- CÙNG CỐ, ĐỔI MỚI CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC HIỆN CÓ VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ MỚI

1/ Xem xét các mô hình của các hợp tác xã trong các ngành hiện nay và tinh thần Chỉ thị 68/CT-TW để xác định các mô hình hợp tác xã đổi mới trong từng ngành cho phù hợp pháp luật, điều lệ và tình hình thực tế. Hợp tác xã đổi mới phải thực sự là "của xã viên, do xã viên và vì xã viên".

Những hợp tác xã thực chất chỉ còn là hình thức, không có khả năng củng cố đổi mới thì lấy ý kiến tập thể xã viên để thanh lý, giải thể theo đúng Luật và điều lệ hợp tác xã. Những hợp tác xã do tư nhân điều hành, không thể chuyển đổi theo đúng luật, muốn chuyển hình thức sở hữu, đăng ký theo luật khác thì phải thanh lý giải thể và giải quyết vốn liếng, tài sản, chính sách đối với cán bộ công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật, sau đó thành lập đơn vị mới. Liên minh hợp tác xã thành phố, các sở, ngành phải phối hợp với Ủy ban Nhân dân các quận huyện xây dựng mô hình kinh tế hợp tác thích hợp từng loại hình kinh tế và đặc điểm cụ thể của từng quận huyện.

2/ Thực hiện sự phối hợp của các chương trình hoạt động trợ vốn với việc vận động phát triển phong trào kinh tế hợp tác; quan tâm phát triển các quỹ tín dụng nông thôn và đô thị. Thực tế cho thấy người lao động rất cần hỗ trợ vốn với lãi suất hợp lý qua hoạt động của các quỹ trợ vốn như Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm và các nguồn quỹ hỗ trợ khác như quỹ tín dụng nông thôn, đô thị... Khi có nguồn vốn hỗ trợ có thể tập hợp những người lao động trong các tổ liên đới bảo lãnh cho nhau vay, giúp đỡ nhau làm ăn để có thể trả được vốn vay, động viên nhau tiết kiệm để tạo quỹ tương trợ... Từ đó có thể phát triển thêm các dịch vụ hỗ trợ khác từ thấp đến cao. Đây là bước đi phù hợp quy luật của tiến trình vận động xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác.

3/ Phát triển kinh tế hợp tác theo ngành nghề, là một hình thức hợp tác phổ biến, có hiệu quả; và khi có nhiều tổ hợp tác cùng ngành nghề thì có thể tổ chức thành hợp tác xã chuyên ngành nghề đó. Trong thực tế, một hợp tác xã khó có thể làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho các xã viên nhiều ngành nghề khác nhau, còn đi vào chuyên ngành thì phục vụ xã viên có hiệu quả hơn.

III.- NHỮNG VIỆC PHẢI TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC

1/ Phải làm cho các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, các đoàn thể và Mặt trận quán triệt chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế; nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phải củng cố, đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, để dần dần kinh tế hợp tác cùng với kinh tế quốc doanh trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

2/ Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi hợp tác xã của Thành phố do Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố phụ trách, có sự tham gia của các Sở, Ban ngành, đoàn thể có liên quan và Liên minh các hợp tác xã Thành phố. Ban chỉ đạo Thành phố hướng dẫn việc tổ chức Ban chỉ đạo chuyển đổi hợp tác xã ở các quận huyện, hướng dẫn xây dựng các mô hình hợp tác xã đổi mới trong từng ngành, xây dựng kế hoạch đăng ký chuyển đổi. Cần phân công, phân cấp giải quyết việc đăng ký chuyển đổi cho Ban chỉ đạo và Ủy ban Nhân dân từng cấp cụ thể. Những trường hợp phải giải thể hoặc chuyển hình thức khác, cần có ý kiến của Ban chỉ đạo cấp Thành phố. Chọn một quận, một huyện làm điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

3/ Tổ chức tốt việc quản lý Nhà nước đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Ủy ban Nhân dân Thành phố chỉ đạo cụ thể việc thành lập bộ phận quản lý Nhà nước đối với hợp tác xã ở các Sở, Ngành và phân cấp quản lý cụ thể cho Ủy ban Nhân dân quận huyện, phường, xã; khắc phục tình trạng không quy định rõ ràng về chức năng và thẩm quyền, đồng thời tránh cách quản lý phân tán, thiếu tập trung thống nhất.

Quản lý Nhà nước đối với hợp tác xã phải đồng bộ các nội dung : xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển hợp tác xã; ban hành điều lệ hoạt động của các hợp tác xã; căn cứ Luật hợp tác xã và Điều lệ mẫu để cấp phép đăng ký hoạt động; tổ chức thực hiện tốt các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hợp tác xã; đào tạo cán bộ; thông tin kinh tế; tạo điều kiện cho Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Thành phố hoạt động tốt.

4/ Tổ chức thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã. Nhà nước sẽ lần lượt ban hành đồng bộ các chính sách ưu đãi đối với hợp tác xã, sau khi hợp tác xã đã đăng ký chuyển đổi. Hiện nay, một số chính sách đã có, nhưng việc thực hiện chưa tốt như : đất đai, nhà cửa, thuế, tín dụng, xuất nhập khẩu, đầu tư... Ủy ban Nhân dân Thành phố cần chỉ đạo từng Sở, Ngành hoặc nhiều Sở, ngành có liên quan để thống nhất giải quyết từng chính sách theo tinh thần Quyết định 763/TTg và các văn bản của Chính phủ về chính sách đối với hợp tác xã, có sự tham mưu của Ban Kinh tế Thành ủy và Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Thành phố. Ủy ban Nhân dân các quận, huyện cần phải chỉ đạo tốt việc chuyển đổi hợp tác xã, xem xét cụ thể thực trạng từng hợp tác xã để có hướng củng cố và chuyển đổi theo đúng Luật, không được gò ép giải thể nếu hợp tác xã còn đủ khả năng hoạt động, nhưng cũng cần xem xét giải quyết những hợp tác xã chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

5/ Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự phối hợp hoạt động của các đoàn thể.

- Các cấp ủy Đảng, các ngành và đoàn thể tổ chức quán triệt đến đảng viên, đoàn viên, hội viên và xây dựng chương trình hành động thực hiện Chỉ thị này của Ban Thường vụ Thành ủy. Đặt việc lãnh đạo phát triển kinh tế hợp tác là nhiệm vụ thường

xuyên trong nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội chung của từng quận, huyện và trên địa bàn thành phố.

- Các tổ chức cơ sở Đảng cần tăng cường chỉ đạo phát triển Đảng trong các hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và bố trí đảng viên hoặc quần chúng có năng lực, nhiệt tình và có trình độ chuyên môn.

- Các đoàn thể cần phát huy hơn nữa vai trò của mình, phối hợp các ngành, các địa phương và Hội đồng Liên minh các hợp tác xã tích cực vận động giáo dục quần chúng tham gia phong trào kinh tế hợp tác, hướng dẫn phát triển sản xuất, tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, coi đây là một trong những nhiệm vụ công tác thường xuyên của các đoàn thể.

- Ban Kinh tế Thành uỷ, Liên minh các hợp tác xã Thành phố có trách nhiệm giúp Thành uỷ, Uỷ ban Nhân dân Thành phố hướng dẫn các Ban, ngành, Sở, các đoàn thể, Mặt trận và các quận huyện, phường, xã thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII và Chỉ thị này của Ban Thường vụ Thành uỷ; báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo, kịp thời nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác làm ăn có hiệu quả, được quần chúng đồng tình, hưởng ứng ra diện rộng.

Nơi nhận :

- Bộ Chính trị (để b/c),
- Các đ/c TUV, TTHĐND, UBND TP,
- Các Ban, ngành, sở, đoàn thể, Mặt trận TP,
- Các QHƯ và tương đương, Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng,
- Hội đồng Liên minh các HTX TP,
- Lưu VPTU.

TM. BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY



*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2002

Số : 07-NQ/TU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA THÀNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 - KHÓA IX
VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ
(2002 - 2005)

Mười năm qua, kinh tế tập thể trên địa bàn Thành phố mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới đã hình thành và phát triển với nhiều hình thức, trình độ, quy mô, ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, đáp ứng một phần nhu cầu của người lao động, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Tuy nhiên, kinh tế tập thể đa phần có quy mô nhỏ, vốn ít, hoạt động thiếu ổn định, hiệu quả và lợi ích phân chia cho các thành viên còn hạn chế, chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản phẩm xã hội của Thành phố. Các cấp ủy và chính quyền còn nhận thức và quản lý, điều hành kinh tế tập thể theo kiểu cũ; công tác quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể còn lúng túng; tâm lý hoài nghi, đánh giá thấp kinh tế tập thể còn khá phổ biến trong cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, nên thiếu quan tâm củng cố và tạo điều kiện để phát triển loại hình kinh tế này. Việc tổ chức thi hành Luật Hợp tác xã, quan tâm tháo gỡ khó khăn, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị để phát triển kinh tế hợp tác chưa tốt; việc bố trí cán bộ chưa tương xứng, chưa dành những điều kiện thuận lợi cho Liên minh các Hợp tác xã Thành phố hoạt động nên hiệu quả không cao.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 - khóa IX "Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể", Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố đề ra chương trình hành động từ nay đến năm 2005 như sau :

I. DỰ BÁO XU HƯỚNG, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN :

1/ Dự báo xu hướng phát triển : Kinh tế hộ sẽ phát triển mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, làm gia tăng nhu cầu liên kết, hợp tác với những hình thức, quy mô khác nhau. Xu hướng cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhu cầu hợp tác trong sản xuất kinh doanh sẽ gia tăng và gắn liền với đòi hỏi hiệu quả của sự hợp tác.

2/ Quan điểm phát triển :

- Hướng trọng tâm vào củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác và hợp tác xã hiện có; chú trọng nâng “chất” là chính, không chạy theo số lượng.

- Các hợp tác xã hoạt động chủ yếu là cung cấp dịch vụ đầu vào, đầu ra, hoặc cả hai tùy theo điều kiện cụ thể và tính chất của việc sản xuất kinh doanh; do vậy, quy mô và hình thức hợp tác phải đa dạng, phong phú.

- Tuân thủ triệt để các nguyên tắc “ Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và cùng có lợi” trong xây dựng, củng cố và quản lý hợp tác xã.

3/ Mục tiêu phát triển : Phấn đấu đến năm 2005 đưa các hợp tác xã thoát khỏi tình trạng yếu kém. Trước mắt, trong năm 2002, tập trung giải quyết 2 vấn đề :

- Rà soát, đánh giá tình hình các hợp tác xã; giải thể các hợp tác xã trả hình, hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả kéo dài.

Xử lý dứt điểm các tồn tại về tài sản (đất đai, nhà cửa...), các khoản nợ của hợp tác xã.

II.- GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC :

1/ Trên lĩnh vực thương mại - dịch vụ :

a) Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã thương mại hiện có. Hợp nhất các hợp tác xã thương mại có quy mô nhỏ, lễ thành các hợp tác xã thương mại liên phường, liên quận. Phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ, siêu thị của hợp tác xã liên phường, liên quận trên địa bàn dân cư, nhất là các khu dân cư mới hình thành.

b) Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố đẩy mạnh phát triển các siêu thị trong hệ thống Co.op Mart (dưới hình thức nhà phân phối, tổng đại lý cho các công ty có uy tín trong và ngoài nước để cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các hợp tác xã) để làm nhân tố thúc đẩy, hỗ trợ các hợp tác xã thương mại phường, quận hoặc liên phường, liên quận. Ưu tiên xem xét giải quyết mặt bằng để phát triển hệ thống Co.op Mart.

(Các nội dung trên do Ủy ban Nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện).

c) Nghiên cứu và xây dựng thí điểm để rút kinh nghiệm phát triển hợp tác xã dịch vụ phục vụ đời sống, sinh hoạt hàng ngày như :

- Dịch vụ quản lý, bảo vệ trật tự, an toàn các khu chung cư và các công trình công cộng trong khuôn viên dịch vụ; giữ xe, thu gom rác, làm vệ sinh... tại các khu chung cư cao tầng, khu dân cư tập trung.

- Dịch vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các tiểu thương; dịch vụ bảo vệ trật tự, vệ sinh trong chợ; giúp các cơ quan quản lý trong việc đăng ký kinh doanh, thu phí, thuế... đối với xã viên là các tiểu thương buôn bán ở chợ.

- Tổ chức các hoạt động giải trí công cộng, các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao... phục vụ nhu cầu của xã viên phù hợp với năng lực quản lý của chính quyền phường - xã, quận - huyện. Việc tổ chức phải theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự quản lý, tự lo chi phí bằng nguồn đóng góp của các xã viên thụ hưởng các dịch vụ của hợp tác xã.

(Liên minh các Hợp tác xã Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Thương mại và Ủy ban Nhân dân các quận - huyện thực hiện).

2/ Trên lĩnh vực giao thông - vận tải :

a) Xây dựng và thực hiện đề án hỗ trợ các hợp tác xã về vốn, bến bãi, đổi mới phương tiện.

b) Sắp xếp, củng cố các hợp tác xã hiện có; giải thể số hợp tác xã không còn hoạt động (xe lam, xe thô sơ...).

c) Tổ chức thí điểm mô hình Liên hiệp Hợp tác xã giao thông vận tải đa ngành hoặc chuyên về hành khách, hàng hóa, dịch vụ sửa chữa...

d) Hướng dẫn các hợp tác xã triển khai thực hiện Nghị định 92/2001/NĐ-CP "Về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô". Thực hiện chuyển đổi đầu xe vận tải hành khách theo phương thức xe buýt, tham gia xây dựng phương án luồng tuyến xe buýt.

(Các nội dung trên do Liên minh các Hợp tác xã Thành phố chủ trì, phối hợp Sở Giao thông - Công chính thực hiện).

3/ Trên lĩnh vực nông nghiệp :

a) Căn cứ quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở các huyện - quận (Cần Giờ, Nhà Bè, Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức; 9, 12) lập đề án phát triển và tổ chức vận động xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp; ưu tiên xây dựng các hợp tác xã nuôi bò sữa, nuôi tôm, trồng rau sạch (*Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban Nhân dân các huyện - quận và Liên minh các Hợp tác xã Thành phố triển khai thực hiện*).

b) Ưu tiên trợ vốn cho Liên hiệp Hợp tác xã bò sữa Gia Định nhằm đẩy mạnh các hoạt động cung cấp dịch vụ : con giống, kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc thú y, thức ăn, làm đầu mối tiêu thụ sản phẩm... để phát triển đàn bò sữa trong xã viên hợp tác xã nông nghiệp và nông dân ngoại thành (*Hội đồng Quản trị Liên hiệp HTX bò sữa lập dự án triển khai thực hiện*).

c) Khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ tại các chợ đầu mối để giúp người sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp quan hệ với người tiêu dùng (làm đại lý, môi giới...) để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hướng dẫn và định hướng hoạt động cho các tổ hợp tác, tạo điều kiện để các tổ hợp tác liên kết hoặc chuyển thành hợp tác xã; tư vấn cho các tổ hợp tác lập dự án và hình thành cấp liên nhiệm trong vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh (*Liên minh các Hợp tác xã Thành phố chủ trì phối hợp với Hội Nông dân Thành phố thực hiện*).

d) Ưu tiên dành quỹ đất hợp lý khi quy hoạch các khu dân cư mới để phát triển hợp tác xã dịch vụ, nhà ở và dịch vụ công cộng. Hỗ trợ tổ chức, xây dựng các hợp tác xã, chợ đầu mối về nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản của Thành phố để góp phần giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp (*Liên minh các Hợp tác xã Thành phố phối hợp với các sở, ngành, quận - huyện thực hiện*).

4/ Trên lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp :

a) Tổ chức khảo sát các hộ cá thể, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường, quận, trên cơ sở đó tập trung củng cố, phát triển các hợp tác xã thủ công mỹ nghệ, ngành nghề truyền thống có khả năng xuất khẩu hàng hóa; vận động xây dựng mới các hợp tác xã theo ngành nghề.

b) Hỗ trợ vốn cho các hợp tác xã có phương án đầu tư đổi mới máy móc, công nghệ sản xuất và di dời ra các khu công nghiệp tập trung.

c) Nghiên cứu, xây dựng đề án thành lập trung tâm triển lãm, giới thiệu các sản phẩm, hàng hóa thủ công mỹ nghệ.

(Các nội dung trên do Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Liên minh các Hợp tác xã Thành phố và Ủy ban Nhân dân các quận, huyện xây dựng phương án trong tháng 9/2002).

5/ Giải pháp về vốn, tài sản :

a) Hoàn thành đề án thành lập và quy chế hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng hợp tác xã để triển khai hoạt động trong năm 2002.

b) Chỉ đạo xây dựng quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã của Thành phố với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

c) Xây dựng quy hoạch và hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng thêm các quỹ tín dụng nhân dân ở các xã, cụm xã (các khu vực chưa có quỹ tín dụng nhân dân); tăng cường vận động nông dân, hộ sản xuất cá thể, tiểu thương, tiểu chủ tham gia thành viên quỹ.

(Ba nội dung trên do Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố chủ trì, phối hợp với Liên minh các Hợp tác xã Thành phố, Hội Nông dân Thành phố thực hiện).

d) Rà soát, giải quyết dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng về đất đai, nhà cửa trước đây được Nhà nước giao cho các hợp tác xã quản lý, sử dụng, nay định giá lại và chuyển giao sở hữu thành tài sản không chia của hợp tác xã.

e) Đối với các hợp tác xã nông nghiệp cần tiến hành giao đất không thu tiền và khản trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất xây dựng trụ sở, làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Hợp tác xã phi nông nghiệp nếu có nhu cầu được tiếp tục thuê dài hạn đất, nhà do Nhà nước quản lý. Đất do các hợp tác xã đầu tư khai phá, tôn tạo, nếu chuyển qua chế độ thuê, được hoàn lại chi phí đã bỏ ra.

(Hai nội dung trên giao Ủy ban Nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện).

6/ củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ :

a) Tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết Trung ương 5 - khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Luật Hợp tác xã và chương trình này để nâng cao nhận thức trong nhân dân, cán bộ, đảng viên. Tập huấn cho cán bộ phường - xã, quận - huyện về Luật và cơ chế, chính sách liên quan đến kinh tế tập thể.

b) Trường Cán bộ Thành phố bổ sung kế hoạch đào tạo trong năm 2002 cho các đối tượng là cán bộ quản lý, cán bộ thanh tra, cán bộ nghiệp vụ trong khu vực kinh tế tập thể (kinh phí do ngân sách Nhà nước đài thọ 100%); đồng thời đưa bài giảng về kinh tế tập thể vào chương trình chính khóa của các lớp lý luận chính trị, kinh tế chính trị.

(Hai nội dung trên do Trường Cán bộ Thành phố chủ trì, phối hợp với Liên minh các Hợp tác xã Thành phố thực hiện từ tháng 8/2002).

c) Nghiên cứu quy hoạch phát triển kinh tế, tập thể trên địa bàn Thành phố (giai đoạn I : từ nay đến 2005, giai đoạn II : từ 2005 - 2010). Ưu tiên cho đề án phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn và các hợp tác xã thương mại - dịch vụ chuyên ngành, đa ngành phục vụ đời sống, sinh hoạt khu dân cư (Viện Kinh tế Thành phố, Liên minh các Hợp tác xã phối hợp với các sở, ngành chức năng liên quan và các quận - huyện thực hiện).

d) Hoàn thiện đề án hướng dẫn hoạt động các tổ hợp tác (Sở Tư pháp Thành phố và Liên minh các Hợp tác xã Thành phố thực hiện).

e) Hỗ trợ các điều kiện về địa điểm, tổ chức, bộ máy, kinh phí... để đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, khẩn trương lập đề án xây dựng trang Website về kinh tế tập thể (Liên minh các Hợp tác xã Thành phố thực hiện).

f) Nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức và cán bộ ở phường - xã, quận - huyện, các sở, ngành Thành phố (Giao thông - Công chính, Công nghiệp, Thương mại, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đoàn thể cấp Thành phố) có chuyên trách chỉ đạo, quản lý kinh tế tập thể.

(Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền Thành phố hướng dẫn cho các cấp, các ngành thực hiện).

g) Nghiên cứu nội dung, phương thức vận động, tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác.

(Ban Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy thực hiện trong tháng 8/2002).

III.- VỀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, giao cho Ủy ban Nhân dân Thành phố :

1/ Định kỳ 6 tháng/lần làm việc với Liên minh các Hợp tác xã Thành phố, các sở, ngành liên quan và quận - huyện để kiểm tra tình hình thực hiện quy chế phối hợp hoạt động phát triển kinh tế tập thể, đồng thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

2/ Chỉ đạo sơ, tổng kết rút kinh nghiệm quá trình thực hiện chương trình này, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Thành ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW "đề b/c",
- Các đ/c TUV,
- TT HĐND, UBND/TP,
- Các quận, huyện ủy,
DU CTCS và cơ sở trực thuộc,
- Các BCS Đảng, Đảng đoàn,
- Các Ban TU, Viện KT/TP,
- Lưu VPTU.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ



THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2002

*

Kính gửi :

Văn phòng Thành ủy xin gửi đến các đồng chí "Chương trình của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 – Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (2002 – 2005). Bản này có sự điều chỉnh lại cho đúng với tên gọi "Liên minh các Hợp tác xã Thành phố".

Đề nghị các đồng chí thay vào tập Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố (Khóa VII) từ trang 13 đến trang 19.

Mong các đồng chí thông cảm.



Số : 172-CV/TU

*"V/v tăng cường lãnh đạo đổi mới, phát triển,
nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể"*

*Kính gửi : - Ban cán sự Đảng Ủy ban Nhân dân Thành phố,
- Các quận - huyện ủy,
- Các đảng ủy cấp trên cơ sở, cơ sở trực thuộc,
đảng đoàn, ban cán sự đảng,*

Qua hơn 4 năm triển khai Chương trình hành động 07-NQ/TU ngày 04/7/2002 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, bước đầu đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chủ trương trên của Đảng. Cùng với việc rà soát, củng cố, kiện toàn Liên minh Hợp tác xã Thành phố và các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, Thành phố đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý dứt điểm một số tồn tại về tài sản (đất đai, nhà cửa,...) và các khoản nợ của hợp tác xã; hỗ trợ 100 tỷ đồng thành lập Quỹ trợ vốn xã viên; cho vay ưu đãi hơn 245 tỷ đồng, thành lập 10 Quỹ tín dụng nhân dân (6,2 tỷ đồng, 14.920 thành viên); hỗ trợ kinh phí (500 triệu đồng) đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ hợp tác xã... Qua đó, từng bước góp phần đưa các hợp tác xã thoát khỏi tình trạng yếu kém; số lượng, chất lượng hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác từng bước được nâng lên (có 6 liên hiệp hợp tác xã, 450 hợp tác xã, 2.595 tổ hợp tác, tăng 6 liên hiệp hợp tác xã, 92 hợp tác xã, 1.723 tổ hợp tác so với đầu năm 2001, với gần 60.000 xã viên và hơn 300.000 hộ cá thể), góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể (về đất đai, vốn, khoa học công nghệ, đầu tư cơ sở hạ tầng...) chưa đủ mạnh, tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tập thể còn chậm, phần lớn các hợp tác xã có quy mô nhỏ, vốn ít, chưa đủ sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; đội ngũ cán bộ quản lý vừa thiếu, vừa yếu... chưa đáp ứng được yêu cầu củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế tập thể của Thành phố.

Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trên do một số cấp ủy, chính quyền, nhất là cơ sở phường - xã - thị trấn và một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, xã viên chưa nhận thức chưa đầy đủ về bản chất, vai trò và tính tất yếu khách quan của kinh tế tập thể, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, xây dựng và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác ở đơn vị, địa phương chưa được tập trung đúng mức; công tác tuyên truyền, vận

động, giáo dục quần chúng tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã còn hạn chế; một số vấn đề tồn đọng của hợp tác xã chậm được giải quyết (trụ sở làm việc, giao, thuê đất, công nợ...).

Để khắc phục tồn tại trên và thực hiện có hiệu quả Kết luận 08-KL/TW ngày 14/12/2006 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, Ban Thường vụ Thành ủy yêu cầu các cấp, các ngành tập trung thực hiện các việc sau đây :

1/ Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể :

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vai trò, vị trí và tính tất yếu khách quan của kinh tế tập thể trong quá trình phát triển của đất nước và Thành phố, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

- Tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động 07-NQ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể ở từng đơn vị, địa phương, trong đó tập trung đánh giá sâu những việc làm được, những tồn tại, yếu kém, nguyên nhân để rút kinh nghiệm, đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

- Chỉ đạo các đoàn thể phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Thành phố và các sở ngành, quận - huyện có kế hoạch tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân tham gia vào các hoạt động kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác để góp phần thực hiện tốt chủ trương phát triển kinh tế tập thể của Đảng và Nhà nước.

2/ Ban cán sự Đảng Ủy ban Nhân dân Thành phố :

- Chỉ đạo Liên minh hợp tác xã Thành phố, các sở ngành, quận - huyện tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX; rà soát, bổ sung chương trình, kế hoạch thực hiện Kết luận 08-KL/TW của Ban Bí thư và Chương trình hành động 07-NQ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể Thành phố giai đoạn 2006 - 2010. Trong đó, tiếp tục chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Liên minh hợp tác xã Thành phố, tăng cường vai trò, trách

nhiệm của Liên minh trong phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn; tập trung phát triển hợp tác xã về quy mô, chất lượng, tiếp tục xây dựng và phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã mới theo mô hình kinh doanh đa ngành, vừa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, vừa cải thiện nâng cao đời sống xã viên; động viên, khuyến khích việc hợp tác quốc tế, liên kết, sáp nhập hình thành các hợp tác xã có quy mô lớn, thành lập các liên hiệp hợp tác xã có sức cạnh tranh cao trong vùng và khu vực; có cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, quản lý và hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, tăng cường công tác đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã.

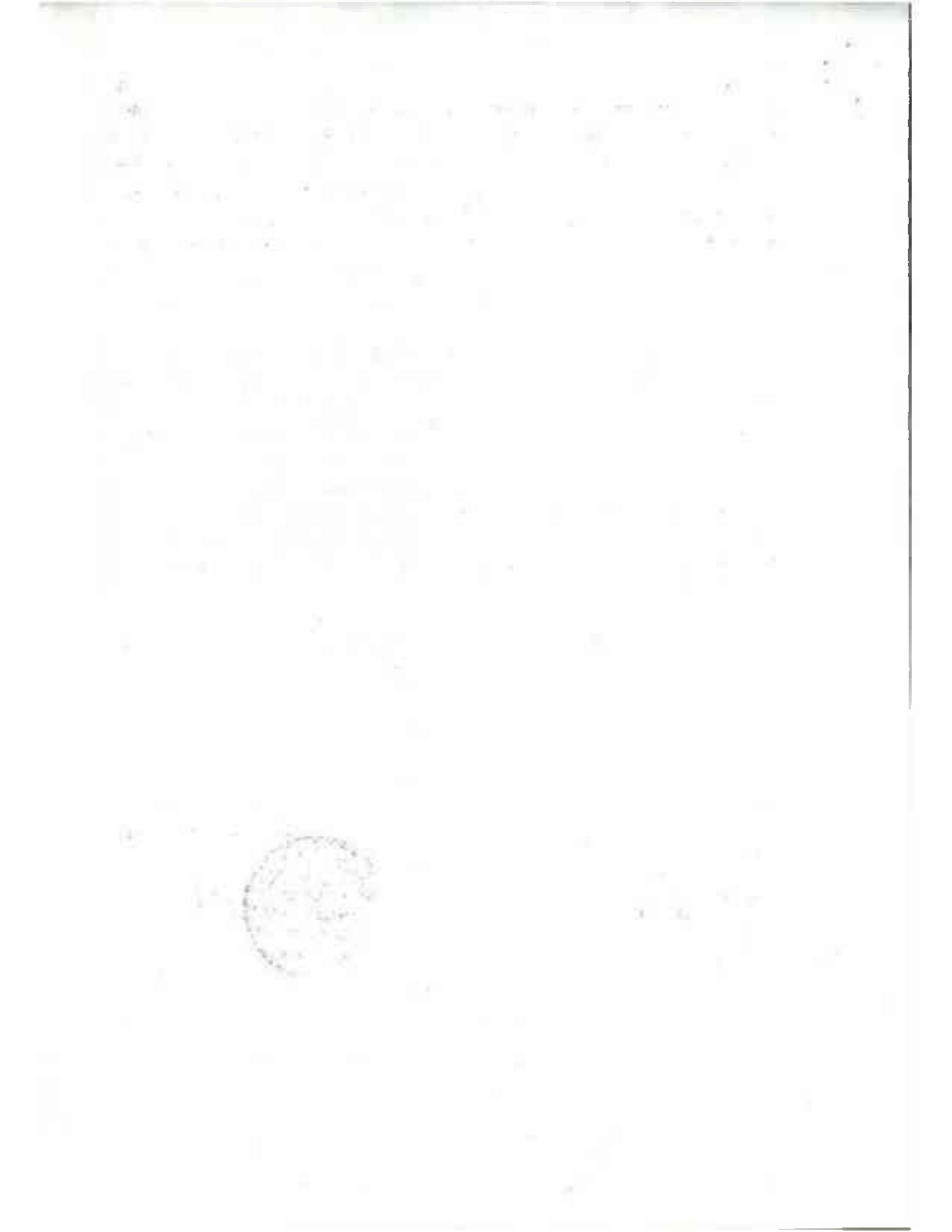
- Chỉ đạo các sở ngành, quận - huyện tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng về tài sản, vốn, công nợ... để tạo điều kiện cho kinh tế tập thể đủ sức hoạt động trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp Liên minh hợp tác xã Thành phố khẩn trương hoàn thành đề án hướng dẫn hoạt động cho tổ hợp tác trên địa bàn Thành phố, để tạo cơ sở pháp lý cho loại hình tổ chức này hoạt động hiệu quả hơn. Chỉ đạo Sở Văn hóa - Thông tin và các cơ quan truyền thông Thành phố tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, nhằm góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân để tham gia thực hiện có hiệu quả chủ trương trên.

- Định kỳ hàng năm, chỉ đạo sơ kết việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể của Thành phố, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Thành ủy.

Nơi nhận :

- Như trên,
- Các đ/c TUV,
- TT HĐND - UBND/TP,
- Các ban Thành ủy, Viện Kinh tế TP,
- VP HĐND - UBND/TP
- VPTU (LD + TH 5b),
- Lưu VPTU.





CHỈ THỊ

Về tăng cường lãnh đạo củng cố, xây dựng và phát triển kinh tế tập thể Thành phố

Năm năm qua, để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển trong nền kinh tế thị trường, Thành ủy, Ủy ban Nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ về tài chính - tín dụng; nhà, đất; khoa học - công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực cho hợp tác xã, phân công lãnh đạo Thành phố, sở ngành, quận - huyện trực tiếp phụ trách lĩnh vực kinh tế tập thể; tăng cường củng cố, kiện toàn Liên minh Hợp tác xã Thành phố, các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác (6 liên hiệp hợp tác xã, 458 hợp tác xã, 2.761 tổ hợp tác, tăng 4 liên hiệp hợp tác xã, 117 hợp tác xã, 1.652 tổ hợp tác so năm 2002, với hơn 160.000 xã viên); chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý dứt điểm một số tồn tại về đất, mặt bằng, nhà xưởng và các khoản công nợ của hợp tác xã; hỗ trợ 100 tỷ đồng thành lập Quỹ trợ vốn xã viên (giải quyết cho 110.343 xã viên vay vốn), thành lập và hỗ trợ hơn 26 tỷ đồng cho 9/17 quỹ tín dụng nhân dân; giải quyết nguồn vốn vay ưu đãi cho các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp... Qua đó, từng bước củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, nhất là mô hình hợp tác xã mới (tỷ lệ hợp tác xã làm ăn khá giỏi tăng từ 40% lên 70%), góp phần quan trọng trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện nâng cao đời sống nhân dân Thành phố.

Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể (nhà, đất, vốn, khoa học - công nghệ...) chưa đủ mạnh; tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tập thể còn chậm, quy mô của khu vực kinh tế tập thể còn rất nhỏ, phần lớn các hợp tác xã có quy mô nhỏ, vốn ít, chưa đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; một bộ phận cán bộ quản lý hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể.

Nguyên nhân tồn tại, yếu kém trên do một số cấp ủy, chính quyền quận - huyện, sở ngành và một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức chưa nhận thức sâu sắc về tính tất yếu khách quan và vai trò của thành phần kinh tế tập thể trong sự nghiệp phát triển của Thành phố và đất nước, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương này chưa được tập trung đúng mức; một số nơi không xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể; công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác chưa sâu rộng, thường xuyên; việc tháo gỡ các vướng mắc, tồn đọng về giao, thuê đất, trụ sở làm việc, công nợ của hợp tác xã chưa được các sở ngành, quận - huyện phối hợp giải quyết dứt điểm, còn để kéo dài ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể của Thành phố.

Để khắc phục tồn tại, yếu kém trên và nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình hành động số 07-NQ/TU ngày 04 tháng 7 năm 2002 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy yêu cầu các cấp, các ngành tập trung thực hiện tốt một số việc sau :

1/ Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân :

- Trên cơ sở sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 07-NQ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, các cấp, các ngành rà soát, bổ sung chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể trong thời gian tới. Trong đó, tiếp tục quán triệt sâu sắc vai trò, vị trí, tính tất yếu khách quan, các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã theo Kết luận số 08-KL/TW ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong sự nghiệp phát triển đất nước, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành để huy động, khai thác nguồn vốn, phương tiện, công cụ, sức lao động, kinh nghiệm của hộ gia đình, người lao động đơn lẻ, cá thể, các doanh nghiệp nhỏ, tạo điều kiện cho người sản xuất nhỏ, kinh tế hộ liên kết, hợp tác phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác nhằm hạn chế tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội Thành phố và đất nước theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, chỉ đạo rà soát, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp trên tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện cho kinh tế tập thể mở rộng quy mô phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; tổ chức các hình thức hợp tác, hỗ trợ cho các đơn vị kinh tế tập thể do đoàn viên, hội viên các đoàn thể tự nguyện tham gia, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác tiên tiến của nông dân, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh và nghiệp đoàn.

2/ Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo các cơ quan báo, đài xây dựng và duy trì thường xuyên chuyên mục tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình hợp tác xã mới hoạt động hiệu quả.

3/ Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Thành ủy có hướng dẫn các đơn vị kinh tế tập thể xây dựng kế hoạch đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể để góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chủ trương trên. Phối hợp Trường Cán bộ Thành phố bổ sung nội dung giảng dạy về kinh tế tập thể trong chương trình đào tạo, nhất là các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phường - xã - thị trấn.

4/ Ban cán sự Đảng Ủy ban Nhân dân Thành phố :

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX để rút kinh nghiệm chỉ đạo các cấp, các ngành rà soát, bổ sung chương trình, kế hoạch thực hiện Kết luận số 08-KL/TW của Ban Bí thư, Chương trình hành động số 07-NQ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường lãnh đạo củng cố, xây dựng và phát triển kinh tế tập thể Thành phố; thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể Thành phố, quận - huyện; tiếp tục phân công một đồng chí trong cấp ủy, chính quyền phụ trách, trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

- Tiếp tục nghiên cứu có cơ chế, chính sách mang tính đột phá để thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Trong đó, chỉ đạo Liên minh Hợp tác xã Thành phố phối hợp với các sở ngành, quận - huyện tham mưu giúp lãnh đạo Thành phố xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế tập thể : Chiến lược phát triển Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác đến năm 2020 theo hướng mở rộng quy mô hoạt động ra cả nước và hội nhập kinh tế quốc tế; Chương trình phát triển nguồn nhân lực và đào tạo cán bộ phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế tập thể; chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vốn, mặt bằng, khoa học - công nghệ, đối ngoại, tiếp thị và mở rộng thị trường.

Trước mắt, chỉ đạo các sở ngành, quận - huyện phối hợp rà soát, tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng về mặt bằng, nhà xưởng, vốn, công nợ... để tạo điều kiện cho kinh tế tập thể dù sức hoạt động trong kinh tế thị trường.

- Định kỳ hàng năm, chỉ đạo sơ kết việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể của Thành phố, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Thành ủy.

Nơi nhận :

- Như trên,
- Các đ/c Thành ủy viên,
- TT HĐND - UBND/TP,
- Các quận - huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc,
- Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng,
- Các ban Thành ủy, Viện Kinh tế TP,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể TP,
- Liên minh Hợp tác xã TP,
- VP HĐND - UBND/IP,
- VPTU (LD + TH 5b),
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Số 16 /1998/CT-UB-KTCN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 1998

CHỈ THỊ

V/v triển khai thực hiện chính sách khuyến khích
phát triển hợp tác xã theo Nghị định 15/CP của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 21-02-1997 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn số 78/1998/TT-BTC ngày 04-11-1997 và Thông tư số 25/1998/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 78/1998/TT-BTC.

Nhằm triển khai tốt việc thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã theo Nghị định của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ thị Giám đốc các Sở Ban Ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện thuộc thành phố tập trung chỉ đạo và thực hiện một số công việc sau đây :

1. Về chính sách thuế :

Cục Thuế thành phố phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân quận-huyện để thực hiện ngay những chính sách ưu đãi về thuế cho các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân (dưới đây gọi chung là hợp tác xã) đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã bao gồm các hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi và đăng ký kinh doanh lại theo Nghị định 16/CP của Chính phủ.

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn cụ thể hóa các đối tượng hợp tác xã trên địa bàn thành phố được hưởng chính sách ưu đãi về thuế như sau :

1.1- Về thuế doanh thu và thuế lợi tức :

- Các hợp tác xã ở nông thôn như hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, hợp tác xã dịch vụ sản xuất tiểu-thủ công nghiệp, hợp tác xã thương mại - dịch vụ ở nông thôn và các hợp tác xã dịch vụ khác có làm các dịch vụ trực tiếp phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho hộ nông dân, thì được hưởng ưu đãi về thuế quy định tại điểm a khoản 1.- mục II của Thông tư số 78/1997/TT-BTC ngày 04-11-1997 của Bộ Tài chính.

- Những hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chuyển đổi đăng ký lại và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật hợp tác xã thì được hưởng ưu đãi về thuế quy định tại điểm b khoản 1-mục II của Thông tư số 78/1997/TT-BTC ngày 04-11-1997 của Bộ Tài chính.

- Các hợp tác xã được hưởng ưu đãi về thuế doanh thu kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã và về thuế lợi tức kể từ khi có lợi tức.

1.2- Về thuế môn bài :

Xã viên của các hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ ngành giao thông vận tải hay các loại hợp tác xã khác nhận nhiệm vụ của hợp tác xã giao (có văn bản phân công hay hợp đồng) thì không phải nộp thuế môn bài.

2. Về chính sách đất, nhà :

- Tiếp tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao khoán cho hộ xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở ngoại thành với điều kiện không nằm trong qui hoạch phải di dời, giải tỏa để thu hồi đất sử dụng cho mục đích khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Xét cấp quyền sử dụng đất cho hợp tác xã đối với đất do hợp tác xã trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở ngoại thành.

- Xét cho thuê đất ổn định (từ 5 năm trở lên) và hợp thức hóa xây dựng đối với các mặt bằng sản xuất, cửa hàng, nhà kho ...của các hợp tác xã trước đây được chính quyền tạm cấp nay hợp tác xã sử dụng làm văn phòng hoặc sản xuất kinh doanh dịch vụ nếu phù hợp với qui hoạch theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tiếp tục cho hợp tác xã đang sử dụng thuê nhà xưởng thuộc sở hữu nhà nước theo giá thuê đối với doanh nghiệp nhà nước. Quá trình sử dụng bị hư hỏng lên kế hoạch sửa chữa báo với cơ quan quản lý nhà, hợp tác xã ứng tiền sửa chữa được trừ dần vào tiền thuê nhà.

- Khuyến khích các hợp tác xã có phương án phát triển sản xuất kinh doanh trình cấp có thẩm quyền cấp phép đầu tư dài hạn khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện đang quản lý sử dụng, Nhà nước hỗ trợ bằng chính sách : cho thuê giá đất thấp, cho nhận nợ của Nhà nước để đưa mặt bằng nhà xưởng tham gia liên doanh theo quy định hiện hành.

3. Về ưu đãi tài chính :

- Vay ngân hàng : Ngân hàng xét ưu tiên cho các hợp tác xã vay theo những quy định hiện hành. Những hợp tác xã làm ăn có uy tín, ngân hàng xem xét cho vay giảm nhẹ điều kiện thế chấp. Những hợp tác xã có hợp đồng sản xuất và xuất khẩu, ngân hàng xem xét cho vay theo hợp đồng và tín dụng thu được mở.

Hợp tác xã có thể tham gia là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực để được vay vốn hoạt động.

- Vay các Quỹ xóa đói giảm nghèo và Quỹ quốc gia giải quyết việc làm : Liên minh các hợp tác xã thành phố chủ trì phối hợp với Ban lãnh đạo Quỹ xóa đói giảm nghèo, Sở Lao động-Thương binh và xã hội nghiên cứu tạo thuận lợi cho các hợp tác xã vay khi có xã viên thuộc diện xóa đói giảm nghèo, hoặc tham gia với hợp tác xã xây dựng phương án phát triển sản xuất kinh doanh thu hút thêm lao động chưa có việc làm.

- Vay các Quỹ đầu tư phát triển của thành phố : Hợp tác xã có phương án phát triển sản xuất kinh doanh được duyệt phù hợp với đối tượng các Quỹ đầu tư trên được xét cho vay theo mức độ ưu tiên.

4. Ngoài những chính sách khuyến khích trên, các hợp tác xã được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước như chính sách khuyến khích đầu tư trong nước theo Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15-01-1998 của Chính phủ... nếu hoạt động đúng nội dung được khuyến khích.

5. Giao cho Liên minh các hợp tác xã thành phố chủ trì phối hợp với các Sở-Ngành thành phố sau đây :

5.1.- Sở Tài chính sớm trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý vốn công trợ và các nguồn vốn không chia của các hợp tác xã ; nghiên cứu các điều kiện khả thi để thành lập Quỹ đầu tư phát triển hợp tác xã trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét.

5.2.- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố đề xuất các biện pháp giúp các hộ sản xuất nông nghiệp trong đó có xã viên hợp tác xã ở các quận mới, các khu qui hoạch có điều kiện an tâm đầu tư ổn định sản xuất và đời sống.

5.3- Sở Lao động-Thương binh và xã hội thành phố đề xuất giải quyết việc đóng bảo hiểm xã hội đối với xã viên hợp tác xã.

Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm mục đích củng cố và phát triển thành phần kinh tế tập thể ; yêu cầu các Sở-Ngành, Ủy ban nhân dân các quận-huyện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo triển khai, kiểm tra đôn đốc và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan chức năng cần thường xuyên báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất các biện pháp giải quyết cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố có chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho các hợp tác xã.-

Nơi nhận :

- Thường trực Thành ủy
- Thường trực UBND.TP
- Các Ban Thành ủy
- Các Sở, Ban, Ngành TP
- UBND các Quận-Huyện
- HDLM các HTX thành phố
- VPUB : CPVP
- Các Tổ NCTH
- Lưu.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thành Long

Số: 58 /2001/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
V/v ban hành quy chế phối hợp hoạt động trong khu vực
kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ chuẩn y tại quyết định số 127/2000/QĐ-TTg ngày 17/11/2000 ;
- Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng liên minh Hợp tác xã thành phố tại công văn số 57/LMHTX-TP ngày 12/6/2001 và Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố (Tờ trình số 58/TCCQ ngày 19/6/2001) ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo quyết định này bản quy chế phối hợp hoạt động trong khu vực kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Tổ chức Chính quyền thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành thành phố, Thủ trưởng các đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Hội đồng liên minh Hợp tác xã thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3
- LM HIX Việt Nam (để b/c)
- TT/TU, TT/HĐND thành phố
- TTUB : CT, các PCT
- VP/TU và các Ban TU
- VP/HĐ-UB : PVP/KT, CNN, TM
- Lưu (CNN)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Quốc Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2001



QUY CHẾ

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC KINH TẾ
HỢP TÁC VÀ HỢP TÁC XÃ.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2001/QĐ-UB
ngày 06/7/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố).

CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này là văn bản cụ thể hóa mối quan hệ phối hợp hoạt động giữa Liên minh Hợp tác xã thành phố với các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện thuộc thành phố.

Điều 2. Quy chế này áp dụng giải quyết mối quan hệ phối hợp hành động giữa Liên minh Hợp tác xã thành phố với các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện thuộc thành phố một cách đồng bộ trong công tác phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quy chế này tạo điều kiện thuận lợi cho Liên minh Hợp tác xã thành phố, các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện thuộc thành phố thực hiện mang lại hiệu quả quản lý trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của mình.

CHƯƠNG II : NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM

Điều 4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện :

- Là cấp trực tiếp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước toàn diện về kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trong phạm vi địa bàn lãnh thổ phụ trách-có nhiệm vụ, quyền hạn như sau :

1- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trên phạm vi địa bàn quận, huyện.

2- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách khuyến khích ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trong quyền hạn của quận, huyện

3- Chỉ đạo tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trên địa bàn. Phối hợp với các đoàn thể vận động phát triển phong trào kinh tế hợp tác và Hợp tác xã tại địa phương.

4- Xem xét việc thành lập, đăng ký kinh doanh, tổ chức hoạt động, xác nhận điều lệ, cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các Hợp tác xã có trụ sở chính trên địa bàn theo trình tự do pháp luật quy định. Xem xét điều kiện mở, đăng ký cấp, thu hồi giấy phép đối với các Hợp tác xã ngoài địa bàn thuộc thành phố mở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc trên địa bàn.

5- Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra giám sát các Hợp tác xã hoạt động theo đúng pháp luật và điều lệ, hướng dẫn các Hợp tác xã hoạt động thực hiện theo các dự án quy hoạch ngành, quy hoạch chung về xây dựng kinh tế-xã hội trên địa bàn quận, huyện.

6- Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu tố, khiếu nại các vi phạm pháp luật về Hợp tác xã. Bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của Hợp tác xã, xã viên và người lao động trong Hợp tác xã thuộc phạm vi quyền hạn được giao.

7- Các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao; có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện việc quản lý Nhà nước theo chuyên ngành đối với Hợp tác xã trong địa phương-Ủy ban nhân dân quận, huyện cần phân công cụ thể 1 Phó Chủ tịch, 1 phòng ban chuyên môn có 1 đến 2 cán bộ chuyên trách giúp việc, đảm nhiệm chuyên trách về Kinh tế hợp tác-Hợp tác xã để theo dõi, tổng hợp, báo cáo và tham mưu các vấn đề liên quan đến kinh tế hợp tác-Hợp tác xã cho Ủy ban nhân dân thành phố.

8- Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Liên minh Hợp tác xã thành phố, các Đoàn thể thành phố khi giải quyết những vấn đề liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và chuyên môn của mình.

9- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với Hợp tác xã tổ chức và hoạt động trên địa bàn, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển Hợp tác xã mới. Đặc biệt quan tâm hướng dẫn các hộ vượt chuẩn đối nghèo vào làm ăn tập thể trong các tổ hợp tác.

Điều 5. Các Sở và Cục Thuế thành phố :

Là cơ quan chức năng chuyên ngành, có nhiệm vụ tham mưu giúp cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn thành phố-có nhiệm vụ sau :

1- Nghiên cứu, hoạch định mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thực hiện việc củng cố và phát triển hợp tác xã thuộc lĩnh vực ngành kinh tế kỹ thuật được giao. Chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ cho các Phòng, ban chuyên môn thuộc quận, huyện.

2- Cấp Giấy phép hành nghề chuyên ngành cho các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có đủ điều kiện thành lập và hoạt động theo quy định của Chính phủ. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố hướng dẫn các nội dung thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh cho Liên hiệp Hợp tác xã; Hợp tác xã đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã (loại ngành nghề do thành phố cấp).

3- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất các biện pháp thực hiện chủ trương, chính sách Nhà nước đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố, các ngành, cơ quan chức năng có liên quan để tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã hoạt động.

4- Lập kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ theo chuyên ngành phụ trách cho đội ngũ cán bộ Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã. Thông tin, phổ biến hỗ trợ cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã về khoa học, công nghệ, thị trường...

5- Thanh tra, kiểm tra các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo phạm vi trách nhiệm được pháp luật quy định (kết hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện và Liên minh Hợp tác xã thành phố).

6- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thuộc chuyên ngành phụ trách với Ủy ban nhân dân thành phố.

7- Chủ động phối hợp hỗ trợ Ủy ban nhân dân quận, huyện và Liên minh Hợp tác xã thành phố trong phạm vi quyền hạn và chuyên môn nghiệp vụ của ngành.

8- Cục Thuế thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xét miễn, giảm thuế cho Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã theo đúng các quy định của Nhà nước, đồng thời nghiên cứu đề xuất giải quyết những vấn đề còn vướng mắc ở Hợp tác xã-Liên hiệp Hợp tác xã để Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết theo thẩm quyền.

9- Các Sở và Cục Thuế thành phố cần phân công cụ thể 1 Phó Giám đốc (Phó Cục trưởng) phụ trách khu vực Kinh tế hợp tác- Hợp tác xã, có 1-2 cán bộ thuộc 1 Phòng chức năng cụ thể giúp việc.

Điều 6. Các Đoàn thể chính trị-xã hội thành phố :

Có trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Liên minh Hợp tác xã thành phố và quận, huyện thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước về củng cố và phát triển Kinh tế hợp tác - Hợp tác xã, chỉ đạo các đoàn thể cấp dưới thực hiện nhiệm vụ :

1- Tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác- Hợp tác xã.

2- Tham gia xây dựng chính sách, giám sát thi hành pháp luật về Hợp tác xã. Phối hợp thực hiện các chương trình, dự án phát triển Hợp tác xã.

3- Xây dựng các đoàn thể : Đoàn Thanh niên Cộng sản thành phố Hồ Chí Minh. Công đoàn cơ sở ... trong Hợp tác xã để đại diện bảo vệ quyền lợi người lao động trong Hợp tác xã.

4- Các đoàn thể thành phố cần phân công 1 Phó Chủ tịch chịu trách nhiệm khu vực Kinh tế hợp tác- Hợp tác xã, có 1-2 cán bộ của 1 phòng ban chức năng cụ thể để giúp việc.

Điều 7. Liên minh Hợp tác xã thành phố :

Liên minh Hợp tác xã thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

1- Đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã-xã viên và người lao động trong Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã khi bị xâm phạm. Tham gia với Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố, quận, huyện và ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện các chính sách pháp luật đối với Hợp tác xã. Phối hợp, xác minh, giải quyết các khiếu nại, khiếu tố liên quan đến xã viên, người lao động trong Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã.

2- Tham gia phối hợp tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế hợp tác, Hợp tác xã tại những nơi có điều kiện và nhu cầu hợp tác.

3- Hướng dẫn, tư vấn, tổ chức dịch vụ hỗ trợ cho Hợp tác xã các vấn đề : vốn, pháp luật, kinh tế, dự án... để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4- Tổ chức (hoặc kết hợp với các cơ quan) đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý Hợp tác xã, nâng cao tay nghề cho xã viên và người lao động trong Hợp tác xã.

5- Tham gia phối hợp với Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố, quận, huyện thực hiện :

. Nghiên cứu đề xuất trong việc xây dựng, sửa đổi bổ sung các chính sách pháp luật liên quan đến Kinh tế hợp tác và Hợp tác xã.

. Phối hợp với Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố, quận, huyện nghiên cứu và thực hiện định hướng quy hoạch, kế hoạch phát triển Kinh tế hợp tác và Hợp tác xã thuộc phạm vi thành phố, quận, huyện và các ngành kinh tế kỹ thuật.

6- Đại diện cho các Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã với các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp giữa các thành viên với các tổ chức đơn vị KTXH trong và ngoài nước; trong việc phối hợp thực hiện các chương trình, dự án về phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã của các cơ quan Nhà nước, đoàn thể và các tổ chức kinh tế xã hội trong và ngoài nước.

7- Liên minh Hợp tác xã thành phố được mời tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện khi bàn và quyết định các vấn đề có liên quan tới Kinh tế hợp tác và Hợp tác xã.

8- Tổng hợp, báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn thành phố. Tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương, giải pháp, chính sách nhằm hỗ trợ việc phát triển phong trào kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trên địa bàn thành phố.

9- Chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố, quận, huyện trong việc hướng dẫn, tư vấn, tháo gỡ các vướng mắc, hỗ trợ hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã.

Liên minh Hợp tác xã thành phố được các cấp có thẩm quyền tham khảo ý kiến trước khi quyết định giải thể, hợp nhất các Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã.

CHƯƠNG III :

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO THỐNG KÊ

Điều 8. Chế độ thông tin :

. Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố và Liên minh Hợp tác xã thành phố phải phổ biến kịp thời đến Ủy ban nhân dân, Phòng, Ban chuyên môn và các đoàn thể quận, huyện những thông tin liên quan đến luật pháp, chủ trương, chính sách các văn bản pháp quy có liên quan đến Hợp tác xã và các thông tin khác về thị trường, cơ hội liên doanh liên kết, về huấn luyện đào tạo, về mô hình Hợp tác xã làm ăn có hiệu quả để quận, huyện tham khảo, nghiên cứu trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển Hợp tác xã trên địa bàn và phổ biến cho các Hợp tác xã.

. Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố và Liên minh Hợp tác xã thành phố phải kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã của Đảng và Nhà nước.

. Các Phòng, Ban chức năng, đoàn thể thuộc quận, huyện phải có sự phản hồi thông tin kịp thời với các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố và Liên minh Hợp tác xã thành phố để có sự theo dõi và hỗ trợ khi gặp khó khăn.

Điều 9. Chế độ báo cáo thống kê :

. Phòng Ban chuyên trách của quận, huyện tổng hợp chung và gửi báo cáo về các Sở, Ban, Ngành thành phố có liên quan và Liên minh Hợp tác xã thành phố.

. Các Sở, Ban, Ngành thành phố tổng hợp báo cáo của các quận, huyện để báo cáo theo chuyên ngành với Ủy ban nhân dân thành phố và gửi cho Liên minh Hợp tác xã thành phố 1 bản để theo dõi chung. Liên minh Hợp tác xã thành phố tổng hợp tình hình chung của tất cả các Hợp tác xã thuộc các ngành (từ báo cáo của các Quận, Huyện) để báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố (theo từng quý, 6 tháng, năm).

Điều 10. Chế độ hội họp :

. Để có thể nắm bắt cụ thể tình hình và trực tiếp trao đổi các vấn đề liên quan đến khu vực kinh tế hợp tác và Hợp tác xã, các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố, Liên minh Hợp tác xã thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện thống nhất họp định kỳ 6 tháng lần; để có sự phối hợp hỗ trợ nhau tốt hơn. Liên minh Hợp tác xã thành phố có nhiệm vụ tổ chức, mời họp và sau đó làm báo cáo kết quả cuộc họp trình Ủy ban nhân dân thành phố.

. Ngoài ra, khi có những vấn đề cần thiết, các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố, Liên minh Hợp tác xã thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có thể đề nghị các cuộc họp chuyên đề; trong cuộc họp chuyên đề có thể mời các Ngành, các quận, huyện khác có liên quan cùng tham dự họp.

Điều 11. Chế độ phối hợp hướng dẫn, kiểm tra các hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã :

. Việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện điều lệ, luật pháp đối với các Hợp tác xã do quận, huyện chủ động sắp xếp theo kế hoạch cụ thể của quận, huyện. Khi cần thiết có thể kết hợp với các Sở, Ban, Ngành, thành phố có liên quan và Liên minh Hợp tác xã thành phố để cùng kiểm tra.

. Đối với việc giải quyết các khiếu nại, khiếu tố của xã viên, người lao động trong Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã thì do Ủy ban nhân dân quận, huyện giải quyết theo thẩm quyền và theo luật định ; trong trường hợp phức tạp và cần thiết cần tham khảo thêm ý kiến của Liên minh Hợp tác xã thành phố và các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể thành phố có liên quan.

Điều 12. Chế độ kiểm tra tài chính ở Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã :

Việc kiểm tra và thanh tra tài chính tại các Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã do các Sở, Ban, Ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ trì (theo phân cấp) có kết hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố thực hiện. Bao gồm :

. Kiểm tra, thanh tra định kỳ được tiến hành theo quy định của pháp luật về việc sử dụng tài chính, chế độ báo cáo kế toán thống kê... tại các Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã, có thông báo trước cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

. Thanh tra đột xuất về tài chính, chế độ báo cáo kế toán thống kê... của cơ quan quản lý Nhà nước để giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khiếu tố về tài chính... tại các Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã, không báo trước cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã nhưng có kết hợp với các Hợp tác xã.

CHƯƠNG IV :

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị cần phản ánh kịp thời về Liên minh Hợp tác xã thành phố để báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bổ sung, sửa đổi./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ